

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỀN TÂM

**NIỆM PHẬT
THẬP YẾU**

念佛十要

Mục Lục

Niệm Phật Thập Yếu:

Niệm Phật phải vì thoát sanh tử

Niệm Phật phải phát lòng Bồ Đề

Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi

Niệm Phật phải quyết định nguyện Vãng sanh

Niệm Phật phải hành trì cho thiết thật

Niệm Phật phải đoạn tuyệt phiền não

Niệm Phật phải khắc kỳ cầu chứng nghiệm

Niệm Phật phải bền lâu không gián đoạn

Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên

Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung

Lời Phi Lộ

Bản thảo quyển này vừa viết xong, có vài ba đại đức hỏi mượn luân phiên nhau xem, rồi cất vắn:

- Chúng tôi thấy chư vị hoằng dương về Thiền Tông, dường như có ý bài xích Tịnh Độ. Chẳng hạn như trong quyển Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất có câu: "Niệm Phật, tụng kinh đều là vọng tưởng." Còn trong đây lại bảo: "Môn Tịnh Độ hợp thời cơ, gồm nhiếp ba căn, kiêm thông cả Thiền, Giáo, Luật, Mật." Xem ra cũng dường như có ý cho Tịnh Độ là độc thắng, sự việc ấy như thế nào?

Đáp: - Không phải thế đâu? Mỗi môn đều có tông chỉ riêng. Các bậc hoằng dương tùy theo chỗ lập pháp của mình, bao nhiêu phương tiện thuyết giáo đều đi về những tông chỉ ấy. Như bên Thiền lấy: 'Chỉ thẳng lòng người, thấy tánh thành Phật' làm tông chỉ. Tịnh Độ môn lấy: 'Một đời vãng sanh, được Bất Thối chuyển' làm tông. Bên Hoa Nghiêm lấy: 'Lìa thế gian nhập pháp giới' làm tông. Thiên Thai giáo lấy: 'Mở, bày, ngộ vào tri kiến Phật' làm tông. Bên Tam Luận lấy: 'Lìa hai bên, vào Trung Đạo' làm tông. Pháp Tướng môn lấy: 'Nhiếp muôn pháp về Chân Duy Thức' làm tông. Mật giáo lấy: 'Tam mật tương ứng, tức thân thành Phật' làm tông. Và Luật môn lấy: 'Nhiếp thân ngữ ý vào Thi La Tánh' làm tông.

Cho nên, lời nói bên Thiền ở trên, không phải bác Tịnh Độ, hay bác niệm Phật tụng kinh, mà chính là phá sự chấp kiến về Phật và Pháp của người tu. Nếu niệm Phật và tụng kinh là thấp kém sai lầm, tại sao từ Đức Thích Tôn cho đến chư Bồ Tát, Tổ Sư đều ngợi khen khuyên dạy tụng kinh, niệm Phật? Nên biết, Vĩnh Minh thiền sư, tướng truyền là hóa thân của Phật A Di Đà, mỗi ngày đều tụng một bộ Pháp Hoa. Lại, Phổ Am đại sư cũng nhân tụng kinh Hoa Nghiêm mà được ngộ đạo. Sự thuyết giáo bên Tịnh Độ cũng thế, không phải bác phá Thiền Tông, chỉ nói lên chỗ đặc sắc thiết yếu của bản môn, để cho học giả suy xét tìm hiểu sâu rộng thêm, mà tùy thích tùy cơ, chọn đường thú nhập.

Lại, mỗi môn tuy tông chỉ không đồng, nhưng đều là phương tiện dẫn chung về Phật Tánh. Như một đô thành lớn có tám ngõ đi vào, mà nẻo nào cũng tập trung về đô thị ấy. Các tông đại khái chia ra làm hai, là Không môn và Hữu môn. Không môn từ phương tiện lý tánh đi vào. Hữu môn từ phương tiện sự tướng đi vào. Nhưng đi đến chỗ tận cùng thì dung hội tất cả, sự tức lý, lý tức sự, tánh tức tướng, tướng tức tánh, nói cách khác: "Sắc tức là không, không tức là sắc, không và sắc chẳng khác nhau." Cho nên khi xưa có một vị đại sư tham Thiền ngộ đạo, nhưng lại mật tu về Tịnh Độ. Lúc lâm chung, ngài lưu kệ phó chúc cho đại chúng, rồi niệm Phật sắp vãng sanh. Một vị thiền giả bỗng lên tiếng hỏi: "Cực Lạc là cõi hữu vi, sao tôn đức lại cầu về làm chi?" Đại Sư quát bảo: "Người nói vô vi

ngoài hữu vi mà có hay sao?" Thiền giả nghe xong chợt tỉnh ngộ. Thế nên Thiền và Tịnh đồng về một mục tiêu. Hữu môn cùng Không môn tuy dường tương hoại mà thật ra tương thành cho nhau vậy.

Đến như nói: 'Tịnh Độ hợp thời cơ, gồm nhiếp ba căn, kiêm thông cả Thiền, Giáo, Luật, Mật', chính là lời khai thị của chư cổ đức như: Liên Trì, Triệt Ngộ, Ngẫu Ích, Kiên Mật. Các đại sư này là những bậc long tượng trong một thời, sau khi tham thiền ngộ đạo, lại xướng minh về lý mầu của Tịnh Độ pháp môn. Như Triệt Ngộ đại sư, trong tập Ngũ Lục, đã bảo: 'Một câu A Di Đà, tâm yếu của Phật ta. đọc quán suốt năm thời, ngang gồm thấu tám giáo'. Và Kiên Mật đại sư sau khi quán sát thời cơ, trong Tam Đại Yếu, cũng bảo: "Đời nay tham thiền chẳng nên không kiêm Tịnh Độ, phòng khi chưa chứng đạo bị thối chuyển, há chẳng kinh sợ lạnh lòng? Một câu A Di Đà, nếu không phải là bậc thượng căn, đại triệt, đại ngộ, tất không thể hoàn toàn đề khởi. Nhưng với câu này, kẻ hạ căn tối ngu vẫn chẳng chút chi kém thiếu!" Thế nên, thuốc không quý tiện, lành bệnh là thuốc hay; pháp chẳng thấp cao, hợp cơ là pháp diệu. Tịnh Độ với Thiền Tông thật ra chẳng thấp cao hơn kém. Nhưng luận về căn cơ thì Thiền Tông duy bậc thượng căn mới có thể được lợi ích; còn môn Tịnh Độ thì gồm nhiếp cả ba căn, hạng nào nếu tu cũng đều dễ thành kết quả. Luận về thời tiết thì thời mật pháp này, người trung, hạ căn nhiều, bậc thượng căn rất ít, nếu muốn đi đến thành quả giải thoát một cách chắc chắn, tất phải chú tâm về Tịnh Độ

pháp môn. Đây do bởi lòng đại bi của Phật, Tổ, vì quán thấy rõ thời cơ, muốn cho chúng sanh sớm thoát nỗi khổ luân hồi, nên trong các kinh luận đã nhiều phen nhắc nhở. Điều này là một sự kiện rất quan yếu và hết sức xác thật!

Tuy nhiên, như trong kinh nói: chúng sanh sở thích và tánh dục có muôn ngàn sai biệt không đồng, nên chư Phật phải mở vô lượng pháp môn mới có thể thâm nhiếp hết được. Vì vậy Tịnh Độ tuy hợp thời cơ, song chỉ thích ứng một phần, không thể hợp với sở thích của tất cả mọi người, nên cần phải có Thiền Tông và các môn khác, để cho chúng sanh đều nhờ lợi ích, và Phật Pháp được đầy đủ sâu rộng. Cho nên dù đã tùy căn cơ, sở thích của mình mà chọn môn Tịnh Độ, thâm ý bút giả vẫn mong cho Thiền Tông và các môn khác được lan truyền rộng trên đất nước này. Và các môn khác, nếu đem lại cho chúng sanh dù một điểm lợi ích nhỏ nhen nào, bút giả cũng xin hết lòng tùy hỷ. Tóm lại, Hữu môn và Không môn nói chung, Thiền Tông và Tịnh Độ nói riêng, đồng cùng đi về chân tánh, tuy hai mà một, đều nương tựa để hiển tỏ thành tựu lẫn nhau, và cũng đều rất cần có mặt trên xứ Việt Nam, cho đến cả thế giới.

Mấy vị đại đức sau khi nghe xong đều tỏ ý tán đồng. Nhân tiện, bút giả lại trần thuật bài kệ của Tây Trai lão nhơn để kết luận, và chứng tỏ người xưa cũng đã từng đồng quan điểm ấy:

Tức tâm là độ lý không ngoa
Tịnh khác Thiên đâu, vẫn một nhà
Sắc hiển trang nghiêm miền Diệu Hữu
Không kiêm vô ngại cõi hằng sa
Trời Tây sáng đẹp màu châu ngọc
Nguyện Phật bao la đức hải hà
Ngoảnh lại đường tu, ai sớm tỉnh?
Nỗi thương ác đạo mãi vào ra!

Thích Thiền Tâm cần chí

Thứ Độ và Chương Yếu

Thứ độ trong quyển này, chia thành Chương, Mục, Tiết, Đoạn khác nhau, mỗi Chương có nhiều Mục, mỗi Mục có nhiều Tiết, và mỗi Tiết có nhiều Đoạn.

Về Chương chỉ có mười, ghi số thứ tự La Mã (I-II-III) từ Độ Nhất Yếu đến Độ Thập Yếu.

Về Mục, ghi số thứ tự theo A-B-C.

Về Tiết, ghi số thứ tự 1-2-3, nhưng lại tiếp tục quán thông từ đầu đến cuối quyển, diễn thành từ số 1 cho đến số 72. Tuy sắp thành Chương, Mục, Tiết, Đoạn, nhưng Tiết mới chính là đơn vị, và thành phần cốt cán của toàn quyển. Và quyển này là sự kết hợp thành phần của 72 Tiết chung góp lại.

Về Đoạn, không nêu chữ Đoạn, bởi nó chỉ có tánh cách gây niệm chú ý, hoặc sự phân biệt trong mỗi Tiết, nên bút giả đánh dấu bằng ngôi sao (*), đôi khi cũng ghi theo số thứ tự 1-2-3. Nhưng đây chỉ là số ít, không có tánh cách quán xuyên thành số nhiều như thứ tự của Tiết. Và đó là điểm khác biệt.

Niệm Phật Thập Yếu, theo nhan đề là mười điều thiết yếu của môn Niệm Phật hay của người tu pháp Niệm Phật. Mười điều này sẽ diễn thành mười chương theo như trên đã nói.

Mười chương ấy như sau:

1. Niệm Phật phải vì thoát sanh tử.
2. Niệm Phật phải phát lòng Bồ Đề.
3. Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi.
4. Niệm Phật phải quyết định nguyện vãng sanh.
5. Niệm Phật phải hành trì cho thiết thật.
6. Niệm Phật phải đoạn tuyệt phiền não.
7. Niệm Phật phải khắc kỳ cầu chứng nghiệm.
8. Niệm Phật phải bền lâu không gián đoạn.
9. Niệm Phật phải an nhẫn các chướng duyên.
10. Niệm Phật phải dự bị lúc lâm chung.

Chương I

Đệ Nhất Yếu

Niệm Phật

Phải Vì Thoát Sanh Tử

Khải đề:

Nhìn gấm đường trần đầy khổ nhọc
Lòng tưởng Tây Phương cõi Thiên Trúc
Đầu non trắng sáng tiếng chuông ngân
Canh khuya cầm quyền Lăng Nghiêm đọc.

Mục A.

Môn Tịnh Độ, Một Pháp Hợp Thời Cơ

Tiết 1: Bắc Phương Phật Giáo Với Nhân Duyên Tịnh Độ

Theo thông lệ ở Thiên môn Việt Nam, vào thời khóa đầu hôm, chư Tăng Ni các Chùa đều tụng Kinh A Di Đà, tiếp theo niệm hồng danh của Tây Phương Tam Thánh (Di Đà, Quán Âm, Thế Chí). Và hàng Phật tử xuất gia hoặc tại gia, khi gặp người đồng đạo, đều chấp tay chào mừng bằng "A Di Đà Phật".

Pháp môn Niệm Phật, quả thật đã ứng hợp với thời cơ, với bản hoài của Phật mà âm thầm đi sâu vào tiềm

thức Phật tử Việt Nam. Chẳng những tại đất nước này, mà ở Trung Hoa, Triều Tiên, nơi nào có Phật Giáo lưu hành, là nơi đó hầu hết hàng Phật tử đều không quên câu niệm Phật. Phật Giáo đồ ở Nhật Bản cũng có truyền thoại như sau: "Mật Tông và Thiên Thai Tông để cho hàng quý phái, Thiền Tông cho võ sĩ đạo, và Tịnh Độ Tông cho hạng bình dân." Mà bình dân là hạng chiếm đa số.

Xem thế thì biết ở các xứ Bắc Tông Phật Giáo, những người xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà chiếm phần tối đa.

Nhưng tại sao lại có sự kiện như thế?

Tiết 2: Những Huyền Ký Về Tịnh Độ

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thích Tôn có lời huyền ký: "Đời tương lai kinh đạo diệt hết, ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh này (Vô Lượng Thọ Kinh) trong khoảng một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ" (Đương lai chỉ thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bá tuế. Kỳ hữu chúng sanh trị tứ kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ. - Vô Lượng Thọ Kinh).

Nơi Kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã bảo: "Trong đời mạt pháp, ước ước người tu hành, ít có kẻ nào đắc đạo, chỉ nương theo pháp môn Niệm Phật mà thoát luân

hồi" (Mạt pháp ước ước như tu hành, hân như đắc đạo, chỉ y Niệm Phật pháp môn, đắc liễu sanh tử. - Đại Tập Kinh).

Ngài Thiên Như thiên sư, sau khi đắc đạo cũng đã khuyên dạy: "Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa địa ngục" (Mạt pháp chi hậu, chư kinh diệt tận, chỉ lưu A Di Đà Phật tứ tự cứu độ chúng sanh. Kỳ bất tín giả, ưng đọa địa ngục. – Thiên Như ký ngữ). Bởi đời mạt pháp về sau khi các kinh đều ẩn diệt, chúng sanh căn cơ đã yếu kém, ngoài câu niệm Phật, lại không biết pháp môn nào khác để tu trì. Nếu không tin câu niệm Phật mà tu hành, tất phải bị luân hồi. Và trong nẻo luân hồi, việc lành khó tạo, điều ác dễ làm, nên sớm muộn gì cũng sẽ bị đọa địa ngục.

Ấn Quang pháp sư, một bậc cao tăng cận đại ở Trung Hoa, cũng đã bảo: "Thời mạt pháp đời nay, chúng sanh nghiệp nặng tâm tạp. Nếu ngoài môn Niệm Phật mà tu các pháp khác, nơi phần gieo trí huệ phước đức căn lành thì có, nơi phần liễu thoát luân hồi trong hiện thế thì không." Tuy có một vài vị cao đức hiện những kỳ tích phi thường, song đó đều là những bậc Bồ Tát nương theo bản nguyện mà làm mô phạm để dẫn dắt chúng sanh đời mạt pháp, như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nhưng các vị ấy cũng chỉ vừa theo trình độ chúng sanh mà thị hiện ngộ đạo chỗ không phải chứng đạo. Chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ,

tuy ít người tu chứng được Niệm Phật Tam Muội như khi xưa, nhưng có thể nương theo nguyện lực của mình và bản nguyện của Phật A Di Đà, mà đời nghiệp vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Khi về cõi ấy rồi thì không còn luân hồi, không bị thối chuyển, lần tu tập cho đến lúc chứng quả Vô Sanh.

Những lời huyền ký như trên cho chúng ta thấy pháp môn Niệm Phật rất hợp với nhân duyên thời tiết, và trình độ căn cơ chúng sanh đời nay. Vì thế đức Như Lai mới dùng nguyện lực bi mẫn lưu trụ Kinh Vô Lượng Thọ để khuyến hóa về môn Niệm Phật. Lại, chư Bồ Tát, Tổ Sư cũng khởi lòng hoằng nguyện thương xót, tùy theo thời cơ, chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ để cứu vớt chúng sanh.

Do những sức nguyện ấy, mà môn Tịnh Độ được phổ cập trong phần đông quần chúng.

Tiết 3: Sự Chuyển Hướng Từ Thiền Sang Tịnh

Từ xưa, môn Thiền Trúc Chi rất thịnh hành ở Trung Hoa, Triều Tiên và Nhật Bản. Nước Việt Nam ta dân tánh giàu về trực giác, lại được ảnh hưởng bởi Phật Giáo Trung Quốc, nên khi xưa Thiền Tông hầu như ở ngôi vị độc tôn. Nhất là vào đời Lý, Trần, tăng ni có cả nửa thiên hạ và hầu hết đều tu Thiền. Thời ấy Phật Giáo ở Việt Nam cực thịnh, nhiều cảnh già lam tăng chúng vân tập rất đông. Bởi thế nên mới có lời truyền

ngũ: "Tăng phòng tam thiên ốc, sai tảo thất thập phu." Câu này nói lên sự hưng thịnh của Phật Giáo bấy giờ qua ý nghĩa: "Phòng chư tăng nhiều tới ba ngàn gian, mỗi buổi sáng phải dùng đến bảy mươi người mới quét dọn kịp."

Nhưng cơ duyên cũng theo thời mà chuyển biến. Ở Trung Hoa từ đời Tống về sau, chư tôn túc như các ngài: Nhất Nguyên, Thiên Như, Ngẫu Ích, Triệt Ngộ, Liên Trì... sau khi tham ngộ Thiền Tông, quán xét thời cơ, vì lòng thương xót lợi sanh, hết sức hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Sự lần lần chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh khởi sanh từ lúc đó. Khi ấy có rất nhiều vị thiền đức khác tuy bề ngoài truyền bá tông Thiền, nhưng bên trong lại mật tu Tịnh Độ, để bảo đảm không thoái đạo. Đây có thể gọi là thời kỳ Thiền Tịnh song hành. Cho nên trong một ngôi chùa trước kia chỉ có Thiền Đường, bây giờ lại thêm Niệm Phật Đường để cung ứng cho chư tăng tu tập. Bắt đầu từ đời **Nguyên**, Minh, Thanh về sau, thế lực của Thiền Tông lần suy kém, bởi ít người tu chứng. Trái lại, môn Niệm Phật lại lần chiếm ưu thế, tăng tục nhiều kẻ tu Tịnh Độ được vãng sanh. **Bấy** giờ tuy Thiền Tông vẫn lưu hành, nhưng trên thật tế chính là thời kỳ Tịnh Độ đã nắm quyền hướng dẫn. Bởi ảnh hưởng đó mà ở Việt Nam, môn Niệm Phật hầu như phổ cập. Sau này do ảnh hưởng của sự chấn hưng Phật Giáo trong nước và sự hoằng hóa của chư Tăng Ni du học từ Nhật Bản và các xứ Nam Tông Phật Giáo trở về, Thiền Tông Việt Nam có lẽ sẽ tái phục. Nhưng sự thật phần đông hành

giả duy hợp tu về Giáo như Chỉ Quán Thiền, hoặc Tứ Thiền Bát Định, chỗ khó nổi tham cứu thoát đầu thật hành môn Thiền Trục Chỉ của bên Tông như thuở xưa.

Có kẻ bảo: Căn tánh của ta vị tất chẳng bằng cổ nhơn, chỉ tại ta tự khinh nên không cố gắng. - Sự tự lực cố gắng tuy lúc nào cũng đáng khuyến khích, nhưng lời này thật ra không đúng. Nếu căn tánh phần đông chẳng kém, tại sao Phật nói có ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp? Và tại sao trong các kinh khác cũng nói đến năm thời kiên cố, từ Chánh Pháp Kiên Cố cho đến Đấu Tranh Kiên Cố? Và lại, tam tạng kinh điển thời nay tăng thêm nhiều và đầy đủ hơn xưa, tại sao người tu chứng tuyệt ít? Có phải do thời nay căn cơ của quần chúng phần đông đều yếu kém chăng?

Ấn Quang đại sư bảo: "Như mùa Hạ mặc áo vải, mùa Đông mặc áo bông; sự tu hành cũng thế, không thể trái thời tiết cơ duyên được. Dù đức Đạt Ma tổ sư tái hiện ngay lúc này, nếu muốn hợp thời cơ để cứu độ chúng sanh mau được giải thoát, cũng không có pháp nào hơn môn Niệm Phật." Thế nên nếu thuyết pháp không hợp cơ, tất chúng sanh bị chìm trong biển khổ (Thuyết pháp bất đậu cơ, chúng sanh một khổ hải). Kính khuyên các bậc đồng nhơn, tuy tu môn khác, cũng nên lấy Tịnh Độ làm chỗ chỉ quy. Còn như nếu thấy mai trắng chẳng kém cúc vàng, bút giả cũng xin hết lòng tùy hỷ!

Mục B.

Môn Tịnh Độ Với Vấn Đề Sinh Tử.

Tiết 4: Niệm Phật Thế Nào Mới Hợp Với Bản Ý Của Phật?

Như trên đã nói, ở các xứ thuộc Bắc Phương Phật Giáo, người niệm danh hiệu Phật A Di Đà chiếm phần tối đa. Riêng tại Việt Nam, trong hàng tăng, tín chẳng những có nhiều người tu theo pháp môn Niệm Phật, mà một vài giáo phái tuy không phải đạo Phật, nhưng họ cũng niệm hồng danh đức giáo chủ ở Tây Phương. Song xét ra, số người niệm Phật tuy nhiều mà kẻ không rõ mục đích của sự trì niệm cũng chẳng ít. Vì vậy sự niệm Phật của họ không hợp với bản ý của đức Thế Tôn. Thử kiểm điểm lại, ta sẽ thấy:

Có những vị đi chùa thấy người niệm Phật cũng bắt chước niệm theo, hoàn toàn không chủ định. Hành động này tuy cũng gieo căn lành phước đức về sau, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

Có những vị niệm Phật nguyện cho tiêu tai khỏi nạn, cầu gia đình khỏe mạnh bình yên, việc sinh hoạt càng ngày thêm thịnh vượng. Nguyện cầu như thế cũng tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

Có những vị đời sống gặp nhiều cảnh không vừa ý, sanh nổi u buồn phiền chí, niệm Phật cầu cho mình hiện tại và kiếp sau không còn gặp cảnh ấy nữa, sẽ

được xinh đẹp vinh hoa, mọi việc đều thuận lợi như ý. Cầu như thế cố nhiên vẫn tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

Có những vị cảm thấy cuộc sống trần gian không điều chi hứng thú, cho sang giàu quyền thế cũng còn nhiều lo lắng khổ tâm. Họ hy vọng dùng công đức niệm Phật để kiếp sau được sanh lên cõi trời, sống lâu nhàn vui tự tại. Cầu như thế cũng là điều tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

Lại có những vị, nghĩ mình tội chướng đã nhiều, trong một kiếp này dễ gì giải thoát, nên niệm Phật cầu cho kiếp sau chuyển nữ thành nam, xuất gia tu hành, làm bậc cao tăng ngộ đạo. Cầu như thế có thể gọi là xuất cách, nhưng còn thiếu trí huệ và đức tin, cũng không hợp với bản ý của Phật.

Vậy niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật?

Đức Thế Tôn thấy rõ pháp hữu vi đều vô thường, tất cả chúng sanh vẫn sẵn đủ đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng do bởi mê bản tâm nên tạo ra nghiệp hoặc, mãi chịu sống chết luân hồi. Dù cho được sanh lên cõi trời, khi hưởng hết phước rồi, cũng bị sa đọa. Vì thế, bản ý của đức Thế Tôn muốn cho chúng sanh do nơi pháp môn Niệm Phật, sớm thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi.

Chư Phật trong nhiều a tăng kỳ kiếp đã từng huân tu phước huệ, nếu kẻ nào xưng niệm hồng danh của Như Lai, sẽ được vô lượng vô biên công đức. Lại, đức A Di Đà Thế Tôn đã lập thệ: "Nếu chúng sanh nào niệm danh hiệu của Ngài cầu về Cực Lạc, kẻ ấy khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, chứng lên ngôi Bất Thối chuyển." Dem công đức vô lượng của sự Niệm Phật, mong cầu những phước lợi nhỏ nhen ở cõi người, cõi trời mà không cầu vãng sanh giải thoát có khác chi trẻ thơ đem hạt châu ma ni vô giá đổi lấy viên kẹo để ăn? Như thế thật là phí uổng không xứng đáng chút nào! Lại nguyện lực của Phật rất lớn, người nào nghiệp chướng dù nặng mà chí tâm niệm Phật ngay một đời này cũng được tiếp dẫn vãng sanh. Cầu đời sau làm cao tăng ngộ đạo, là thiếu trí huệ và đức tin, làm sao bảo đảm bằng hiện đời sanh về Tây Phương, thành bậc Bồ Tát ở ngôi Bất Thối Chuyển? Cho nên bản ý của đức Thế Tôn là muốn cho chúng sanh niệm Phật để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, và sự giải thoát ấy lại có thể thật hiện ngay trong một kiếp.

Nhưng tại sao chúng ta cần phải thoát vòng sống chết luân hồi?

Đó là vì ở trong nẻo luân hồi chúng ta xác thật đã chịu nhiều nỗi thống khổ lớn lao. Nếu người học Phật mà không để tâm như thật quán sát nỗi thống khổ ấy, thì dù học Phật cũng không được kết quả tốt, bởi không có tâm lo sợ cầu thoát ly. Kinh nói: "Nếu tâm lo sợ khó

sanh, tất lòng thành khó phát." Đức Thế Tôn khi xưa thuyết pháp Tứ Diệu Đế cho năm người nhóm ông Kiều Trần Như, trước tiên đã nói về Khổ Đế, vẫn không ngoài ý này. Vậy chúng ta thử y theo thuyết Khổ Đế của đức Phật đã chỉ dạy, mà quán sát nỗi thống khổ của kiếp người. Như thế ta sẽ có được một quan niệm rõ hơn: "Tại sao mình lại cần phải mau thoát vòng luân hồi sanh tử?"

Tiết 5: Tám Mối Khổ Lớn

Trong Khổ Đế của đức Thế Tôn thuyết minh, có tám điều. Nỗi khổ của kiếp người vẫn vô cùng, mà tám điều này giữ phần cương lĩnh.

Điều thứ nhất là Sanh Khổ, tức chỉ cho nỗi khổ trong cái sanh. Loài người khi ở trong thai đã có tình thức. Do có tình thức nên có sự cử động cảm xúc. Khi mẹ ăn thức lạnh vào, cảm thấy như ở trong giá băng; lúc ăn thức nóng vào, cảm thấy như bị nung đốt. Thai nhi sống trong chỗ chật hẹp tối tăm nhơ nhớp, vừa lọt lòng đã kêu khóc oa oa. Rồi từ đó khi lạnh, nóng, đói, khát, muỗi kiến cắn đốt, chỉ biết kêu khóc mà thôi. Huệ nhãn của Phật thấy rõ những chi tiết ấy, nên Ngài xác nhận là khổ. Nếu như Sanh không khổ thì khi lọt lòng trẻ đã chẳng kêu khóc oa oa. Vì thế, cổ đức đã than:

Vừa khỏi bào thai lại nhập thai.
Thánh nhơn trông thấy động bị ai!

Huyền thân xét rõ toàn nhơ nhớp.
Thoát phá mau về tánh bản lai.

Điều thứ hai là Lão Khổ, tức sự khổ trong lúc tuổi già. Con người khi già rồi, các căn đều suy yếu, mắt mờ, tai lảng, lưng mỏi, chân run, ăn thấy kém ngon, ngủ không thẳng giấc, trí nhớ chẳng còn minh mẫn, làn da khô nhăn, răng lún lún đau nhức, chuyển rưng. Dù cho bậc thanh niên tuấn nhã, hay trang thiếu nữ tiên dung, khi đến tuổi này âu cũng:

Bao vẻ hào hoa đâu thấy nữa.
Một thân khô kiệt nghĩ buồn tênh!

Lắm kẻ tuổi già lờ lẩn, khi ăn mặc, lúc đại tiểu đều nhơ nhớp, con cháu dù thân, cũng sanh nhàm chán. Kiếp người dường như kiếp hoa, luật vô thường chuyển biến khi đã đem đến cho hương sắc, nó cũng đem đến cho vẻ phai tàn. Xét ra cái già thật không chi vui, thân người thật không chi đáng luyến! Vì thế đức Phật mới bảo: già là khổ!

Điều thứ ba là Bệnh Khổ, tức sự khổ trong cơn đau yếu. Có thân là có bệnh, từ những thứ bệnh nhẹ thuộc ngoại cảm, đến các chứng bệnh nặng của nội thương. Có người vướng phải những bệnh nan y như: lao, cùi, ung thư, bại xuội. Trong cảnh ấy, tự thân đã đau đớn, lại tốn kém hoặc không có tiền thuốc thang, chính mình bị khổ lụy, lại gây thêm khổ lụy cho người quyến

thuộc. Đó là trên khổ mà gia thêm khổ! Nỗi khổ về bệnh là sự hiển nhiên, chúng ta rất dễ nhận thức.

Điều thứ tư là Tử Khổ, tức sự khổ trong lúc chết. Mọi người đều muốn sanh thuận, tử an, nhưng việc ấy rất khó được, mà khi chết phần nhiều sắc thân lại bị bệnh khổ hành hạ đau đớn.

Thân đã như thế, tâm thì hãi hùng lo sợ, tham tiếc ruộng vườn của cải, buồn rầu phải lìa bỏ thân nhơn, muôn mối dập dồn, quả thật là khổ. Đề cập đến chữ Chết mấy ai đã muốn nghe, nói chi là ưa thích.

Điều thứ năm là Ái Biệt Ly Khổ, tức sự khổ khi xa lìa người thân yêu. Điều này trong hoàn cảnh chiến tranh, ta càng thấy rõ. Biết bao gia đình chịu cảnh kẻ Bắc, người Nam. Biết bao thanh niên phải dấn thân nơi trận mạc, người ở nhớ thương, kẻ đi sầu thảm. Đó chỉ là cái khổ sanh ly. Lại biết bao kẻ tuổi hầy còn xuân, tử thần cướp đi người yêu quý, phải chịu cảnh góa bụa bơ vơ. Rồi lại những kẻ cha mẹ, anh em, con cái bị đạn bom tử nạn. Còn biết bao trẻ em quyến thuộc đều chết, thiếu tình thân mật, sống vất vưởng nơi làng cô nhi! Đây là nỗi khổ về tử biệt. Cho nên trong thời buổi này, biển nhớ sông thương đã sâu dài, mà núi hận trời sầu cũng cao rộng! Cảnh sanh ly tử biệt với người thân yêu, quả thật là khổ!

Điều thứ sáu là Oán Tắng Hội Khổ, tức sự khổ về oan gia hội ngộ. Bị những kẻ đối nghịch thù oán ở gần bên

gièm pha nói xấu, phá phách mưu hại, làm cho ta phải bức tức khó nhẫn, lo sợ không yên, là một điều khổ. Lại còn nhiều gia đình, cha mẹ anh em hoặc vợ chồng không đồng ý kiến, thường có sự tranh cãi giận ghét buồn phiền lẫn nhau. Đó khác nào sự gặp gỡ trong oan gia, đâu có chi là hạnh phúc!

Điều thứ bảy là Cầu Bất Đắc Khổ, tức sự khổ về mong cầu không toại ý. Trong đời sống, con người có rất nhiều ước vọng mong cầu. Đại khái như nghèo muốn cho giàu, xấu muốn cho đẹp, không con muốn cho có con, có con muốn cho nó nên người thông minh hiểu thuận. Ngàn muôn ước vọng như thế, cầu mong mà không toại ý, đó là nỗi khổ.

Điều thứ tám là Ngũ Ấm Thạnh Khổ, tức sự khổ về năm ấm hừng thạnh. Năm ấm là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc ấm thuộc về thân, bốn ấm kia thuộc về tâm. Nói một cách đơn giản: Đây tức là sự khổ về thân, tâm. Điều thứ tám này bao quát bảy món khổ trước: thân thì sanh, già, bệnh, chết, đói, khát, nóng, lạnh, vất vả nhọc nhằn; tâm thì buồn, giận, lo, thương, trăm điều phiền lụy. Khi xưa thái tử Sĩ Đạt Ta dạo chơi bốn cửa thành thấy cảnh già - bệnh - chết, Ngài là bậc trí lực sâu xa, cảm thương đến nỗi khổ của kiếp người, nên bỏ hoàng cung tìm phương giải thoát. Trái lại, những kẻ trí tánh dung thường, xét nghĩ cạn cợt, không biết suy tư về cái khổ, nên hằng lấy khổ làm vui. Có kẻ, nếu nói Sanh là khổ; họ bảo: "Khi sanh ra tôi không biết chi, nên chẳng thấy khổ!" Nếu nói Già

là khổ; họ bảo: "Hiện tại tôi chưa già!" Nếu nói Bệnh là khổ; họ bảo: "Từ trước tới giờ tôi thường khoẻ mạnh, rất ít đau yếu, nếu có bệnh cũng chỉ xoàng thôi, không thấy chi là khổ!" Nếu nói Chết là khổ; họ bảo: "Cái chết chưa đến, biết đâu đó như là một giấc ngủ yên?" Nếu nói Thương chia lìa là khổ; họ bảo: "Gia quyến tôi vẫn đoàn tụ vui vẻ, không có sự biệt ly!" Nếu nói Oán gặp gỡ là khổ; họ bảo: "Tôi đâu có làm gì để ai oán ghét mưu hại?" Nếu nói Cầu không được là khổ; họ bảo: "Cuộc sống của tôi đầy đủ như ý, không cần mong cầu chi khác." - Thế thì kẻ ấy không có khổ ư? - Họ có khổ, tức là sự khổ về năm ấm, hay thân tâm đều sung thịnh. - Thân tâm cường kiện sung thịnh sao lại khổ? - Chúng ta thử xem trên xã hội này, những án như: bắn giết, cướp bóc, hiếp dâm, đánh chém nhau. Các án tích ấy, một phần do hạng người nhàn rỗi, thân tâm quá sung mãn đầy đủ, họ bị những kích thích về tâm lý, sinh lý, ngồi đứng không yên, vô sự sanh sự, gây nên những việc hung tàn. Như hiện nay từ Âu Mỹ đến Việt Nam, rất nhiều kẻ sống theo trào lưu cuồng loạn, say đắm theo rượu mạnh, nhảy nhót, hút cần sa hoặc chích ma túy, dâm dật, buôn lậu, ưa vũ thoát y hoặc nhạc kích động, ăn chơi đủ cách, cho đến thích nguy hiểm, bạo hành. Thân và Tâm của họ không yên, như ngọn lửa phừng cháy gây nên nhiều lỗi lầm tội ác, để rồi phải chịu khổ. Đó chính là cái khổ "Năm ấm hừng thịnh."

Tám điều trên đây gọi là Bát khổ. Tám món khổ này chỉ là đại cương, nội dung của nó còn bao gồm nhiều

mỗi khổ khác. Chúng ta thử quán sát mình và người, phải chăng đã chịu ít nhiều trong Bát khổ? Người học Phật nếu biết suy tư đến tám mỗi khổ lớn của nhơn sanh, có thể gọi là đã đến gần với đạo vậy.

Mục C.

Biết Khổ Phải Ý Thức Đến Sự Giải Thoát

Tiết 6: Quán Về Sự Khổ Luân Hồi

Chúng sanh hết kiếp này sang kiếp khác sống chết luân hồi, xuống lên trong sáu cõi. Đó là: cõi trời, cõi người, cõi A Tu La, cõi bàng sanh, cõi ngạ quỷ, và cõi địa ngục. Bát khổ tuy các loài khác cũng có ít nhiều, nhưng nó là trọng tâm của nỗi khổ ở cõi người. Cõi trời tuy vui vẻ hơn nhơn gian, nhưng cũng còn tướng ngũ suy và những điều bất như ý. Cõi A Tu La bị sự khổ về gây gỗ, tranh đua. Cõi bàng sanh như loài trâu, bò, lừa, ngựa bị sự khổ chở kéo nặng nề. Loài dê, lợn, vịt, gà, thì bị sự khổ về banh da xẻ thịt. Các loài khác chịu sự khổ về ngu tối; nhớ nhớt ăn nuốt lẫn nhau. Ở cõi ngạ quỷ chúng sanh thân thể hôi hám xấu xa, bụng lớn như cái trống, cuống họng nhỏ như cây kim, miệng phục ra lửa chịu đói khát trong ngàn muôn kiếp. Còn cõi địa ngục thì vạc dầu, cột lửa, hầm băng giá, non gươm đao, sự thống khổ không thể tả xiết. Bốn cõi rốt sau này, trong kinh gọi là Tứ Ác Thú. Từ cõi A Tu La, theo chiều xuống, nỗi khổ ở mỗi cõi cứ tuần tự gấp bội hơn lên. Trong sáu cõi, chúng sanh sống chết xoay vần hết nơi này đến nơi kia, như bánh

xe chuyển lăn không đầu mối. Đại khái sanh lên cõi trời cõi người thì khó và ít, đọa xuống Tứ Ác Thú rất dễ và nhiều. Người xưa đã than:

Lục đạo xoay vần không mối hở.
Vô thường xô đến vạn duyên buông!

Khi còn tại thế, một hôm đức Phật dùng móng tay vít lên chút đất, rồi hỏi A Nan: "Đất ở móng tay ta sánh với đất ở miền đại địa, cái nào nhiều hơn?" Ngài A Nan đáp: "Bạch Thế Tôn! Đất của miền đại địa nhiều hơn đất của móng tay vô lượng phần không thể thí dụ!" Phật bảo: "Cũng thế, A Nan! Chúng sanh sanh lên cõi trời người, như đất ở móng tay, đọa xuống ác thú, như đất của miền đại địa!" Thí dụ trên là những tiếng chuông mai để cho người tu xét suy tỉnh ngộ.

Nhiều kẻ không tin thiên đường, địa ngục, nhưng các cõi ấy xác thật là có, trong kinh đức Phật đã chỉ bày rành rẽ, chỉ vì mắt phàm không thấy biết mà thôi. Gần đây nhật báo có đăng nhiều chuyện thuộc phần siêu linh, chẳng hạn như việc ông Hai Huệ bị bắt xuống âm ty. Lại cô Ba Cháo Gà ở chợ Vòng Nhỏ tại Định Tường cũng tường trình việc hình phạt ở âm phủ trong quyển Địa Ngục Ký. Đây có lẽ là chư Thiện Thần vì thấy người trần thế chìm trong biển tham sân si, nên dùng quyền cơ đưa người xuống địa ngục, để khi trở về nhơn gian thuật lại cho quần chúng biết đường tội phước, mà dứt dứt làm lành.

Tóm lại, ba cõi đều vô thường, các pháp hữu vi không có chi là vui (Tam giới giai vô thường. Chư hữu vô hữu lạc - Kinh Pháp Hoa). Người niệm Phật phải cầu sanh về Tây Phương để thoát vòng sống chết luân hồi; lần lần tu chứng đến cảnh thường, lạc, ngã, tịnh của Niết Bàn, chớ không nên cầu sự phước lạc hư giả ở thế gian. Niệm Phật như thế mới hợp với mục đích giải thoát, với tâm từ bi cứu khổ ban vui của đức Thế Tôn. Và muốn được như vậy hành giả phải thường quán sát suy tư về Bát Khổ của kiếp người cho đến nỗi khổ vô tận vô biên trong sáu cõi. Nếu chẳng quán như thế, thì tâm cầu giải thoát khó sanh, ý nguyện về Tây Phương không thiết, làm sao ngày kia bước lên bờ Giác, dùng con thuyền Bát Nhã độ khắp bến mê? Khi xưa đức Phật đã than: "Trong đời mạt pháp, các đệ tử ta chỉ đeo đuổi theo bên ngoài, ít ai quan niệm đến vấn đề sanh tử!" Không tha thiết đến sự liễu thoát sanh tử là vì thiếu tri giác, do bởi không thiết thật quán xét nỗi khổ trong kiếp luân hồi. Những người này chẳng những phụ ơn Phật, mà cũng phụ cả chính mình, thật đáng tiếc thương đau xót!

Tiết 7: Muốn Sớm Thoát Khổ, Nên Tu Tịnh Độ

Nhiều vị học Phật, vì ưa chuộng huyền lý cao siêu, cho môn Niệm Phật là của ông già bà cả, hạng căn cơ thấp kém. Nhưng họ đâu biết Tịnh Độ là cửa môn thâm diệu đi sâu vào Phật tánh, là con thuyền chí bảo để

mau thoát khỏi luân hồi. Cho nên có những bậc thượng căn vì chưa nhận thức Tịnh Độ, mà mãi bị trầm trệ trong nẻo mê tân. Và có kẻ căn tánh chỉ tầm thường, nhưng do tu Tịnh Độ mà sớm bước lên đường giải thoát. Xin thuật ra đây đôi chuyện để chư học giả so sánh.

Đời Đường bên Trung Hoa, nơi chùa Hương Sơn đất Lạc Dương có sư Thích Giác Không. Sư nguyên tục tánh họ Tề, người ở Ngô Quận. Thuở còn nhỏ ông nghèo khổ, tuy học hành siêng năng nhưng ít ghi nhớ. Lớn lên, ưa làm thi văn song chỉ tầm thường. Ông hay đi lại vùng Ngô, Sở yết kiến hàng hầu bá, nhưng không được sự giúp đỡ bao nhiêu. Khi có tiền đầy xâu thì sanh đau yếu, tiền hết bệnh mới lành.

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa, ông dạo chơi xứ Tiên Đường, gặp năm mất mùa, nghĩ đến chùa Thiên Trúc để cầu thực. Nhưng vừa đi tới phía tây Cô Sơn Tự, ông đói quá không thể tiến bước nổi, liền lại ngồi bên bờ suối tuyết, rơi lệ ngâm vài câu bi phần. Thoạt có vị Phạn tăng theo dòng suối đến ngồi nhìn ông mỉm cười hỏi: "Pháp Sư đã nếm đủ hương vị lữ du chưa?" Ông đáp: "Hương vị lữ du có thể gọi đã nếm đủ, nhưng bị nhơn tục danh là Quân Phòng, đã từng làm pháp sư đâu?" Phạn tăng nói: "Ông không nhớ lúc giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đông Đức hay sao?" - Đáp: "Tôi từ khi sanh thân đến nay đã bốn mươi lăm tuổi, hằng bàng hoàng nơi vùng Ngô, Sở, chưa từng để bước đến kinh đô, đâu lại có chuyện giảng kinh ở miền Lạc

Trung như thế?" Phạn tăng bảo: "Chắc ông bị lửa đói thiêu đốt, nên quên cả việc xưa rồi!" Nói xong, liền lần trong đây lấy ra một quả táo lớn ước bằng nắm tay, trao cho và bảo: "Quả táo này sản xuất ở nước của ta, bậc thượng trí ăn vào biết rõ việc quá khứ vị lai; người hạ căn cũng có thể nhớ được chuyện kiếp trước." Ông tiếp lấy quả táo ăn xong, vốc nước suối uống, thoát mờ mệt muốn ngủ, liền tựa đầu, gối vào đá mà nằm. Giây phút tỉnh dậy, nhớ tiền thân làm pháp sư giảng kinh, cùng những bạn đồng tu, rõ rệt như việc ngày hôm qua, nhân rơi lệ hỏi rằng: "Chấn Hòa Thượng bây giờ ở đâu?" Phạn tăng đáp: "Công chuyên tinh chưa tới mức, nên chuyển sanh làm vị tăng ở đất Tây Thục, nay cũng đã dứt được vọng duyên." Lại hỏi: "Thần thượng nhơn và Ngộ pháp sư hiện thời ra sao?" Đáp: "Thần thượng nhơn túc duyên trả chưa xong. Còn Ngộ pháp sư bởi đứng trước tượng đá Chùa Hương Sơn phát nguyện giỡn: 'Nếu kiếp này tu không chứng đạo, thân sau nguyện là bậc quý thần', nên hiện đã sanh làm Đại Tướng. Trong năm người bạn vân thủy khi xưa, duy ta được giải thoát, ba vị kia thì như thế, riêng người còn đói khổ nơi đây!" Ông thương khóc nói: "Tôi kiếp trước hơn bốn mươi năm, ngày chỉ ăn một bữa, thân duy đắp một y, việc **thế** tục quyết dứt căn nguyên, cố sao còn kém phước để đến nỗi hôm nay phải ra người đói khổ?" Phạn tăng đáp: "Khi xưa ông ngồi trên pháp tòa hay nói nhiều việc dị đoan, khiến cho thính chúng sanh lòng nghi hoặc, lại giới hạnh còn có chỗ kém khuyết, nên phải bị báo ứng như hôm nay." Nói đoạn, lấy trong bát

ra một chiếc gương hai bề đều trong suốt, bảo rằng: "Việc đã qua ta không làm sao hơn được, nhưng ông muốn biết số phận sang, hèn, thọ, yếu về tương lai, cho đến việc đạo pháp hưng, suy, nên nhìn vào sẽ rõ." Ông tiếp lấy gương xem hồi lâu rồi giao lại tạ rằng: "Sự báo ứng, lẽ vinh khô, nhờ ơn đức của Ngài, nay đã biết được." Phạn tăng cầm gương cất vào bát, nắm tay ông cùng đi, độ mười bước liền biến mất.

Đêm ấy, ông vào chùa Linh Ẩn xin xuất gia, hiệu là Giám Không, sau khi thọ giới Cụ Túc liền đi du phương tu hành, sự khổ tiết, cao hạnh ai cũng khen ngợi. Về sau Giám Không thiên sư gặp ông Liễu Sính ở chùa Thiên Trúc, tự trần thuật tiền nhân và bảo: "Tôi sống được bảy mươi bảy, tăng lạp ba mươi hai, nay chỉ còn chín năm nữa là thọ số mãn. Sau khi tôi tịch, Phật pháp còn được như ngày hôm nay chăng?" Sính nghe nói lạ, gạn hỏi. Sư không đáp, chỉ đòi bút viết mấy hàng nơi vách bắc lầu Tàng Kinh như sau: "Hưng hạt cát, suy cát sông Hằng. Thỏ đã bị lưới, chó vồ sắn. Trâu cọp giao tranh sừng với răng. Ánh hoa đèn vẫn sáng nghìn năm." Đây là lời tiên tri của Sư. Câu trước nói về đạo pháp sẽ suy. Câu thứ hai chỉ cho sự phá đạo rất tàn khốc. Câu thứ ba ghi rõ thời gian hủy pháp ở vào năm Ất Sửu tiếp qua Bính Dần. Câu sau cùng nói: Tuy nhiên Phật pháp vẫn còn, ánh đạo không bị hủy diệt. Lời sấm trên ứng vào việc phá Phật pháp của Đường Võ Tông. Ông vua này đã ra lệnh hủy hoại bốn mươi bảy ngàn ngôi chùa, ép buộc hơn hai mươi vạn

bảy ngàn tăng ni hoàn tục. (Trích Cao Tăng truyện, thiên Cảm Thông, tập 3).

Đời Nguyên bên Trung Hoa, vào năm Canh Ngọ niên hiệu Chí Thuận ở vùng Triết Tây bị thất mùa liên tiếp. Trong thành Hàng Châu, dân chúng đói chết nằm ngổn ngang đầy đường. Mỗi buổi sáng, quan phòng chánh muốn người khiêng tử thi chở đem bỏ xuống hang núi, sau tháp Thái Hòa. Trong số tử thi có thấy một bà lão hơn mười hôm không hôi thúi, ngày nào cũng tự trôi lên nằm trên các cây chết khác. Chúng lấy làm lạ, giòng giầy kéo đem lên, soát trong người thấy có túi vải đựng ba bức đồ niệm công cử A Di Đà Phật. Việc này truyền đến quan Hữu Tư, Ngài cho mua quan quách tần liệm và đem ra thiêu hóa. Khi củi đốt lên, trong khói lửa hiện ra tượng Phật, Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ. Do nhân duyên đó, rất nhiều người phát tâm niệm Phật (Trích Sơn Am Tập Lục).

Xem sự tích trên, ta thấy như ngài Giám Không kiếp trước từng làm giảng chủ; phù tục đã dứt căn nguyên, tu trì cũng nhiều tinh khổ, nhưng vì chưa chứng quả lại còn chút tỳ vết, nên phải chuyển thân làm kẻ sĩ đời khát khốn cùng. Kiếp xưa năm bạn đồng tu, chỉ một mình Phạn tăng được giải thoát.

Ngoài ngài Giám Không lại còn sự tích cao tăng Viên Quán, do chưa sạch nghiệp, nên không thoát khỏi bào thai của nàng Vương Thị. Truyện Tỳ Khưu Pháp Vân từng làm đại pháp sư, nhân vì tham lợi dưỡng, sèn

Phật pháp, nên bị đọa làm thân trâu. Truyện ngài Hải Ấn cũng thuộc hàng danh tăng, vì thọ người cúng dường, phải chuyển sanh làm con gái cho nhà thí chủ. Truyện ngài Mạt Sơn lai lịch phi phạm, nhưng bởi túc nghiệp từ vô lượng kiếp phát hiện, nên luân hồi làm kẻ ngu khờ, ghét người tu niệm. Truyện ngài Đoạn Nghĩa Nhai tham thiền đã được khai ngộ, kiếp sau chuyển sanh làm tăng, được người lễ bái cúng dường, tham hưởng phước mà quên đường giải thoát. Truyện đệ tử của ngài Tuyết Học Thành Công, thiền định đã tỏ suốt nguồn tâm, bởi chưa đắc đạo nên thân sau làm ông Sư thông minh, động tâm xa hoa, kiêu mạn, rồi từ đó không nghiệp ác gì chẳng làm. Truyện một ni cô tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, vì tâm còn chưa dứt niệm sắc thính, nên kiếp sau đọa làm thân ca kỹ, tiếng thanh, sắc đẹp, nơi miệng thường bay ra mùi thơm hoa sen. Truyện vị cao tăng non Nhạn Đẳng, bởi chưa chứng đạo, kiếp sau là Tần Cối, do tiền căn đã có công tu niệm nên thông minh đồ cao, làm quan đến ngôi cực phẩm, song vì mê quyền quý, tạo điều gian ác để nhiều kiếp đọa tam đồ.

Xem truyện tích xưa, còn biết bao trường hợp như thế nữa! Qua các gương trên, ta thấy nếu tự lực tu hành, khi chưa được nghiệp sạch tình không, lúc tái sanh tất phải mê muội, mười người đã rớt hết tám chín. Còn như bà lão niệm Phật, tuy dốt đạo lý, chẳng hiểu chút chi về Tông, về Giáo, nhưng nhờ thành tâm niệm Di Đà mà sau khi chết diễn ra nhiều điều kỳ lạ, đã chứng minh bà lão vãng sanh về Cực Lạc không còn nghi

ngờ. Cho nên tham thiền, tụng kinh cùng tu các môn khác là những điều quý báu nên làm, và đáng khuyến khích. Nhưng giữa thời mạt pháp này, cần phải tu thêm môn Niệm Phật, rồi đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây Phương, mới bảo đảm khỏi luân hồi **sa đọa**. Nếu không lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng, thì công đức tu các môn khác chỉ gây căn lành phước báo, và nhân duyên đắc độ về sau mà thôi. Như thế, e cho khi chuyển sanh hôn mê tạo nghiệp phải bị trầm trệ lâu trong cảnh khổ luân hồi. Mấy ai thông minh như Ngô Đạt quốc sư, mười kiếp làm cao tăng tu thiền định, kiếp sau rốt mới mười bốn tuổi đã giảng suốt Kinh Niết Bàn. Nhưng vì một niệm đam mê trước tòa trầm hương nên bị tức báo ghê mặt người, sau trở lại niệm Phật mới được vãng sanh giải thoát. Những vị ỷ mình cao minh, ngoài miệng nói suốt lý huyền, chỉ trọng tự lực khinh thường niệm Phật, cũng nên xem gương trên mà để tâm suy nghĩ.

Chương II Đệ Nhị Yếu

Niệm Phật Phải Phát Lòng Bồ Đề

Khải Đề:

Ba cõi không an dưỡng hỏa trạch
Đâu miền chân lạc khỏi tang thương?
Người vô thường,
Cảnh vô thường!
Khuyên gọi cùng nhau tỉnh mộng
Quay về bể giác thanh lương.
Khởi lòng bi trí
Nguyện độ mười phương.
Ba tăng kỳ kiếp tu muôn hạnh
Bền lòng không thối chuyển
Cầu ngôi vị Pháp Vương!

Mục A. Luận Về Bồ Đề Tâm

Tiết 8: Ý Nghĩa Của Bồ Đề Tâm

Đem công đức niệm Phật để cầu phước lợi nhỏ nhen ở thế gian, tất không hợp với bản hoài của Phật, cho nên hành giả phải vì sự thoát ly khỏi vòng sống chết luân hồi mà niệm Phật. Nhưng nếu vì giải thoát riêng cho mình mà tu niệm, cũng chỉ hợp với bản hoài của Phật

một ít phần mà thôi. Vậy bản hoài của Phật, cứu cánh là như thế nào? - Bản hoài đích thật của đức Thế Tôn, là muốn cho tất cả chúng sanh đều thoát vòng sanh tử, đều được giác ngộ như Ngài. Cho nên người niệm Phật cần phải phát Bồ Đề tâm.

* Bồ Đề nghĩa là Giác. Trong ấy có ba bậc: Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, và Phật Bồ Đề. Đây là chỉ cho quả giác ngộ của hàng Thanh Văn, quả giác ngộ của hàng Duyên Giác và quả giác ngộ của Phật. Người niệm Phật phát Bồ Đề tâm, chính là phát tâm cầu quả giác ngộ của Phật; quả vị ấy cùng tột không chỉ hơn, siêu cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, nên gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Tâm này gồm hai chủng tử chính, là từ bi và trí huệ, hay phát xuất công năng độ thoát mình và tất cả chúng sanh.

Xác nhận lại, Bồ Đề tâm nói ở đây, chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm tức là chỉ cho Phật Bồ Đề, chứ không phải Thanh Văn hoặc Duyên Giác Bồ Đề tâm.

* Kinh nói: "Bồ Đề tâm làm nhân, đại bi làm căn bản, phương tiện làm cứu cánh." Ví như người đi xa, trước tiên phải nhận định mục tiêu sẽ đến, phải ý thức chủ đích cuộc hành trình bởi lý do nào, và sau cùng dùng phương tiện hoặc xe, thuyền, hay phi cơ mà khởi tiến. Người tu cũng thế, trước tiên phải lấy quả Vô Thượng Bồ Đề làm mục tiêu cứu cánh; lấy lòng đại bi lợi mình lợi sanh làm chủ đích thật hành; và kế đó là tùy sở thích căn cơ lựa chọn các pháp môn hoặc Thiền, hoặc

Tịnh, hoặc Mật làm phương tiện tu tập. Phương tiện với nghĩa rộng hơn, còn là trí huệ quyền biến tùy cơ nghi, áp dụng tất cả hạnh thuận nghịch trong khi hành đạo Bồ Tát. Cho nên Bồ Đề tâm là mục tiêu cần phải nhận định của hành giả, trước khi khởi công hạnh huân tu. Vì thế, chương trước đã đề cập sự thiết yếu của môn Niệm Phật cùng chủ đích cầu thoát sanh tử của môn này, chương tiếp đây lại cần ghi nhận Bồ Đề tâm là tiêu điểm cuối cùng phải đi đến. Đức Thế Tôn thuở xưa khi thuyết về Tứ Đế, đáng lẽ trước tiên phải nói Tập Đế là nguyên do, nhưng Ngài lại sắp Khổ Đế lên hàng đầu, là muốn trình bày quả khổ cho chúng sanh dễ nhận thấy để sanh lòng lưu ý kinh sợ, rồi sau mới tìm xét đến nguyên ủy cội nguồn. Cũng thế, nơi đây bút giả tuân theo ý kiến tiên đức, trước tiên nêu môn Niệm Phật cầu giải thoát làm vấn đề cấp thiết, rồi sau mới luận đến Bồ Đề tâm.

Kinh Hoa Nghiêm bảo: "Nếu quên mất tâm Bồ Đề mà tu các pháp lành, đó là nghiệp ma." Lời này xét ra rất đúng. Ví như người cất bước khởi hành mà chẳng biết mình sẽ đến đâu, và đi với mục đích gì, thì cuộc hành trình chẳng thành quanh quẩn, mỗi mệt, cùng vô ích lắm ư? Người tu cũng thế, nếu dụng công khổ nhọc mà quên sót mục tiêu cầu thành Phật để lợi mình lợi sanh, thì bao nhiêu hạnh lành chỉ đem đến kết quả hưởng phước nhưn thiên, chung cuộc vẫn bị chìm mê quanh quẩn trong nẻo luân hồi, chịu vô biên nỗi khổ. Như vậy chẳng là nghiệp ma còn là gì? Thế thì phát

lòng Vô Thượng Bồ Đề để lợi ích mình và chúng sanh, phải ghi nhận là điểm phát tâm rất cần yếu.

Tiết 9: Bồ Đề Tâm Với Môn Tịnh Độ

* Phật pháp theo sự tùy hóa, thông thường có hai cấp bậc là Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa nói những pháp thấp nhỏ, trọng tâm hướng về mục tiêu gấp cầu liễu sanh tử cho chính mình, và chỉ đi đến quả vị A La Hán hoặc Duyên Giác. Đại Thừa nói các pháp rộng lớn, hướng về hoằng nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, và đi đến quả vị Toàn Giác của Như Lai. Pháp môn Niệm Phật thuộc về Đại Thừa, nên chẳng những đi về chiều hướng tự độ mà còn kiêm cả độ tha.

Đạo Phật du nhập vào Trung Hoa, trải qua sự hoằng dương của chư vị Tổ Sư, kết quả lập thành mười tông. Trong đó có hai tông thuộc về Tiểu Thừa là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông. Nhưng căn tánh của người Trung Hoa không hợp với pháp Tiểu Thừa, nên không bao lâu hai tông này đều bị tàn tạ. Còn tám tông kia thì thuộc về Đại Thừa, gồm có Thiên Thai Tông, Hiền Thủ Tông, Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Luật Tông, Thiền Tông, Mật Tông và Tịnh Độ Tông. Môn hoằng dương của Tịnh Độ Tông là pháp Niệm Phật. Nếu pháp môn này chỉ giảng thuyết về sự tự độ, thì e đã bị tiêu mòn như hai tông Tiểu Thừa kia từ lâu rồi. Nước Việt Nam ta là một bán đảo thuộc miền duyên hải, dân tánh có chiều hướng hoạt động suy tư rộng, nên phần lớn thích hợp với Đại Thừa. Nên từ xưa đến

nay, tại đất nước này, Thiên Tông và Tịnh Độ đã chiếm phần ưu thắng.

* Luận về pháp, những pháp nào đi đến Phật quả cứu cánh, giảng thuyết rộng về giới ngoại và sự lợi tha, đó là pháp Đại Thừa. Trái lại, chính là pháp Tiểu Thừa. Nhưng điểm chủ yếu để phân định Tiểu Thừa hay Đại Thừa, là thuộc về tâm chỗ không phải pháp. Nếu dùng pháp Tiểu Thừa hoằng hóa làm phương tiện để dẫn đến Phật quả thì đó chính Đại Thừa. Chẳng thế, khi đức Như Lai giảng dạy về Tiểu Thừa giáo, Ngài cũng là hạng Tiểu Thừa hay sao? Vì lẽ ấy cho nên người niệm Phật cần phải chú trọng về chỗ phát tâm, tức là phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Môn Niệm Phật đã thuộc về pháp Đại Thừa nếu hành giả tu theo môn này lại phát đại Bồ Đề tâm nữa, thì tâm và pháp đều được toàn vẹn, sẽ đi đến quả Viên Giác kiêm cả tự lợi lợi tha. Nếu phát tâm như thiên thừa mà niệm Phật, thì môn Niệm Phật thành pháp như thiên. Người niệm Phật mà phát tâm như thế, chỉ hưởng được sự sang quý ở cõi người cõi trời, khi phước báo hết, lại chịu luân hồi sa đọa. Nếu phát tâm Tiểu Thừa mà niệm Phật, thì môn Niệm Phật thành pháp Tiểu Thừa. Người niệm Phật mà phát tâm này, thì chỉ được quả giác thấp kém không viên mãn của Thanh Văn, Duyên Giác, lại còn phạm lỗi nhỏ hẹp thiếu lòng từ bi, duy biết lo giải thoát cho mình, không đoái đến bao nhiêu chúng sanh đau khổ khác. Cho nên niệm Phật cần phải phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Lời tục thường nói: "Sai một ly, đi ngàn dặm." Người niệm Phật tu hành đối với điểm

phát tâm có chính xác cùng không, há chẳng phải là một điều đáng chú ý lắm ư?

Mục B.

Những Công Hạnh Của Bồ Đề Tâm

Tiết 10: Làm Thế Nào Để Phát Lòng Bồ Đề

Phát Bồ Đề tâm như trên đã nói, có thể tóm tắt trong bốn điều hoằng thệ là:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.
Phiền não vô tận thệ nguyện dứt.
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Nhưng không phải chỉ nói suông: "Tôi phát Bồ Đề tâm", là đã phát tâm, hay mỗi ngày tuyên đọc bốn điều hoằng thệ, gọi là đã phát Bồ Đề tâm. Muốn phát Bồ Đề tâm, hành giả cần phải quán sát để phát tâm một cách thiết thật, và hành động đúng theo tâm nguyện ấy trong đời tu của mình. Có những Phật tử xuất gia, tại gia, mỗi ngày sau khi tụng kinh niệm Phật đều quì đọc bài hồi hướng: "Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não...", nhưng rồi trong hành động thì trái lại: nay tham lam, mai hờn giận, một si mê biếng trễ, bữa kia nói xấu chê bai chỉ trích người, đến bữa khác lại có chuyện tranh cãi gây gổ, buồn ghét nhau. Như thế, tam chương làm sao tiêu, phiền não làm sao trừ được? Chúng ta phần nhiều chỉ tu theo hình thức ít

chú trọng đến chỗ khai tâm, thành thử lửa tam độc vẫn cháy hừng, không hưởng được hương vị thanh lương giải thoát của đức Phật đã chỉ dạy. Cho nên ở đây lại cần đặt vấn đề: "Làm thế nào để phát Bồ Đề tâm?" Muốn cho lòng Bồ Đề phát sanh một cách thiết thật, chúng ta nên suy tư quán sát để phát tâm theo sáu yếu điểm như sau:

* Điểm thứ nhất là Giác Ngộ Tâm. Chúng sanh thường chấp sắc thân này là ta, tâm thức có hiểu biết, có buồn giận thương vui là ta. Nhưng thật ra, sắc thân này giả dối, ngày kia khi chết đi nó sẽ tan về với đất bụi, nên thân tứ đại không phải là ta. Tâm thức cũng thế, nó chỉ là thể tổng hợp về cái biết của sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, như một người trước kia dốt, nay theo học chữ Việt, tiếng Anh, khi học thành, có cái biết về chữ Việt, tiếng Anh. Lại như một kẻ chưa biết Ba Lê, sau một dịp sang Pháp du ngoạn, thu thập hình ảnh của thành phố ấy vào tâm. Khi trở về bản xứ có ai nói đến Ba Lê, nơi tâm thức liền hiện rõ quang cảnh của đô thị ấy. Cái biết đó trước kia không, khi lịch cảnh thu nhận vào nên tạm có, sau bỏ lãng không nghĩ đến, lần lần nó sẽ phai lạt đến tan mất hẳn, trở về không. Cái biết của ta khi có khi không, hình ảnh này tiêu, hình ảnh khác hiện, tùy theo trần cảnh thay đổi luôn luôn, hư giả không thật, nên chẳng phải là ta. Cổ đức đã bảo: "Thân như bọt tụ, tâm như gió. Huyền hiện vô căn, không tánh thật." Nếu giác ngộ thân tâm như huyền, không chấp trước, lần lần sẽ đi vào cảnh giới "nhơn không" chẳng còn ngã tướng.

Cái ta của ta đã không, thì cái ta của người khác cũng không, nên không có nhơn tướng. Cái ta của mình và người đã không, tất cái ta của vô lượng chúng sanh cũng không, nên không có chúng sanh tướng. Cái ta đã không, nên không có bản ngã bền lâu, không thật có ai chứng đắc, cho đến cảnh chứng thường trụ vĩnh cửu của Niết Bàn cũng không, nên không có thọ giả tướng. Đây cần nên nhận rõ, chẳng phải không có thật thể chân ngã của tánh Chân Như thường trụ, nhưng vì thánh giả không chấp trước, nên thể ấy thành không.

Nhơn đã không, thì Pháp cũng không, vì sự cảnh luôn luôn đổi thay sanh diệt, không có tự thể. Đây lại cần nên nhận rõ chẳng phải các pháp khi hoại diệt mới thành không, mà vì nó hư huyền, nên đương thể chính là không, cả Nhơn cũng thế. Cho nên cổ đức đã bảo: "Cần chi đợi hoa rụng. Mới biết sắc là không" (Hà tu đãi hoa lạc. Nhiên hậu tri tri không).

Hành giả khi đã giác ngộ Nhơn và Pháp đều không, thì giữ lòng thanh tịnh trong sáng không chấp trước mà niệm Phật. Dùng lòng giác ngộ như thế mà hành đạo, mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

* Điểm thứ hai: là Bình Đẳng Tâm. Trong Khế Kinh, đức Phật khuyên dạy: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, là cha mẹ đời quá khứ và chư Phật đời vị lai." Chư Phật thấy chúng sanh là Phật, nên dùng tâm bình đẳng đại bi mà tế độ. Chúng sanh thấy chư Phật là chúng sanh, nên khởi lòng phiền não phân biệt ghét

khinh. Cũng đồng một cái nhìn, nhưng lại khác nhau bởi mê và ngộ. Là đệ tử Phật, ta nên tuân lời đức Thế Tôn chỉ dạy, đối với chúng sanh phải có tâm bình đẳng và tôn trọng, bởi vì đó là chư Phật vị lai, đồng một Phật tánh. Khi dùng lòng bình đẳng tôn kính tu niệm, sẽ dứt được nghiệp chướng phân biệt khinh mạn, nảy sanh các đức lành. Dùng lòng bình đẳng như thế mà hành đạo, mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

* Điểm thứ ba: là Từ Bi Tâm. Ta cùng chúng sanh đều sẵn đủ đức hạnh, tướng hảo trí huệ của Như Lai, mà vì mê chân tánh, khởi hoặc nghiệp nên phải bị luân hồi, chịu vô biên sự thống khổ. Nay đã rõ như thế, ta phải dứt tâm ghét, thương, phân biệt, khởi lòng cảm hối từ bi tìm phương tiện độ mình cứu người, để cùng nhau được an vui thoát khổ. Nên nhận rõ từ bi khác với ái kiến. Ái kiến là lòng thương yêu mà chấp luyến trên hình thức, nên kết quả bị sợi giây tình ái buộc ràng. Từ bi là lòng xót thương cứu độ, mà lìa tướng, không phân biệt chấp trước; tâm này thể hiện dưới đủ mọi mặt, nên kết quả được an vui giải thoát, phước huệ càng tăng.

Muốn cho tâm từ bi được thêm rộng, ta nên từ nỗi khổ của mình, cảm thông đến các nỗi khổ khó nhẫn thọ hơn của kẻ khác, tự nhiên sanh lòng xót thương muốn cứu độ, niệm từ bi của Bồ Đề tâm từ đó phát sanh. Đại khái như trong hoàn cảnh chiến tranh hiện nay, trẻ thơ phải nhờ cha mẹ nuôi dạy, mà cha mẹ lại bị tử nạn thành ra cô cút, bơ vơ. Lại như người già phải nhờ con

cái phụng dưỡng, mà con cái đều bị yếu vong, nên phải buồn đau cô khổ. Thấy những cảnh ấy, động lòng xót thương, muốn cứu độ, niệm từ bi của Bồ Đề tâm chưa phát bỗng tự phát sanh.

Những thanh niên thông minh khỏe mạnh, tương lai đầy hy vọng bỗng bị bom đạn làm cho tàn phế. Nhiều thiếu nữ đang hồi xuân sắc, người thân yêu nhờ cây bỗng bị tử thần cướp mất, khiến nổi lạc bước sa đọa, hoặc thành cảnh mẹ góa con cô, sanh kế sống còn của ngày mai mờ mịt. Thấy những cảnh ấy, động lòng xót thương muốn cứu độ, niệm từ bi của Bồ Đề tâm chưa phát bỗng tự phát sanh.

Có nhiều người đau yếu, mà vì vật giá cao quý, không tiền thuốc thang, thành ra kéo dài thân bệnh khổ qua năm tháng, đôi lúc lắm kẻ phải quyên sinh. Có những người nghèo nàn thất nghiệp, nay vợ đau, mai con bệnh, rách rưới lang thang, nợ nần đòi hỏi, hằng chịu đói lạnh qua ngày tháng, sống cũng lỗ mà chết chẳng xong. Lại có những kẻ mang nhiều tâm sự buồn khổ không bạn lành khuyên lớn giải thích; những kẻ mê tối tạo nghiệp không biết ngày mai mình sẽ khổ, không gặp Phật pháp để tìm đường lối thoát ly. Thấy những cảnh ấy, động lòng thương xót muốn cứu độ, niệm từ bi của Bồ Đề tâm chưa phát bỗng tự phát sanh.

Nói rộng ra, như trong kinh Hoa Nghiêm, ngài Phổ Hiền đã khai thị: "Bồ Tát quán sát chúng sanh không

nơi nương tựa mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh tánh chẳng điều thuận mà khởi đại bi, quán sát chúng sanh nghèo khổ không căn lành mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh ngủ say trong đêm dài vô minh mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh làm những điều ác mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh đã bị ràng buộc, lại thích lao mình vào chỗ ràng buộc mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh bị chìm đắm trong biển sanh tử mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh vương mang tật khổ lâu dài mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh không ưa thích pháp lành mà khởi đại bi. Quán sát chúng sanh xa mất Phật pháp mà khởi đại bi..."

Đã phát đại bi tâm tất phải phát đại Bồ Đề tâm thể nguyên cứu độ. Thế thì lòng đại từ bi và lòng đại Bồ Đề dung thông nhau. Cho nên phát từ bi tâm tức là phát Bồ Đề tâm. Dùng lòng đại từ bi như thế mà hành đạo, mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

* Điểm thứ tư là Hoan Hỷ Tâm. Đã có xót thương tất phải thể hiện lòng ấy qua tâm hoan hỷ. Hoan hỷ đây có hai thứ: tùy hỷ và hỷ xả. Tùy hỷ là khi thấy trên từ chư Phật, Thánh Nhơn, dưới cho đến các loại chúng sanh, có làm được công đức gì, dù là nhỏ mọn cũng vui mừng theo. Và khi thấy ai được sự phước lợi, hưng thịnh, thành công, an ổn, cũng sanh niệm vui vẻ mừng giùm. Hỷ xả là dù có chúng sanh làm những điều tội ác, vong ân, khinh hủy, hiểm độc, tổn hại cho người hoặc cho mình, cũng an nhẫn vui vẻ mà bỏ qua. Sự vui nhẫn này nếu xét nghĩ sâu, thành ra không thật

có nhãn, vì tướng người, tướng ta và tướng não hại đều không. Nên Kinh Kim Cang dạy: "Như Lai nói nhãn nhục Ba La Mật, tức chẳng phải nhãn nhục Ba La Mật, đó gọi là nhãn nhục Ba La Mật."

Lòng tùy hỷ trừ được chướng tật đồ nhỏ nhen. Lòng hỷ xả giải được chướng hận thù báo phục. Bởi tâm hoan hỷ không ngoài sự giác ngộ mà thể hiện, nên đó chính là lòng Bồ Đề. Dùng lòng hoan hỷ như thế mà hành đạo, mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

* Điểm thứ năm là Sám Nguyên Tâm. Trong kiếp luân hồi, mọi loài hằng đổi thay làm quyến thuộc lẫn nhau. Thế mà ta vì mê mờ lầm lạc, từ kiếp vô thủy đến nay, do tâm chấp ngã muốn lợi mình nên làm tổn hại chúng sanh, tạo ra vô lượng vô biên ác nghiệp. Thậm chí đến chư Phật, Thánh Nhơn, vì tâm đại bi ra đời thuyết pháp cứu độ loài hữu tình, trong ấy có ta, mà đối với ngôi Tam Bảo ta lại sanh lòng vong ân hủy phá. Ngày nay giác ngộ, ta phải hổ thẹn ăn năn, đem ba nghiệp chí thành sám hối. Đức Di Lặc Bồ Tát đã lên ngôi Bát Thối, vì muốn mau chứng quả Phật, mỗi ngày còn lễ sám sáu thời. Vậy ta phải đem thân nghiệp kính lễ Tam Bảo, khẩu nghiệp tỏ bày tội lỗi cầu được tiêu trừ, ý nghiệp thành khẩn ăn năn thề không tái phạm. Đã sám hối, phải dứt hẳn tâm hạnh ác không còn cho tiếp tục nữa, đi đến chỗ tâm và cảnh đều không, mới là chân sám hối. Lại phải phát nguyện, nguyện hưng long ngôi Tam Bảo, nguyện độ khắp chúng sanh, để chuộc lại lỗi xưa và đền đáp bốn ân nặng. Bốn ân đó

là: ân Tam Bảo, ân cha mẹ sư trưởng, ân thiện hữu tri thức, và ân chúng sanh.

Có tâm sám nguyện như vậy tội chướng mới tiêu trừ, công đức ngày thêm lớn, và mới đi đến chỗ phước huệ lưỡng toàn. Dùng lòng sám nguyện như thế mà hành đạo mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

* Điểm thứ sáu là Bất Thối Tâm. Dù đã sám hối phát nguyện tu hành, nhưng nghiệp hoặc ma chướng không dễ gì dứt trừ, sự lập công bồi đức thể hiện sáu độ muôn hạnh không dễ gì thành tựu. Mà con đường Bồ Đề đi đến quả Viên Giác lại xa vời đầy đầy gay go chướng nạn, phải trải qua hằng sa kiếp, đâu phải chỉ một hai đời? Ngài Xá Lợi Phất trong tiền kiếp chứng đến ngôi Lục Trụ, phát đại Bồ Đề tâm tu hạnh bố thí. Nhưng khi chịu khổ khoét một con mắt cho ngoại đạo, bị họ không dùng, liệng xuống đất rồi nhổ nước dãi, lấy chân chà đạp lên trên, Ngài còn thối thất Đại Thừa tâm. Thế thì ta thấy sự giữ vững tâm nguyện là điều không phải dễ! Cho nên hành giả muốn được đạo tâm không thối chuyển, phải lập thệ nguyện kiên cố. Thề rằng: "Thân này dầu bị vô lượng sự nhọc nhằn khổ nhục, hoặc bị đánh giết cho đến thiêu đốt nát tan thành tro bụi, cũng không vì thế mà phạm điều ác, thối thất trên bước tu hành." Dùng lòng Bất Thối chuyển như thế mà hành đạo, mới gọi là phát Bồ Đề tâm.

Sáu yếu điểm đã dẫn đại lược như trên, là sự kiện phải có của người phát Bồ Đề tâm. Nếu không y theo đây lập chí thiết thật tu hành, thì dù nói phát tâm chỉ là phát tâm suông, không thể nào đi đến Phật quả. Trước mặt chúng ta chỉ có hai đường: luân hồi và giải thoát. Đường giải thoát tuy có lắm nỗi gian nan, nhưng mỗi bước đi lần đến chỗ sáng suốt tự tại an vui. Đường luân hồi dù được tạm hưởng phước nhơn thiên, nhưng kết cuộc phải chuyển đến cảnh tam đồ ác đạo, sự khổ vô biên không biết kiếp nào ra khỏi. Vậy các vị đồng tu nên phát tâm mãnh tiến, bước thẳng lên đường sáng đại Bồ Đề. Cảnh muôn hoa đua nở nơi chân trời giải thoát sẽ đón chào các vị!

Tiết 11: Những Huấn Thị Về Bồ Đề Tâm

Về Bồ Đề tâm, trong nội điển có thuyết minh rất nhiều, nay chỉ xin trích lược ít đoạn nơi Kinh Hoa Nghiêm để chư vị đồng tu thể nhận:

* Nay thiện nam tử! Bạc Bồ Tát phát lòng Vô Thượng Bồ Đề là: khởi lòng đại bi cứu độ tất cả chúng sanh. Khởi lòng cúng dường chư Phật, cứu cánh thừa sự. Khởi lòng khắp cầu chánh pháp, tất cả không sên tiếc. Khởi lòng thú hưởng rộng lớn, cầu Nhứt Thiết Trí. Khởi lòng đại từ vô lượng, khắp nhiếp tất cả chúng sanh. Khởi lòng không bỏ rơi các loài hữu tình mặc áo giáp kiên thệ để cầu Bát Nhã Ba La Mật. Khởi lòng không siểm dối, vì cầu được trí như thật. Khởi lòng thật hành y như lời nói, để tu đạo Bồ Tát. Khởi lòng

không dối với chư Phật, vì gìn giữ thệ nguyện lớn của tất cả Như Lai. Khởi lòng nguyện cầu Nhứt Thiết Trí, cùng tận kiếp vị lai giáo hóa chúng sanh không dừng nghỉ. Bồ Tát dùng những công đức Bồ Đề tâm nhiều như số bụi nhỏ của cõi Phật như thế, nên được sanh vào nhà Như Lai.

* Nay thiện nam tử! Như người học bắn, trước phải tập thế đứng, sau mới học đến cách bắn. Cũng thế, Bồ Tát muốn học đạo Nhứt Thiết Trí của Như Lai, trước phải an trụ nơi Bồ Đề tâm, rồi sau mới tu hành tất cả Phật pháp. Thiện nam tử! Ví như vương tử tuy hãy còn thơ ấu, song tất cả đại thần đều phải kính lễ. Cũng thế, Bồ Tát tuy mới phát Bồ Đề tâm tu Bồ Tát hạnh, song tất cả bậc kỳ cựu hàng Nhị Thừa đều phải kính trọng nể vì. Thiện nam tử! Như thái tử tuy đối với quần thần chưa được tự tại, song đã đủ tướng trạng của vua, các bầy tôi không thể sánh bằng, bởi nhờ chỗ xuất sanh tôn quý. Cũng thế Bồ Tát tuy đối với tất cả nghiệp phiền não chưa được tự tại, song đã đầy đủ tướng trạng Bồ Đề, hàng Nhị Thừa không thể sánh bằng, bởi nhờ chủng tánh đứng vào bậc nhứt. Thiện nam tử! Như người máy bằng gỗ, nếu không có mấu chốt thì các thân phần rời rạc chẳng thể hoạt động. Cũng thế, Bồ Tát nếu thiếu Bồ Đề tâm, thì các hạnh đều phân tán, không thể thành tựu tất cả Phật pháp. Thiện nam tử! Như chất kim cương tất cả vật không thể phá hoại, trái lại có thể phá hoại tất cả vật, song thể tánh của nó vẫn không tổn giảm. Bồ Đề tâm của Bồ Tát cũng thế, khắp ba đời trong vô số kiếp, giáo

hóa chúng sanh, tu các khổ hạnh, việc hàng Nhị Thừa không thể làm đều làm được, song kết cuộc vẫn chẳng chán mỗi, giảm hư...

* Phổ Hiền Bồ Tát bảo: - Thiện nam tử! Bồ Tát vì điều phục giáo hóa tất cả chúng sanh nên phát Bồ Đề tâm. Vì trừ diệt khổ tụ cho tất cả chúng sanh, nên phát Bồ Đề tâm. Vì đem cho tất cả chúng sanh sự an vui đầy đủ, nên phát Bồ Đề tâm. Vì dứt trừ sự ngu tối cho tất cả chúng sanh, nên phát Bồ Đề tâm. Vì đem lại Phật trí cho tất cả chúng sanh, nên phát Bồ Đề tâm. Vì cung kính cúng dường tất cả chư Phật, nên phát Bồ Đề tâm. Vì tùy thuận lời dạy Như Lai khiến chư Phật hoan hỷ, nên phát Bồ Đề tâm. Vì muốn thấy sắc thân tướng hảo của tất cả chư Phật, nên phát Bồ Đề tâm. Vì muốn vào trí huệ rộng lớn của tất cả chư Phật, nên phát Bồ Đề tâm. Vì muốn hiển hiện các đức: lực, vô úy của chư Phật, nên phát Bồ Đề tâm.

* Như thế, trong Kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn và chư Bồ Tát đã thuyết minh rộng rãi về công đức của Bồ Đề tâm, trên đây chỉ lược trích một vài yếu điểm. Kinh văn cũng có nói: "Cửa yếu vào đạo, trước phải phát tâm. Việc yếu tu hành, trước nên lập nguyện."

Nếu không phát tâm rộng lớn, không lập nguyện bền chắc, thì dù trải qua vô lượng kiếp, vẫn y nhiên ở trong nẻo luân hồi; dù có tu hành cũng khó tinh tấn và chỉ luống công khổ nhọc. Do đó nên biết: muốn học Phật đạo, quyết phải phát Bồ Đề tâm không thể trì hoãn.

Bởi thế khi xưa Tỉnh Am đại sư đã soạn ra Phát Bồ Đề Tâm Văn để khuyến khích tứ chúng. Trong ấy, Ngài theo các tâm nguyện mà trình bày sự phát tâm thành tám cách: tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên. Xin tóm đại lược như sau:

1. Có những người tu không tham cứu tự tâm, chỉ biết theo bên ngoài, hoặc cầu danh lợi, đấm cảnh vui hiện tại, hay mong quả phước tương lai mà phát lòng Bồ Đề. Phát tâm như thế gọi là Tà.

2. Như chẳng cầu danh lợi, không tham cảnh vui cùng mong quả phước, chỉ vì thoát vòng sanh tử, lợi mình lợi sanh mà cầu đạo Bồ Đề. Phát tâm như thế gọi là Chánh.

3. Mỗi niệm trên vì cầu Phật đạo, dưới vì độ chúng sanh, nhìn đường Bồ Đề dài xa mà không khiếp, thấy loài hữu tình khó độ nhưng chẳng sờn. Tâm bền vững như lên núi quyết đến đỉnh, như leo tháp quyết đến chót. Phát tâm như thế gọi là Chân (thật).

4. Có tội lỗi không sám hối chừa cải, ngoài dường trong sạch, trong thật nhớt nhờn, trước tinh tấn sau biếng lười. Dù có tâm tốt nhưng còn xen lẫn lợi danh, có pháp lành song bị tội lỗi làm ô nhiễm. Phát tâm mà còn những điều này, gọi là Ngụy (dối).

5. Cõi chúng sanh hết, nguyên mới hết; đạo Bồ Đề thành, nguyên mới thành. Phát tâm như thế gọi là Đại.

6. Xem tam giới như tù ngục, sanh tử như oan gia; chỉ mong mình mau giải thoát, chẳng muốn độ người. Phát tâm theo quan niệm này, gọi là Tiểu.

7. Thấy chúng sanh và Phật đạo ở ngoài tự tánh, rồi nguyện độ nguyện thành, đường công hạnh chẳng quên, sự thấy hiểu không dứt. Phát tâm như thế gọi là Thiên (lệch).

8. Biết chúng sanh và Phật đạo đều là tự tánh, nên nguyện độ nguyện thành, tu công đức không thấy mình có tu, độ chúng sanh không thấy có chúng sanh được độ. Phát tâm như thế gọi là Viên (tròn).

Trong tám cách như trên, Tà, Ngụy, Thiên, Tiểu nên bỏ, Chân, Chánh, Viên, Đại nên theo. Được như thế mới gọi là phát Bồ Đề tâm đúng cách.

Trong văn, Tịnh Am đại sư lại khuyên đại chúng nên nghĩ đến mười nhân duyên để phát tâm. Mười duyên ấy là: vì nghĩ đến ơn Phật, vì công ơn cha mẹ, vì nhớ ơn sư trưởng, vì tưởng ơn tín thí, vì biết ơn chúng sanh, vì lo khổ sanh tử, tôn trọng tánh linh, vì sám trừ nghiệp chướng, vì hộ trì chánh pháp, vì cầu sanh Tịnh Độ. Nơi điều cầu Tịnh Độ, Ngài dẫn một lời Kinh A Di Đà và bảo: "Kinh Văn nói: 'Không thể dùng chút ít căn lành

phước đức nhân duyên được sanh về nước kia'. Thế thì biết, phải có nhiều căn lành phước đức mới được vãng sanh Cực Lạc. Nhưng nhiều căn lành không chỉ hơn phát Bồ Đề tâm, nhiều phước đức không chỉ hơn trì danh hiệu. Nhiếp tâm niệm Phật giây phút hơn bố thí nhiều năm, chân thật phát lòng Bồ Đề hơn tu hành nhiều kiếp. Giữ chắc hai nhân duyên này, quyết định được sanh Cực Lạc."

Qua những lời dạy của Phật, Bồ Tát, Tổ Sư ở trên, ta thấy phát Bồ Đề tâm là điều rất quan yếu trên đường hành đạo.

Mục C.

Ba Sự Kiện Thiết Yếu Đối Với Bồ Đề Tâm

Tiết 12: Đường Sanh Tử Nhiều Nguy Hiểm

* Đường vào vườn giác ngộ có nhiều cửa, hành giả trước tiên phải lấy tâm đại Bồ Đề làm khởi điểm chánh chân, rồi tùy căn cơ sở thích, muốn tu theo pháp môn nào cũng tốt. Trên đường tu, nếu luận về "căn cơ" thì môn Tịnh Độ bao gồm cả ba căn thượng, trung, hạ; chẳng những hạng phàm thượng, mà các bậc Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều nguyện vãng sanh. Nếu luận về "thời tiết" thì thời mạt pháp này chúng sanh phần nhiều tâm tạp chướng nặng, môn Tịnh Độ dễ thật hành, lại có thể trong một đời được vãng sanh giải thoát. Nhưng, nếu luận về sở thích, thì riêng môn Tịnh Độ không thể

thỏa mãn được hết mọi người, vì thế đức Như Lai mới nói nhiều pháp môn. Đại khái như những vị có tâm hùng tráng, ưa sự giản dị trực thiệp trong sáng, thì thích về Thiền Tông. Những vị ưa sự thần thông linh ứng kỳ bí, thích tu về Mật Tông. Những vị ưa lý luận, cần phân tích cho xác thật rành rẽ mới chịu tin tưởng làm theo, thích tu về Duy Thức Tông... Trong mỗi tông lại có nhiều chi tiết khác biệt, mà mỗi người hành trì không giống nhau.

Tuy nhiên, trong đời Mạt Pháp, hành giả đã phát đại Bồ Đề tâm thề độ mình độ sanh, mà muốn bảo đảm cho tâm ấy thành tựu không bị thối thất; dù tu các môn khác, cũng nên kiêm hành Tịnh Độ để cầu vãng sanh. Tại sao thế? Trong đây có ba sự kiện thiết yếu, xin tuần tự kể phần đại lược:

* Trong nẻo sống chết luân hồi, có nhiều hiểm nguy chướng nạn cho đường tu. Muốn thoát cảnh hiểm luân hồi để bảo đảm tâm Bồ Đề không thối thất, phải cầu sanh Tịnh Độ. Đây là sự kiện thiết yếu trước tiên, mà hành giả cần lưu ý.

* Tiên đức hằng nhắc: "Nếu tu mà không chuyên cầu giải thoát, thì sự tu nơi kiếp này là mối thù trong kiếp thứ ba." Sở dĩ có việc ấy, bởi kiếp thứ nhứt lo kham khổ tu hành, nên chuyển sanh qua kiếp thứ nhì được hưởng quả báo thông minh giàu sang quyền thế. Trong kiếp thứ hai này, do giàu sang nên dễ mê theo cảnh quyền quý, vợ đẹp con xinh, cùng các thú vui vật

chất nơi cõi trần. Đã nếm mùi dục lạc tất dễ sanh đắm nhiễm, càng đắm nhiễm càng đi đến chỗ sa đọa tối tăm, dám làm nhiều điều ác để củng cố lợi quyền và thỏa lòng tham vọng. Kiếp thứ nhì đã gieo nhân như thế, kiếp thứ ba làm sao khỏi bị đọa lạc tam đồ?

Có kẻ gạn: "Kiếp trước đã có công tu gieo nhân tốt, không lẽ sang kiếp thứ nhì trí huệ căn lành đều mất, để đến nỗi phải bị đọa hay sao?" - Xin đáp: "Căn lành tuy có, nhưng nghiệp ác từ vô lượng kiếp chưa phải đã tiêu trừ. Mà trong cảnh trần, việc lành rất khó làm như leo lên cây cao, điều ác rất dễ phạm như tuột xuống dốc lở." Người xưa đã chẳng bảo: "Trọn đời làm lành, lành còn chẳng đủ; một ngày làm ác, ác tự có dư" đó ư? Như những người giàu sang quyền thế mà chúng ta hiện thấy, kiếp trước họ đều có ít nhiều công đức bố thí tu phước làm lành, nhưng kẻ hưởng về nẻo thiện không bao nhiêu, người say đắm danh lợi vinh hoa lại chiếm phần đa số. Thử hỏi có mấy vị đồ cao quyền quý chịu xuất gia, sống một cuộc đời khắc khổ đạm bạc, hướng về mục đích giải thoát thanh cao? Ngay như người xuất gia, khi chưa có địa vị còn kham nhẫn tu hành, lúc đã được quyền danh, nhiều kẻ lễ bái tôn trọng cúng dường, lại dễ bị cảnh phù trần ràng buộc. Hiện tại ta thấy có biết bao hàng Tăng Ni thiện tín, trước còn tinh tấn hành trì, sau lần lần biếng trễ bỏ tu hoặc hoàn tục thôi đạo, nói chi đến kiếp sau?"

* Ở cõi người còn như thế, nếu sanh lên cõi trời cảnh vui ngũ dục quá nhiệm mầu, lại còn khó tu hơn nữa!

Đó là nói những vị có phước, còn những người ít phước sống một cuộc đời nghèo khổ quá cũng khó tu. Hoặc tuy vào hạng trung lưu, nhưng giữa đời này tà đạo đầy đầy; trong chánh pháp bậc thiện hữu tri thức khó gặp, nẻo đường giải thoát không phải dễ tìm! Đến như chúng sanh trong ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì việc tu niệm thật là khó đến muôn phần, vì các loài ấy ngu tối, thân tâm hằng ở trong cảnh khổ.

Kiếp luân hồi có nhiều hiểm nạn như thế, nếu không cầu sanh Tịnh Độ để thoát ly, tất khó bảo đảm tâm Bồ Đề không bị thối thất.

Tiết 13: Cần Giải Thoát Ngay Trong Hiện Kiếp

* Trong thời mạt pháp, nếu chỉ tu môn khác không kiêm cầu Tịnh Độ, tất khó giải thoát ngay trong một đời. Nếu đời này không được giải thoát bị mê trong nẻo luân hồi, thì tất cả tâm nguyện sẽ thành hư tưởng. Đây là sự kiện thiết yếu thứ hai, mà hành giả cần lưu ý.

Các hành giả tu theo những pháp môn khác, duy trọng về tự lực, lập tâm trường cửu, quan niệm mỗi đời cứ tiến tu, dù đời này không được giải thoát, trong những kiếp sau cũng sẽ thành đạo. Nhưng có một điều cần để ý, là liệu đời sau sẽ được bảo đảm chắc chắn cho ta tiếp tục tu nữa chăng? Bởi khi chưa là bậc đắc đạo, lúc chuyển sanh tất phải hôn mê, dễ quên tâm nguyện tu

hành kiếp trước. Nơi cảnh trần duyên tiến đạo thì ít, duyên thối đạo lại nhiều. Biết bao vị xuất gia lúc chuyển sanh không thể tiến tu, như các sự tích đã lược trần trong chương thứ nhứt.

Kinh nói: "Bồ Tát còn mê khi cách ăm, Thanh Văn còn muội lúc ra thai."

"Cách ăm" là trải cách từ ăm thân này sang ăm thân khác. Như thân hiện tại là tiền ăm, chuyển sanh thân kiếp sau gọi là hậu ăm; trải qua sự xen cách từ thân trước đến thân sau như thế, bậc Bồ Tát chưa đắc đạo phải bị hôn mê. Trong kinh, có nơi khác lại nói: "Hạng phàm thường khi nhập thai, trụ thai và xuất thai đều hôn mê. Bậc Chuyển Luân Thánh Vương do phước báo, lúc nhập thai thì biết, khi trụ thai, xuất thai phải bị hôn mê. Hàng Thanh Văn lúc nhập thai, trụ thai đều có thể tỉnh biết, song khi xuất thai lại hôn mê. Duy có bậc Bồ Tát chứng Vô Sanh Nhẫn, lúc nhập thai, trụ thai và xuất thai đều tỉnh giác." Đôi khi hạng phàm phu do nghiệp duyên đặc biệt cũng nhớ được kiếp trước, nhưng đây chỉ là trường hợp ít có trong muôn một. Hoặc đó là Bồ Tát thị hiện để cho chúng sanh biết có luân hồi, ngoài ra tất cả khi chuyển sanh đều bị mê muội. Khi đã hôn mê, thì bao nhiêu sự hiểu biết về đạo lý và những tâm nguyện nơi kiếp trước, đều vì vô minh che lấp khiến cho lãng quên.

Duyệt qua chỗ kiến văn, bút giả từng nghe có vị thuật lại, lúc trẻ tuổi mỗi khi nằm mơ thấy mình bay tự do

cao vút đi khắp mọi nơi; tuổi càng lớn lại thấy bay thấp lần lần, sau không còn bay được nữa. Trong quyển Phật Học Chỉ Nam, có kể chuyện ông Viên Thủ Đồng, người ở đất Trường Sơn bên Trung Hoa, lúc bốn, năm tuổi, trong đêm tối thấy rõ rệt các vật như ban ngày. Mấy năm kế, sự thấy mờ giảm lần. Từ mười tuổi trở lên, ông không còn thấy nữa, chỉ đôi khi nửa đêm thức dậy ngẫu nhiên thấy rõ được trong giây lát. Khoảng mười bảy tuổi về sau, hai ba năm mới thấy một lần, nhưng chỉ lóe sáng lên rồi liền tắt mất. Những vị này kiếp trước đều có tu nhưng khi chuyển thế bị mê đi, kể đó trần nhiễm càng sâu, thần minh càng tiêu giảm. Có những vị như vị Thiên Đại Hạc Tử ở Nhựt Bản, Ngụy Tịch Phủ ở Trung Hoa, ngồi một nơi thấy rõ những vật xung quanh cách xa đến mấy mươi dặm. Có nhiều người thấy được vật dưới đất, sự việc cách tường vách, hoặc đồ để trong túi của quần chúng, mà thế gian gọi là "thiên nhãn", nhưng họ không chịu tu. Bởi thế lần lần sự thấy suy giảm, kết cuộc cũng như thường nhơn. Lại có những vị xem sách một lần rồi gấp lại đọc thuộc lòng không sai một chữ, hoặc văn tài mau lẹ xuống bút thành phú, mở miệng thành thi, nhưng không chịu tu hành, đôi khi trở lại bài bác đạo Phật. Cổ đức bình luận những người sau này, kiếp trước tu Thiên định đến trình độ khá cao, đã có chỗ sở đắc. Nhưng bởi những vị hành trì theo Tông môn chỉ nhận ngay tự tâm, phá trừ Phật kiến, Pháp kiến, nghĩa là để tâm rỗng không chẳng thấy có Phật và Pháp; nên khi chưa chứng đạo phải chuyển sanh trở lại, duy bằng cứ vào sự thông minh của mình, không ưa thích

đạo Phật. Các bậc xưa còn như thế, người tu hiện tại sở đắc phỏng có là bao?

* Như lời Phật huyền ký: "Đời mạt pháp người tu thì nhiều nhưng khó có ai đắc đạo." Mà khi chưa chứng đạo, nếu còn nghiệp lực nhỏ như sợi tơ cũng bị luân hồi. Dù có một vài vị ngộ đạo, nhưng ngộ chưa phải là chứng, chỉ do sức Định chế phục nghiệp thức khiến cho lắng đọng lại, nên tạm được khai tâm, lúc chuyển sanh vẫn còn bị hôn mê không được tự tại. Đến kiếp sau, duyên tiến đạo thì ít cảnh thoái đạo lại nhiều, nguyện giải thoát đã thấy khó bảo toàn chắc chắn. Về sự ngộ đạo còn bị thoái thất, cổ đức đã có ba điều thí dụ:

Điều thứ nhất: như dùng tảng đá đè lên cỏ dại, cỏ tuy không mọc được nhưng củ nó chưa hư thúi, nếu gặp duyên khác tảng đá bị lật lên, cỏ vẫn mọc lại như cũ.

Điều thứ hai: như lóng nước trong chum, bùn tuy lắng xuống nằm yên tận đáy, nhưng khi chưa gạn lọc ra được, gặp duyên khuấy động, bùn lại nổi lên.

Điều thứ ba: như đồ gốm tuy nắn thành hình, nhưng chưa trải qua một phen nung lại cho chắc, gặp mưa xuống tất phải bị tan rã. Trạng huống ngộ đạo khi chuyển sanh dễ bị thoái thất, cũng lại như thế.

Đời mạt pháp, người tu có mấy ai ngộ đạo? Ngộ đạo không phải là dễ. Như thuở xưa, Hương Lâm thiền sư

dụng tử công phu trong bốn mươi năm mới dung luyện thành một khối. Ngài Trường Khánh Nhân ngồi rách mười mấy chiếc bồ đoàn mới được thấy tánh bản lai. Người đời nay, trừ một vài vị Thánh Nhơn ứng thân thị hiện để làm mô phạm cho quần chúng, ngoài ra các vị khác tu Thiền, chỉ tạm được thân tâm an tĩnh hoặc thấy thiện cảnh giới là cùng! Dù đã ngộ đạo, khi chuyển sanh vẫn còn có thể bị chướng nạn như những điều đã kể trên. Đường sanh tử có nhiều nguy hiểm đáng e ngại với kẻ chưa đắc đạo là thế. Cho nên nếu bảo không sợ sanh tử, đó là chỉ lối suy tư của người thiên cận mà thôi.

Hơn nữa, hiện tại chánh pháp đã lần lần ẩn diệt, trên thế giới, nơi nào ảnh hưởng duy vật tràn đến là đạo Phật không còn. Đã có nhiều nơi chùa chiền bị hủy phá, kinh sách bị thiêu đốt, tăng ni phải hoàn tục, hàng thiện tín không được tu. Dù cho ngày kia có được phục hồi, cũng phải bị biến thể và tiêu hao một phần lớn. Mong chuyển sanh để tiếp tục tu hành với một nền đạo suy tàn, thiếu bậc cao tăng dìu dắt, lấy đâu làm duyên tốt tiến đạo để giải thoát trong tương lai? Cho nên muốn bảo đảm tâm Bồ Đề không bị thối thất, phải tu Tịnh Độ. Dù tu các môn khác cũng nên kiêm niệm Phật phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Đây là lời khuyến tấn chung của các bậc tiên đức, như các ngài: Liên Trì, Ngẫu Ích, Kiên Mật, Ấn Quang.

Tiết 14: Làm Thế Nào Để Thành Mãn Bồ Đề Tâm

* Đã phát Bồ Đề tâm, suy tư kỹ đối với căn cảnh thời nay, phải dùng phương tiện nào cho tâm ấy được thành tựu viên mãn? - Muốn cho sự tự lợi lợi tha của nguyện Bồ Đề được toàn vẹn, không chỉ hơn cầu sanh Tịnh Độ. Đây là sự kiện thiết yếu thứ ba mà hành giả cần lưu ý.

Một vị cao đức thời xưa, sau khi phát đại nguyện tu hành, đã thốt ra câu:

Thế gian, xuất thế suy cùng khắp.
Chẳng niệm Di Đà lại niệm ai?

(Thế gian, xuất thế tư duy biến.
Bất niệm A Di cánh niệm thù?)

Quả thật, khi xem qua lời này, rồi suy lường so sánh từ pháp môn đến căn cơ và hoàn cảnh thời nay, có lẽ tu Tịnh Độ là đường an ổn vẹn toàn nhất.

Có người hỏi: - Đã phát tâm độ sanh, thì nên trụ ở thế giới Ta Bà, vì nơi đây có nhiều chúng sanh khổ cần phải tế độ, tại sao lại cầu sanh về Tây Phương?

- Xin thử hỏi lại: Độ sanh cần có điều kiện chi để thực hiện? Phải chẳng là cần có: phước đức, trí huệ, biện tài, thần thông, tướng hảo? (Mà trong những phương

diện ấy, chúng ta đã có một phần nào chưa?) Chỉ riêng về điểm phá phiền hoặc để phát sanh trí huệ cho khỏi bị trần cảnh làm mê, còn là điều không phải dễ! Cổ đức đã bảo: "Đoạn kiến hoặc khó như ngăn dòng nước bốn mươi dặm!" Như thế, nói chi đến đoạn tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh? Kiến hoặc, nói đơn giản, là những phiền não thấy chấp về phần thô; tư hoặc là phiền não về phần tế. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã huân tập vào tâm thức những ô nhiễm tham sân si, và không biết bao nhiêu là sự thấy hiểu sai biệt, liệu trong một thời gian ngắn của đời này, ta có thể tiêu diệt hết nó được chăng? Người tu hiện nay, phần nhiều phước mỏng huệ cạn, chỉ một câu A Di Đà Phật, niệm còn không dễ thuần thục, đề cập chi đến sự tự tại độ sanh là việc xa vời? Cho nên điều cần thiết trước mắt, là chúng ta nên cầu sanh Tây Phương, trước tế độ mình cho khỏi bị đọa luân hồi, nường thẳng duyên ở cảnh giới ấy mà tinh tấn tu hành. Chờ đến khi được chứng quả, đủ trí huệ, biện tài, thần thông, tướng hảo, chứng ấy sẽ trở lại Ta Bà độ sanh, mới có phần tự tại. Tuy nhiên, đối với bốn phận và bi tâm của người tu, không phải bác bỏ hẳn sự độ sanh trong hiện đời. Nhưng sự lợi người nơi hiện tại của chúng ta, thật ra chỉ ở trong cảnh tùy sức tùy duyên, như người rớt xuống dòng mê, vừa tự lợi vào bờ, vừa kêu gọi khuyên kẻ khác lợi theo mà thôi.

* Luận rộng thêm, dù chứng đến quả Vô Sanh, tuy muốn tu cho sáu độ được hoàn mãn cần phải ở nơi cõi ác trước nhưng thật ra cũng không thể xa lìa Tịnh Độ.

Tại sao thế? - Như trong kinh nói, bậc Sơ Địa Bồ Tát còn không thể biết chỗ giở chân lên, để chân xuống của hàng Nhị Địa, huống chi là biết được cảnh giới của Như Lai? Vì lẽ ấy, nên trong hải hội Hoa Nghiêm, sau khi giảng thuyết mười đại nguyện vương, đức Phổ Hiền liền dùng lời kệ khuyến tấn chư Bồ Tát khắp trong năm mươi một ngôi vị là: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác cầu sanh về Cực Lạc. Bởi nơi Tịnh Độ, Phật thường hiện thân, muốn vào cảnh giới thâm mật của Như Lai, Bồ Tát phải năng gần gũi Phật. Cho nên những bậc đẳng địa Bồ Tát đều phải một mặt phân thân ở các Uế Độ lập bồi công hạnh, mặt khác lại hiện thân nơi các Tịnh Độ gần gũi học hỏi chư Phật để cầu bước tiến tu. Sự vắng sanh Tịnh Độ rất cần cho từ **hạng** bát địa phàm phu đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát là như thế.

Cứ như ba sự kiện trên, nẻo luân hồi có nhiều chướng nạn, nếu chưa chứng quả Vô Sanh, khi chuyển thế dễ bị hôn mê sa đọa. Cho nên muốn bảo đảm tâm đại Bồ Đề không bị thối thất và để thành mãn nguyện này, chẳng những hàng phàm phu như chúng ta, vì gấp giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi trước mắt, cần phải cầu vắng sanh. Mà đến hàng siêu địa Bồ Tát, nếu muốn vào cảnh giới thâm mật của Như Lai cùng hoàn mãn đại nguyện ấy, cũng không thể xa lìa Tịnh Độ.

Chương III Đệ Tam Yếu

Niệm Phật Phải Dứt Trừ Lòng Nghi

Khải Đề:

Niềm tin là bước đạo sơ nguyên
Mà nổi trần ai lắm sự duyên!
Thoạt tưởng sen lành say cõi Tịnh
Lại nghe mai đẹp mến non Thiên.
Bồ Đề gieo khéo nguyên viên giác
Không hữu còn thương chấp nhị biên
Tín đức ví bền như hạnh nguyện
Mưa hoa đồng đạo cảnh Tây Thiên.

Mục A. Lòng Tin, Cửa Vào Tịnh Độ

Tiết 15: Sự Trọng Yếu Của Lòng Tin

Chúng sanh nơi thế giới Ta Bà này, nhân vì ở vào đời ác năm trước, phiền não nặng nhiều, hoàn cảnh bên ngoài ác liệt, sự tu hành không dễ gì tiến bộ. Lại mỗi khi chuyển sanh thường bị lạc mê, nên sự chứng đạt rất khó. Tiên đức hằng than: "Số xuất gia nhiều như lông trâu, nhưng người đắc đạo như sừng thỏ" (Xuất

gia như ngư mao, đắc đạo như thố giác). Lời này có thể hình dung cho điều vừa nói trên. Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni là bậc đã kinh nghiệm qua con đường thành Phật, biết rõ lối nào dễ bước, nẻo nào khó đi. Vì thế Ngài mới vận lòng bi trí, đặc biệt mở ra pháp môn Niệm Phật. Người tu môn này tuy chưa dứt phiền não, mà có thể đời nghiệp vãng sanh. Khi về đến Tây Phương rồi, nhờ nhiều thắng duyên của cảnh ấy, sự tiến tu chứng đạo rất dễ dàng như cầm lấy món đồ trước mắt.

Đức Thế Tôn đã có lòng đại bi như thế, lẽ ra mọi người đều được đắc độ với pháp môn này, nhưng kẻ vãng sanh lại có phần ít là tại sao? Đó là bởi chúng sanh trí kém nghiệp nặng, hoặc nghi lời Phật nói không chịu tu, hoặc tuy tu mà lòng tín nguyện không chí thiết, hoặc tuy niệm Phật mà chỗ dụng công không đúng với lời Phật dạy. Vì thế tuy có tu hành vẫn không đem đến thành quả. Đó là lỗi ở người, chớ không phải ở pháp.

* Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lòng tin là bước đầu vào đạo, là mẹ của tất cả công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành. Lòng tin hay tựu quả Bồ Đề của Phật." Thế nên đối với người tu, đức tin có tính cách rất trọng yếu. Nếu mất đức tin, chẳng những nền tảng tiến đạo phải bị sụp đổ, mà tất cả công hạnh giải thoát cũng không thành. Đức tin này không phải mê tín, chính là lòng tin nương theo trí huệ, là sự đặt trọn vẹn niềm tin vào lời của Phật, Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đã

dạy trong kinh điển. Tại sao đã nương theo trí huệ lại còn phải đặt trọn vẹn niềm tin vào lời dạy của những bậc ấy? - Bởi môn Tịnh Độ thuộc pháp Đại Thừa, đã là đại pháp tất nói nhiều cảnh giới siêu việt khác thường, nên có những điều mà trí huệ phàm phu không thể suy lường nổi. Khi xưa trên hội Linh Sơn, đức Thế Tôn nói Kinh Pháp Hoa, có năm ngàn bậc Đại Đức Thanh Văn, đã chứng từ sơ quả Tu Đà Hoàn đến đệ tứ quả A La Hán, không tin tưởng lui ra khỏi Pháp tịch. Đối với cảnh chính đức Phật còn tại thế thân nói pháp, với các vị Thanh Văn thánh giả trí huệ đã siêu thường, mà còn có sự không tin, thì ta thấy pháp Đại Thừa chẳng phải dễ tin hiểu. Cho nên trong kinh Đại Thừa, có nhiều chỗ đức Phật bảo đừng nói cho kẻ nhiều kiến chấp, thiếu lòng tin nghe, vì e họ sinh lòng khinh báng mà mang tội. Đến khi Đại Thừa pháp được lan truyền rộng, các vị cổ đức khuyên người học Phật khi nghiên cứu về loại kinh này, chỗ nào dùng trí huệ hiểu được cố nhiên là tốt, chỗ nào suy gẫm không thấu triệt vẫn đặt trọn vẹn niềm tin nơi lời của đức Thế Tôn. Như thế mới tránh khỏi tội lỗi khinh báng đại pháp, và không mất phần lợi ích.

Trong Kinh Phật Thuyết A Di Đà, đức Bốn Sư đã đôi ba phen nhắc nhở về lòng tin, như các đoạn: "Cho nên Xá Lợi Phất! Các ông phải nên tin nhận lời ta và lời nói của chư Phật!... Xá Lợi Phất! Như ta hôm nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật. Các đức Phật kia cũng khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của ta, mà nói lời như sau: 'Phật Thích Ca Mâu Ni

hay làm được việc rất khó khăn ít có! Ngài đã có thể ở trong đời ác năm trước là: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước của quốc độ Ta Bà, chứng quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì các chúng sanh nói ra pháp môn mà tất cả thế gian đều khó tin ấy.' - Xá Lợi Phất! Nên biết ta ở trong đời ác năm trước làm việc khó khăn sau đây, là đắc quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì tất cả thế gian nói ra pháp khó tin này, thật là điều rất khó!"

Đức Thế Tôn trí huệ nhiệm mầu, mà đã nói những lời ấy, thì biết pháp Tịnh Độ thật khó tin, và lòng tin là điều rất quan hệ! Nhiều vị cổ đức cũng bảo: "Pháp môn Tịnh Độ rất khó thâm tín, duy hạng phàm phu đã gieo căn lành niệm Phật và bậc Đăng Địa Bồ Tát mới tin nhận được mà thôi. Ngoài ra những chúng sanh khác cho đến hàng Nhị Thừa hoặc quyền vị Bồ Tát đôi khi cũng không tin nhận pháp môn này." Khi xem những lời như trên, ban sơ bút giả cũng lấy làm lạ tự hỏi: "Tại sao đệ tử Phật lại không tin lời của Phật? Hàng Nhị Thừa và quyền vị Bồ Tát trí huệ siêu việt, chỗ tu chứng đã cao, sao lại không tin pháp môn Tịnh Độ?" Nhưng về sau, khi thấy trong hàng xuất gia có những vị giảng giáo lý tinh thông, song lại không tin có cõi Cực Lạc và bài bác sự Niệm Phật Vãng Sanh, chừng đó mới công nhận lời kia là đúng. Nhân đây lại tìm trong kinh, thấy nói đạo nhãn của bậc A La Hán và Bích Chi Phật chỉ ở trong phạm vi tam thiên đại thiên thế giới, gồm một ngàn triệu thái dương hệ. Mà môn

Tịnh Độ thuộc về giới ngoại đại pháp, cõi Cực Lạc ở ngoài đại thiên thế giới, như vậy làm sao hàng cực quả Nhị Thừa có thể thấy biết tin nhận được? Còn hàng quyền vị Bồ Tát chưa chứng vào cảnh giới Đại Phương Đẳng, chưa thấy được mười phương Tịnh Độ, nên có vị không tin nhận là lẽ dĩ nhiên.

* Điểm căn yếu của môn Niệm Phật là: Tín, Nguyện, Hạnh. Ba điều này tương quan với nhau như cái đánh có ba chân, thiếu một tất phải sụp đổ. Trong đây Tín lại là nền tảng, nếu thiếu nhu yếu này, thì không thể khởi sanh Nguyện và phát động Hạnh tu trì cho thiết thật. Riêng về điểm Tín, đại khái có ba điều: Trước tiên, phải tin lời đức Thế Tôn nói, nhận chắc cõi Cực Lạc từ nhơn vật đến cảnh giới đều có thật. Kế đó, phải tin đức A Di Đà không có lời nguyện dối, chúng sanh dù nghiệp nặng, nếu niệm đến danh hiệu Ngài, quyết định sẽ được tiếp dẫn vãng sanh. Thứ ba, phải tin ta niệm Phật, nguyện về cõi Phật, quyết sẽ được thấy Phật được vãng sanh, nhơn nào quả ấy không thể sai lạc. Ba điều này chỉ là khái yếu, nếu suy diễn ra rộng, trong ấy gồm có sáu phần: tin mình, tin Phật, tin nhơn, tin quả, tin sự, tin lý. Điều thứ nhất bao gồm tin lời Phật và tin sự, lý Tịnh Độ đều có thật. Điều thứ hai bao gồm tin đại nguyện của Phật A Di Đà và tha lực tiếp dẫn của Ngài. Điều thứ ba bao gồm tin bản tâm mình, nguyện lực mình, và nhơn cùng quả của công hạnh niệm Phật. **Nhận** chắc ba điều vừa nói, mới gọi là tin sâu. Lại tin sâu không phải thuộc lời nói bên ngoài hay ý nghĩa phân biệt mà là sự thể nhận, là tâm

trong sạch không còn một điểm nghi ngờ. Cho nên khi xưa ông Vương Trọng Hồi hỏi một vị thiện trí thức: "Làm sao quyết chắc được sanh về Cực Lạc?" Vị ấy đáp: "Chỉ tin nhận sâu, là chắc chắn được vãng sanh." Ông ghi nhận và ngộ giải lời nói ấy, quả nhiên về sau được toại thành như ý nguyện.

Sự tin sâu có ích lợi là như thế.

Tiết 16: Những Điều Làm Giảm Phá Niềm Tin

Trong giới tu hành, có những kẻ cũng khuyên dạy niệm Phật, song lại giáo hóa theo cách thức của ngoại đạo. Lại có những vị vì chưa thông hiểu hay nhận thức sai lạc về Tịnh Độ, nên sanh ra bài báng. Đại khái như bảo: - Tịnh Độ là môn hành trì của ông già bà cả, hạng căn cơ thấp kém - tu Tịnh Độ là ỷ lại yếu hèn, không thể tự lực giải thoát nổi, phải nhờ cậy vào tha lực - hay Niệm Phật là pháp hủ bại chờ chết, chỉ độ tử chứ không độ sanh. Những sự lạm dụng và hiểu lầm trên đây, có mối hại dẫn dắt quần chúng theo đường tà và khiến thối chuyển cùng hủy hoại niềm tin của người niệm Phật, nên cần phải giải thích để làm sáng tỏ pháp môn Tịnh Độ. Xin đề qua những người không tin nhân quả, Phật pháp, mà chỉ nhìn xét những vị có hình thức dính dáng với đạo Phật.

* Có những người hình thức là tăng ni, cũng ở chùa hay am, cốc, nhưng không học hiểu Phật pháp, chỉ tu

luyện theo bàng môn. Họ là những kẻ mang chiêu bài Phật Giáo bán tạp hóa ngoại đạo. Những người này có đồ chúng của họ, đều bí mật truyền đạo cho nhau. Nhiều người tuy nói tham Thiền, song kỳ thật chuyên luyện điển, hoàn toàn không hiểu Thiền là gì. Đối với môn Tịnh Độ, họ bảo phải tưởng câu niệm Phật từ đơn điền thẳng tắt ra sau lưng, đi dọc lên theo xương sống rồi vòng xuống trở lại đơn điền, gọi là "chuyển pháp luân". Đó là cách luyện khai thông hai mạch Nhâm, Đốc, theo ngoại phái, không phải của đạo Phật. Có kẻ dạy phải nín thở niệm Phật luôn một hơi, rồi nuốt ực nước bọt một cái, gọi là để củng cố chân nguyên. Có kẻ đem sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật bố khắp châu thân. Có người lại giải thích Kinh A Di Đà theo ngoại thuyết như: Ao sen thất bảo là bao tử, bảy hàng cây báu là xương sườn, bát công đức thủy là máu, tủy, và các thứ nước không sạch trong thân... Những kẻ đã mượn Phật pháp để tu theo ngoại đạo này đâu phải là chánh tín, làm sao được vãng sanh giải thoát?

* Ngoài những kẻ ngoại đạo nương bóng Phật pháp, còn lại là những vị đệ tử chánh thức của Phật. Trong đây, có nhiều vị tuy tin hiểu pháp Niệm Phật, công nhận lời Phật dạy về môn này, song Tịnh Độ không phải là tâm niệm sở thích của họ, nên họ tu theo các môn khác. Những người này đều là những bậc tu hành chân chánh trong Phật pháp. Song cũng có một ít người vì học theo giáo lý của các tông phái khác, không hiểu sâu về Tịnh Độ, lại do tư tưởng môn đình,

chẳng những không tin Tịnh Độ Tông còn sanh lòng hủy báng.

Lệ như có người theo Thiền Tông, mới tu học Thiền chưa bao lâu, đã phản đối Niệm Phật. Họ đâu biết rằng nhiều bậc đại đức cao tăng khi xưa như các Ngài: Vĩnh Minh Thiền sư, Tử Tâm Tân Thiền sư, Thiên Y Hoài thiền sư, Viên Chiếu Bản thiền sư, Từ Thọ Thâm thiền sư, Nam Nhạc Tư thiền sư, Pháp Chiếu thiền sư, Tịnh Yếu thiền sư, Tịnh Từ Đại Thông thiền sư, Thiên Thai Hoài Ngọc thiền sư, Đạo Trân thiền sư, Đạo Xước thiền sư, Tỳ Lăng Pháp Chân thiền sư, Cô Tô Thủ Nạp thiền sư, Bắc Nhân Giản thiền sư, Thiên Mục Lễ thiền sư v.v... là những vị siêu xuất bên Thiền Tông, sau khi tham ngộ được minh tâm kiến tánh, đều qui hướng về Tịnh Độ. Những vị này đối với Thiền, họ là bậc đại tri thức hoằng hóa về Tông môn, đối với Tịnh, họ là bậc danh đức khuyên dạy niệm Phật. Điều này có thể chứng minh Tịnh Độ và Thiền đều không chướng ngại nhau, hà tất phải đem lòng hủy báng? Lại như một vị cao tăng mới thị tịch gần đây là Hư Vân thiền sư, ai cũng nhận là bậc siêu ngộ; nhưng khi ở Thiền Đường thì Ngài giảng về đạo lý tham thiền, ở Niệm Phật Đường Ngài lại khuyên dạy về niệm Phật. Với môn Tịnh Độ chẳng những Ngài không phản đối mà lại còn tán dương. Vậy thử hỏi những người vừa mới tu Thiền đã vội bác niệm Phật, sự học hiểu và công phu hành trì có bằng các bậc cao đức trên đây chẳng?

Lại như những người theo Duy Thức Tông, mới học Duy Thức chưa bao lâu, đã phản đối niệm Phật, họ không biết rằng vị đệ nhất Tổ Sư khai sáng về Duy Thức Tông ở Trung Hoa là ngài Huyền Trang, mà hiện nay họ đang thừa học, đã không phản đối, lại còn truyền dương môn niệm Phật. Bằng chứng là khi Ngài thỉnh kinh ở Ấn Độ về, có đem theo quyển Kinh A Di Đà bằng Phạn văn, dịch thành tân bản, nhan đề là Xưng Tán Tịnh Độ Nhiếp Thọ Kinh. Cho đến vị Tổ thứ hai bên Tông Duy Thức là Khuy Cơ đại sư cũng trứ tác thành một quyển A Di Đà Kinh Sớ, và ba quyển A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ. Và Thái Hư đại sư, một vị cao tăng cận đại ở Trung Hoa, mọi người đều công nhận Ngài là bậc thạc học trung hưng về Duy Thức Tông. Nhưng khi có người tu Tịnh Độ thỉnh Đại Sư chỉ dạy thì Ngài cũng giảng thuyết về niệm Phật. Những lời khai thị về Tịnh Độ Tông của Ngài có đến bảy thiên, mà hiện nay chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc còn ấn bản lưu hành. Thế thì biết những bậc cao đức bên Duy Thức Tông chẳng những không bài bác Tịnh Độ, mà trái lại còn hoằng hóa tán dương. Xin thử hỏi những người học Duy Thức chưa bao lâu mà phản đối Tịnh Độ, sự học vấn tu trì có bằng các bậc tiền bối đó chăng?

Bước đầu vào cửa Tịnh Độ, cần có sự tin hiểu chính xác, nếu thiếu đức tin làm sao phát nguyện và hành trì? Như trên thử xét qua, ta thấy đại lược có ba hạng người gây sự giảm phá cho giáo thuyết Tịnh Độ. Một là hạng người thế gian không tin nhân quả, Phật pháp, nên hủy báng niệm Phật. Hai là hạng tu theo bàng

môn lạm dụng hình thức Phật pháp, chỉ dạy niệm Phật theo lối sai lầm. Ba là những người trong chánh pháp, sự nhận thức đối với môn Tịnh Độ còn nông cạn đơn sơ, nên xem thường và bài bác. Máy điều kiểm duyệt như trên, người niệm Phật cần phải biết qua, nhận định đâu là tà chánh ngụy chân, để giữ vững lòng tin trên bước đường tu tiến.

Mục B.

Giải Thích Các Điều Nghi

Tiết 17: Những Mối Nghi Thông Thường Về Tịnh Độ

Các điều không tin, lạm dụng và kém nhận thức như trên, còn thuộc về phương diện đứng bên ngoài mà nhìn vào cửa Tịnh Độ. Nơi đây xin đề cập đến những kẻ thật ý muốn tu, hoặc đã nhập môn. Có nhiều người thật tâm muốn niệm Phật, hoặc đã từng hành trì rồi, nhưng vì sự học hiểu về giáo lý còn kém, nên khi nghe kẻ khác biện luận bài bác, liền khởi lòng nghi. Những mối nghi đó rất nhiều, nay chỉ nêu ra ba điểm phổ thông mà lắm người thường vướng phải. Máy điểm ấy đại khái như: nghi Cực Lạc là quyền thuyết, nghi pháp môn tu chứng quá dễ, nghi mình kém duyên phước khó vãng sanh. Xin giải thích đại lược như sau:

* 1- Có kẻ thấy trong kinh điển tả cảnh Tịnh Độ quá trang nghiêm, bổng sanh niệm nghi rằng: - Cõi Cực Lạc là quyền tiện của Phật nói ra để cho người hâm

mộ gắng tu làm lành lánh dữ, đại khái như thuyết thiên đường, hỏa ngục hay cảnh Bồng Lai, để thưởng thiện phạt ác của các giáo phái khác. Làm gì có một thế giới từ đất đai, cây cối, lầu các đều bằng thất bảo như: vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não hợp thành? Lại còn thân người bằng chất ngọc nhuyễn kim cương, hóa sanh từ hoa sen không có già bệnh chết, các thức ăn mặc trên quý đều tùy ý niệm hiện ra? Như thế toàn là những chuyện đâu đâu, xa với thật tế hiện thấy trước mắt, làm sao tin được?

Để giải thích điều này, xin đáp:

- Những ý nghĩ đó đều còn cuộc hạn theo sự nghe thấy của tai mắt phàm tình. Người muốn học Phật không nên đem trí phàm phu mà suy lường cảnh thánh. Đừng nói đâu xa, ngay ở Việt Nam ta, khi cụ Phan Thanh Giản đi sứ sang Pháp trở về thuật lại, nói bên ấy đèn không đốt mà cháy, xe thuyền không ngựa kéo người bơi mà tự chạy. Cụ có vịnh hai câu thi:

Bá ban xảo kế tề thiên địa.
Duy hữu tử sanh tạo hóa quyền!

Hai câu này ngụ ý khen người Pháp trăm việc hay khéo sánh bằng trời đất, duy có sự sống chết là còn thuộc quyền tạo hóa định đoạt mà thôi! Vua Tự Đức và triều thần nghe nói thế đều không tin. Đến như ông Nguyễn Tri Phương là chỗ bạn thân, cũng mỉm cười cho là cụ Phan đi xa về nói khoác. Thử hỏi: - Vua

Tự Đức cùng triều thần đều tự nhận mình là người học thức, cho sự việc đó tai không nghe, mắt không thấy, vượt quá sức tưởng tượng, nên không tin. Nhưng các điều ấy quả thật không có chẳng? Lấy một việc nhỏ này suy ra, ta thấy nếu đem những định kiến theo tai nghe mắt thấy và sự tưởng nghĩ phàm thường mà đo lường cảnh thánh đều thành sai lạc. Hơn nữa, nếu không có Phật A Di Đà tiếp dẫn, tại sao nhiều người niệm Phật khi sắp chết biết trước ngày giờ, thấy các cảnh tướng Tây Phương, cùng Phật, Bồ Tát hiện thân đón rước? Nếu cõi Cực Lạc là hư huyền, tại sao có những vị tu Tịnh Độ trong lúc hiện tiền bỗng được tâm khai thấy rõ ràng cảnh Tây Phương trang nghiêm y như lời Phật nói? Đệ tử của Phật hay người muốn học Phật mà không lấy lời Phật dạy trong kinh làm mực thước, thử hỏi còn lấy chi để làm chỗ tựa nương? Cho nên do theo Thánh Ngôn Lượng và Hiện Chứng Lượng (cách suy lường dựa theo lời Phật nói và sự hiện chứng của người tu), ta phải tin rằng những sự trang nghiêm ở Cực Lạc đều có thật.

* 2- Có người nghe nói pháp môn Tịnh Độ hành trì giản dị mà được kết quả rất mau chóng cao siêu, thì nghi ngờ rằng: - Đâu lại có phương pháp thành Phật quá dễ dàng như thế? Bởi đường lối thường thức của các môn tu là Chỉ và Quán. Khi hạ thủ dụng công, trước tu Chỉ, kế tiếp Quán; hoặc trước tu Quán, kế tiếp Chỉ. Lần lần tiến đến "trong Quán có Chỉ, trong Chỉ có Quán." Khi tới trình độ "Chỉ Quán không hai, định huệ tịch chiếu" mới gọi là bước vào cảnh giới tự tâm. Rồi

từ đó về sau, nếu mỗi đời đều tiếp tục tinh tấn tu hành, theo như trong kinh luận nói, phải trải qua một muôn đại kiếp mới lên ngôi Bất Thối Chuyển. Tại sao chỉ niệm một câu Phật hiệu, ngay trong đời này lại được vãng sanh lên ngôi Bất Thối, há chẳng phải là quá dễ dàng ư?

Đề cập đến nghi vấn này, chúng ta nên biết tu các pháp môn khác chỉ hoàn toàn nương nơi tự lực, cho nên phải khó. Riêng đường lối Tịnh Độ có hai năng lực, là tự tâm lực và Phật tiếp dẫn lực, nên sự thành công rất dễ. Ví như một người chân yếu, muốn tự mình lên tận đỉnh núi cao là điều rất khó. Nhưng nếu kẻ ấy được một vị đại lực sĩ khoác cánh tay phăng phăng đưa bước tiến lên, thì kết quả đăng phong nào có khó chi! Về môn Tịnh Độ cũng thế, khi ta chuyên tâm niệm Phật tức là lúc tâm lực phát triển. Niệm đến một lòng không loạn là lúc tâm lực hoàn toàn hiện bày. Đang khi ấy nghiệp lực bị hàng phục không còn làm chướng ngại, lại được thêm Phật lực tiếp dẫn nên tuy nghiệp chưa trừ dứt, mà được vãng sanh. Khi sanh về Tây Phương rồi, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, sự không thối chuyển cho đến khi thành Phật là một điều hiển nhiên dễ hiểu.

* 3- Có kẻ lại nghi rằng: Cảnh Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm vô lượng, chẳng phải dùng ít nhân duyên căn lành phước đức mà được sanh về. Nhìn găm lại mình, căn lành phước đức còn sơ bạc, nghiệp chướng lại nhiều, mong gì đời này được duyên tốt vãng sanh?

- Xin kính khuyên quý vị ngàn muôn lần chớ nên nghi như thế. Bởi khi các vị lần chuỗi niệm Phật được, là căn lành phước đức đã sâu dày rồi. Thử nghĩ lại xem, trên thế gian này biết bao nhiêu kẻ không nghe được danh hiệu Phật? Biết bao nhiêu người tuy nghe hồng danh đức A Di Đà, nhưng mãi đoạt lợi tranh danh, đeo đuổi theo các điều trần nhiễm, không chịu niệm Phật? Nay các vị đã được nghe Phật pháp và chí tâm niệm Phật, há không phải là có căn lành phước đức lớn đó ư? Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: "Nếu có chúng sanh nào nghe danh hiệu đức Phật kia, vui mừng khắp khởi, cho đến một niệm, nên biết kẻ ấy được lợi lớn, đã đầy đủ phước đức vô thượng." Lời này đủ chứng minh: biết niệm Phật tức là đã có nhiều phước đức căn lành rồi. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có dẫn sự tích những người phạm tội cực ác như Trương Thiện Hòa, Hùng Tuấn, Duy Cung và loài súc sanh như chim bát kha, anh vũ, chí tâm niệm Phật đều được vãng sanh. Phước đức căn lành của quý vị đã vượt xa hơn những người ác và loại súc sanh kia. Vậy cần chi phải e ngại là ngay trong đời này không được sanh về Cực Lạc!

Tiết 18: Những Mối Nghi Thiệp Lý

Ngoài ba điểm nghi phổ thông như trên, còn những mối nghi về Tịnh Độ quan thiệp tới đạo lý từ cạn đến sâu. Các điều nghi này rất nhiều, nay chỉ xin nêu ra

các chi tiết quan trọng để giải thích, thể theo lối vấn đáp như sau:

1) Hỏi: Môn Tịnh Độ là pháp sơ cơ, chỉ để cho kẻ ngu dốt, căn trí thấp kém hành trì. Những người căn tánh cao phải tu Thiền hay Duy Thức mới hợp lý. Và lại bậc thượng phu phải có chí hùng cường tự lập, nên căn cứ nơi sức mình mà giải thoát; nếu cầu mong tha lực, chẳng tỏ ra hèn yếu lắm ư?

- Đáp: Với lời hỏi này, trước tiên xin nói về căn cơ, sau sẽ trả lời đến yếu tố tự lực tha lực.

* Pháp môn Tịnh Độ không phải chỉ để cho bậc trung, hạ căn, mà còn thâm nhiếp cả bậc thượng thượng căn. Bậc trung, hạ căn niệm Phật sẽ dứt được phiền não nghiệp chướng, phát sanh phước đức trí huệ, lần lần đi đến định cảnh, tùy công phu thấp cao mà vắng sanh về chín phẩm sen nơi Cực Lạc. Bậc thượng căn vừa đề khởi câu niệm Phật, liền thâm nhập vào cảnh giới Định Huệ, đi đứng nằm ngồi đều ở trong Niệm Phật Tam Muội, khi lâm chung sanh về thượng thượng phẩm ở Liên Bang. Trong hàng tiên đức đã có vị đi vào cảnh giới này, và trình thuật với câu:

Niết khởi sở châu thẳng sách đoạn

Thể hương phạn thực dĩ đa thời

Ý nói:

Nằm lấy chuỗi tràng trần niệm dứt,
Nghiêm nhiên thành Phật đã từ lâu.

Cho nên, câu niệm Phật thâm nhiếp hết ba căn, với người cao nó thành cao, với người thấp nó thành thấp.

Các bậc đại tri thức trong Phật Giáo thường phê luận: "Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, Mật." Tại sao pháp Niệm Phật lại gồm nhiếp cả bốn môn này? - Sở dĩ có điều ấy, bởi khi niệm Phật dứt trừ cả vọng tưởng chấp trước, đó là Thiền. Sáu chữ hồng danh bao gồm vô lượng nghĩa màu, vô lượng nghĩa đều ẩn một và xuất hiện từ nơi đấy, đó là Giáo. Niệm Phật đến cảnh giới sâu, ba nghiệp đều trong sạch vắng lặng, đó là Luật. Câu niệm Phật có công năng như một câu thần chú, hay giải oan, trừ nghiệp, mãn nguyện, hàng ma đó là Mật. Như Liên Trì đại sư, trong một năm nắng hạn lâu ngày, thay vì niệm chú đảo võ, Ngài chỉ đi ngoài đồng gõ mõ niệm Phật, đi đến đâu, trời mưa đến đó. Và Viên Chiếu Bản thiền sư, thay vì tham thiền, Ngài chỉ dùng sáu chữ hồng danh mà được ngộ tánh bản lai, chứng vào Niệm Phật Tam Muội. Cứ như đây suy nghiệm rộng sâu thêm, câu niệm Phật cũng gồm thâm cả năm thời tám giáo, nhiếp luôn sáu pháp Ba La Mật, như Triệt Ngộ đại sư đã trình bày trong thiên Niệm Phật Bách Kệ.

Trong kinh lại nói: "Chí thành xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, sẽ được tiêu tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử." Người niệm Phật nếu hằng giữ định tâm, tất sẽ phát huệ đồng như lời tu của các pháp môn khác. Hơn nữa, trên định tâm mà xưng danh hiệu Phật A Di Đà, thì sự tiêu nghiệp chướng sanh phước

huệ càng cao thẳng chóng mau. Vì thế, Liên Trì đại sư đã khen pháp Niệm Phật là: đại thiên định, đại trí huệ, đại phước đức, đại thánh hiền. Theo Quán Kinh: người tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu chí thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà cho đến mười niệm, thì Ngài liền hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Từ một kẻ cực ác, chỉ dùng mười niệm mà được vãng sanh, lên ngay ngôi Bất Thối Chuyển thật là điều rất hy hữu. Ấn Quang đại sư đã khen: "Pháp Niệm Phật bậc cực cao niệm đến một lòng không loạn, chứng vào Tam Muội, kẻ cực thấp chỉ dùng mười niệm thành công, là điểm đặc sắc mà chưa thấy pháp môn nào có."

* Về vấn đề tự lực tha lực, nếu như hiểu môn Tịnh Độ chỉ hoàn toàn nương nơi tha lực là lầm. Người niệm Phật phải đem hết tự lực dứt trừ phiền não, trì niệm cho đến cảnh giới tâm mình và tâm Phật tương ứng. Từ cảnh giới đó, hiện thời hành giả được Phật phóng quang thẩm nhiếp thọ, khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh. Sự tiếp dẫn mới là yếu tố chánh của tha lực, vì thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta Bà này đến mười muôn ức Phật độ, còn không phải sức thần thông đạo lực tầm thường có thể đến được, huống nữa là phàm phu! Vì thế cần phải nhờ tha lực tức thần lực của Phật hoặc chư thánh tiếp dẫn. Ví như một học sinh, tự mình biết gắng hết sức chuyên học, dĩ nhiên là điều đáng quý. Nếu trên sự chuyên học ấy, lại được vị giáo sư giỏi kèm theo chỉ dạy, tất mức học vấn càng cao thâm, kết quả thi đỗ sẽ là phần bảo đảm. Trên tự

lực của hành giả, thêm tha lực của Phật gia bị tiếp dẫn cũng lại như thế. Vậy sự kiện chính mình đã gắng hết sức để tu, lại cầu thêm tha lực cho được kết quả mau chóng, có phải là một điều hèn yếu lỗi làm chăng? Sự cao diệu của môn Tịnh Độ, chính các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; các vị Tổ Sư như Vĩnh Minh, Trí Giả, Triệt Ngộ, Liên Trì, cho đến nhiều đáng tôn túc ở các tông, đều khuyến nguyện vãng sanh. Chê Niệm Phật là thấp kém chỉ để cho bậc hạ căn tu hành tức là chê chư Bồ Tát, Tổ Sư và các vị cao đức đã nói trên. Bào niệm Phật là hèn yếu, chỉ nương nơi tha lực, tức là chưa hiểu biết chi về môn Tịnh Độ.

2) Hỏi: Cổ thi có câu:

Thân khinh luyện đặc đồng tiên hạc
Cực Lạc hoành hoành nhứt trục phi.

Ý nói:

Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc,
Cực Lạc bay ngang thẳng trở về!

Thế thì ta cứ tham thiền, chờ khi chứng được thần thông, chừng ấy có thể đi về Cực Lạc, hoặc tùy ý sang các cõi Tịnh Độ khác. Như vậy, hà tất phải khẳng niệm Phật cầu về Cực Lạc làm chi?

- Đáp: Hai câu thi trên, ý nói cảnh giới cảm thông từ hành giả dung hòa với thần lực nhiếp thọ của Phật, chứ không phải chỉ cho cảnh giới thần thông. Xin tuần

tự giải thích hai điều ấy, trước tiên hãy nói về cảnh giới thần thông.

* Theo trong kinh, đạo nhân và thần thông của bậc Sơ Quả Tu Đà Hoàn thuộc phạm vi một tiểu thế giới, gồm bốn cõi ác thú, bốn đại châu, một núi Tu Di, một nhật nguyệt, sáu cõi trời Dục, và một cõi Sơ Thiên. Đạo nhân và thần thông của bậc nhị quả Tư Đà Hàm ở trong chu vi một tiểu thiên thế giới; bậc A Na Hàm, một trung thiên thế giới; bậc A La Hán, một đại thiên thế giới. Bậc Sơ Địa Bồ Tát, đạo nhân thấy được một trăm cõi Phật cùng trăm đức Phật, chứng một trăm Tam Muội; thần lực có thể phóng ánh sáng và làm rung động một trăm cõi Phật, đi sang khắp một trăm Phật độ. Đạo nhân và thần thông của bậc Nhị Địa Bồ Tát ở trong chu vi một ngàn cõi Phật; bậc Tam Địa Bồ Tát, một trăm ngàn cõi Phật. Cứ như thế lần lượt tăng gấp bội lên mãi cho đến bậc đệ Thập Địa Bồ Tát thuộc ngôi Pháp Vân, thần thông đạo lực, bao hàm vô biên quốc độ. Từ thế giới Ta Bà này sang Cực Lạc cách mười muôn ức Phật độ. Số ức của Ấn Độ thời xưa có ba bậc, mà mức trung bình là một triệu bảy giờ. Như thế, nếu lấy mười muôn nhân cho một triệu (100.000 x 1.000.000) thì Ta Bà cách Cực Lạc đến một trăm ngàn triệu Phật độ. Lại về Phật độ, tức phạm vi ứng thân giáo hóa của một vị Phật, có đức Phật lấy một đại thiên thế giới gồm một ngàn triệu thái dương hệ làm một Phật độ; có đức Phật lấy hai, ba hoặc trăm, ngàn, muôn, ức cõi đại thiên làm một Phật độ; có đức Phật lấy từ một hằng hà sa cho đến nhiều hằng hà sa cõi

đại thiên làm một Phật độ. Ấy là chưa kể những khoảng trống xa cách từ Phật độ này đến Phật độ kia. Như thế ta thấy từ Ta Bà đến Cực Lạc, chẳng những bậc A La Hán, mà với thần thông của các vị hạ địa Bồ Tát cũng khó nổi tìm sang. Cho nên khi xưa ngài Mục Kiền Liên tuy hiện thân ở ngôi A La Hán, song kỳ thật là bậc Bồ Tát thị hiện làm Thanh Văn để tu Bồ Tát hạnh, nghe Phật nói Kinh A Di Đà, có lúc đã dùng sức thần thông của mình tìm sang Cực Lạc. Nhưng Ngài tìm mãi không thấy, sau cùng lạc đến thế giới của Phật Tu Di Tướng. Núi Tu Di cao tám muôn bốn ngàn do tuần, mỗi do tuần trung bình là sáu mươi dặm, Phật Tu Di Tướng và dân chúng ở cõi ấy, thân hình đều to lớn như núi Tu Di. Khi ngài Mục Kiền Liên đến cõi này, thấy Phật đang thuyết pháp cho đại chúng nghe, liền đi vòng quanh trên miệng bát của một vị tăng. Vị tăng ấy bạch với Phật rằng: "Có một con trùng nhỏ giống hình người bò trên miệng bát của mình." Phật Tu Di Tướng bảo: "Không phải thế đâu, đó chính là vị Thanh Văn đệ tử thần thông bậc nhất của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta Bà, tên gọi là Mục Kiền Liên." Ngài Mục Kiền Liên nghe nói thế, liền hiện thân lớn bằng núi Tu Di, đồng với thân lượng chúng sanh ở cõi ấy, bạch với Phật nguyên nhân mình đi lạc đến thế giới này, và kính xin Phật dùng thần lực đưa trở lại quốc độ Ta Bà. Như thế, ta thấy nếu căn cứ nơi thần lực thì thần thông không rộng lớn, chẳng thể đi về Cực Lạc.

Ở thời mạt pháp này, người tham thiền ngộ đạo còn khó có, nói chi chứng đến Sơ Quả Tu Đà Hoàn! Khi chưa chứng quả tất phải bị luân hồi, sự khỏi sa đọa còn không bảo đảm, bàn đến việc mỗi đời tiếp tục tiến tu trải qua vô lượng vô số kiếp, chờ chứng được ngôi vị thượng địa Bồ Tát để có thể sang Cực Lạc, phải chăng là một điều hư tưởng viễn vông? Dù có đủ thần thông sang Cực Lạc, mà muốn ở cõi đó, phải quy kính xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà, mới được lưu trụ. Ví như nhà giàu kia có một vườn hoa tươi đẹp, sức ta có thể vượt tường đi vào, nhưng thật ra muốn vào đó thường ngoạn, còn phải thưa hỏi chủ nhơn. Bởi thế, khi xưa ngài Duy Ma Cật dùng thần thông đem những tòa ngồi nghiêm đẹp cao bốn muôn hai ngàn do tuần ở cõi nước Phật Tu Di Đăng Vương về nơi tịnh thất, chỉ riêng các bậc đại Bồ Tát đã từng lễ kính cúng dường mười phương chư Phật mới lên ngôi được. Ngoài ra những vị tân phát ý Bồ Tát cho đến hàng Thanh Văn đại đệ tử, tuy có thần thông dư sức vượt cao hơn bốn muôn hai ngàn do tuần, song không thể lên ngôi. Ngài Duy Ma Cật biết những tòa sư tử này do công đức phước báo của Tu Di Đăng Vương Như Lai, liền bảo với các vị ấy xưng danh hiệu quy kính đức Phật kia, sau đó mới lên ngôi được. Thế nên biết, muốn về cõi Cực Lạc phương Tây, sự xưng niệm đức Phật A Di Đà, là một điều tất yếu.

* Cảnh giới tự tâm cảm thông với thần lực nhiếp thọ của Phật là thế nào? Kinh nói: "Phật A Di Đà thường phóng quang nhiếp thọ tất cả chúng sanh niệm Phật ở

mười phương không bỏ sót." Cho nên khi ta niệm Phật, liền được nguyện lực quang minh của Phật âm thầm nhiếp thọ. Lúc hành giả nhứt tâm niệm Phật, thì nghiệp lực chìm lắng, tâm lực lộ bày, ánh sáng của tự tâm giao tiếp với quang minh của Phật, nên hiện tiền có thể thấy cảnh Tây Phương, hoặc thần linh dạo chơi miền Tịnh Độ. Sức tâm nguyện thanh tịnh hướng về Tây Phương của hành giả gọi là tự tâm lực, hay tự lực; sức phóng quang nhiếp thọ để dẫn độ của Phật A Di Đà gọi là Phật nhiếp thọ lực, hay tha lực. Nhờ hai năng lực ấy nên tuy chưa được thần thông rộng lớn mà hành giả niệm Phật có thể sanh về Tây Phương. Khi lâm chung, người niệm Phật tùy theo công đức của mình, hoặc thấy Phật đến tiếp dẫn, hoặc thấy Bồ Tát hay Thánh chúng đến tiếp dẫn. Có vị tuy không thấy chi cả, nhưng do nguyện lực của mình và sức quang minh hướng dẫn của Phật, nên cũng được vãng sanh. Sự quan trọng của tha lực là như thế.

3) Hỏi: Tu Tịnh Độ cần phải chứng Niệm Phật Tam Muội, hoặc ít nữa đi đến cảnh giới nhứt tâm bất loạn, mới được vãng sanh. Như thế người hạ căn chưa chắc đã thực hành nổi. Vậy thì kẻ thấp kém ngu tối làm sao được sanh về Cực Lạc? Nếu kẻ hạ căn ngu tối không vãng sanh được, sao lại gọi pháp môn Niệm Phật thâm nhiếp cả ba căn?

- Đáp: Thật ra với căn cơ thời nay, cảnh giới nhứt tâm bất loạn trong lúc hiện tiền, còn không có mấy người đi đến, huống chi là Niệm Phật Tam Muội! Nhưng,

theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, kẻ tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, chí tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà từ một cho đến mười niệm, liền được Phật hiện đến tiếp dẫn vãng sanh. Thế thì sự nhứt tâm được vãng sanh, là chỉ cho khi lâm chung chớ không phải lúc hiện tiền. Nếu lúc bình thời niệm Phật được nhứt tâm, nhưng sau đó lại chuyển hướng tu theo pháp môn khác không cầu vãng sanh, thì làm sao được về Cực Lạc? Mà muốn được nhứt tâm khi lâm chung, thì lúc bình thời phải tập câu niệm Phật cho thuần thục. Do bình thời thường niệm Phật, dù chưa được nhứt tâm, nhưng chủng tử niệm Phật dần chứa đầy nhiều, lúc sắp chết, hành giả khởi niệm Phật nó liền phát hiện mạnh mẽ nên được nhứt tâm. Kẻ hạ căn niệm Phật được vãng sanh, thường ở trong tình trạng ấy.

4) Hỏi: Niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tâm, chặn đứng phiền não, đi đến chỗ vô niệm. Đã như thế thì cứ để tâm thanh tịnh, lần lần sẽ tiến vào cảnh giới vô niệm, cần gì phải niệm Phật cho nhọc sức lao hơi?

- Đáp: Điểm cứu cánh của pháp Niệm Phật là Niệm Phật Tam Muội, chứng toàn thể bản tánh Di Đà, tức cảnh giới Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Nhưng mục đích chánh yếu và cấp thiết của tông Tịnh Độ, là cầu vãng sanh để bảo đảm không còn luân hồi mê đọa, mượn hoàn cảnh ưu thắng ở cõi Cực Lạc tu hành, cho mau tiến lên Phật quả. Vì lẽ ấy nên hành giả của môn Tịnh Độ cần phải xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà.

Chủ đích của môn Tịnh Độ là như thế, không cấp thiết ở chỗ cầu cảnh giới vô niệm, mau chứng ngộ tánh bản lai như bên Thiền Tông.

Tuy nhiên, khi thật hành chủ đích này, hành giả phải niệm Phật cho được nhứt tâm, nên dù không cầu vô niệm mà cảnh vô niệm vẫn tự hiện bày. Hơn nữa, nhờ công đức niệm Phật giúp sức cho mau tiêu nghiệp, nên cảnh giới ấy lại càng chóng hiển lộ. Ở đây chúng ta thấy mở thêm một tia sáng: muốn mau được vô niệm, được sớm ngộ tánh bản lai, lại cần phải niệm Phật.

Đi sâu thêm, nếu là người căn tánh Đại Thừa, tất phải hiểu niệm Phật là để thành Phật. Như chỉ hiểu niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tưởng, tức đã lạc vào Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu Thừa. Tại sao niệm Phật là để thành Phật? - Bởi khi vừa đề khởi câu niệm Phật, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều mất, tuy có tướng mà lìa tướng, tức sắc là không, hữu niệm đồng vô niệm, đi ngay vào cảnh giới bản giác ly niệm của Như Lai, đương thể là Phật chỗ còn chi nữa? Nếu cho rằng có niệm là còn trệ nơi hữu vi thì khi đức Thế Tôn hiện các tướng hữu vi như ăn cơm, khoác y, đàm luận, thuyết pháp đi đứng nằm ngồi, đều trệ nơi hữu vi và không phải là Như Lai sao? Lại nếu cho rằng còn niệm Phật chưa phải là vô niệm, thì chư tôn đức bên Thiền Tông khi tham thoại đầu, giảng luận, hoặc có lúc tụng kinh, lễ bái, sám hối, kinh hành đều thuộc về hữu tướng, không phải là Thiền ư? Nên biết đạo lý của

vô vi là "làm tất cả việc hữu vi mà không thấy có tướng làm", vô niệm cũng thế; chớ không phải tuyệt cả hành động, ngôn ngữ là vô vi vô niệm đâu! Bởi chẳng rõ lý này nên nhiều kẻ chấp không cho rằng: Niệm Phật như chiếc xe chạy đi thêm chở nặng, hoặc như trong vàng còn lẫn chì, trong cơm lẫn cát, không được nhẹ nhàng thuần nhứt, thật đã sai lầm!

Nhưng niệm mà không niệm là cảnh giới của bậc thượng thượng căn; nơi đây chỉ khái luận qua để giải mối nghi chấp. Riêng bậc trung, hạ căn gắng niệm Phật cho thuần thực cũng đã quý lắm rồi!

5) Hỏi: Thể của các pháp là không, xưa nay vẫn vô sanh và bình đẳng vắng lặng. Khi tâm ta thanh tịnh, dù ở Uế Độ cũng thanh tịnh; trái lại như không thanh tịnh, tuy ở Tịnh Độ vẫn phiền não rộn ràng. Nếu đã có sanh tất phải có diệt hay có sanh là có tử. Thế thì bỏ Ta Bà cầu sanh về Cực Lạc, chẳng là trái đạo lý ư?

- Đáp: Vấn đề này có hai nghĩa. Xin thể theo lời của Trí Giả đại sư trong Thập Nghi Luận và phụ thêm đôi chút ý kiến để giải thích, phân làm tổng đáp cùng biệt đáp.

Về phần tổng đáp, nếu cho rằng cầu về Tịnh Độ là bỏ đây tìm kia, không hợp với lý Chân Như bình đẳng. Thế thì trụ Ta Bà không cầu sanh Cực Lạc, há không bị lỗi bỏ kia chấp đây sao? Còn như bảo: "Tôi không cầu kia cũng không chấp đây", lại cũng mắc vào lỗi đoạn

diệt. Cho nên kinh Kim Cang Bát Nhã nói: "Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng: Nói phát tâm vô thượng Bồ Đề là đoạn diệt hết tướng của các pháp. Tại sao thế? Vì phát tâm vô thượng Bồ Đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt."

Về phần biệt đáp, xin giải thích về lý vô sanh và tâm tịnh.

Vô Sanh cũng chính là lý "bất sanh bất diệt". Bất sanh là các pháp do nhân duyên giả hợp mà sanh, không tự thể, nên không thật có tướng sanh. Vì nó hư huyễn, không phải thật từ đâu sanh hiện, nên gọi là "bất sanh". Bất diệt là khi các pháp hoại diệt, cũng không tự tánh, không bảo rằng mình hoại diệt. Vì nó không thật có chỗ trở về, dứt mất, nên gọi là "bất diệt". Cho nên lý vô sanh hay bất sanh diệt, không phải "ngoài các pháp sanh diệt mà có." Vì thế chẳng phải không cầu sanh Tịnh Độ mà gọi là vô sanh, hoặc sanh về Cực Lạc, là có tử diệt, trái với lý vô sanh đâu! Đó là luận về lý, riêng về sự thì người sanh Tịnh Độ tất lên ngôi Bất Thối, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Trong thời gian ấy tiến tu đã dư chứng quả Vô Sanh. Như thế đâu còn vấn đề: có sanh có diệt, hoặc có sanh có tử mà phòng ngại!

Lý tâm tịnh cũng thế, dùng tâm thanh tịnh ở Ta Bà hành đạo, cùng trụ tâm thanh tịnh ở Cực Lạc để tu tiến, nào có ngại gì? Kinh Duy Ma nói: "Tuy biết các cõi Phật, cùng với hữu tình không, mà thường tu Tịnh

Độ, để giáo hóa quần sanh." Cho nên người trí tuy siêng cần niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà không chấp có tướng sanh, vì nó không thật có; tuy biết rõ các pháp xưa nay hăng thanh tịnh vắng lặng, mà không ngại gì cầu sanh Tây Phương, mượn thắng duyên tu tiến để giáo hóa loài hữu tình. Đây mới là chân vô sanh, và cũng thật là nghĩa tâm tịnh tùy chỗ thanh tịnh. Trái lại, kẻ kém hiểu biết bị tướng sanh ràng buộc, nghe nói sanh liền nghĩ là thật có sanh, có tử diệt; nghe nói vô sanh lại chấp không sanh về đâu cả. Họ đâu biết sanh chính là vô sanh, vô sanh há ngại gì sanh; và tâm tịnh lại có ngại gì cầu về Cực Lạc ư? Vì không hiểu lẽ ấy, họ sanh lòng tranh chấp thị phi, khinh chê người cầu sanh Tịnh Độ, thật làm lạc xiết bao!

Tiết 19: Những Mối Nghi Căn Cứ Theo Kinh Điển

Ngoài những điều trên, lại có nhiều người học Phật, căn cứ các lý thuyết thế giới kinh văn, mà đặt các nghi vấn về môn Tịnh Độ. Nhân tiện, cũng xin tiếp theo thể văn đáp để giải quyết các mối nghi ấy.

1) Hỏi: Kinh Kim Cang nói: "Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bóng, bọt". Thế thì cảnh Ta Bà đã huyễn, mà cõi Cực Lạc cũng là huyễn. Sao không đi ngay vào bản tâm chân thật, còn cầu về cảnh huyễn làm chi?

- Đáp: Thật ra các cõi Uế Độ và Tịnh Độ trong mười phương đều dưỡng mộng huyễn; nhưng khi nào chứng được Như Huyền Tam Muội, mới thấy đó là hư giả. Bằng chưa được như thế, vẫn thấy nó là thật, vẫn bị nó chi phối, vẫn còn biết khổ vui, vào mùa nắng vẫn khó chịu về sự nóng bức, cho đến việc rất nhỏ như con kiến, con muỗi cắn đốt cũng vẫn còn bị đốn đau. Như vậy sao được gọi là Huyền? Nên biết môn Tịnh Độ là phương tiện nhiệm mầu của Phật, mượn cảnh như huyễn an vui, để đưa chúng sanh thoát khỏi cảnh như huyễn thống khổ đầy đầy chương duyên và hiểm nạn. Rồi từ cảnh an vui như huyễn đó tiến tu dễ dàng, để mau chứng vào cõi chân tâm thường tịch.

Lấy một thí dụ như tại cõi Ta Bà này, cảnh gia đình hay nơi thị tứ ồn ào là huyễn, cảnh chùa am hoặc chốn núi non vắng vẻ cũng là huyễn. Nhưng tại sao người tu giải thoát, lại bỏ cảnh gia đình thị tứ tìm nơi chùa am thanh vắng ở núi non? Có phải tại chốn gia đình nhiều bận buộc, cảnh huyên náo khó nhiếp tâm, mà nơi chùa am hay chốn núi non thanh vắng dễ tu chăng? Cho nên cảnh phàm tình cùng cảnh thánh chứng khác nhau, phàm tình mà đặt mình vào cảnh thánh chứng là điều xa vời trái với thật tế. Ta còn phàm phu hãy cứ theo phận phàm phu mà tuần tự tiến tu, đừng vội đem con mắt thánh nhìn nói quá cao xa, thành ra vọng ngữ và có hại.

Khi xưa cũng có một Thiên giả cho cõi Cực Lạc là huyễn mộng, niệm Phật cầu vãng sanh vô ích. Triệt

Ngộ đại sư nghe lời này, liền bảo: "Không phải thế đâu! Từ bậc Thất Địa Bồ Tát trở về trước, đều tu hành ở trong mộng. Đến như đối với mộng lớn vô minh, thì bậc Đẳng Giác vẫn còn say ngủ. Duy riêng chư Phật mới có thể tôn xưng Đại Giác, là những bậc hoàn toàn thức tỉnh mà thôi. Khi tự thân đã ở trong mộng, thì sự vui khổ vẫn uyển nhiên, vui cũng thấy vui, khổ còn biết khổ, sao được gọi mình là người tỉnh mơ, cảnh là huyền mộng? Thế thì thay vì ở trong cảnh mộng khổ của Ta Bà, sao bằng về cảnh mộng vui nơi Cực Lạc! Huống chi mộng ở Ta Bà là từ mộng vào mộng, bị cảnh duyên nghiệp lực lôi cuốn, mãi luân hồi sống chết chìm mê. Còn cảnh mộng ở Cực Lạc là từ mộng đến giác, lần lượt sẽ thức tỉnh hoàn toàn chứng lên quả Phật. Cho nên mộng huyền vẫn đồng, mà duyên cảnh mộng ở hai nơi thật chẳng đồng vậy. Thế thì sự niệm Phật cầu vãng sanh chẳng là cần thiết lắm ư!"

Lời cổ đức giải thích như thế, thì sự cầu sanh đã được hiển minh. Tuy nhiên, bài kệ trong Kinh Kim Cang nói đó, vẫn còn là lời phương tiện để cho chúng sanh lìa quan niệm chấp có theo phàm tình. Tiến một bước cao hơn, như Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: "Như Lai vì hạng người căn tánh tối, mà nói các pháp như huyền vắng lặng, vì e họ sanh chấp kiến; vì hạng người căn tánh sáng, nói tướng hảo của chư Phật, bởi họ như hoa sen chẳng nhiễm trần." Cho nên Tu Bồ Đề là bậc giải ngộ lý Không bậc nhất, tuyệt không danh tướng, mà đức Thế Tôn lại thọ ký cho ông về sau thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai. Thế thì lý mâu không

danh tướng chẳng ngoài danh tướng, tất cả pháp môn huyền đều là Phật pháp chân thường. Và đi sâu đến chỗ viên dung, như đức Lục Tổ nói, thì phàm phu nguyên là Phật, phiền não tức Bồ Đề, tất cả vô minh huyền vọng đều là thể viên minh chân giác của Như Lai tạng.

2) Hỏi: Kinh Pháp Bảo Đàn nói: "Không niệm, niệm mới chánh. Có niệm, niệm thành tà." Như vậy, niệm Phật có phải là tà vọng chăng?

- Đáp: Về đạo lý vô sanh vô niệm, đoạn trước đã có nói. Nơi đây xin đáp một cách thẳng tắt: - Chẳng phải không niệm Phật, không tụng kinh, gọi là vô niệm. Mà thường hằng niệm Phật tụng kinh, nhưng tâm địa rỗng không, chẳng chấp thấy mình có niệm tụng, mới gọi là vô niệm. Trái lại, dù ngồi an tĩnh lòng không suy nghĩ chi cả, mà còn cảm thấy biết cho mình, có sự ngồi thiền, vẫn gọi là "có niệm". Nếu nghĩ rằng "không niệm" là chẳng niệm Phật, tụng kinh, thuyết pháp, không có sự suy tư, thì thành ra gỗ đá; muốn tránh lỗi "chấp Có", lại lạc vào lỗi "chấp Không". Thế thì đã trái với ý kinh chỉ dạy. Cho nên đức Lục Tổ mới nói tiếp: "Có, Không đều chẳng tướng. Ngồi được bạch ngưu xa". Bậc cao đức bên Tịnh Độ khi xưa, tuy hằng niệm Phật cầu vãng sanh, song chẳng chấp tướng niệm Phật cầu sanh, nên đã có lời kệ:

Có niệm đồng không niệm,
Không sanh tức là sanh,

Chẳng phiền đời nửa bước.
Thân đến Giác Vương thành

Nhưng, trên đây là nói tác phong tu niệm của bậc thượng căn. Với hàng căn cơ trung, hạ, cứ nên gắng công niệm Phật cho nhiều, dù còn chấp thấy mình có niệm có tha thiết cầu sanh, cũng là điều tốt. Bởi nếu được như thế, khi mạng chung tất vãng sanh về Tây Phương, chừng ấy kết cuộc cũng sẽ chứng vào cảnh giới vô niệm vô sanh, đâu có điều đáng lo ngại! Bằng chẳng lượng sức mình, ưa cầu cao thẳng, nê chấp theo kinh văn trên, đối với đạo lý vô niệm chưa thể làm nổi, với sự thấy có niệm Phật có cầu sanh lại không muốn thật hành, kết cuộc cả hai đều hỏng, vẫn chỉ là phàm phu trong vòng luân hồi thống khổ mà thôi!

- Hỏi: Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ bảo: "Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người Tây Phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh về cõi nào?" Như thế thì chỉ cốt làm sao diệt được tội, cần gì niệm Phật cầu vãng sanh?

- Đáp: Đức Lục Tổ và các vị cao đức bên Thiên Tông đứng trên cương vị truyền bá tông chỉ Duy Tâm, nên mỗi lời nói phải căn cứ theo chỗ lập pháp của mình, đều chỉ ngay vào bản tánh, và đều lấy tâm làm chủ. Ý Ngài muốn bảo: nếu tâm được thanh tịnh, thì tuy ở Ta Bà cũng tự tại giải thoát; tâm không thanh tịnh dù ở Tây Phương vẫn bị khổ não luân hồi. Thật ra, đối với người tu Tịnh Độ hiểu đạo lý, lời nói của Tổ chỉ có tác

dụng khuyến tấn, bảo phải niệm Phật đến chỗ tịnh tâm không còn chấp tướng; chớ không phải bác sự niệm Phật cầu vãng sanh. Đức Thích Tôn, chư Phật khắp mười phương, chư Đại Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đều khuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hai vị Tổ bên Thiên Tông ở Thiên Trúc là Mã Minh, Long Thọ đều khuyên niệm Phật; và chính ngài Long Thọ đã chứng ngôi Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh về Cực Lạc. Nếu đức Lục Tổ quả thật có ý bài bác sự Niệm Phật, thì chẳng hóa ra bài bác đức Thích Ca Mâu Ni, chư Phật, chư Bồ Tát, Tổ Sư, và cả hai vị tiền bối trong tông của mình là Mã Minh, Long Thọ hay sao? Cho nên, nếu hiểu lầm rồi đem lời này chê bai niệm Phật, chính là bài xích và gieo mối oan cho đức Lục Tổ vậy.

Lại, hành môn nào cũng có lý và sự. Lời của đức Lục Tổ là nói về lý, ngoài ra còn có sự tướng của đường tu, cần phải nghĩ đến. Ta thử đặt lại câu hỏi: "Người ở ngoài đời tạo tội, vào chùa am xuống tóc, ăn chay, giữ giới tìm nơi thanh vắng tu hành. Người ở chùa am tạo tội tìm nơi nào để tu?" Nếu chỉ y theo lý mà bác như vậy, thì việc xuất gia đến chùa am, ăn chay giữ giới, cho đến tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tham thiền, đều là lỗi lầm hết cả hay sao? Pháp tu Tịnh Độ cũng thế, thật ra chẳng phải người Đông Phương do tạo tội mới niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mà niệm Phật cầu về Tây Phương chính là muốn mượn thắng duyên tu hành, để mau chứng lên quả Vô Sanh giải thoát. Dù người đã tạo nhiều tội, biết hồi tâm sám hối niệm Phật cầu vãng sanh, cũng là vì muốn sớm thoát sanh

tử, vẫn không ngoài mục đích này. Còn người ở Tây Phương Cực Lạc cũng không tạo tội, bởi khi đã về cõi ấy, trên có Phật Bồ Tát, dưới có các bậc thượng thiện nhân, xung quanh mình tiếng chim nói pháp, tiếng nhạc giảng kinh, không còn nhọc lòng lo đến vấn đề ăn mặc ở và các sự đau bệnh, tai nạn, oán thù, đường đạo chỉ thêm tiến lên, đâu còn có duyên gì để tạo tội?

Kết lại, câu nói của đức Lục Tổ nên hiểu chỉ là lời khai thị về lý tánh thanh tịnh để khuyến tấn mà thôi, không nên nghĩ lầm đem nó để bác sự tướng. Người niệm Phật nghe lời này, càng nên cố gắng niệm cho đến trình độ tâm không, mới hợp với ý của Tổ.

Tiết 20: Cần Phá Lối Chấp Nhị Biên

Những mối nghi về Tịnh Độ theo loại trên hãy còn nhiều. Đó do bởi người học Phật còn lối chấp hai bên, chưa dung **hóa** được giữa tánh tướng, có không, sự lý. Vì thế nên mới dùng tánh phá tướng, đem lý bác sự, lấy không bài có, và ngược lại, để gây thành những tranh chấp nghi vấn phân vân. Họ không ngờ sự lý tương tức, nghĩa là sự tức lý, lý tức sự, nếu phân chia ra mà nhận định thiên lệch, thì sự không thành chân sự, lý chẳng phải chân lý; cả đến tánh tướng, có không, và các pháp nhị biên khác cũng như vậy. Vì thế trong Kinh Duy Ma Cật mới nói đến Bất Nhị pháp môn, nghĩa là pháp môn Không Hai, để phá trừ lối chấp hai bên đó. Không Hai là dung **hóa** tất cả để nhập vào tánh thể, chớ chẳng phải một. Đây mới thật

là chân cảnh của duy tâm. Ngoài ra, sự lập pháp riêng về hữu môn hay không môn, cũng còn ở trong vòng phương tiện quyền hóa mà thôi.

Kinh nói: "Chán bỏ công đức hữu vi là nghiệp ma. Tham trước công đức vô vi cũng là nghiệp ma." Cổ đức cũng bảo: "Pháp hữu vi tuy huyền, phế bỏ tất đạo nghiệp không thành. Pháp vô vi tuy chân, chấp lấy thì huệ tánh chẳng rộng." Những lời này chứng minh rõ, trên đường tu, sự lý không thể rời nhau. Luận Trung Quán lại nói: "Vì chúng sanh thông thường chấp trệ nơi hình thức nên kinh giáo mới dùng lý Không để phá trừ. Nếu vừa lìa bệnh chấp có, lại rơi vào bệnh chấp không, tất chẳng còn thuốc gì chữa khỏi." Bởi lý Bát Nhã Không nghe cao siêu mầu nhiệm, nên hàng trí thức khi xem đến những loại kinh này, phần nhiều hay vướng vào chứng bệnh "nói lý", việc gì cũng lý thuyết hóa, khinh thường những người hành trì theo sự tướng, gây thành lỗi ngã mạn, tự kiêu. Miệng họ tuy nói không, nhưng hành vi lại ở trong có, chính hợp với câu:

Đầu mồm nói suốt trăm phần diệu.
Dưới gót không ly một điểm trần!

* Khi xưa, các bậc đại tri thức cũng thường dùng lý không để trừ bệnh chấp có, nhưng chỗ tu **chứng** cùng sự khai hóa của những vị ấy đúng tư cách và hợp cơ nghi, mới đem lại lợi ích. Chẳng hạn như câu chuyện sau đây:

Có một vị thiền sư tu hành rất tinh tấn, ban đêm chẳng ngủ và thường ngồi mãi không nằm. Nhưng đã lâu năm dụng công, sư vẫn chưa chứng ngộ. Trong chùa có chú Sa Di chẳng biết từ đâu đến, xin nhập chúng. Ông này thường biếng trễ thậm chí nhiều phen tiếng chuông công phu khuya nổi lên, vẫn nằm lì mãi không ngồi dậy. Thiền sư biết được, gọi đến quở rằng: "Sao đã vào chùa tu mà còn lười biếng cứ nằm mãi như thế? Chú không nghe trong Luật dạy: Nghe chuông mà vẫn nằm không ngồi dậy, tương lai sẽ đọa làm thân rắn hay sao?" Sa Di đáp: "Thầy bảo tôi thường nằm sẽ thành con rắn; còn thầy chấp cứ ngồi mãi cũng thành con cóc, chỗ có chứng ngộ được chi?" Sa Di nói xong liền ẩn mất, nhưng vị thiền sư đã tỏ ngộ. Thì ra Sa Di này là một bậc đắc đạo, hiện thân đến khai hóa cho thiền sư.

Ngoài ra, còn câu chuyện Đôn Hà Thiên Nhiên hòa thượng cỡi lên cổ Phật và chẻ đốt tượng Phật gỗ để phá quan niệm chấp Phật. Sư Pháp Đạt vì ý mình đã tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, nên lay đầu không chấm đất, bị đức Lục Tổ quở, để phá quan niệm chấp pháp, chấp công đức. Ngài Bắc Tháp sau khi chứng được Đại Tự Tại Tam Muội, viết danh hiệu Văn Thù, Phổ Hiền lên chiếc khố để phá quan niệm chấp Thánh Tăng.

Thuở xưa các bậc đại tri thức, mức tu chứng đã cao, biết tùy cơ nghi mà hóa đạo, lại những hành giả trong

thời ấy có nhiều bậc thượng căn, nên sự giảng về lý "không" thường có lợi. Đời nay người trung, hạ căn nhiều, cách giảng hóa nên dung hòa sự-lý, tánh-tướng, mới không gây nghi ngờ và làm thối đạo tâm của người học Phật. Nếu đa số người chưa thể một bước đi thẳng vào cảnh chân không mà bác bỏ hình thức, tất sẽ diễn thành tai nạn "chưa được lên bờ đã vội phá bỏ chiếc bè", làm sao tránh khỏi cảnh đắm chìm? Lại còn một điều nên để ý, nếu nói lý không mà mình chưa được không, hoặc chưa có đôi phần tư cách nào trên sự tu, tất chẳng thể cảm hóa người, chỉ thành cuộc tranh chấp hơn thua vô ích. Trước đây, bút giả đã có lần chứng kiến cảnh tượng ấy: Một đại đức thông hiểu giáo lý ở ngụ nơi chùa nọ dạy kinh. Vị sư trụ trì đã lớn tuổi, siêng tụng niệm nhưng chấp theo cách thức xưa, thấy đại đức lối sống tự do có vẻ tân thời, ý không ưa thích, liền bảo: "Thầy khuyên dạy đạo mà ngày tối không thấy tụng một quyển kinh, niệm một câu Phật, như vậy làm sao nêu mô phạm tu hành cho đại chúng?" Vị đại đức đáp: "Cách tu có nhiều lối, phải chạy theo hình thức như thầy, tối ngày tụng niệm, mới gọi là tu sao?" Kinh Kim Cang nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã.
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhơn hành tà đạo.
Bất năng kiến Như Lai!

Chớ đức Lục Tổ khi xưa đâu có tụng kinh niệm Phật gì, mà Ngài cũng đắc đạo, làm Tổ được vậy?"

Sư trụ trì đuối lý, đành lặng yên. Xét ra, sư trụ trì có lỗi chấp nê hình thức; vị đại đức tuy nói lý cao, song thật ra cũng chẳng tham thiền, tịnh niệm chi nên đã không cảnh giác nổi mà còn gây thêm sự bức bối cho sư.

Trong hai lối chấp có và không, sự chấp không rất nguy hại. Kinh Lăng Già cùng Mật Nghiêm đều bảo: "Thà chấp có như non Tu, chớ chấp không như hạt cải". Chấp có, ý nói hằng kiêng nhân quả, sợ tội phước, lo giữ giới, tụng niệm, làm lành, tuy bị hình thức bó buộc không tự tại giải thoát, nhưng gây được công đức và thiện căn. Còn chấp không, mình đã chưa chứng được Chân Không, lại chẳng chịu theo hình thức, siêng tu công đức, tất sẽ luân hồi sa đọa.

Bút giả tự xét mình, nghiệp chướng nhiều, căn tánh kém, vẫn không muốn lạm bàn đến đạo lý cao siêu, sợ e hạnh chẳng xứng lời, trở thành vọng ngữ. Nhưng với lòng thành muốn cho người dứt nghi ngờ sanh tín tâm niệm Phật, nên bất đắc dĩ phải thổ lộ ít nhiều. Hằng ví mình như người bại chân ngồi ở ngã ba đường, tuy không tự đi được, song cũng cố gắng chỉ nhắc hành khách tránh nẻo hiểm nguy, theo lối đi rộng bằng an ổn. Còn sự biện luận để phân biệt phải quấy kém hơn, tuyệt nhiên lòng không nghĩ đến!

Chương IV

Đệ Tứ Yếu

Niệm Phật

Phải Quyết Định

Nguyễn Vãng Sanh

Khải Đề:

Sân lan trời ngả bóng chiều,
Cảm thân phù thế ít nhiều ngẩn ngơ!
Tranh đời dật mộng vẫn vợ,
Say đua danh lợi, mê mờ sắc thanh.
Cánh bèo sóng vỗ bập bênh,
Tại ai hay cũng gây nên bởi mình?
Bể trần là mấy phù sinh,
Thị phi thương ghét trong tình quần quanh.
Mà trông chiếc lá lìa cành,
Dinh hư cỗi tạm trong vành đó thôi!
Mà trông ngọn nước chảy trôi!
Mênh mang sáu nẻo biết rồi về đâu?
Kiếp người nào có bao lâu,
Nắng mưa thôi cũng dải dầu cỏ hoa!
Lầu sương nhạt ánh trăng tà,
Hoàng lương một giấc tỉnh ra ngổ ngàng!
Chi bằng về cỗi Liên Bang,
Sen khoe sắc ngọc, gió đàn pháp âm.
Trời giải thoát, cảnh thậm thâm,
An vui muôn kiếp tuyệt lầm lỗi xưa.

Chỉ câu niệm Phật đừng thưa,
Chỉ bền tin nguyện tam thừa bước lên.
Đài vàng sẵn đã ghi tên,
Cơ duyên sẵn đợi một nền đạo tâm.

Mục A.

Nguyện Thiết, Động Lực Chánh của Sự Vãng Sanh

Tiết 21: Tánh Cách Trọng Yếu Của Sự Phát Nguyện

Như trên đã nói, yếu chỉ của môn Tịnh Độ là Tín, Nguyện, Hạnh. Muốn vào cửa pháp này, trước tiên hành giả phải tin cõi Cực Lạc có thật, và đức A Di Đà luôn luôn hộ niệm, sẵn sàng tiếp dẫn chúng sanh nào quy kính, niệm sáu chữ hồng danh kêu gọi đến Ngài. Lòng tin như thế gọi là Tín. Sau khi đã có lòng tin, hành giả phải phát tâm chơn thiết cầu thoát ly cõi Ta Bà đầy khổ lụy chướng duyên, mong muốn sanh về miền Cực Lạc an vui, sự thanh tịnh trang nghiêm vô lượng, để tu tiến hoàn thành mục đích tự độ độ tha. Đó gọi là Nguyện. Và khi đã phát nguyện như thế, lại cần phải thiết thật xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà cho đến trình độ tâm Phật tương ứng, để được tiếp dẫn. Đây gọi là Hạnh. Chương trước nói "Niệm Phật phải dứt trừ lòng nghi" là thuyết minh về Tín. Chương này giảng luận về Nguyện. Chương kế sau tiếp tục đề cập đến phần hành trì, tức là Hạnh. Tín, Nguyện,

Hạnh còn gọi là ba món tư lương của môn Tịnh Độ. Ví như người đi xa phải cù bị chặn mùng thuốc men, thức ăn mặc, và tiền bạc, để có đủ sự cần dùng khi lên đường. Người tu Tịnh Độ cũng thế, thiếu lòng tin không thể phát Nguyện. Có Tín, Nguyện mà chẳng thật hành, tức tu phần Hạnh, chỉ là Tín, Nguyện suông. Và nếu Hạnh đầy đủ mà thiếu sót Tín, Nguyện thì sự thật hành đó lạc lõng, không có tiêu chuẩn, đường lối. Cho nên Tín, Nguyện, Hạnh là tư lương của kẻ đi đường xa về Cực Lạc. Đối với sự vãng sanh, ba điều này có tánh cách liên đới nhau, thiếu một, tất không thành tựu.

* Ngẫu Ích đại sư, một bậc tôn túc về Tịnh Độ đã dạy: "Được vãng sanh cùng chẳng toàn do Tín, Nguyện có hay không; phẩm vị thấp cao, đều bởi hành trì sâu hoặc cạn." Ngài lại bảo: "Nếu không Tín, Nguyện, dù trì niệm câu hồng danh cho đến gió thổi không vào, mưa sa chẳng lọt, vững chắc như tường đồng vách sắt, cũng không được vãng sanh." Người niệm Phật tinh chuyên mà thiếu Tín, Nguyện, tùy công phu sâu cạn kết quả chỉ được hưởng phước báo như thiên, khi hết phước vẫn phải bị luân hồi như cũ. Như tại Việt Nam ta, vào đời Hậu Lê, có một vị sư ở chùa Quang Minh, công hạnh niệm Phật tuy sâu mà vì nguyện tâm không chí thiết, nên khi mãn phần chuyển sanh làm một vị đế vương triều nhà Thanh bên Trung Hoa. Về sau nhà vua nhân dùng nước giếng của chùa ấy để rửa vết chửi son ghi tiền kiếp của mình trên vai, mới cảm khái làm mấy bài thi. Trong ấy có hai câu:

Ngã bản Tây Phương nhứt Phật tử,
Vân hà lạc tại đế vương gia?

Ý nói: Ta vốn là con của Phật A Di Đà ở Tây Phương, cố sao lại lạc vào nhà đế vương như thế này? Tuy vua biết kiếp trước mình là vị sa môn niệm Phật ở chùa Quang Minh, nhưng vì trong ngôi vị đế vương, cảnh phước lạc quá nhiều, nên cũng không tu hành được. Niệm Phật mà thiếu Tín, Nguyện kết quả là như thế! Cho nên, xét kỹ lại lời của Ngẫu Ích đại sư, ta thấy phẩm vị cao thấp không phải là vấn đề, mà vấn đề chính là: "Được vãng sanh cùng chăng." Mà muốn được vãng sanh, Tín Nguyện là điều kiện phải có, và điểm cần yếu nhất lại là chữ Nguyện. Đại sư lại nhấn mạnh: "Nếu Tín-Nguyện bền chắc, khi lâm chung, chỉ xưng danh hiệu mười niệm hay một niệm, cũng quyết được vãng sanh. Trái lại, công hành trì tuy vững như vách sắt tường đồng, mà Tín Nguyện yếu, kết quả chỉ hưởng được phước báo nhơn thiên mà thôi." Lời này chỉ rõ: thà Tín, Nguyện bền chắc, dù phần Hạnh kém ít cũng được vãng sanh giải thoát. Xem đây ta thấy, đối với người tu Tịnh Độ, tâm Nguyện chơn thiết có tánh cách trọng yếu là dường bao!

Tiết 22: Kinh Văn Khuyên Phát Nguyện

Về động lực hướng dẫn của chữ Nguyện, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong Kinh Hoa Nghiêm có nói: "Người này khi sắp mạng chung, trong khoảng sát na

rốt sau, tất cả các căn thầy đều tan hoại, tất cả quyến thuộc thầy đều lìa bỏ, tất cả oai thế thầy đều lui mất. Duy có nguyện vương này chẳng rời bỏ nhau, trong tất cả thời, nó đều dẫn dắt ở trước. Và trong khoảng một sát na, kẻ ấy liền được vãng sanh về thế giới Cực Lạc."

Bởi thấy rõ công dụng cần yếu của sự phát nguyện, nên trong Kinh A Di Đà, đức Thích Tôn cứ mãi nhắc đi nhắc lại điểm ấy, qua các đoạn văn như sau:

* "Lại nữa, Xá Lợi Phất! Chúng sanh về cõi nước Cực Lạc đều là hàng A Bệ Bạt Trí. Trong ấy có nhiều bậc Nhất Sanh Bồ Xứ, số lượng rất đông, không thể dùng toán số tính biết được, chỉ có thể lấy số không lường không ngần a tăng kỳ để nói mà thôi. Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe rồi, phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia. Bởi tại sao? Vì được cùng các bậc thượng thiện nhưn như thế đồng hợp một chỗ.

... Xá Lợi Phất! Ta thấy sự lợi ích đó, nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nào nghe lời nói đây, phải nên phát nguyện cầu sanh về quốc độ ấy.

... Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về nước Phật A Di Đà, những người đó hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, đều được không thối chuyển nơi quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ở cõi nước kia. Cho nên Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ

nhơn nếu có lòng tin, phải nên phát nguyện cầu sanh về quốc độ ấy."

Như trên, ta thấy đức Thích Tôn mãi nhắc đi nhắc lại hai chữ "phát nguyện" lời ý đều khẩn thiết. Cho đến phần kết cuộc của kinh văn, Ngài cũng vẫn đòi ba phen bảo phải phát nguyện cầu sanh. Tại sao thế? Vì nếu về cõi Cực Lạc, sẽ được ở cảnh giới vô cùng màu đẹp trang nghiêm, được thân kim cương đủ ba mươi hai tướng tốt, dứt hẳn nỗi khổ sanh già bệnh chết; được gần gũi Phật, chư đại Bồ Tát và hội hợp với các bậc thượng thiện nhơn; được thần thông Tam Muội, không còn thoái chuyển nơi quả vô thượng Bồ Đề. Bởi trí huệ của Phật nhìn thấy rất nhiều sự lợi ích như thế, Ngài mới vận lòng từ bi vì cứu độ loài hữu tình mà khuyên phát nguyện vãng sanh. Lòng từ bi mẫn của đức Thích Ca Thế Tôn, thật là vô lượng.

Tiết 23: Thử Xét Qua Những Tâm Nguyện Cầu Vãng Sanh

Nơi Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thích Tôn đã kể lược qua trong mười bốn quốc độ có bao nhiêu Bồ Tát được sanh về Cực Lạc. Riêng cõi Ta Bà này có sáu mươi bảy ức bậc Bất Thối Bồ Tát được vãng sanh, còn số tiểu hạnh Bồ Tát và những chúng sanh tu tập chút **ích** công đức được vãng sanh nhiều không xiết kể! Ở mười ba quốc độ kia, là cõi nước của các đức Phật như: Viễn Chiếu Như Lai, Bảo Tạng Như Lai, Vô Lượng Âm Như Lai, Cam Lô Vị Như Lai, Long Thắng Như Lai, Thắng

Lực Như Lai, Sư Tử Như Lai, Ly Cấu Quang Như Lai, Đức Thủ Như Lai, Diệu Đức Sơn Như Lai, Nhơn Vương Như Lai, Vô Thượng Hoa Như Lai, Vô Úy Như Lai; mỗi quốc độ có từ mười ức cho đến vô số Bồ Tát vãng sanh về Cực Lạc. Đây là chỉ kể những bậc đại Bồ Tát; còn hàng tiểu hạnh Bồ Tát và phàm phu thì nhiều không thể nói xiết được! Đức Phật lại bảo: "Đó là chỉ lược thuật qua trong mười bốn quốc độ. Nếu phải kể tất cả hàng Bồ Tát ở mười phương thế giới sanh về Cực Lạc, thì dù có nói luôn đêm ngày trong một kiếp cũng không thể hết!"

* Có người hỏi: - Như thế cõi Cực Lạc làm sao dung chứa cho xiết được?

- Xin đáp: Theo trong kinh, có đức Phật lấy một cõi đại thiên làm một Phật độ. Có đức Phật lấy nhiều hằng hà sa cõi đại thiên làm một Phật độ. Như Kinh Pháp Hoa nói, ngài Phú Lâu Na sau sẽ thành Phật hiệu là Pháp Minh Như Lai; đức Phật này lấy hằng hà sa cõi đại thiên thế giới làm một Phật độ. Đức Thích Ca Thế Tôn ta làm giáo chủ một cõi đại thiên gọi là Ta Bà, gồm một ngàn triệu thế giới nhỏ. Ngài hóa thân thành một ngàn triệu đức Thích Ca ở những thế giới nhỏ ấy, thị hiện từ lúc giáng sanh cho đến nhập Niết Bàn để thuyết pháp. Thế thì cõi Cực Lạc có thể bao gồm từ ức triệu đến hằng hà sa cõi đại thiên lo gì không đủ chỗ dung chứa! Lại nữa, y báo tùy nơi chánh báo mà hiện. Nếu số người vãng sanh đông nhiều bao nhiêu, tất cảnh giới cũng tùy đó mà hiện rộng rãi bấy

nhiều. Nguyên lực và phước lực của Phật A Di Đà vô biên, có thể tùy số vãng sanh mà trang nghiêm tịnh cảnh.

- Lại hỏi: Theo Kinh A Di Đà, mỗi phương trong mười phương thế giới, có hằng hà sa số chư Phật đều ở nơi quốc độ mình khen nói pháp môn Tịnh Độ, khuyên sanh về Cực Lạc. Như vậy, có thể đồng thời vô lượng chúng hữu tình đều vãng sanh, Phật A Di Đà làm sao tiếp dẫn cho xiết?

- Đáp: Như trên trời chỉ một vầng trăng mà từ nhiều biển, sông, ao, hồ to, cho đến mỗi hạt sương nhỏ, đều có bóng nguyệt và nhuần thấm ánh trăng. Lại tùy theo địa phương mình, mỗi người đều trông thấy và tiếp nhận được ánh trăng mát dịu. Lời xưa nói:

Hoa nở không phân nhà đối khó.
Trăng soi đồng sáng khắp non sông.

Phật A Di Đà cũng thế, với chân tâm sáng lặng bao hàm, Ngài có thể phóng vô lượng ánh quang minh, nhiếp thọ từ bậc đại Bồ Tát đến chúng sanh nhiều tội ác xưng niệm câu hồng danh, và đồng thời tùy cơ hiện ra số thân như vi trần tiếp dẫn vô lượng chúng hữu tình khắp mười phương sanh về Cực Lạc.

* Như trên, ta thấy chúng sanh sanh về Cực Lạc nhiều không thể kể xiết, còn hơn vô số điểm giọt mưa.

Nhưng xét chung về tâm nguyện cầu sanh của những vị ấy, ta có thể chia làm ba hạng:

Hạng thứ nhất, là những phàm phu thấp kém nhưng chân thật, không hiểu công đức cùng sự trang nghiêm ở Tịnh Độ, chỉ cảm nghĩ đời sống nhiều vất vả khổ nhọc, cõi Ta Bà đầy chán nản lo phiền, nên nguyện sanh về cõi nước thanh tịnh an vui.

Hạng thứ hai, tuy cũng là phàm phu nhưng có trí huệ và chí nguyện lớn, muốn sanh về Cực Lạc để bảo đảm thoát ly nẻo luân hồi, mau chứng đạo quả, hoàn thành chí nguyện tự độ độ tha.

Hạng thứ ba, gồm từ hàng tiểu thánh đã thoát ly vòng sống chết cho đến bậc Đăng Giác Bồ Tát, vì muốn mau tiến lên thượng địa, muốn học hỏi diệu pháp thành Phật, nên phát nguyện vãng sanh.

Như vậy, ta thấy cầu về Tịnh Độ không phải chỉ có hạng người vì chán cảnh khổ miền ngũ trược, mà cũng có hạng người vì thương xót muốn tế độ chúng sanh cõi Ta Bà; cho đến những bậc vì trên cầu Phật đạo, dưới độ quần mê ở khắp mười phương thế giới. Tuy sở nguyện có thấp cao, nhưng khi đã sanh về Cực Lạc, thì cũng đồng được sự lợi ích như nhau, nghĩa là tất cả đều không thối chuyển, đạt đến mục đích thành Phật lợi sanh. Cổ đức đã bảo: "Pháp môn Tịnh Độ rất cao thâm mầu nhiệm, duy có Phật với Phật mới biết hết được, vì bậc Đăng Giác còn nguyện vãng sanh, ngôi

Nhất Sanh Bồ Xứ còn phải trụ nơi miền Cực Lạc để học hỏi. Các kinh Đại Thừa như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bảo Tích v.v... đều khen ngợi Tịnh Độ và đề cập đến sự vãng sanh." Pháp môn đã vi diệu đem lại nhiều sự lợi ích như thế, tuy có vô lượng vô biên chúng hữu tình ở mười phương sanh về Cực Lạc, nhưng đức Thích Tôn chưa mãn ý, còn muốn cho số tín nguyện vãng sanh càng được nhiều hơn. Cho nên trong Kinh Vô Lượng Thọ, Ngài đã than thở và khuyến tấn:

Cõi Phật Vô Lượng Thọ
Hàng Thanh Văn, Bồ Tát
Công đức và trí huệ
Không có thể khen nói!
Lại nơi cõi nước kia
Nhiệm mầu cực an vui.
Sự thanh tịnh như thế,
Sao không gắng làm lành
Mà niệm đạo tự nhiên?...
Đều phải siêng tinh tấn
Gắng sức tự mong cầu
Vãng sanh cõi An Lạc.
Tất lên chỗ siêu tuyệt
Vượt ngang năm nẻo ác
Ác đạo tự nhiên đóng
Thăng đạo không cùng tận.
Dễ sanh mà không người!
Cõi kia không cảnh nghịch
Tự nhiên thuận tiến lên.
Sao không xả việc đời

Siêng tu cầu đạo đức?
Để được kiếp sống lâu
Thọ, vui không cùng cực...

Lại cũng trong Kinh Vô Lượng Thọ, để tỏ sự trân quý tuyệt vời của môn Tịnh Độ, đức Thế Tôn đã nói: "Giả sử có cơn lửa lớn cháy phừng đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, vì cầu nghe kinh pháp này phải vượt ngang qua nơi ấy, cũng nên vui vẻ tin ưa mà cầu, để được thọ trì đọc tụng, như lời dạy mà tu hành. Tại sao thế? Bởi vì có rất nhiều bậc Bồ Tát muốn nghe kinh này mà không được nghe. Nếu có chúng sanh nào được nghe và tín thọ kinh này, tất sẽ không thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng."

Kinh pháp đã quý báu có nhiều lợi ích như thế, nên đức Thế Tôn từng căn dặn sau khi Ngài diệt độ, không nên sanh lòng nghi hoặc đối với pháp này. Nhưng tiếc thay, có những kẻ học Phật chưa thấu đáo đã không tin, lại đem kinh này giải thích theo lối chấp lý bỏ sự, thành ra xuyên tạc hủy báng, thật đáng thương buồn! Các bậc tôn túc khi xưa đã nói: "Đối với môn Tịnh Độ, duy có hai hạng người được lợi ích. Một là hạng tối đốt nhưng chân thật chỉ nghe lời dạy liền một bề tin nhận mà hành trì theo. Hai là hạng trí huệ sâu có căn lành về Tịnh Độ, thông suốt tánh tướng, hiểu rõ công đức niệm Phật, nên quyết lòng tín phụng. Còn hạng trí thức thông thường, hiểu cho thâm đáo thì không hiểu thấu, mà tin như kẻ tối đốt họ lại không thể tin. Vì thế hạng này khó được sự lợi ích."

Nhưng, mọi sự đều có nhân duyên. Chỉ mong cho những vị được phước phận với môn này, sau khi nghe lời dẫn giải trên, càng củng cố thêm lòng tín nguyện.

Mục B.

Giới Thiệu Lời Văn Phát Nguyện Của Tiên Nhơn

Tiết 24: Văn Phát Nguyện Của Ngài Liên Trì Và Từ Vân

Trong mỗi thời khóa Tịnh Độ, sau khi trì niệm, hành giả liền lễ Phật cầu chứng minh, rồi quỳ xuống đọc lời văn sám nguyện hồi hướng. Phần này rất quan trọng, vì là lúc dùng tâm niệm mình đem công đức đã tu quy hướng về nơi mình mong muốn. Như chiếc thuyền trôi đi, tuy do kẻ chèo hay động cơ thúc đẩy, nhưng nó đến tiêu điểm nào là bởi người lèo lái. Phần phát nguyện của người tu Tịnh Độ, tức là giai đoạn dùng tâm niệm lái con thuyền niệm Phật hướng về Tây Phương. Nhưng có nhiều liên hữu không chú ý tới điểm này, lại tuyên đọc những bài văn có tính cách khuyến tu hơn là sám nguyện. Đại để như các bài: "Chốn thảo lư an cư dưỡng tánh" hay "Cuộc hồng trần xây vắn quá ngắn. Kiếp phù sinh tụ tán mấy lăm hồi" chẳng hạn. Đọc như thế là đã đi sai với nghi thức tu Tịnh Độ.

Nay xin giới thiệu ra đây ít bài văn Tịnh Độ của tiên đức khi xưa. Về văn phát nguyện, có vị thích lời văn dài để nương theo đó mà sanh tâm khẩn thiết, có vị lại ưa lời văn ngắn gọn mà đầy đủ ý nghĩa cầu sanh. Vì thế, bút giả xin chọn lựa hai bài theo tiêu chuẩn trên diễn dịch ra, để mong đáp ứng phần nào sở thích của hàng liên hữu.

* Bài văn phát nguyện của Liên Trì đại sư:

Cúi lạy phương Tây cõi An Lạc
Tiếp dẫn chúng sanh Đại Đạo Sư,
Nay con phát nguyện, nguyện vãng sanh
Nhờ lượng từ bi thương nhiếp thọ!

Nay con khắp vì, bốn ân ba cõi, pháp giới chúng sanh, cầu đạo Bồ Đề, Nhất Thừa của Phật; chuyên tâm trì niệm, hồng danh muôn đức, Phật A Di Đà, nguyện sanh Tịnh Độ. Lại bởi chúng con, nghiệp nặng phước khinh, chướng sâu huệ cạn, nhiễm tâm dễ động, tịnh đức khó thành, nay đối Từ Tôn, kính gieo năm vóc, bày tỏ một lòng, chí thành sám hối. Con và chúng sanh, khoáng kiếp đến nay, mê bản tịnh tâm, buông tham sân si, nhiễm dơ ba nghiệp, vô lượng vô biên, tội cấu đã gây, vô lượng vô biên, nghiệp oan đã kết, nguyện đều tiêu diệt. Nguyện từ hôm nay, lập thế nguyện sâu, xa lìa pháp ác, thề không còn tạo, siêng tu đạo thánh, thề chẳng biếng lui, thề thành chánh giác, thề độ chúng sanh. Xin đức Từ Tôn, dùng nguyện từ bi, chứng biết lòng con, thương xót đến con, gia bị cho

con. Nguyên khi thiên quán, hoặc lúc mộng mơ, được thấy thân vàng, A Di Đà Phật, được chơi cõi tịnh, của đấng Đạo Sư, được nhờ Từ Tôn, cam lộ rưới đầu, quang minh chiếu thể, tay xoa đánh con, áo đắp thân con, khiến cho chúng con, chướng cũ tự trừ, căn lành thêm lớn, mau tiêu phiền não, chóng phá vô minh, viên giác tâm mâu, sáng bừng mở rộng, tịch quang cảnh thật, thường được hiện tiền. Đến lúc lâm chung, biết ngày giờ trước, thân không tất cả, bịnh khổ ách nạn, tâm dứt tất cả, tham luyến mê hoặc, các căn vui đẹp, chánh niệm phân minh, xả báo an lành, như vào thiên định. Phật A Di Đà, Quán Âm Thế Chí, cùng chư Hiền Thánh, ánh lành tiếp dẫn, tay báu dắt dìu, lầu các, tràng phan, nhạc trời hương lạ, Tây Phương cảnh Phật, bày hiện rõ ràng. Khiến cho chúng sanh, kẻ thấy người nghe, mừng vui khen cảm, phát Bồ Đề tâm. Bấy giờ thân con, ngồi đài Kim Cang, bay theo sau Phật, khoảng khảy ngón tay, sanh vào sen báu, nơi ao Thất Bảo, ở cõi Tây Phương. Rồi khi hoa nở, thấy Phật Bồ Tát, nghe tiếng pháp mâu, chứng Vô Sanh Nhẫn, giây phút lại đi, thừa sự chư Phật, nhờ ân thọ ký. Được thọ ký xong, ba thân bốn trí, năm nhãn sáu thông, vô lượng trăm ngàn, môn Đà Ra Ni, tất cả công đức, thảy đều thành tựu. Từ đó về sau, không rời An Dưỡng, trở lại Ta Bà, phân thân vô số, khắp cả mười phương, dùng sức thần thông, tự tại khó nghĩ, và các phương tiện, độ thoát chúng sanh, đều khiến lìa nhiễm, chứng được tịnh tâm, đồng sanh Tây Phương, lên ngôi Bất Thối.

Nguyện lớn như vậy, thế giới không tận, chúng sanh không tận, nghiệp và phiền não, thầy đều không tận, đại nguyện của con, cũng không cùng tận. Nay con lễ Phật, phát nguyện tu trì, xin đem công đức, hồi thí hữu tình, bốn ân khắp báo, ba cõi đều nhờ, pháp giới chúng sanh, đồng thành chủng trí.

* Bài văn phát nguyện của Từ Vân sám chủ:

Một lòng quy mạng, thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà. Xin đem ánh tịnh soi chiếu thân con, dùng nguyện từ bi, mà nhiếp thọ con. Nay con chánh niệm, xưng hiệu Như Lai, vì đạo Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ. Xưa Phật lập thế: 'Nếu chúng sanh nào, muốn về nước ta, hết lòng tin ưa, xưng danh hiệu ta, cho đến mười niệm, như không được sanh, ta không thành Phật.' Nay con nguyện nương, nhân duyên niệm Phật, được vào biển thệ của đức Như Lai, nhờ sức Thế Tôn, tiêu trừ các tội, thêm lớn căn lành. Con nguyện lâm chung, biết ngày giờ trước, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo, như vào thiền định. Phật cùng Thánh chúng, tay bưng đài vàng, đến tiếp dẫn con. Trong khoảng sát na, con về Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, được nghe Phật Thừa, tỏ thông Phật huệ, độ khắp chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện.

Xin đem công đức trì tụng này
Hồi hướng bốn ân và ba cõi
Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh
Đều sanh Cực Lạc thành Phật đạo.

Tiết 25: Phát Nguyện Cần Phải Khẩn Thiết

Ngoài hai bài văn trên, còn có bài văn sau đây mà trong quyển Phật Thất Nghi cho là xưa nay đã có rất nhiều linh cảm. Có vị đang lúc đọc nguyện văn này, bỗng thấy các tướng lành; có vị trong giấc mơ thấy Phật A Di Đà phóng quang chiếu soi. Những sự cảm ứng như thế rất nhiều, không thể thuật ra hết. Đây là bài nguyện văn ấy:

"Đệ tử chúng con, hiện là phàm phu, trong vòng sanh tử, tội chướng sâu nặng, luân chuyển sáu đường, khổ không nói được. Nay gặp tri thức, được nghe danh hiệu, bản nguyện công đức, của Phật Di Đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh. Nguyện Phật từ bi, xót thương chẳng bỏ, phóng quang nhiếp thọ. Đệ tử chúng con, chưa biết thân Phật, tướng tốt quang minh, nguyện Phật thị hiện, cho con được thấy. Lại thấy tướng mầu, Quán Âm Thế Chí, các chúng Bồ Tát và thế giới kia, thanh tịnh trang nghiêm, vẻ đẹp quang minh, xin đều thấy rõ.

Con nguyện lâm chung không chướng ngại,
A Di Đà đến rước từ xa.
Quán Âm cam lồ rưới nơi đầu
Thế Chí kim đài trao đỡ gót.
Trong một sát na lìa ngũ trược,
Khoảng tay co duỗi đến liên trì.
Khi hoa sen nở thấy Từ Tôn
Nghe tiếng pháp sâu lòng sáng tỏ.

Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Nhẫn,
Không rời An Dưỡng lại Ta Bà.
Khéo đem phương tiện lợi quần sanh
Hay lấy trần lao làm Phật sự,
Con nguyện như thế Phật chứng tri.
Kết cuộc về sau được thành tựu".

* Nếu người dốt chữ, ký ức kém, không thể ghi nhớ dài dòng, nên khuyên dạy họ học thuộc lòng câu phát nguyện sau đây: "*Ngày... tháng... năm..., đệ tử... nguyện đem công đức này cầu khi mãn phần được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc để trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh.*" Câu nguyện vẫn tắt kèm theo ngày tháng năm như trên, có tác dụng gây ý thức mạnh, khiến người niệm Phật lúc nào tâm tư cũng hướng về Cực Lạc, hằng nhớ đến sự vãng sanh. Chi tiết nhỏ này cũng là một phương tiện làm cho sức nguyện thêm mạnh mẽ bền chắc.

Phàm khi phát nguyện, phải từ trong thâm tâm khẩn thiết nói ra, nếu chỉ tùy tiện đọc cho xong, lòng không khẩn thiết, tất hạnh niệm Phật cũng khó chân thành. Ấn Quang pháp sư đã bảo: "Thành khẩn là yếu tố để đi đến nhất tâm bất loạn. Có một phần thành khẩn, tiêu một phần tội nghiệp, sanh một phần phước huệ. Có mười phần thành khẩn, tiêu mười phần tội nghiệp, sanh mười phần phước huệ." Người xưa cũng nói: "Thành tâm sở chí, kim thạch vị khai"; ý nói: sức thành khẩn hướng đến đâu, có thể chẻ núi, phá vàng đến đó. Sự quyết tâm có năng lực rất mạnh. Bút giả nhớ trong

quyển sách nọ có kể chuyện một vị bác sĩ bên Pháp tuổi trẻ, góa vợ, buồn lòng đến miền quê du ngoạn để giải khuây. Nhân khi ngụ ở nhà người thợ rèn, thấy cô gái con gia chủ có sắc đẹp, mới tỏ thật chuyện mình, xin cưới cô này làm vợ, và được chấp thuận. Nhưng lúc chưa làm lễ cưới, bác sĩ đã ăn nằm với cô gái, rồi bỏ về đô thị. Người thợ rèn thấy con gái bụng ngày một lớn, chàng sở khanh tuyệt tích như cánh chim hồng, nghĩ mình nhà nghèo thế yếu không thể kiện thưa, tức giận quá, mỗi buổi chiều cầm búa đập vào tấm sắt kêu gọi tên vị bác sĩ đòi đánh bể đầu, để tiết bớt niềm phần hận. Nhưng ở đô thành cứ vào năm giờ chiều, vị bác sĩ nọ bỗng ôm đầu rên la, chữa trị đủ cách vẫn không khỏi. Sau người bạn của bác sĩ trong lúc về thăm quê, vào buổi chiều đi ngang nhà thợ rèn nghe tiếng đập sắt và kêu gọi tên bạn mình trách mắng, mới vào gạn hỏi. Khi hiểu rõ sự việc, suy gẫm ra biết nguyên nhân căn bệnh của bạn mình. Ông về khuyên vị bác sĩ phải đến xin lỗi và cưới cô gái con người thợ rèn. Sau khi hôn lễ thành, bệnh vị bác sĩ mới khỏi.

Ấy tâm lực có sức mạnh vô hình như thế. Nếu ý thức câu chuyện trên mà chí tâm phát nguyện niệm Phật, lo gì không được sự cảm thông! Tóm lại, tín nguyện là huệ hạnh, niệm Phật là hành hạnh; huệ hạnh như đôi mắt, hành hạnh như đôi chân. Chân và mắt phải nương nhau, nguyện cùng hạnh đều khẩn thiết, như thế mới đi đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Chương V

Đệ Ngũ Yếu

Niệm Phật Phải Hành Trì Cho Thiết Thật

Khải Đề:

Lặng ngồi chốn tĩnh lâu
Trắng sáng, gió canh thâu!
Bát Nhã hương lòng nhẹ.
Lãng Già niệm ý sâu
Phật, Tâm chung một vẻ
Thiền, Tịnh chẳng hai mầu
Ngưng chuỗi, thâm riêng hỏi
Hoa đêm điểm điểm đầu...

Mục A.

Môn Niệm Phật Với Tứ Đoạt Và Tứ Hạnh

Tiết 26: Hạnh Tinh Chuyên Cũng Là Điểm Không Thể Thiếu

Như trên đã nói, điểm thiết yếu của môn Niệm Phật là phải phát nguyện vãng sanh. Nếu nghĩ rằng: "Ta chỉ cần niệm hồng danh muôn đức của Phật A Di Đà cho

thật nhiều, tự nhiên sẽ có vô lượng công đức; dù không vãng sanh, công đức ấy cũng chẳng mất." Nghĩ như thế là sai lầm nguy hiểm và thiếu trí huệ. Bởi có hạnh mà không nguyện thì công đức ấy sẽ biến thành phước báo ở đời sau. Đời thứ hai đã hưởng si phước tất dễ tạo nghiệp, sang đời thứ ba nhất định phải bị đọa lạc tam đồ, đó là điều sai lầm, nguy hiểm! Vì thế, ở trên mới gọi tín nguyện là "huệ hạnh".

* Đã có đủ Tín Nguyện mà thiếu phần Hạnh, ví như chiếc thuyền có lái không chèo, cũng không thể vãng sanh. Có kẻ nghe nói: "Chỉ cần tín nguyện chân thiết, khi lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết được sanh Tây Phương", thì liền nghĩ rằng: "Nếu như thế cần chi phải vội gấp, để lúc sắp chết niệm Phật cũng được!" Ý niệm này cũng sai lầm, bởi vì quá xem thường hành môn Niệm Phật. Phải biết, điểm quan yếu để vãng sanh, theo trong kinh văn là: "Người ấy khi lâm chung lòng không điên đảo" (Thị nhơn chung thời tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ - Kinh Phật Thuyết A Di Đà). Như quả lúc lâm chung lòng không điên đảo, thì niệm mười niệm hay một niệm cũng được vãng sanh. Nhưng ai dám bảo rằng: mình khi lâm chung lòng không điên đảo? Nếu lúc bình thời không tinh chuyên dụng công, đến khi mạng chung, bốn đại phân ly, sức nghiệp dồn dập, thân tâm bị sự khổ làm cho kinh hoàng mê loạn, sợ e một niệm cũng không thể thật hành, huống chi mười niệm? Như muốn cho khi lâm chung có phần bảo đảm, lúc bình thời hành giả phải

ting chuyên niệm Phật cho nhiều, và gắng tu tập trình độ "nhứt tâm bất loạn". Bằng chỉ đợi khi sắp chết mới niệm, trên đạo lý nói ra thì cố nhiên suốt thông, nhưng lại e trên sự thật chẳng phải là đơn giản. Cho nên các hành giả niệm Phật phải gắng dụng công, đừng lơ là khinh thường sự hành trì, mà rước lấy nỗi thất bại.

Tiết 27: Niệm Phật Với Tứ Đoạt

Môn Niệm Phật vãng sanh là giáo pháp viên đốn Đại Thừa, bởi người tu lấy sự giác ngộ nơi quả địa làm điểm phát tâm ở nhân địa. Từ một phàm phu trong tứ sanh lục đạo, nhờ Phật tiếp dẫn mà lên ngôi Bất Thối, đồng hàng với bậc thượng vị Bồ Tát; nếu chẳng phải chính miệng Phật nói ra, ai có thể tin được? Bởi muốn vào vị Sơ Trụ lên ngôi Tín Bất Thối người tu các giáo môn khác phải trải qua một muôn kiếp, mà mỗi đời đều phải liên tục tinh tấn tu hành. Nếu nói đến Vị Bất Thối, Hạnh Bất Thối, Niệm Bất Thối lại còn xa nữa! Về môn Tịnh Độ, hành giả đã tin tha lực lại dùng hết tự lực, tất muôn tu muôn người vãng sanh, siêu thoát luân hồi không còn thối chuyển.

Nếu dùng hạnh Niệm Phật để phát minh tâm địa, ngộ tánh bản lai, thì tông Tịnh Độ không khác với các tông kia. Còn dùng Niệm Phật để vãng sanh cõi Phật, thì tông này lại có phần đặc biệt.

Cổ đức bảo:

1. Sanh tất quyết định sanh, về thật không có về: là đoạt cảnh chẳng đoạt người.
2. Về tất quyết định về, sanh không thật có sanh: là đoạt người chẳng đoạt cảnh.
3. Về thật chẳng có về, sanh cũng thật không sanh: là cảnh và người đều đoạt.
4. Về tất quyết định về, sanh cũng quyết định sanh: là cảnh và người đều không đoạt.

Trên đây là bốn câu gián trạch và Tứ Đoạt của môn Tịnh Độ. Chữ "đoạt" có nghĩa là: thông suốt lý thể. Bởi toàn thể pháp giới là nhứt tâm, người và cảnh đều như huyễn, nếu thấy có người vãng sanh, có cảnh để sanh về, là còn chấp nhờn chấp pháp, phân biệt kia đây, nên gọi là "không đoạt", tức không thông suốt lý thể. Và trái lại, tức là đoạt. Tiên đức nói: "Có niệm đồng không niệm. Không sanh tức là sanh. Chẳng phiên [dời](#) nửa bước. Thân đến Giác vương thành", tức là ý này.

Người và cảnh đều đoạt, là mức cao tuyệt của hành giả niệm Phật. Nhưng y theo ba kinh Tịnh Độ và Thiên Thân Luận (Kinh Phật Thuyết A Di Đà, Vô Lượng Thọ, và Quán Vô Lượng Thọ - Thiên Thân Luận tức Vãng Sanh Luận hay Vô Lượng Thọ Kinh Luận) thì nên lấy "người và cảnh đều không đoạt" làm tông, mới hợp với ý nghĩa hai chữ "vãng sanh". Bởi đức Như Lai biết

hàng phàm phu ở cõi ngũ trước, nhứt là thời mật pháp này, nghiệp chướng sâu nặng, lập cảnh tướng để cho y theo đó trụ tâm tu hành, còn khó có kết quả nói chi đến việc lìa tướng ư? Phàm phu đời mật pháp trụ tướng mà tu tất hạnh nguyện dễ khăn thiết, kết quả vãng sanh cũng dễ đoạt thành. Khi về Tây Phương, chừng ấy lo gì không được chứng vào thể vô sanh vô tướng? Nếu chưa phải là bậc thượng căn lợi trí, vội muốn cầu cao, thích lìa tướng tu hành tất tâm không nương vào đâu để sanh niệm khăn thiết, nguyện đã không thiết làm sao được vãng sanh. Không vãng sanh chỉ khỏi cảnh luân hồi khổ lụy? Ấy là muốn mau trở thành chậm, muốn cao trái lại thấp, muốn khéo hóa ra vụng đó! Nhiều kẻ ưa nói huyền lý, thường bác rằng: "Niệm Phật cầu sanh là chấp tướng ngoài tâm tìm pháp, chẳng rõ các pháp đều duy tâm." Những người này ý muốn diệu huyền, nhưng kỳ thật lại thành thiên cận! Bởi họ không rõ Ta Bà đã duy tâm thì Cực Lạc cũng duy tâm, tất cả đâu ngoài chân tâm mà có? Vậy thì niệm Phật A Di Đà là niệm đức Phật trong tâm tánh mình, về Cực Lạc tức về nơi cảnh giới của tự tâm, chớ đâu phải ở ngoài? Ta Bà và Cực Lạc đều không ngoài tâm, thì ở Ta Bà để chịu sự điên đảo luân hồi, bị ngọn lửa ngũ trước đốt thiêu, sao bằng về Cực Lạc an vui, hưởng cảnh thanh lương tự tại? Nên biết đúng tư cảnh để tôn sùng, duy tâm Tịnh Độ, phải là bậc đã chứng pháp tánh thân, mới có thể tự tại trong mọi hoàn cảnh. Chừng đó dù trụ Ta Bà hay Cực Lạc cũng đều là Tịnh Độ, là duy tâm, là giải thoát cả. Bằng chẳng thế thì dù có nói huyền nói diệu vẫn không khỏi

sự hôn mê khi cách ấu, rồi tùy nghiệp luân hồi chịu khổ mà thôi!

Tiết 28: Niệm Phật Với Tứ Hạnh

Sở thích và túc căn của chúng sanh vẫn thường sai biệt cho nên tuy đồng tu hạnh Niệm Phật, sự hành trì chẳng khỏi có điểm không giống nhau. Vì thế, trên đường Tịnh Độ, cổ nhơn đã khái ước chia thành bốn hạnh là: Thiền Tịnh, Giáo Tịnh, Mật Tịnh và Thuần Tịnh.

1. Những vị lấy niệm Phật làm chánh, tham thiền làm phụ, thuộc về hạnh Thiền Tịnh. Đây cũng là lối Thiền Tịnh song tu, nhưng lại lấy sự vắng sanh Tịnh Độ làm yếu điểm chung cuộc, còn việc thấy tánh ngộ đạo chỉ thuộc phần tùy duyên.

2. Những vị lấy niệm Phật làm chánh, tụng kinh làm phụ, gọi là tu hạnh Giáo Tịnh. Về phần kinh giáo, có người thích tụng Kinh Kim Cang hay Di Đà; có vị thích tụng Hoa Nghiêm hay Pháp Hoa, hoặc phẩm Phổ Môn hay Phổ Hiền Hạnh Nguyên chẳng hạn.

3. Những vị lấy niệm Phật làm chánh, trì chú làm phụ, đó là tu về hạnh Mật Tịnh. Trong sự trì chú, mỗi người lại ưa thích riêng mỗi môn Đà Ra Ni, như: Đại Bi, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, Công Đức Bảo Sơn, Văn Thù Ngũ Thanh thần chú, Lục Tự Đại Minh chân ngôn, hoặc các Đà Ra Ni khác.

4. Những vị chỉ chuyên niệm Phật, không xen tạp môn nào khác, thuộc về các hành giả tu hạnh Thuần Tịnh.

Trong đây các vị căn cơ cao thì theo Thập Lục Quán, còn đại đa số chỉ chuyên về hạnh Trì Danh.

* Thiện Đạo hòa thượng và Vĩnh Minh thiền sư bên Trung Hoa, tương truyền đều là hóa thân của Phật A Di Đà. Nhưng Thiện Đạo hòa thượng chỉ dạy chuyên niệm Phật; Vĩnh Minh thiền sư thị hiện mỗi ngày ngoài việc niệm mười muôn câu Phật hiệu, còn tu các hạnh khác, tất cả gồm 108 môn. Ấn Quang pháp sư đã phê phán: "Đồng dạy về Tịnh Độ, nhưng lối khai thị của ngài Thiện Đạo là để tiếp dẫn hàng trung, hạ căn thuộc về chuyên tu. Còn lối khai thị của ngài Vĩnh Minh để riêng khuyến tấn bậc thượng thượng căn, thuộc về viên tu." Người đời mặt pháp phần nhiều là bậc trung, hạ căn. Vì thế, với bốn hạnh trên, nếu muốn chắc chắn được vãng sanh, có lẽ nên tu theo đường lối Thuần Tịnh. Nhưng đã nói sở thích và túc căn của mỗi người đều sai biệt, không thể ép buộc được, thì mặc dù có kiêm tu hạnh khác, hành giả Tịnh Độ cũng cần lưu ý đến hai phần chánh và trợ cho phân minh. Mà phần chánh phải luôn luôn lấn nhiều hơn phần trợ. Như thế đường tu mới không mất mục tiêu và sự vãng sanh cũng không bị chướng ngại.

Mục B.

Khái Luận Về Các Phương Pháp Niệm Phật

Tiết 29: Bốn Môn Niệm Phật

Niệm Phật không phải chuyên chỉ về miệng niệm, mà dùng tâm để tưởng niệm, cũng là niệm Phật. Cho nên trong môn Niệm Phật ngoài phương pháp Trì Danh, còn có ba pháp khác nhau nữa là: Thật Tướng, Quán Tướng và Quán Tượng.

1. Thật Tướng Niệm Phật, tức là nhập vào Đệ Nhất Nghĩa tâm, là niệm tánh Phật bản lai của chính mình. Đây là quán pháp thân thật tướng của Phật, kết quả sẽ chứng được Chân Như Tam Muội. Phương pháp này vẫn thuộc về Thiền, nhưng cảnh giới do tâm Thiền hiển lộ lại là Tịnh Độ, nên cũng nhiếp về Tịnh Độ. Pháp này không gồm thâm bậc trung, hạ căn, và nếu không phải là bậc thượng thượng căn, tất không thể ngộ nhập. Vì thế trong tông Tịnh Độ ít có người đề xướng, mà phần hoằng hóa lại thuộc về các vị bên Thiền Tông. Nhưng theo thiền ý: khi còn đi trên đoạn đường hành trì chưa đạt đến địa vị Viên Giác, thì tất cả pháp môn đều thuộc về phương tiện, niệm Phật cũng là phương tiện mà tham thiền cũng là phương tiện. Theo ba kinh Tịnh Độ, đức Thích Tôn mở phương tiện chỉ bày cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, khuyên chúng hữu tình nên niệm Phật cầu sanh về thế giới ấy để không còn bị luân hồi, mượn cảnh duyên thắng diệu tiếp tục tu hành mau tiến lên Phật quả. Niệm Phật

ting chuyên cũng tỏ ngộ như bên Thiền Tông, nhưng điểm chánh yếu của môn Niệm Phật là cầu vãng sanh, còn tỏ ngộ được bao nhiêu cũng thuộc về phần thứ yếu. Cho nên pháp Thật tướng niệm Phật, luận về chỗ cứu cánh, vẫn nhiếp thuộc Tịnh Độ. Nhưng nếu nói đến phương tiện vãng sanh nó vẫn chưa chính thức thuộc về Tịnh Độ, như ý nghĩa ba kinh Tịnh Độ mà đức Thích Tôn đã đề xướng. Có lẽ do điểm này nên chư Tổ bên Tịnh Tông chỉ đề cập để cho rộng thêm về nghĩa lý Tịnh Độ, mà không rộng tuyên hóa để khuyên người tu chăng?

2. Quán Tưởng Niệm Phật, là chiếu theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, để quán tưởng y báo chánh báo nơi cõi Cực Lạc. Trong kinh này có dạy mười sáu phép quán, nếu quán hạnh được thuần thực, thì lúc mở mắt hay nhắm mắt hành giả đều thấy cảnh Cực Lạc hiện tiền, tâm thần dạo chơi nơi cõi tịnh, khi mạng chung quyết định sẽ vãng sanh. Công đức của pháp này lớn lao không thể nghĩ bàn, nhưng vì cảnh quán quá vi tế, sâu mầu, nên ít người hành trì được thành tựu. Bởi đại để trong ấy có năm điều khó. Điều thứ nhất, nếu căn độn tất khó thành tựu. Điều thứ hai, nếu tâm thô tất khó thành tựu. Điều thứ ba, nếu không biết khéo dùng phương tiện xoay chuyển trong khi tu, tất khó thành tựu. Điều thứ tư, nếu ghi nhận ấn tượng không sâu, tất khó thành tựu. Điều thứ năm, nếu tinh lực yếu kém, tất khó thành tựu. Trong năm điều kiện này, ít có người được đầy đủ, nên phép Quán Tưởng xét lại cũng thuộc về môn khó hành trì.

3. Quán Tượng Niệm Phật, là phương thức đem một bức tượng Phật A Di Đà để trước mặt, ghi nhận mọi nét của bức tượng ấy, rồi quán tưởng cho đến khi dù không có tượng, lúc mở mắt nhắm mắt đều thấy hình tượng Phật hiện rõ nơi trước. Phương pháp này cũng khó, vì cần phải có tinh lực mạnh, ký ức sâu, và trí phương tiện khéo. Đã có người áp dụng cách thức này, nhưng vì không khéo dùng phương tiện thay đổi, bị hư hỏa xông lên, mang chứng bệnh nhức đầu khó trị. Nhưng xét lại dùng pháp Quán Tượng để vắng sanh, trong kinh không thấy nói. Đây chỉ là cách thức phụ giúp cho sự trì danh hiệu Phật, để hành giả tâm không tán loạn, dễ được chánh niệm mà thôi. Nếu người tu, với lòng tinh thành, cũng có thể được cảm ứng, tiêu tội nghiệp sanh phước huệ, từ nơi hình tượng giả mà thấy được Phật tướng thật và được vắng sanh.

4. Trì Danh Niệm Phật, là phương pháp niệm ra tiếng hay niệm thầm bốn chữ hoặc sáu chữ hồng danh "Nam Mô A Di Đà Phật." Trì bốn chữ "A Di Đà Phật" được điểm lợi dễ nhiếp tâm; trì đủ sáu chữ được điểm lợi dễ phát khởi sự kính thành cơ cảm. Phương pháp này trong kinh Phật Thuyết A Di Đà, đức Thích Tôn đã đề xướng, hiện đang được thông dụng nhất.

* Xét qua bốn phương pháp niệm Phật, pháp Thật Tướng và Quán Tượng trong ba kinh Tịnh Độ không thấy nói, chỉ có Kinh Niệm Phật Tam Muội, quyển Phổ Hiền Quán Hạnh Ký và một vài kinh luận khác đề

cập đến mà thôi. Nhưng cả hai cũng chỉ là phương tiện thứ yếu, để nói rộng thêm về giáo nghĩa niệm Phật, không phải đường lối chánh thức của môn Tịnh Độ mà chư Tổ bên Liên Tông hằng tuyên dương. Pháp Thật Tướng duy có tác dụng suy diễn sâu rộng về ý nghĩa niệm Phật, lại quá cao thâm, không trùm khắp ba căn, đi lạc về bên Thiền. Pháp Quán Tượng chỉ là cách thức phụ trợ, lại cũng không dễ thật hành. Đối với người tu Tịnh Độ, hai môn ấy không được thích nghi. Phương pháp Quán Tượng tuy do Phật tuyên dương, công đức vô lượng nhưng chỉ để dành cho bậc thượng căn, người thời mạt pháp ít ai hành trì được. Kết yếu, duy môn Trì Danh Niệm Phật đã gồm khắp ba căn, lại đặc hiệu mau lẹ, ai cũng có thể thật hành. Trì Danh nếu tinh thành sẽ có cảm cách, hiện tiền thấy ngay chánh báo y báo cõi Cực Lạc, tỏ ngộ bản tâm, đời nay dù chưa chứng thật tướng, sau khi vãng sanh cũng quyết được chứng. Vì thế Ấn Quang đại sư, vị Tổ thứ mười ba của Liên Tông, đã khen:

Chỉ duy trì danh mà chứng Thật Tướng,
Không cần quán tượng cũng thấy Tây Phương!

Cổ đức cũng phê luận: "Môn Tịnh Độ là con đường tắt để chứng đạo trong các pháp môn, mà pháp Trì Danh lại là con đường tắt trong môn Tịnh Độ." Hiện nay phương pháp này là đường lối thông hành nhất trong môn Niệm Phật.

Tiết 30: Mười Phương Thức Trì Danh

Như đã nói, môn Trì Danh là pháp tu Tịnh Độ phổ thông nhất hiện nay. Nhưng Trì Danh cũng được áp dụng với nhiều cách thức khác nhau tùy theo căn tánh của mỗi người, mà bút giả xin gạn lọc lại qua mấy phương pháp như sau:

1. **Phản Văn Trì Danh:** - Phương pháp này, miệng vừa niệm, tai vừa nghe vào trong, kiểm soát từng chữ từng câu cho rành rẽ rõ ràng hết câu này đến câu khác. Nghe có hai cách, hoặc dùng tai nghe, hoặc dùng tâm để nghe. Tuy nghe vào trong nhưng không trụ nơi đâu, lần lần quên hết trong ngoài, cho đến quên cả thân tâm cảnh giới, thời gian không gian, chỉ còn một câu Phật hiệu. Cách thức phản văn, khiến cho hành giả dễ gạn trừ vọng tưởng, mau được nhất tâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Chân giáo thể phương này, thanh tịnh do nghe tiếng. Muốn chứng vào Tam Muội, nên như thế tu hành" chính là ý trên đây.

2. **Sổ Châu Trì Danh:** - Đây là cách thức miệng vừa niệm tay vừa lần chuỗi, ban đầu ý niệm còn ràng buộc nơi tràng hạt, sau lần buông bỏ đi đến cảnh nhất tâm. Phương pháp sổ châu khiến cho niệm lực mạnh mẽ, ví như người yếu chân đi núi, nhờ nương cây gậy mà tiến bước lên cao mãi. Niệm cách này lại cần phải ghi số mỗi thời hoặc mỗi ngày là bao nhiêu câu. Ghi số có điểm lợi là bắt buộc người tu phải giữ định số, trừ được bịnh biếng trễ; nhưng cần chú ý đừng quá tham

mau, tham nhiều mà niệm không được rành rẽ, rõ ràng. Người xưa tuy niệm nhiều nhưng cũng ở trong sự rành rẽ, do nhờ hai điểm là: thuần thực và định tâm. Ngẫu Ích đại sư vị Tổ thứ chín của Liên Tông, từng khai thị: "Muốn đi đến cảnh giới nhất tâm bất loạn, không có cách chi kỳ diệu khác. Trước tiên hành giả cần phải lần chuỗi ghi số, niệm niệm rành rẽ rõ ràng, mỗi ngày hoặc ba muôn, năm muôn, cho đến mười muôn câu, giữ khóa trình quyết định chẳng thiếu, thề một đời không thay đổi. Niệm như thế lâu ngày lần lần thuần thực, không niệm vắn tự niệm, chừng ấy ghi số hay không ghi số cũng được. Và niệm như thế kèm thêm tín nguyện tha thiết, mà không được vãng sanh, thì chư Phật ba đời đều mang lỗi nói dối. Khi đã vãng sanh, tất cả pháp môn đều được hiện tiền. Nếu ban sơ vì cầu cao tự ý, muốn tỏ ra không trước tướng, muốn học theo lối viên dung tự tại, đó là tín nguyện chẳng bền sâu, hành trì không hết sức; dù có giảng suốt mười hai phần giáo, giải ngộ một ngàn bảy trăm công án, cũng là việc ở bên bờ sanh tử mà thôi."

Lời khuyên dạy này thật là cây kim chỉ nam cho người niệm Phật.

3. Tùy Tức Trì Danh: - Niệm Phật thâm hay niệm se sẽ tiếng, nương theo hơi thở, mỗi hơi thở ra vào đều một câu Phật hiệu; đó là ý nghĩa của Tùy Tức Trì Danh. Bởi mạng sống con người liên quan với hơi thở, nếu biết nương theo đây mà niệm, thì khi sống hằng không rời

Phật, lúc lâm chung tắt hơi vừa tắt, liền về cảnh giới Liên Bang. Nhưng nên chú ý là phương thức này khi tập đã thuần thục, cần niệm ra tiếng, chớ không nên chỉ niệm thầm. Như thế niệm lực mới mạnh, ý nguyện cầu sanh dễ được phát khởi. Bằng không, ý niệm vắng sanh sẽ khó tha thiết và sợ e lại lạc vào công dụng Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu Thừa.

4. Truy Đánh Trì Danh: - Khi dùng cách này, nên niệm nhỏ nhỏ tiếng, mỗi chữ mỗi câu đều kế tiếp nhau liên tủa chặt chẽ, thành hình thế chữ sau đuổi theo chữ trước, câu nọ gối đầu câu kia nên gọi là Truy Đánh. Áp dụng phương thức như thế, nhờ sự kín đáo bền chặt, trung gian không xen hở, nên tập niệm không có chỗ len vào. Dùng đến pháp này, thì tình ý khẩn trương, tâm miêng dũng tiến, oai lực của chánh niệm bao trùm tất cả, khiến cho nghiệp tướng vô minh tạm thời chìm lắng, ánh mầu Tam Muội bộc phát chiếu xa. Từ xưa người tu tịnh nghiệp trong lúc tình tướng mê mang rối loạn, thường dùng cách thức này.

5. Giác Chiếu Trì Danh: - Niệm theo Giác Chiếu là một mặt niệm Phật, một mặt hồi quang soi trở lại chân tánh của mình. Do niệm như thế, hành giả sẽ đi vào cảnh giới hư linh siêu tuyệt, chỉ còn cảm giác thân tâm của mình cùng chân tâm Phật ngưng đọng thành một khối, sáng tròn rỗng, đầy rộng mê mang. Khi đó phòng nhà vật dùng thấy đều ẩn mất, cho đến thân giả tứ đại của ta cũng không biết rơi lạc vào chỗ nào. Niệm theo đây thì báo thân chưa mãn đã chứng tịch

quang, Phật hiệu vừa tuyên liền vào Tam Muội. Dem thân phàm phu mà dự vào cảnh thánh, thật không chi mau lẹ hơn phương pháp trên đây. Song chỉ tiếc, nếu chẳng phải bậc thượng thượng căn tất không thể lãnh hội thật hành, nên phần độ cơ của cách thức này vẫn còn sơ hẹp.

6. Lễ Bái Trì Danh: - Phương thức này là vừa lay vừa niệm Phật. Hoặc niệm một câu lay một lay, hoặc một mặt niệm một mặt lay, không luận câu Phật nhiều hay ít. Cách lễ Phật lại phải hết sức nhẹ nhàng chậm rãi, lễ niệm song hành, thân miệng hợp nhứt. Nếu thêm vào đó ý thành khẩn tha thiết, thì thành ra ba nghiệp đều tập trung, ngoài câu Phật hiệu không còn một tơ hào vọng niệm. Phương pháp này có sở năng phá trừ hôn trầm, công đức và hiệu lực rất to lớn, vì hành giả vận dụng cả ba nghiệp để trì niệm. Cư sĩ Vương Nhật Hưu khi xưa từng áp dụng cách trên đây, mỗi ngày đêm ông lễ niệm trung bình là một ngàn lay. Nhưng dường như đây là lối niệm đặc biệt của hạng người tâm lực tinh tấn, thiếu khả năng ấy tất khó vững bền, bởi lay lâu thân thể mỗi nhọc, dễ sanh chán nản. Cho nên thông thường, cách thức này chỉ hợp kiêm dụng, khó bề chuyên dụng.

7. Ký Thập Trì Danh: - Đây là cách niệm ký số, cứ lấy mỗi mười câu làm một đơn vị. Người hơi ngắn có thể niệm thành hai lượt, mỗi đoạn năm câu; hoặc chia ra ba lượt, hai đoạn ba câu một đoạn bốn câu. Sau khi niệm đủ mười câu, đều lần qua một hạt chuỗi. Niệm

theo lối này, tâm đã niệm Phật, lại còn phải ghi nhớ số. Như thế dù không chuyên cũng bắt buộc phải chuyên, nếu không chuyên thì số mục liền sai lạc. Cho nên pháp này đại để là một phương tiện cưỡng bức cho hành giả chuyên tâm, rất có công hiệu với những kẻ nhiều tạp niệm. Ấn Quang đại sư thường khuyên các liên hữu áp dụng cách thức trên đây.

8. Liên Hoa Trì Danh: - Lấy bốn sắc hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, vừa niệm vừa tưởng, luân lưu chuyển tiếp, là danh nghĩa của lối niệm trên đây. Hành giả khi niệm câu Phật hiệu thứ nhất, tưởng trước mặt mình hiện ra một đóa sen xanh to lớn phóng ánh sáng xanh. Câu thứ hai, tưởng hoa sen vàng phóng ánh sáng vàng. Cho đến câu thứ ba thứ tư, là hoa sen đỏ, trắng, màu nào phóng ánh sáng ấy. Kế tiếp tục tưởng lại hoa sen màu xanh, cứ như thế luân lưu mãi. Đồng thời khi hoa hiện, lại tưởng có hương sen thanh nhẹ phưởng phất xung quanh. Bởi có nhiều hành giả trong Liên Hoa Tông dùng mọi pháp thức vẫn khó ngăn được tạp niệm, nên cổ nhơn mới phát minh ra lối niệm này. Đây là cách dùng hình sắc thay đổi để buộc tâm tưởng cho chuyên nhất, và hình sắc này lại lấy tướng hoa sen nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc "Một câu Di Đà, một đóa bảo liên", bởi hoa sen Tịnh Độ hiện thành không rời hoa sen công đức của tâm niệm Phật. Và khi mạng chung, thân thức của hành giả sẽ nường hoa sen báu ấy mà sanh về Cực Lạc. Chư liên hữu nếu thấy có duyên với phương thức trên đây, nên áp dụng để mau đi vào Niệm Phật Diệu Liên Hoa Tam Muội.

9. Quang Trung Trì Danh: - Vì có hành giả khi nhắm mắt niệm Phật, thường bất chợt thấy những hình tướng ô uế, hoặc màu sắc đen tối xao động nổi lên, nên cổ đức mới truyền dạy cho cách thức này. Đây là phương pháp vừa niệm Phật, vừa tưởng mình đang ngồi giữa vùng ánh sáng trong suốt to rộng. Khi tâm đã an định trong vùng quang minh ấy, hành giả cảm thấy thần trí sáng suốt mát mẻ, không những tạp tướng trừ dứt, mà các tướng uế ác cũng tiêu tan. Rồi chánh niệm do đó được bền lâu, và Tam Muội cũng do đó lần lần thành tựu. Đây tuy là phương tiện đặc biệt chuyên trừ tướng uế ác, nhưng dù không có nghiệp bình ấy, nếu muốn tinh thần thư thối để đi sâu vào Niệm Phật Tam Muội, hành giả cũng nên áp dụng cách thức này.

10. Quán Phật Trì Danh: - Pháp quán tưởng trong Quán Kinh rất trọng yếu, công đức cực to rộng, nhưng chưa phải là phương tiện phổ thông cho chúng sanh thời mạt pháp hành trì. Nhưng vì không muốn bỏ công đức đặc biệt của quán pháp, nên cổ nhơn đã thể dụng trong mười sáu phép quán, lựa cách thức dễ tu tập nhất, lấy trì danh làm chánh, quán Phật làm phụ, gọi là Quán Phật Trì Danh. Hành giả mỗi ngày sau khi niệm Phật, lại để riêng một thời tịnh tâm quán tưởng sắc tướng quang minh của Phật A Di Đà. Cách quán Phật này rút lựa phép quán thứ mười ba trong Quán Kinh, tưởng đức A Di Đà thân cao một trượng sáu, sắc vàng ròng, đứng bên bờ ao thất bảo. Nếu chưa quán

tướng được ao thất bảo, hành giả có thể tướng đức Phật đứng trong vùng ánh sáng giữa hư không trước mắt mình, tay trái đưa ngang ngực bắt ấn kiết tướng, tay mặt buông sè xuống theo thế tiếp dẫn. Muốn quán Phật cho thành tựu, trước tiên nên quán đại khái toàn thân, kế chỉ chuyên tâm quán tướng lông trắng giữa đôi mày. Tướng bạch hào này rồng không trong suốt như bạch ngọc, có tám cạnh, xoay về bên hữu cao thành năm vòng. Bạch hào là tướng căn bản trong ba mươi hai tướng, khi tướng này quán thành, do sự cơ cảm, các tướng kia đều lần lượt hiện rõ. Tuy nhiên, muốn được phần chắc chắn hành giả cũng nên duyệt xem trong kinh, để ghi nhớ rõ ba mươi hai tướng tốt của Phật trước khi dụng công. Phương pháp trên đây sở dĩ để Trì Danh vào phần chánh, vì nếu quán tướng không thành vẫn còn phần Trì Danh để bảo đảm cho sự vắng sanh. Nhưng thật ra, Trì Danh cũng giúp quán tướng, quán tướng lại phụ dục cho Trì Danh, hai phần này hỗ tương đưa hành giả đến chỗ song song thành tựu. Pháp thức này tuy có phần khó hơn các lối trên, song nếu thành tựu thì công đức to rộng vô biên, nên xin đưa ra sau cùng để làm duyên khuyến tấn.

* Như trên đã lược trình mười lối Trì Danh, cũng là mười phương pháp cốt yếu để đối trị tâm bệnh của người niệm Phật. Trong các sách Tịnh Độ, có đưa ra đến mấy mươi cách như: Cao Thanh Trì Danh, Đê Thanh Trì Danh, Mang Trung Trì Danh, Nhàn Trung Trì Danh, v.v... nhưng đó chỉ là những lối niệm cao tiếng, thấp tiếng, khi gấp, khi hoãn, chưa có thể gọi là

một phương pháp niệm Phật. Vì thế, bút giả đã chọn lọc lại rút ra mười cách thức căn bản, khả dĩ gọi là "phương pháp", để đối trị mỗi chương hôn trầm tán loạn, và có thể thông dụng cho một phần lớn căn tánh hiện thời. Trong mười pháp thức trên, các liên hữu có thể thí nghiệm qua, và sau cùng áp dụng một lối niệm nào mà mình thích hợp nhất...

Mục C.

Đi Vào Đường Lối Thật Hành

Tiết 31: Bốn Môn Tam Muội

Người niệm Phật khi đi đến chỗ tuyệt đỉnh tận cùng duy có một định thể là Niệm Phật Tam Muội. Đây là cảnh hư linh sáng lặng, vọng giác tiêu tan, hành giả duy còn trụ tâm nơi tướng hảo hoặc hồng danh của Phật. Nhưng tuy nói trụ mà thật ra vô trụ, vì âm thanh sắc tướng đương thể như huyễn, chính đó là không. Tướng Tam Muội ấy như thế nào? - Theo Liễu Dư đại sư thì khi hành giả chuyên nhất niệm Phật, quên hết thân tâm ngoại cảnh, tuyệt cả thời gian không gian, đến lúc sức cực công thuần, ngay nơi đương niệm trần vọng bỗng thoát tiêu tan, tâm thể bừng sáng, chứng vào cảnh giới vô niệm vô bất niệm. Cảnh ấy như hư không mây tan, trời xanh một vẻ, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, không thấy biết mới là sự thấy biết chân thật, có thấy biết tức lạc theo trần. Đến đây thì nước bạc non xanh đều là Chân Đế, suối reo chim hót toàn diễn diệu thừa, tâm quang bao hàm

muôn tượng mà không trụ một pháp, tịch mà chiếu, chiếu mà tịch, đều còn đều mất, tuyệt đãi viên dung...

Cảnh giới Tam Muội đại để là như thế, khó tả nên lời, duy chứng mới thể nghiệm được. Niệm Phật Tam Muội vẫn là một thể, nhưng để đi vào định cảnh ấy, người xưa đã căn cứ theo kinh, y nơi ý nghĩa và oai nghi hành trì mà chia thành bốn môn như sau:

1. Bát Chu Tam Muội: - Bát Chu có nghĩa là Phật Lập. Hành trì môn Tam Muội này, có ba oai lực phù trợ: oai lực của Phật, oai lực của pháp Tam Muội, và oai lực công đức của người tu. Khi thật hành Bát Chu Tam Muội, phải lấy chín mươi ngày làm một định kỳ. Trong thời gian ấy, ngày đêm hành giả chỉ đứng hoặc đi, tưởng đức Phật A Di Đà hiện thân đứng trên đánh mình đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp; hay miêng thường niệm danh hiệu Phật, tâm thường tưởng Phật không xen hở. Khi công thành, trong Tam Muội hành giả thấy đức A Di Đà và chư Phật mười phương hiện ra đứng trước mình khuyến tấn khen ngợi.

Bát Chu cũng gọi là Thường Hành Đạo. Người tu khi đi, mỗi bước mỗi tiếng đều không rời danh hiệu Phật, ba nghiệp hành trì không gián đoạn như dòng nước chảy. Pháp này công đức rất cao, song chỉ bậc thượng căn mới kham tu trì, hạng người trung hạ và tinh lực yếu kém không thể thật hành nổi.

2. Nhất Hạnh Tam Muội: - Nhất hạnh có nghĩa là chuyên nhất về một hạnh. Khi tu môn Tam Muội này, hành giả thường ngồi và chỉ chuyên nhất quán tưởng, hoặc niệm danh hiệu đức A Di Đà. Lại tuy chỉ tu một hạnh mà được dung thông tròn đủ tất cả hạnh, nên Nhất Hạnh cũng gọi là Viên Hạnh. Từ pháp Tam Muội này cho đến hai môn sau, ba hạng căn cơ đều có thể tu tập.

3. Pháp Hoa Tam Muội: - Đây là một môn Tam Muội trong mười sáu Tam Muội như Kinh Pháp Hoa phẩm Diệu Âm Bồ Tát đã trần thuật. Theo ý chỉ của Thiên Thai Tông, thì ba đế viên dung là Pháp, quyền thật không hai là Hoa. Ví như hoa sen khi cánh hoa (quyền) chưa nở, mà gương sen (thật) đã thành, gương với cánh đồng thời; nơi một đóa hoa mà gồm đủ ý nghĩa quyền và thật vậy.

Nói theo tông Tịnh Độ thì tức niệm là Phật, tức sắc là tâm; một câu niệm Phật gồm cả ba đế, nhiếp cả thật quyền. Nếu tỏ ngộ lý này mà niệm Phật, gọi là tu hạnh Pháp Hoa Tam Muội. Khi tu môn Tam Muội này, hành giả dùng hai oai nghi ngồi và đi mà thay đổi để quán Phật hoặc niệm Phật, kỳ cho đến khi nào chứng nhập vào chánh định. Pháp nghi tu tập này lại có phần dễ hơn Nhất Hạnh Tam Muội ở trên.

4. Tùy Tự Ý Tam Muội: - Pháp thức này có nghĩa là tùy tâm hoặc đi đứng, hoặc nằm ngồi, đều nhiếp niệm không rời danh hiệu đức A Di Đà để tu chứng vào Tam

Muội. Hành nghi đây lại còn có tên là "Lưu Thủy Niệm Phật". Ví như ngọn nước nơi dòng sông cứ liên tục chảy mãi, dù gặp cây đá ngăn cản nó chỉ dội lại rồi cũng tìm lối chảy đi. Thông thường người tu theo môn này, cứ mỗi buổi khuya lễ Phật A Di Đà bốn mươi tám lạy, Quán Âm, Thế Chí và Hải Chúng mỗi danh hiệu đều bảy lạy, kế quỳ xuống sám hối. Rồi từ đó cho đến tối, lúc đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật, hoặc lần chuỗi ghi số, hoặc niệm suông, đến trước khi đi ngủ, lại lễ Phật một lần nữa và đem công đức tu trong ngày, mà phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Trong khi hành trì nếu có tiếp xúc với các duyên, khi qua rồi vẫn trở lại niệm Phật. Pháp tu này tuy tùy tiện dễ dàng, nhưng phải khéo tránh bớt duyên và có tâm bền bỉ mới mong thành tựu.

Tiết 32: Ba Phần Hành Trì

Về pháp nghi Tịnh Độ, nếu kể cho đủ phải có năm phần hay năm môn, cũng gọi là Ngũ Niệm Môn. Đó là: Lễ Bái, Tán Thán, **Quán** Niệm, Phát Nguyện, và Hồi Hướng. Để cho giản tiện, xin ước kết lại thành ba phần là: Tán Lễ Môn, Trì Niệm Môn, và Phát Nguyện Hồi Hướng Môn. Môn Trì Niệm thì hành giả có thể lựa trong mười pháp Trì Danh đã kể, tùy chỗ thích hợp mà tu. Nếu có trì chú hoặc tụng kinh, nên trì tụng trước khi niệm Phật. Về môn Phát Nguyện Hồi Hướng, các liên hữu cũng tùy ý lựa một trong mấy bài nguyện văn ở trước. Riêng về môn Tán Lễ, các sách Tịnh Độ có

đưa ra những nghi thức lạy ít hoặc nhiều, tùy theo sở thích của mỗi căn tánh.

Theo thứ tự của Tịnh Độ pháp nghi, khởi đầu là môn Tán Lễ. Trước khi lễ bái, hành giả nên xướng đọc lời văn khen ngợi công đức của Phật, xong mới đến phần lạy. Đây gọi là Tán Lễ Môn. Kế đó tiếp tục trì chú hoặc tụng kinh rồi niệm Phật, hoặc chỉ chuyên niệm Phật. Giai đoạn này gọi là Trì Niệm Môn. Và sau rốt khi niệm Phật xong, hành giả quỳ xuống đọc bài nguyện văn hồi hướng, kế lễ ba lạy lui ra. Phần này gọi là Phát Nguyện Hồi Hướng Môn.

Phần lễ bái cũng có thể tùy tiện đổi thay đôi chút. Có vị trước tiên lạy nhiều một lần, sau cùng chỉ lễ ba lạy Tam Tự Quy Y hoặc Tây Phương Tam Thánh. Có vị ngại trước tiên lạy nhiều thân thể nhọc mệt, niệm Phật không được thanh tịnh, nên chỉ lễ ba lạy thông thường, đợi đến sau khi niệm Phật xong mới lạy nhiều cầu gia bị, rồi quỳ xuống đọc nguyện văn, sau rốt lễ ba lạy kết thúc.

Tịnh Độ pháp nghi có ba bậc: thượng, trung, hạ để thích hợp với các căn cơ. Nơi đây chỉ xin nêu ra môn Tán Lễ của ba bậc, còn hai môn sau hành giả tùy phần mà tăng thêm hoặc tiết giảm theo ba bậc ấy.

* Thượng Pháp Nghi: - Nơi môn Tán Lễ về bậc thượng, trước tiên hành giả tùy ý thích tuyên đọc một bài kệ khen ngợi Phật rồi mới đánh lễ. Kệ văn tán

thán có nhiều, xin đưa ra đây một bài để suy lễ, và kể sau đó là phần hành lễ:

Quang, thọ khó suy lường
Sáng lạng khắp mười phương!
Thế Tôn Vô Lượng Quang
Cha lành cõi Liên Bang.
Thần lực chẳng tư nghì
Sống lâu A tăng kỳ,
A Di Đà Như Lai
Tiến dẫn lên liên đài.
Cực Lạc cõi thuần tịnh
Công đức lạ trang nghiêm
Nơi tất cả quần sanh
Vượt lên ngôi Bất Thối
Mười phương hằng sa Phật
Đều ngợi khen Vô Lượng
Cho nên nay chúng con
Nguyện sanh về An Dưỡng.

Nhứt tâm đánh lễ: (Bốn chữ này thông dụng cho mỗi đầu câu, mỗi câu một lạy).

1. Tận hư không, biến pháp giới, thập phương tam thế, thường trú Tam Bảo.

2. Ta Bà Giáo Chủ, đại từ bi nguyện, thị hóa ngũ trước, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

3. Đông Phương Thế Giới A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật.

4. Nam Phương Thế Giới Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật.

5. Tây Phương Thế Giới Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật.

6. Bắc Phương Thế Giới Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật.

7. Hạ Phương Thế Giới Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Trang Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật.

8. Thượng Phương Thế Giới Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Táp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhứt Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật.

9. Cực Lạc Thế Giới Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đối Quang A Di Đà Phật.

10. Cực Lạc Thế Giới Diệm Vương Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Trí Huệ Quang A Di Đà Phật.

11. Cực Lạc Thế Giới Nan Tư Quang, Bất Đoạn Quang, Vô Xúng Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang A Di Đà Phật.

12. Cực Lạc Thế Giới, tứ thập bát nguyên độ hàm linh, tướng hảo nan luân, đại từ đại bi A Di Đà Phật.

13. Cực Lạc Thế Giới, thọ mạng vô biên, quang minh vô lượng, phổ ứng thập phương, lâm chung tiếp dẫn A Di Đà Phật.

14. Cực Lạc Thế Giới, chánh báo Phật Bồ Tát đẳng sở thuyết diệu pháp, cập y báo thủy điều thọ hoa đẳng sở diễn pháp âm, nhứt thiết thanh tịnh nghĩa kinh.

15. Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức Nhứt Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, cập thập phương tam thế nhứt thiết tôn pháp.

16. Cực Lạc Thế Giới, diệu tướng trang nghiêm, đồng Phật tiếp dẫn, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát.

17. Cực Lạc Thế Giới, Mạn Thù Thất Ly Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, chư Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát Ma Ha Tát.

18. Cực Lạc Thế Giới, A Bệ Bạt Trí, đồng Phật thọ lượng, chư Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Trên đây tất cả gồm mười tám lay, tạm gọi là thượng pháp nghi về Tán Lễ Môn. Thật ra, đó chỉ là giản ước tùy căn cơ hiện thời, môn Tán Lễ về bậc thượng không phải chỉ có như thế. Theo cách lễ bậc thượng, có vị xưng lễ đức A Di Đà 48 lay, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh đại hải chúng, đều 7 lay. Có vị lay xưng lễ đức A Di Đà 108 lay, ba danh hiệu sau đều 21 lay.

* Trung Pháp Nghi: - Môn Tán Lễ bậc trung của Tịnh Tông vừa chừng, rất thích hợp với sức khỏe và khả năng của phần đông. Cách thức xưng lễ này, mọi người đều có thể hành trì, xin diễn dịch ra như sau:

Từ bi thế độ khắp quần sanh
Hỷ xả cứu an chúng hữu tình
Tướng tốt trang nghiêm thân rực rỡ
Nay con đành lễ chí tâm thành.

Chí tâm đành lễ: (câu này thông cả 12 câu dưới đều xưng ở đầu câu, mỗi câu một lay).

1. Hoằng Dương Tịnh Lạc Độ, Thích Ca Văn Như Lai, ngàn trăm ức hóa thân, khắp pháp giới chư Phật.

2. Thường Tịch Quang Tịnh Độ A Di Đà Như Lai, pháp thân màu thanh tịnh, khắp pháp giới chư Phật.
3. Thật Báo Trang Nghiêm Độ, A Di Đà Như Lai, thân tướng hải vi trần, khắp pháp giới chư Phật
4. Phương Tiện Thánh Cư Độ, A Di Đà Như Lai, thân trang nghiêm giải thoát, khắp pháp giới chư Phật.
5. Cõi Cực Lạc Phương Tây, A Di Đà Như Lai, thân căn giới Đại Thừa, khắp pháp giới chư Phật.
6. Cõi Cực Lạc Phương Tây, A Di Đà Như Lai, thân hóa đến mười phương, khắp pháp giới chư Phật.
7. Cõi Cực Lạc Phương Tây, giáo hạnh lý ba kinh, cực y chánh tuyên dương, khắp pháp giới tôn pháp.
8. Cõi Cực Lạc Phương Tây, Quán Thế Âm Bồ Tát, thân tử kim muôn ức, khắp pháp giới Bồ Tát.
9. Cõi Cực Lạc Phương Tây, Đại Thế Chí Bồ Tát, thân trí sáng vô biên, khắp pháp giới Bồ Tát.
10. Cõi Cực Lạc Phương Tây, Văn Thù Đại Bồ Tát, thân thị hiện trí mầu, khắp pháp giới Bồ Tát.
11. Cõi Cực Lạc Phương Tây, Phổ Hiền Đại Bồ Tát, thân hạnh nguyện sát trần, khắp pháp giới Bồ Tát.

12. Cõi Cực Lạc Phương Tây, Thanh Tịnh đại hải chúng, thân phước trí trang nghiêm, khắp pháp giới thánh chúng.

* Hạ Pháp Nghi: - Phép Tán Lễ bậc hạ, chỉ lễ A Di Đà ba lạy, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải chúng, mỗi hồng danh đều một lạy. Đây là nghi thức để cho những vị sức yếu và người bận nhiều công việc. Ngoài ra có vị căn tánh tối không thể ghi nhớ nhiều, chỉ thành tâm lễ ba lạy lúc khởi đầu và ba lạy trước khi lui ra cũng được. Về môn phát nguyện, những người này chỉ đọc câu nguyện vắn tắt gồm ngày, tháng, năm, như chương trước đã nói.

Tiết 33: Cách Đối Trị Hôn Trầm Tán Loạn

Người tu có lúc tâm tư lạc vào trạng thái mê mờ, nặng nề muốn ngủ; đó là vọng chướng hôn trầm. Hoặc có lúc miệng tuy niệm Phật, song tâm lại vẫn vớ tưởng chuyện đâu đâu; đó là vọng duyên tán loạn. Hôn trầm và tán loạn hai chướng duyên này rất nguy hại, vì nó phá hoại người tu, khiến cho không thể vào chánh định.

Nhiều vị trong lúc đang hành trì, vọng tưởng thoát nhiên chìm lặng, câu niệm Phật vẫn nghe đều đều, tâm tư êm dịu quên cả nóng bức, hoặc sự cắn đốt của muỗi mòng. Trạng thái này thường thường kéo dài từ nửa giờ đến một giờ đồng hồ, có khi ra mồ hôi ướt cả áo mà không hay; đến lúc chợt giác tỉnh mới cảm biết

trong người nóng bức khó chịu. Hành giả thấy thế đứng vội mừng cho rằng tâm mình được an định, công phu đã có đôi phần thành tích. Thật ra đó chỉ là trạng thái hôn trầm thuộc phần vi tế nhẹ nhàng. Cổ nhơn đã bảo: "Nhè nhẹ hôn trầm khôn phát giác. Trọn ngày hạng quỷ mãi sinh nhai!" Trong trường hợp này hành giả phải đề khởi tinh thần, dụng công chặt chẽ, vừa niệm vừa soi vào bên trong mới phá trị nó được. Theo chỗ kinh nghiệm, đại khái khi hôn trầm sắp kéo đến, tất trước tiên có vọng niệm tán loạn nổi lên. Cũng có lúc hôn trầm và vọng tưởng đồng thời sanh khởi. Nhưng đây là hiện tượng thô, rất dễ phát giác. Đến khi hôn trầm vi tế sắp hiện, trước tiên một loại tạp tưởng vi tế nổi sanh, hành giả cảm biết có một điểm mê mờ từ sau óc kéo lên đỉnh đầu, kế xuống đôi mắt và sau rớt vào tâm tạng. Hôn trầm đi đến đâu tất nơi đó bị ảnh hưởng, như đến đầu thì hơi gục xuống, đến mắt, đôi mắt nhắm lại; đến tâm tạng, tâm liền mê mờ. Về loại hôn trầm nhẹ, phải có trí tinh tế mới nhận xét được.

* Vọng tưởng cũng có hai phần: thô và tế. Vọng tưởng thô ai cũng biết, bởi hành tướng nó rất rõ ràng. Người xưa bảo: "Mới tu sợ vọng tưởng, tu lâu sợ hôn trầm." Lời này duy đúng một phần, không được cứu cánh lắm, vì đó chỉ nói về phần tán loạn thuộc vọng tưởng thô. Đến như về phần vọng tưởng vi tế, người tu già dặn cũng phải e ngại. Bởi khi niệm Phật dụng công chặt chẽ kín đáo, tạp tưởng thô phù cố nhiên phải lặng chìm, song rất khó nhận được tướng qua lại của phần

vọng tướng vi tế. Ví như một ao nước đục, khi bọt nổi lên mặt ao ta mới nhận thấy. Còn phần khí thể nhỏ nhẹ từ dưới đáy ao được cổ động lên, hoặc sôi tim nhỏ trên mặt nước, hoặc đến nửa chừng rồi không lên được, muốn thấy rõ nó, cần phải có một ao nước thật trong. Người niệm Phật lâu, đến trình độ nước tâm trong lặng, mới thấy biết được vọng tướng vi tế. Bạch Thánh pháp sư, một buổi sáng từ nơi giường bước lại ghế ngồi, trong khoảng chừng ba giây đồng hồ, đã phát giác trong tâm mình nổi lên đến vài mươi vọng niệm sai biệt. Chừng ấy Ngài mới chứng minh được lời nói trong kinh Phật: "Một niệm có chín mươi sát na, một sát na có chín trăm sanh diệt." Đây là vọng tướng thuộc loại vi tế.

* Nhân tiện xin nhắc lại một câu chuyện về vọng tướng vi tế, cho các bạn đồng tu thêm phần nhận thức: Quang Huệ và Giới Diễn là hai vị thiền sư đều ngộ đạo. Một hôm trong khi đồng ngồi thiền, nơi tiềm thức của ngài Giới Diễn thoát nổi lên một niệm sắc ái, Ngài liền diệt trừ; song bên kia Quang Huệ thiền sư đã hay biết. Sau khi xuất định, ngài Quang Huệ làm bài kệ có ý trêu cợt ngài Giới Diễn. Giới Diễn thiền sư buồn thẹn, liền thâm thân nhập diệt. Ngài Quang Huệ hối hận, gọi đệ tử đến phó chúc rằng: "Bạn ta trong khi thiền định có một niệm sắc ái, sau tất lụy về sắc; vì phiền ta mà thị tịch, sau sẽ phá hoại Tăng Bảo. Lỗi ấy một phần do ở nơi ta, nếu ta không theo hóa độ, tất sẽ mang lấy hậu quả." Dặn dò xong, Ngài cũng viên tịch theo luôn. Sau Quang Huệ chuyển thân làm thiền sư

Phật Ấn; Giới Diển chuyển kiếp làm Tô Đông Pha. Đông Pha do kiếp trước có tu nên làm quan, thông minh trí huệ mà cũng đa tài đa tình. Ông có đến bảy người thiếp, và thường đem sự thông minh bác lãm của mình mà vắn nạn các vị thiên sư. Về sau bị ngài Phật Ấn chiết phục, ông mới quay lại đường lối tu Phật. Cho nên vọng tưởng vi tế, người tu lâu cũng phải e ngại là thế. Tiên đức có câu:

Công phu không thiếu cũng không dư.
Muôn kiếp tham si chữa dễ trừ!

Vậy người tu khi có chút cảnh giới tốt chỗ vội khoe khoang tự đắc, phải nhìn gương ngài Giới Diển. Và cũng đừng vội tự thị chê bai kẻ khác, mà phải xem gương Quang Huệ thiên sư.

* Hôn trầm và vọng tưởng vi tế, người tu lâu tự biết lối giải trừ. Nơi đây, chỉ lược bàn qua cách đối trị về phần thô. Thông thường, khi loạn tưởng nhiều, hành giả nên ngồi yên nhiếp tâm niệm Phật. Lúc hôn trầm đến, nên đứng lên vừa niệm vừa kinh hành. Cứ dùng hai oai nghi này thay đổi mãi, lâu ngày hai chướng duyên ấy sẽ tiêu trừ. Theo chỗ kinh nghiệm, lắng tai ghi nhận rành rõ từ **ng** tiếng từ **ng** câu niệm Phật theo lối Phán Văn Trì Danh, có lẽ là phương pháp kiến hiệu nhất để đối trị tán loạn. Và, Lễ Bái Trì Danh, là phương thức tối thượng để đối trị với mỗi chướng hôn trầm nặng nề.

Nhưng, mỗi hành giả đều có chỗ kinh nghiệm và thích hợp riêng. Trên đây chỉ lược đưa ra vài quan điểm để góp phần khuyến ích.

Chương VI Đệ Lục Yếu

Niệm Phật Phải Đoạn Tuyệt Phiền Nã

Khải Đề:

Thanh sắc tài danh thế lợi trêu
Bể trần chìm nổi kiếp vô liêu!
Giai nhân kiệt sĩ chừ đâu vắng?
Dấu sử nghìn thu để hận nhiều!

Hươu Tần tranh đuổi khắp giang san
Cỏ xót, mây thương, cuộc thảm tàn!
Lầu Hán vui trăng ai đó mấy?
Hơn thua thù hận thưở nào tan?

May gặp Như Lai ánh huệ không
Nước dương quyết rửa sạch mê lòng!
Đã lên non pháp quên tìm báu
Lần lựa đi về tiếc uống công!

Vượt hết non cao vực thẳm rồi
Bên đường bỗng thấy sắc hoa tươi
Mới hay siêu đọa do mình cả
Mà cõi mười phương cũng huyễn thôi.

Mục A.

Lược Đàm Về Tham Phiền Nã

Tiết 34: Phương Diện Khai Tâm

Đã là phàm phu, tất còn ở trong vòng phiền não, bị nó mê hoặc sai khiến, lắm lúc không tự chủ được. Phiền não có nghĩa: "khuấy động, thiêu đốt" làm cho tâm niệm không yên, ngăn trở bước tu hành, nên gọi nó là phiền não chướng. Pháp thân huệ mạng ta bị phiền não phá hại, nên cũng gọi nó là phiền não ma.

Có những Phật tử tuy ăn chay, bố thí, tụng kinh, niệm Phật, nhưng chỉ chú ý về hình thức, không quan tâm đến việc dứt trừ phiền não vọng duyên. Nên biết, nếu phiền vọng tăng một phần, tất đạo tâm phải thối một phần, dù có tụng kinh, niệm Phật cũng không được thanh tịnh. Cho nên trong Kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ đã bảo:

Người mê tu phước chẳng tu đạo
Bảo rằng tu phước ấy là đạo
Bố thí cúng dường phước không lường
Nơi lòng ba ác vẫn còn tạo.

Chữ Đạo của đức Lục Tổ nói, chỉ cho chân tâm thanh tịnh. Tất cả đường lối tu hành đều là phương tiện trở về chân tâm ấy. Chứng được chân tâm mới hoàn phục tánh bản giác, thoát nỗi khổ luân hồi, mà điểm căn bản để tu chứng, là phải dứt trừ phiền não vọng niệm.

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật cũng dạy: "Bậc sa môn hành đạo đừng giống như con trâu kéo chiếc cối xay, thân tuy hành đạo mà tâm đạo chẳng hành. Nếu tâm đạo được hành, cần gì dùng thân hành đạo?" Niệm Phật, sám hối, ngồi thiền, lễ bái, kinh hành, đều là phương tiện phá trừ vọng nghiệp, mở rộng chân tâm. Nếu thân, miệng áp dụng hình thức ấy, mà lòng còn đầy đầy nghiệp chướng tham, sân, si, thì đâu gọi là hành đạo? Trái lại, tuy không dùng hình thức đó, nhưng tâm vẫn luôn luôn trong sáng như gương nguyệt hồ thu, mới thật là người hành đạo. Khi xưa vua Hương Chí hỏi Tổ Bát Nhã Đa La rằng: "Các vị tu hành khác đều tụng kinh, sao Ngài lại không tụng?"

Tổ đáp: "Bàn tăng hơi thở ra không tiếp xúc các duyên, hơi thở vào không ở trong ấm giới, thường chuyển thứ kinh ấy đã ngàn muôn ức quyển rồi!" Tổ muốn nói rằng mình hằng tụng vô tự tâm kinh, tâm kinh ấy là chẳng trụ trước muôn duyên bên ngoài, và bên trong hằng vắng lặng không thấy có năm ấm mười tám giới, cả tướng trong, ngoài, chính giữa cũng đều dứt tuyệt. Đây là ý nghĩa "tâm hành đạo".

Tuy nhiên, cũng đừng chấp theo điều nói trên, mà bác bỏ ăn chay, bố thí, sám hối, niệm Phật, tụng kinh. Bởi các sự kiện ấy về mặt huệ nó giúp cho hành giả mau tiêu nghiệp chướng, sớm ngộ bản tâm; về mặt phước nó lại khiến cho người tu được quả báo đẹp vui, sanh về các cõi lành, hoặc miền Tịnh Độ để tiếp tục đường

tu không còn thối chuyển. Mà phước huệ lưỡng toàn mới thành Phật được. Cho nên các bậc đại Bồ Tát tuy đã ngộ suốt nguồn tâm, nhưng vẫn tu muôn phước để trang nghiêm Phật độ. Như đức Di Lặc Bồ Tát tuy đã lên ngôi Nhất Sanh Bồ Xứ, xong mỗi ngày vẫn sám hối sáu thời để cầu tiêu trừ tế chướng, mau chứng quả Diệu Giác của Phật Đà. Nên biết lời dạy trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương và lời của Tổ Bát Nhã Đa La ở trên, chỉ có tánh cách phiên diện hoặc bán dụ, để phá trừ lỗi tu chấp tướng quên tâm mà thôi.

Để kết lại vấn đề, người tu tịnh nghiệp ngoài phương diện niệm Phật, trì chú, tụng kinh, sám hối, còn phải chú trọng về phương diện "khai tâm". Muốn cho tâm mở mang sáng suốt, để giúp kết quả niệm Phật mau thành tựu được sanh về Tây Phương, phải dứt trừ phiền não. Nếu nhận thức sâu thêm, câu niệm Phật tuy là tướng mà cũng chính là tánh, bởi lý không ngoài sự, tức niệm là Phật, tức niệm là tâm. Cho nên trong sáu chữ hồng danh, phước huệ gồm đủ, sự lý viên dung, vừa đưa người tu mau đến thể viên giác diệu tâm, vừa khiến hành giả được tịnh báo vãng sanh cõi Phật.

Tiết 35: Đối Trị Dục Nhiễm

Các phiền não về tham không ngoài sự đắm nhiễm ngũ dục lục trần. Từ cội gốc tham, sanh ra các chi tiết xấu khác như: bòn sẻn, ganh ghét, lường gạt giả dối... gọi là "tùy phiền não". Ngũ dục, chỉ cho năm món

nhiệm gồm: sắc dục, tiền của, quyền danh, ăn mặc, ngủ nghỉ. Lục trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong lục trần đã thâm nhiếp ngũ dục, nhưng sở dĩ lập riêng danh từ ngũ dục, là muốn nêu ra năm món nhiệm nặng của chúng sanh trong cảnh lục trần. Lục trần nói với tánh cách bao quát, ngũ dục với tánh cách đặc biệt. Nơi đây nói thêm lục trần là để chỉ cho các thứ nhiệm khác mà trong ngũ dục không có như: thích âm nhạc ca hát, mê tiểu thuyết nhảm nhí v.v...

Khi tâm tham nhiễm ngũ dục lục trần khởi động, cách đối trị tổng quát, là nên quán sát thuần thực bốn lý: Bất Tịnh, Khổ, Vô Thường, Vô Ngã.

1. "Bất Tịnh" là chỉ cho thân không sạch, tâm không sạch, và cảnh không sạch. Thân không sạch, là phải quán xét thân ta và người bên ngoài nhờ có lớp da che giấu, bên trong chỉ toàn những thứ hôi tanh nhơ nhớp như: thịt, xương, máu, mủ, đờm, dãi, phân, nước tiểu v.v... Đã thế mà các thứ nhơ nhớp bên trong còn bài tiết ra cửu khiểu bên ngoài. Suy xét kỹ, sắc thân của chúng sanh không có chi đáng ưa thích. Tâm không sạch, là khi tâm sanh tham nhiễm tất nó đã thành xấu xa nhơ bợn, chẳng khác chi hồ nước trong bị cẩu bùn làm bẩn đục. Hồ nước đục không thể soi bóng sắc cây núi trời mây, tâm nhơ bợn mất hết thần thông trí huệ. Nên nhớ câu:

Biết tu hành chớ phí uổng công.
Tâm bình tịnh thần thông trí huệ!

Người đã phát nguyện bước lên đường tu, phải lập chí lần lần dứt trừ tâm phiền não nhiễm dục từ thô đến tế. Cảnh không sạch, là cảnh giới cõi ngũ trước này đầy đầy bùn đất, đá sỏi, chông gai, lại dung chứa vô số chúng sanh từ thân đến tâm đều nhơ bợn. Cho nên cảnh Uế Độ này không có chi đáng say mê tham luyến.

2. "Khổ" là chỉ cho thân khổ, tâm khổ và cảnh khổ. Thân khổ, là thân này đã nhơ nhớp, lại bị sự sanh già bệnh chết, nóng lạnh, đói khát, vất vả cực nhọc chi phối, làm cho khổ sở không được tự tại an vui. Tâm khổ, là khi tâm ta khởi phiền não, tất bị lửa phiền não thiêu đốt, gây phiền não trói buộc, roi phiền não đánh đuổi sai khiến, khói bụi phiền não làm tăm tối nhiễm ô. Cho nên người nào khởi phiền não tất kẻ đó thiếu trí huệ, vì tự làm khổ mình trước nhất. Cảnh khổ, là cảnh này nắng lửa mưa dầu, chúng sanh vất vả trong cuộc mưu sinh, mỗi ngày ta thấy trước mắt diễn đầy những hiện trạng nhọc nhằn bị thảm.

3. "Vô Thường" là thân vô thường, tâm vô thường và cảnh vô thường. Thân vô thường là thân này mau tàn tạ, dễ suy già rồi kết cuộc sẽ phải đi đến cái chết. Người xưa đã than:

Nhớ thuở còn thơ dong ngựa trúc.
Thoát trông nay tóc điểm màu sương.

Mưu lược đồng mãnh như Văn Chủng, Ngũ Tử Tư; sắc đẹp dễ say người như Tây Thi, Trịnh Đán, kết cuộc:

Hồng nhan già xấu, anh hùng mất.
Đôi mắt thư sinh cũng mỗi buồn.

Tâm vô thường, là tâm niệm chúng sanh thay đổi luôn luôn, khi thương giận, lúc vui buồn. Những niệm ấy xét ra huyễn hư như bọt nước. Cảnh vô thường, là chẳng những hoàn cảnh xung quanh ta hằng đổi thay biến chuyển, mà sự vui cũng vô thường. Món ăn dù ngon, qua cổ họng rồi thành không; cuộc sum họp dù đầm ấm, kết cuộc cũng phải chia tan; buổi hát vui rồi sẽ vãng; quyển sách hay, lần lượt cũng đến trang cuối cùng.

4. "Vô Ngã" nghĩa là không có ta, không tự thể, tự chủ. Điều này cũng gồm có thân vô ngã, tâm vô ngã và cảnh vô ngã. Thân vô ngã là thân này hư huyễn không tự chủ, ta chẳng thể làm cho nó trẻ mãi, không già chết. Dù cho bậc thiên tiên cũng chỉ lưu trụ được sắc thân trong một thời hạn nào thôi. Tâm vô ngã, chỉ cho tâm hư vọng của chúng sanh không có tự thể; như tâm tham nhiễm, niệm buồn giận thương vui thoát đến rồi tan, không có chi là chân thật. Cảnh vô ngã là cảnh giới xung quanh ta như huyễn mộng, nó không tự chủ được, và bị sự sanh diệt chi phối. Đô thị đổi ra gò hoang, ruộng dâu hóa thành biển cả, vạn vật luôn luôn biến chuyển trong từng giây phút, cảnh này ẩn mất, cảnh khác hiện lên.

Khi quán xét từ thân tâm đến cảnh giới đều bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã, hành giả sẽ dứt trừ được tâm tham nhiễm. Bởi chúng sanh thiếu mất trí huệ, thường sống trong sự điên đảo, không sạch cho là sạch, khổ cho là vui, vô thường cho là thường, vô ngã cho là ngã, rồi sanh ra mê say đắm nhiễm, nên đức Phật dạy phải dùng bốn pháp này để quán phá bốn sự điên đảo đó. Chẳng hạn như phần uế, ta cho là thối tha nhơ nhớp, nhưng loài chó lợn vì nghiệp mê nhiễm, thấy là thơm sạch ngon, nên đua nhau tranh giành. Sự dục nhiễm ở nhơn gian, loài người cho là vui sạch đáng ưa thích, nhưng chư thiên cho là hôi tanh nhơ nhớp, chẳng khác chi ta thấy loài chó, lợn ăn đồ ô uế. Sự dục nhiễm của chúng sanh rất si mê điên đảo đại khái là như thế, nên người tu phải cố gắng lần lượt phá trừ.

Tiết 36: Đối Trị Tham Vi Tế

Như trên đã lược nói qua sự tham ngũ dục thô phù dễ thấy. Ngoài ra còn mỗi tham nhiễm ẩn sâu vi tế, mà người tu cần phải lưu tâm. Chẳng hạn như số tiền trăm vạn không làm cho tham, nhưng số bạc triệu tỷ có thể khiến phải động tâm; sắc đẹp tầm thường dễ dàng lướt qua, song giai nhân tuyệt mỹ có năng lực giục người mê lụy. Cho đến các vị tu mà còn đắm ưa chuỗi tốt, tượng đẹp, hoặc cảnh giới lành, cũng thuộc về tâm tham nhiễm. Phải nên xem đó là những phương tiện, hoặc cảnh nhân duyên như huyễn, chớ

sanh lòng tham trước. Để phân tích tâm trạng này, xin đưa ra ba câu chuyện với tánh cách hiểu dụ từ cạn đến sâu:

* Thuở xưa bên Trung Hoa có một vị quan nổi tiếng là thanh liêm, ai đưa vàng bạc lo lót, cũng đều nghiêm trách không nhận. Nhưng độ nọ, một nhà hào phú vì muốn nhờ giải quyết việc riêng có tánh cách đặc biệt, nên hối lộ đến mười vạn quan tiền. Vị quan liền thâu nhận. Sau đó người bạn hỏi duyên cớ, ông đáp: "Số tiền mười vạn có thể thông cảm với thần minh" (Tiền chí thập vạn khả dĩ thông thần). Vị quan trên chỉ có thể thanh liêm được với số tiền nhỏ, nhưng không thanh liêm nổi với số tiền quá lớn. Đây là lòng tham nhiễm ẩn sâu.

* Lại câu chuyện đời Minh. Một hôm Liên Trì đại sư ngồi nói chuyện với khách tăng. Ông khách than: "Người tu đời nay hầu hết đều đắm nhiễm về danh lợi." Đại sư nói: "Tôi thấy Ngài là bậc thanh khiết, vì từ trước đến nay đã chối bỏ hết danh lợi người ta đem đến cho mình." Khách tăng nghe xong gương mặt thoáng lộ nét hoan hỉ. Vị tăng này tuy không thích những danh vọng thông thường, nhưng còn ưa được tiếng thanh cao tuyệt tục. Đây là tâm tham nhiễm thâm trầm vi tế.

* Thêm một chuyện trong thiền môn. Có bà lão nhiều đạo tâm, cất ngôi tịnh am lo đầy đủ tứ sự cúng dường ủng hộ một vị tham thiền tu niệm. Qua hai chục năm,

một hôm bà lão dặn bảo cô con gái rằng: "Bữa nay, sau khi đem cơm cho sư thọ trai xong, con thừa lúc bắt ngờ ôm ngay sư mà hỏi: "Lúc này như thế nào? Sư trả lời ra sao, con vào đây thuật lại cho mẹ rõ." Cô con gái y như lời, ôm sư gạn hỏi. Sư đáp: "Khô mộc ý hàn nham, tam đông vô noãn khí." Với câu này, ý sư muốn bảo: "Mình chẳng may may động tâm về sắc dục, ví như cây khô nường tựa gộp đá lạnh, lại ở vào ba tháng mùa Đông, tìm một chút hơi ấm cũng không có." Cô con gái trở vào thuật lại, lão bà không vui, bảo: "Thật uổng công ta hai mươi năm lo lắng, không ngờ chỉ ủng hộ một kẻ phạm phu!" Nói xong, lão bà ra đuổi nhà sư đi, rồi châm lửa đốt luôn cái am.

Thật ra, tu đến trình độ của sư, đời nay cũng ít có. Còn lão bà vốn một vị Bồ Tát, hành động đốt am là muốn khai ngộ cho thiền sư. Tại sao thế? Bởi sư tuy không động tâm về sắc dục, nhưng còn thấy mình thanh tịnh, còn trụ tâm nơi tướng vắng lặng không không của thiền định, tức chưa được đại triệt đại ngộ. Để phân tích thêm cho rõ, thiền môn có ba cửa ải phải vượt qua là: Bản Tham quan, Trùng quan và Lao quan. Người tu thiền tham thoại đầu đến khi phá được nghi tình, tỏ suốt ý "Tây lai", nhìn rõ mặt mày trước khi cha mẹ chưa sanh, tức đã vượt qua cửa ải thứ nhất, gọi là "Phá Bản Tham". Đến trình độ này, dù đã dứt được tướng tâm hư vọng từ vô thi, nhưng còn cảnh giới năng sở đối đãi của quán trí, hãy chưa tuyệt tướng quên tình. Cho nên tuy đã vô tâm cùng thế sự, nhưng đối với đại

đạo vẫn cách một lớp cửa dày dặn trập trùng. Cổ đức bảo:

Chớ gọi vô tâm nguyên thật đạo.
Vô tâm còn cách một trùng quan!

Chính là ý này. Nhà sư trên tuy đã đạt đến cảnh giới khá cao, nhưng hãy còn trự tâm nơi tịnh tướng. Đây cũng là một sự tham nhiễm vi tế, mà người tu cần phải dứt trừ.

Người niệm Phật cũng thế. Phải rõ tất cả sắc tướng đều như huyễn, dù tu đến cảnh giới nhứt tâm, thấy hoa sen báu, các tướng tốt, hoặc chư Phật Bồ Tát hiện thân, nên biết đó chẳng qua là do nhân lành cảm quả lành, cứ an nhiên đừng đắm nhiễm tham trước, cũng không nên phủ nhận. Như vậy mới gọi là hiểu ngộ lý: "Như thật bất không" của tạng tâm.

Mục B. **Lược Đàm Về Sân Phiền Não**

Tiết 37: Phương Pháp Đối Trị Sân

Trong các phiền não, duy có sân hận tướng trạng rất thô bạo, phá hoại hành giả mạnh mẽ nhứt. Nên người xưa đã bảo: "Nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai." Câu này có nghĩa: khi khởi một niệm giận hờn, tức đã mở muôn ngàn cửa chướng ngại. Chẳng hạn như lúc đang niệm Phật, ta chợt tưởng đến người

ngoài bạc ác khắc nghiệt xấu xa, đối đãi với mình nhiều điều không tốt; hoặc nhớ việc người thân cận phản phúc gây rối làm khổ mình, liền buồn giận bứt rứt, không an. Từ nơi tâm trạng đó, miệng tuy niệm Phật, nhưng lòng phiền muộn, vọng tưởng sôi nổi. Có người bỏ chuỗi thôi niệm, xuống nằm gác tay, suy nghĩ vẩn vơ. Có kẻ lại buồn tức đến quên ăn bỏ ngủ, muốn gặp ngay người đó la hét một hồi, hoặc tìm cách trả thù cho đã giận. Tâm niệm sân hận nó phá hại người tu đến như thế.

Muốn đối trị giận hờn, phải khởi lòng từ bi. Kinh Pháp Hoa nói: "Lấy đại từ bi làm nhà, nhu hòa nhẫn nhục làm áo giáp, tất cả pháp Không làm tòa ngồi." Phải nghĩ rằng: Ta cùng chúng sanh đồng là phàm phu chìm trong biển khổ sanh tử, tất cả đều do nghiệp phiền não, mà phiền não vốn hư huyền không có thật. Như một niệm sân hận, trước khi chưa khởi nó từ đâu đến, lúc tan rồi lại đi về đâu? Khi giận hờn ta tự làm khổ cho ta trước, vì đã nổi lửa phiền não thiêu đốt lấy mình, mà cũng không thể cải hóa làm lợi lạc chi cho người. Như thế có phải là si mê vô ích chăng? Lại nên nghĩ: người có hành động xấu làm tổn hại cho ta, kẻ đó vì mê muội đã gây nhân ác tất phải chịu quả khổ. Họ đáng thương hơn là đáng giận, bởi nếu sáng suốt biết rõ lẽ tội phước, tất không khi nào lại dám làm điều ấy. Ta là Phật tử, phải áp dụng giáo lý đức Thế Tôn để tự cởi mở sự ràng buộc oan trái cho mình, vì mục đích tu hành là cầu sự giải thoát an vui, chớ không phải tìm lối khổ. Đối với hành động tàn hại đó,

ta phải xót thương tha thứ, nhu hòa nhẫn chịu và xem mọi việc đều hư huyễn không không. Nên nhớ lời cổ nhơn: "Lửa sân si tam độc, đốt hết rừng công đức. Muốn hành Bồ Tát đạo, giữ thân tâm nhẫn nhục."

Từ bi là nước tịnh mát mẻ, rưới tắt lửa phiền não. Nhẫn nhục là áo giáp bền chắc ngăn tất cả mũi tên độc. Pháp không là ánh sáng phá tan khói mù tối tăm. Biết dùng ba điều này để dứt trừ sân hận, tức đã vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai vậy.

Tiết 38: Cách Đoạn Tuyệt Thị Phi

Hàng phàm phu vì chưa chứng vào chân tâm bình đẳng, còn ranh giới phân biệt giữa ta và người, nên trong đời sống, sự hơn thua phải quấy khen chê có đến muôn ngàn, không ai tránh khỏi. Dù cho chư Phật Bồ Tát vì lòng đại bi thị hiện giữa cõi trần để độ sanh, cũng phải chịu cảnh thị phi thương ghét. Cổ ngôn có câu:

Thùy nhơn bồi hậu vô nhơn thuyết.
Na cá nhơn tiền bất thuyết nhơn!

Lời này ý nói: "Không có ai chẳng bị kẻ khác chỉ trích chê bai sau lưng, nhưng ở trước mặt người ta không nói ra mà thôi." Đây là câu thành ngữ xác thật, do sự kinh nghiệm của người xưa.

Những sự thị phi làm cho hành giả, nếu không sáng suốt bình tĩnh, nhiều khi phải xao động sanh phiền não, rất chướng ngại cho đường tu. Cho nên ở đây nêu ra vấn đề này để tìm cách phá giải. Muốn dứt trừ thị phi, phải y theo ba sự kiện:

* Điều thứ nhất: phải xét sửa lỗi mình, đừng nhìn nói lỗi người. Ví như con trâu đen thấy cò trắng đứng trên mình thì để yên; khi con quạ bay đến đậu lại lấy sừng quơ đuổi; nó không ngờ mình còn đen nhiều hơn con quạ. Phàm phu cũng thế, thích lời khen, ghét tiếng xấu, ưa bươi móc điều dở của người, không dè mình cũng nhiều lỗi lắm, chẳng có chi là tốt đẹp! Cho nên nguyên tắc của người tu là phải tự phản tỉnh xét sửa lấy mình, đừng nên nhìn nói điều dở của người. Xét sửa lỗi mình thì càng ngày càng sáng, nhìn nói lỗi người tất càng gây thêm việc trái oan.

* Điều thứ hai: khi bị sự thị phi khinh báng, nên an nhẫn, đừng tìm cách biện minh. Ví như tờ giấy trắng bị vết mực làm lem, cứ để yên, nó chỉ dơ một chỗ đó rồi lần lần phai nhạt; nếu lấy đồ lau chùi, tất sẽ hoen ố cả toàn diện. Luận Niệm Phật Bảo Vương Tam Muội nói: "Bị oan ức chớ cầu biện minh, nếu biện minh tất oán hận càng sanh." Bởi người đã cố tâm nói xấu, ta biện minh tức là cho kẻ đó nói sai, dĩ nhiên sẽ sanh sự oán thù tranh cãi, mà vô tình lại làm cho quần chúng hay biết, và để ý nghi ngờ mình. Thông thường, người mới tu hay thấy mình phải kẻ khác quấy. Người tu hơi lâu, thấy mình và kẻ khác đều có phải có quấy. Người tu

càng lâu, duy chỉ thấy mình quấy. Tại sao thế? - Bởi khi việc khinh báng xảy ra, nếu hiện tại mình không sai quấy tất kiếp trước cũng lỗi lầm, nên đời nay phải chịu quả. Giả sử kiếp trước ta không có biệt nghiệp trực tiếp gây nên lỗi, thì cũng do cộng nghiệp tội ác, mới đồng sanh trong cõi ngũ trược này. "Đã mang lấy nghiệp vào thân. Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa." Lời của cụ Nguyễn Du nói, cũng thâm hợp với lý đạo.

* Điều thứ ba: người tu phải giữ vững lập trường, tin chắc lý nhân quả, đừng xao động vì tiếng hay dở bên ngoài. Kinh Pháp Cú nói: "Ngọn núi cao đứng vững giữa cơn giông tố. Người chân chánh an nhiên giữa tiếng thị phi." Tất cả tiếng khen chê bên ngoài không làm cho ta tốt hoặc xấu, siêu hay đọa, mà tốt xấu siêu đọa đều do nơi ta. Nếu ta gây nhân lành dù người có khinh là xấu xa tội ác, ta vẫn được siêu thăng. Trái lại, ta gây nhân ác, tuy người quý trọng ngợi khen, ta vẫn phải chịu đọa lạc. Do hiểu lẽ này, một thiền sư Việt Nam đã viết ra những lời thi ý tứ rất thanh tân siêu thoát:

Thị phi ngôn trực triều hoa lạc
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn!
Hoa lạc, vũ tình, sơn tịch tịch
Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.
Tạm dịch:
Thị phi tiếng rụng theo hoa sớm
Danh lợi lòng băng với bão đêm!

Mưa tạnh, hoa rơi, non vắng vẻ
Chim kêu xuân lại quá bên thềm.

Đừng quan tâm đến danh lợi thị phi, hãy để cho nó rơi theo hoa sớm, lạnh với mưa đêm, rồi tan biến lần lần. Kìa một tiếng chim kêu, một mùa xuân đã qua, sao ta không lo tu tập?

Tiết 39: Những Lời Khuyên Răn Về Việc Thị Phi

Cổ ngữ nói: "Kinh mục chi sự do khủng vị chân, bối hậu chi ngôn khởi tức thâm tín; nhĩ khả đắc văn, khẩu bất khả đắc ngôn dã." Câu này có nghĩa: "Việc thấy trước mắt còn e không đúng với sự thật, thì lời nói sau lưng đâu đáng để tin? Cho nên sự thị phi tai có thể được nghe, nhưng miệng không nên nói." Tiếng thị phi lắm khi phát xuất từ sự nghi lầm, hiểu lầm, nghe lầm, rồi ở trong nhà nó là hình con chuột, khỏi cửa ngõ nó biến thành hình con dê, ra tới ngoài đường lại hóa thành hình con trâu; nguyên khởi thật không có chi, nhưng khi đồn đãi đến người thứ mười, thì người đồn lần thứ nhứt nghe cũng phải kinh sợ! Nhiều khi tiếng chê bai lại có do lòng hơn thua ganh ghét, với sự cố tâm trả oán, hoặc dìm kẻ có nhiều phương diện hơn mình. Tánh ưa nói nhiều và tâm tật đổ thị phi, nhứt là phái nữ, rất dễ khởi phạm; khi họ kính thương, thì người đó mau thành tiên Phật, lúc họ khinh ghét, kẻ ấy cũng dễ hóa yêu ma. Một sư cụ thuộc bậc tiên bối đã nói: "Mấy bà, mấy cô có nhiều đức tin hơn phái

nam, việc hành đạo phần đông siêng năng tinh tấn. Nhưng công đức tu niệm được bao nhiêu, đều bị cái miệng nó đốt hết cả!" Với ý niệm ngăn những điều lầm lỗi của thị phi để giữ gìn cho công đức tu hành không bị hủy tổn, và tránh những ác báo về sau, xin dẫn lời hay của người xưa, cho đến lời răn dạy của Phật, Tổ để cùng nhau khuyên nhắc.

* Một buổi nhàn hạ, Đường Thái Tông hỏi bề tôi là Hứa Kính Tôn rằng: "Trẫm thấy khanh phẩm cách cũng không phải là phường sơ bạc, sao lại có nhiều tiếng thị phi chê ghét như thế?" Kính Tôn thưa: "Tâu bệ hạ! Mưa mùa Xuân tầm tã như dầu, người nông phu mừng cho ruộng đất được thấm nhuần, kẻ bộ hành lại ghét vì đường sá bùn lầy trơn trượt. Trăng mùa Thu trong sáng như gương, hàng tao nhân mừng gặp dịp thường du ngâm vịnh, nhưng bọn đạo tặc lại ghét vì ánh nguyệt quá rõ ràng! Như trời đất là vô tư, mà cơn nắng mưa, thời tiết còn bị thế gian trách hận ghét thương, thì hạ thần đâu phải người vẹn toàn, làm sao tránh khỏi sự chê bai chỉ trích? Cho nên ngu ý trộm nghĩ: đối với tiếng khen chê, nên bình tâm suy xét, đừng vội tin nghe. Nếu vua tin nghe lời thị phi thì tôi bị giết; cha mẹ tin nghe lời thị phi tất con bị hại; anh em vợ chồng tin nghe lời thị phi, sẽ phải chia lìa; thân bằng hàng xóm tin nghe lời thị phi rồi đi đến chỗ đoạn tuyệt. Miệng lưỡi thị phi thật độc hơn rồng rắn, bén hơn gươm đao, giết người không thấy huyết!" Hứa Kính Tôn sử sách chê là gian thần, nhưng dù sao lời

nói của ông cũng chí lý đáng làm gương khuyên nhắc cho hậu lai, nên vẫn được người đời truyền tụng.

* Kinh Pháp Hoa nói: "Sau khi Như Lai diệt độ, người nào thọ trì đọc tụng kinh này, sẽ được phước báo trong đời hiện tại. Nếu kẻ nào thấy người thọ trì kinh này, vạch bày những lỗi lầm của người đó, hoặc có thật, hoặc không có thật; kẻ ấy sẽ mang nghiệp quả, ghê lác, đui mù, và những ác báo như trước đã nói." (Đại lược)

Như lời Phật dạy, ta thấy chẳng những khinh hủy người tụng Kinh Pháp Hoa, mà khinh hủy kẻ trì chú niệm Phật và đọc tụng các kinh điển Đại Thừa khác, cũng đều mang tội nặng.

* Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới nói: "Nếu Phật tử nào, tự miệng rao nói tội lỗi của Bồ Tát xuất gia, Bồ Tát tại gia, Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni; hoặc bảo người rao nói tội lỗi; hoặc từ nhân, từ duyên, từ cách thức, cho đến từ nghiệp, rao nói những tội lỗi trong Phật pháp; Phật tử này phạm Bồ Tát Ba La Di tội." Lại nói: "Nếu Phật tử tự phô dương tài đức của mình mà dìm chê điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê; Phật tử này phạm Bồ Tát Ba La Di tội." Lại nói: "Chúng sanh mỗi ngày ba nghiệp tạo vô lượng tội, nhất là khẩu nghiệp." (Đại lược)

Đức Thế Tôn từ bi chỉ đường tội phước rõ ràng, mà hàng Phật tử chúng ta bởi quá si mê, nên có nhiều

người đã lãng quên; vì lòng tật đố thị phi, gây biết bao khâu nghiệp!

* Trong Kinh Đại Tập, Như Lai bảo: "Nếu hàng vua quan đánh mắng người xuất gia giữ giới hoặc phá giới, sẽ mang tội đồng như làm cho trăm ức thân Phật ra huyết. Nếu thấy người mặc áo cà sa, không luận kẻ giữ giới hay phá giới, nên sanh tâm tưởng như Phật."

Kinh Đại Tập đã nói như thế, thì hàng Phật tử xuất gia cho đến tại gia nếu có lầm lỗi, tất sẽ chuốc lấy khổ báo riêng về phần họ, ta chỉ sanh tâm thương xót chớ không nên khinh chê. Niệm tôn trọng thương xót khiến thêm lớn phẩm lành, tâm khinh mạn chê bai, lại đi vạch nói việc thị phi của người, chỉ tổn phước đức mình, và đa mang phần khổ lụy! Cho nên người biết tu, hằng thủ phạm, lo xét ngó vào mình để tự sửa chữa. Trái lại, mình còn nhiều lầm lỗi mà không xét nghĩ, lại đi vạch nói chê bai người, là kẻ chưa ý thức về việc tu.

Cổ ngôn có câu: "Ngã khuy nhờn thị họa, nhờn khuy ngã thị phước." Câu này hàm ý nghĩa: "Ta làm tổn người là họa, người làm tổn ta là phước." Đối với người tu, khi bị kẻ khác thị phi khinh báng, nên sanh tâm nghĩ rằng: kẻ ấy là người đem phước đến cho mình. Tại sao thế? - Bởi chúng ta từ vô thủy đến nay gây ra tội chướng vô biên, nếu bị một lời khinh chê, tất được giảm bớt một phần tội nghiệp. Đó chẳng phải là điều phước lợi cho mình ư? Còn kẻ khinh báng tất sẽ chịu

quả khổ, ấy là lẽ dĩ nhiên; bởi họ mê làm tự chuốc lấy tai họa.

* Lại để chỉ rõ thế nào là chân tu, cùng tư cách của bậc chân tu, xin dẫn chứng thêm một đoạn trong bài kệ Vô Tướng, Kinh Pháp Bảo Đàn của đức Lục Tổ:

Nếu là bậc chân tu
Không thấy lỗi của đời.
Nếu như thấy lỗi người
Mình chê, là kém dở!
Người quấy, ta đừng quấy
Ta chê, tự có lỗi.
Muốn phá tan phiền não
Hãy trừ tâm thị phi
Thương ghét chẳng để lòng
Nằm thẳng đôi chân nghĩ!

(Pháp Bảo Đàn Kinh, Vô Tướng kệ)

Những hàng con Phật hoặc xuất gia hoặc tại gia, đều tự xem mình là người tu hành lo đạo. Nhưng làm thế nào biết được ai là chân tu, giả tu? Về điều này, đức Lục Tổ đưa ra một cách giáo nghiệm rất đơn giản, Ngài bảo: "Nếu là bậc chân tu, không thấy lỗi của đời." Mà thật thế, bậc chân tu luôn luôn tự nhìn để sửa lỗi, trụ nơi tịch định; dứt hẳn lòng ngã như phân biệt, có tâm tư đâu nghĩ đến việc hay dở tốt xấu của người! Kẻ giả tu trái lại, tâm như ngã hơn thua ganh ghét đầy đầy, mở miệng ra là phê bình chỉ trích, nói

điều hay dở của thế gian; rất cách xa với đạo. Bởi thế, khi còn thấy lỗi người rồi khinh báng chê bai, tất nhiên tỏ ra mình đã kém dở trước nhất, vì tâm hãy còn vọng động phân biệt, thiếu đức trí huệ từ bi, sẽ chiêu cảm lấy tội báo về sau. Người quấy **mặc** người, ta đừng quấy, nên học bậc trí nhơn, để lòng trong sáng như gương, việc sắp đến không đón trước, việc đã qua chẳng luyến mơ, tâm linh sáng suốt bình đẳng khắp mọi nơi, sẽ có sự diệu ứng vô cùng! Nếu động niệm ganh ghét, nói lời khinh chê, thì bên trong chân tánh đã bị nhiễm ô, bên ngoài lại chuốc lấy việc oán thù tranh chấp, sự sai lầm tội lỗi càng thêm. Cho nên muốn được an nhàn khỏi phiền não, đừng phê luận việc phải quấy của người. Câu "Hãy trừ tâm thị phi" còn có ý nghĩa sâu là: trừ tứ cú, tuyệt bách phi. "Nằm thẳng đôi chân nghi", tức là cảnh giới đại giải thoát, chỉ cho sự tham học đã xong, đói thì ăn, mệt nằm ngủ.

Bậc chân tu luôn luôn có lập trường sáng suốt vững chắc, không quan tâm đến sự khen chê thương ghét bên ngoài. Như thuở xưa Nghĩa Thanh thiền sư sau khi đắc pháp với ngài Phù Sơn, đến ngụ nơi chùa của Viên Thông Tú hòa thượng. Tuy ở trong đại chúng nhưng Sư không tham thiền hỏi đạo, mỗi ngày chỉ nằm ngủ. Vị tăng chấp sự đem việc ấy bạch lại. Ngài Viên Thông cầm tích trượng đến tăng đường, thấy Sư đang nằm nhắm mắt liền quở rằng: "Nơi đây không có thừa cơm gạo để cho thượng tọa ăn rồi nằm ngủ!" Sư nói: "Thế thì hòa thượng bảo tôi phải làm gì?" Thông hỏi: "Sao không đi tham thiền?" - Đáp: "Thức ngon

chẳng giúp gì cho người đã ăn no." Hòa thượng bảo: "Có nhiều người không bằng lòng thượng tọa." Sư nói: "Giả sử bằng lòng, thì tôi sẽ được gì?" Thấy lời nói khác thường, ngài Viên Thông hỏi tiếp: "Thượng tọa đã từng tham kiến vị nào?" - Đáp: "Tôi từ nơi ngài Phù Sơn đến đây." Hòa thượng nói: "Thảo nào ông lại chẳng cứng đầu!" Liền nắm tay nhau cả cười, rồi đi về phương trượng.

Sau Nghĩa Thanh thiền sư nổi pháp cho ngài Đầu Tử Ngung. Vào hôm mừng bốn tháng năm, niên hiệu Nguyên Phong thứ sáu đời Tống, thiền sư tắm gội rồi lên pháp tòa từ biệt đại chúng, lưu bài kệ xong, liền buông bút tọa hóa. Như Nghĩa Thanh thiền sư tác phong phóng khoáng, sống chết tự do đường ấy, có phải Ngài đã lãnh hội câu: "Thương ghét chẳng để lòng. Nằm thẳng đôi chân nghỉ" đó ư?

Mục C.

Lược Đàm Về Si Phiền Nảo

Tiết 40: Nói Chung Về Nghiệp Si

Người tu khi với sự lý của mọi vấn đề không thể hiểu minh bạch, rồi từ đó dẫn sanh tất cả điều mê hoặc, khiến cho tâm niệm chẳng yên, đó là lúc nghiệp si nổi lên. Chẳng hạn như trong khi đang tu, thoát nhớ có kẻ nói phải niệm chừng nào nhứt tâm bất loạn mới được vắng sanh, nay xét mình khó nổi đến trình độ ấy, công hành đạo e luống uổng, rồi sanh ý phân vân, đó là

hiện tướng của nghiệp si. Si mê là nguồn gốc của tất cả phiền não. Tham, Sân do Si, mà Mạn, Nghi, Ác Kiến cũng đều do Si. Như khi khởi niệm: Sự hành đạo siêng nhọc của ta, chưa chắc người xuất gia đã bằng; đó là Ngã Mạn phiền não. Lúc niệm Phật, bỗng sanh ý nghĩ: Cõi Cực Lạc trang nghiêm dường ấy, mình nghiệp dày phước mỏng, biết có được vãng sanh hay chăng? Đó là Nghi phiền não. Ác kiến là sự thấy hiểu cố chấp xấu ác, gồm năm điều Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến Thủ kiến, và Giới Thủ kiến. Như đang tu hành, chợt nghĩ: thể chất mình vẫn yếu, hôm nay lại nghe mỗi nhọc, nếu niệm Phật thêm lâu nữa sợ e phải đau; đó là Thân kiến. Hoặc nghĩ: Chết rồi như đèn tắt, nếu có đời trước sao mình không nhớ? Tốt hơn là nên tu tiên để được sống lâu không chết. Đây là Đoạn kiến và Thường kiến trong Biên kiến. Hoặc suy tưởng tại sao có người làm lành lại mạng yếu, chết một cách dữ dội; kẻ làm nhiều điều ác lại sống lâu, chết rất tốt đẹp yên ổn? Vậy thì tu hành đâu có ích lợi chi! Đây là lỗi chấp Tà kiến, không thấu suốt lý nhân quả ba đời. Có kẻ lại nghĩ: trước kia mình tu theo cách luyện điển của giáo phái khác, mới ít tháng liền có sự biến đổi; nay sao niệm Phật đã lâu mà không thấy chuyển động gì? Đây là Kiến Thủ kiến, tức là chấp lấy sự nhận thức sai lầm của mình. Hoặc lại suy nghĩ: Bên đạo khác họ sát sanh vẫn cầu được về Thiên Đường; mình cũng cầu sanh Cực Lạc, vậy cần chi phải giữ giới sát? Đây là Giới Thủ kiến, tức sự chấp hiểu lầm lạc về giới pháp.

Hình thức của nghiệp si rất nhiều; nhưng người tu Tịnh Độ cần nhứt là phải y theo kinh Phật, và đặt trọn vẹn đức tin vào đó. Đối với đạo lý sâu xa, điều nào không biết thì nên tìm hỏi nơi bậc thiện tri thức. Nghiệp si dễ khiến cho người lạc mất chủ hướng khi bị các thuyết khác đả phá, mà môn Tịnh Độ lại là pháp thâm diệu khó tin hiểu. Theo kinh luận, người niệm Phật nên y theo ba lượng để củng cố lòng tin.

1. Lý Trí Lượng: là sự suy lường tìm hiểu của lý trí. Chẳng hạn như suy nghĩ: Các thế giới đều do tâm tạo, đã có cõi người thuộc phân nửa nghiệp thiện ác, tất có tam đồ thuộc nhiều nghiệp dữ, và các cõi trời thuộc nhiều nghiệp lành. Như thế tất cũng có cõi Cực Lạc do nguyện lực thuần thiện của Phật, và công đức lành của chư Bồ Tát cùng những bậc thượng thiện nhơn.

2. Thánh Ngôn Lượng: là giá trị lời nói của Phật, Bồ Tát trong các kinh luận. Đức Thế Tôn đã dùng tịnh nhãn thấy rõ y báo, chánh báo cõi Cực Lạc, và diễn tả cảnh giới ấy trong các kinh Tịnh Độ. Các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền đều ngợi khen cõi Cực Lạc và khuyên nên cầu vãng sanh. Người Phật tử nếu không lấy lời của Phật, Bồ Tát làm mực thước, thử hỏi còn phải tin ai hơn?

3. Hiện Chứng Lượng: là lối tìm hiểu do sự thấy biết hoặc chứng nghiệm hiện thật, để khởi lòng tin. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đã chứng minh rất nhiều vị niệm Phật được vãng sanh, và ở Việt Nam ta cũng có

nhieu Phật tử tu Tịnh Độ được về Cực Lạc. Chẳng những thế, mà hiện tiền khi tịnh niệm các vị ấy cũng thấy cảnh Tịnh Độ hiện bày. Nếu không có cõi Cực Lạc, và không có Phật A Di Đà tiếp dẫn, thì làm sao những vị ấy thấy rõ và được kết quả vãng sanh?

Trên đây là ba lượng mà hành giả Tịnh Độ phải y cứ để giữ vững lòng tin. Lại theo Ấn Quang pháp sư, người niệm Phật không nên đem sự tu Tịnh Độ thỉnh giáo các vị thiện tri thức bên Thiên Tông. Bởi lối đáp của những vị ấy đều đi về bốn phận, tức là nói về lý tánh, mà Tịnh Độ thì thuộc về tướng tông. Vì chỗ chủ trương khác nhau như thế, nếu kẻ sơ học chưa dung thông tánh tướng, e không được lợi ích chi, mà còn tăng thêm lòng nghi ngại phân vân bất nhứt.

Tiết 41: Phải Diệt Niệm Buồn Chán

Có một chi tiết trong nhà đạo, nguyên nhân cũng chỉ vì nghiệp si, mà nhiều người thường hay vướng mắc. Nhân tiện xin nói rộng thêm để các hành giả được sự bền chí trên đường tu niệm.

* Người hoài bão tâm thương đời, hay kẻ có lòng lo đạo, trên đường chí nguyện thường thường phải trải qua ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhứt là tâm nhiệt thành sốt sắng. Giai đoạn thứ hai là niệm buồn rầu chán nản. Giai đoạn thứ ba là lòng bi trí tùy cơ. Nhưng thông thường, những vị hữu tâm ấy hay bỏ cuộc và tiêu tán chí niệm ở đoạn hai, ít ai đi đến đoạn ba. Vượt

đoạn hai để đi đến đoạn ba là người có tâm bi trí rộng lớn, như con thần long khi bay lên mây xanh, lúc ẩn nơi lòng biển cả. Nhà Nho gọi điều này là: "Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng." Đây là ý nói: "Bậc chân nho, đời hữu đạo thì đem đạo lưu hành, đời vô đạo lại lui về ở ẩn." Như đức Khổng Tử khi đem đạo thánh hiền truyền hóa, các vua thời Đông Châu không ai chấp nhận, Ngài lui về viết sách dạy học trò, chí **thương** lo cứu đời không khi nào bị thối giảm. Kẻ chưa thấu hiểu thời tiết cơ duyên, chưa suốt được đạo lý này, thường hay chán buồn bi phẫn! Trước tiên hãy thử nhìn xét tâm niệm ấy qua phương diện thế gian.

* Ta thấy có nhiều vị lúc tuổi trẻ khí huyết phương cương, nhìn đời như hoa mộng, tâm nhiệt thành sốt sắng, quyết chí xây dựng nếu không cho thiên hạ, thì ít nhất cũng cho người xung quanh hay cá nhân mình được một cuộc đời tươi đẹp như lý tưởng. Nhưng khi trải qua nổi thăng trầm vinh nhục, rước lấy bao cuộc thất bại chua cay, đi sâu vào đời thấy rõ hơn tình sơ bạc, thì đâm ra chán nản. Lúc trước nhiệt thành hăng hái bao nhiêu, bây giờ lại lạnh lùng, dè dặt bấy nhiêu! Có người lại muốn đóng cửa tránh duyên xa lánh tất cả. Tâm trạng này có thể mượn mấy câu sau đây để diễn tả:

Lỡ làng nước đục bụi trong
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

Hay:

Thôi thà đừng biết cho xong
Biết bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!

Hoặc:
Chuyện đời thấy vậy thì hay vậy
Thà ẩn non cao chẳng biết nghe.

Nước đục bụi trong? Đây là chỉ cho người ngay thẳng thành thật bị vu báng nghi ngờ, kẻ thủ đoạn khéo bề ngoài lại được tin nghe quý trọng! Và còn biết bao sự đảo lộn khác nữa! Có người lại bảo: Thà làm kẻ ngu dốt mà còn được niềm vui, hiểu biết chi nhiều để thêm buồn lòng nhọc trí! Thi sĩ Tản Đà đã nhìn xét đời bằng câu:

Giang hà nhật hạ nhơn giai trước
Thiên địa lô trung thực hữu tình?

Nước sông giang hà càng xuống lại càng đục, đời càng mạt, đạo đức càng suy, trong trời đất ai là người có chân tình? Chí sĩ Phan Bội Châu lúc tuổi trẻ, từng than thở:

Lương bằng hải khoát thiên trường hận
Sơn thủy vân thôn vụ thổ sầu!

Nước non đã tối tăm bởi mây khói ngoại xâm, mà trong vùng bể rộng trời xa lại không tìm thấy bóng người đồng chí, tình cảnh thật đáng buồn! Nhưng đến lúc sắp tắt hơi, ông cũng còn buông ra mấy lời hận

thương chán nản: "Trời xanh thánh chúa hỡi ơi! Tiếc bấy trong tâm vùi Khổng, Mạnh! Non nước dân tình dường ấy! Thà ra ngoài thế bạn Hy, Hoàng!" (Thiên hồ nhi! Đế hồ nhi! Khả tích hung trung mai Khổng, Mạnh. Dân như thử! Quốc như thử! Ninh ư thế ngoại tác Hy, Hoàng!) Đại khái đường tâm nguyện của con người dễ bị nản buồn thối chuyển là thế! Và vì lẽ này mà Khuất Nguyên bị phần đem thân tự trầm; Giới Tử Thôi giận hờn cam chịu chết thiêu nơi rừng vắng.

* Trong giới tu hành cũng thế. Câu: "Học đạo thì cần chung tắc đãi" vô hình đã chỉ rõ sự tiên kiến xác đáng của người xưa. Câu này ý nói: thông thường việc học đạo trước siêng năng, sau hay sanh biếng trễ. Lắm người khi mới phát đạo tâm, lòng tín thành sức dũng mãnh dường như Bồ Tát, nhưng lần lần trong do nghiệp lực, ngoài bị cảnh duyên, ý khinh mạn bị biếng trễ nổi lên, mỗi niệm đều là chúng sanh. Đại khái phần đông vì chưa nhận thức rõ cuộc đời ngũ trước, nên khi chạm mặt với sự thật, dễ bị thối tâm. Bởi thế nhiều tăng ni do thấy trong đạo có những sự sai lầm, hoặc hàng thiện tín có những phiền não cố chấp nặng, nên sanh niệm thối chuyển. Từ ý niệm đó họ hoàn tục, hoặc tiêu tán chí nguyện độ tha, thích ở ẩn để tự tu, không muốn gây duyên hoằng hóa. Và nhiều Phật tử tại gia bởi thấy có những tăng ni hành không đúng pháp, rồi nản chí bỏ đạo không muốn tiếp xúc với người xuất gia; hoặc sanh lòng ngã mạn, bảo chỉ quy y Phật, Pháp, không quy y Tăng. Lại nhiều bà Phật tử khi nghe phong thanh thầy mình có điều gì, chưa thấu

đáo tình lý việc ấy ra sao, đã vội bỏ ăn chay, niệm Phật, tụng kinh. Họ chưa nắm vững lẽ đạo, không biết rằng tu cho mình chỗ đâu phải tu cho thầy, bỏ tu hành chỉ tự làm thiệt hại, nào có tổn thất đến ai?

Luận chung, những tâm niệm bi phần buồn chán như trên đều sai lầm, thiếu lập trường vững chắc. Bởi dù đời hay đạo, bậc chân chánh thiện lương tuy là ít, nhưng chẳng phải không người. "Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi", đừng lấy cố một phần tử lỗi lầm, mà cho rằng tất cả đều sai quấy. Lại: "Nhơn hư đạo bất hư", dù tất cả người đều sai lạc, đạo vẫn là con đường sáng suốt làm bước tiến tốt đẹp cho mình. Và, trước khi phê bình người nên tự xét mình đã được hoàn hảo chưa, hay sự thật còn kém hơn kẻ mình chỉ trích. Nên có lượng xót thương xả thứ, đem lòng trách người trách mình, dùng tâm thứ dung mình mà thứ dung cho người. Chớ lấy đá liệng kẻ lỗi lầm, khi chính mình cũng còn nhiều lầm lỗi. Lại tiêu điểm trước tiên của đường tu là lo cứu mình, tìm lối tự giải thoát. Nếu vì một đối tượng nào bên ngoài mà bỏ luôn cả chính mình, có phải là mê muội chẳng? Cho nên người tu có sự nhìn thấu suốt, hằng lo giữ đúng như bốn phận; tự sanh lòng trung thật, từ bi, xả thứ, then cho mình nghiệp chướng hãy nhiều, thương cho người còn ở trong vòng chìm mê phiền não, luôn luôn nắm vững chí nguyện, gắng tìm phương tự độ độ tha. "Từ bi hỷ xả là nhà, trí huệ, phương tiện là cửa", không vì chúng sanh nhiều phiền não, đường tu nhiều trở ngại gian lao mà thối thất đạo tâm. Có sự nhận thức như thế, là

đã vượt qua nổi chướng ngại nơi giai đoạn hai, mà bước lên chỗ bình thản của giai đoạn ba vậy.

Tiết 42: Cách Đối Trị Tổng Quát

Nghiệp tham, sân, si biểu hiện dưới nhiều hình thức, không thể tả xiết! Nơi đây chỉ nói tổng quát bốn điều căn bản để đối trị những nghiệp ấy:

1. Dùng tâm đối trị: - Người mê với bậc giác ngộ chỉ có hai điểm sai biệt: tịnh là chư Phật, nhiễm là chúng sanh. Chư Phật do thuận theo tịnh tâm nên giác ngộ, đủ thần thông trí huệ; chúng sanh bởi tùy nơi trần nhiễm nên mê hoặc, bị sống chết luân hồi. Tu Tịnh Độ là đi sâu vào Niệm Phật Tam Muội để giác ngộ bản tâm, chứng lên Phật quả. Vậy trong niệm Phật, nếu thấy bất cứ một niệm vọng động nào khác nổi lên, liền phải trừ ngay và trở về tịnh tâm. Đây là cách dùng tâm để đối trị.

2. Dùng lý đối trị: - Nếu khi vọng niệm khởi lên, dùng tâm ngăn trừ không nổi, phải chuyển sang giai đoạn hai là dùng đến quán lý. Chẳng hạn như khi tâm tham nhiễm nổi lên, quán lý: bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã. Tâm giận hờn phát khởi, quán lý: Từ bi hỷ xả, nhẫn nhục nhu hòa, các pháp đều không.

3. Dùng sự đối trị: - Những kẻ nghiệp nặng, dùng lý đối trị không kham, tất phải dùng sự, nghĩa là dùng đến hình thức. Thí dụ, người tánh dễ sân si, biết rõ

nghiệp mình, khi phát nóng bức sắp muốn tranh cãi, họ liền bỏ đi và uống từ từ một ly nước lạnh để dần cơn giận xuống. Hoặc như kẻ nặng nghiệp ái, dùng lý trí ngăn không nổi, họ lựa cách gần bậc trưởng thượng, làm Phật sự nhiều, hoặc đi xa để lãng quên lần tâm nhớ thương. Câu: "Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng!" thật ra chính là "Càng xa xôi mặt, càng thừa thốt lòng!" Bởi tâm chúng sanh y theo cảnh, cảnh đã vắng tức tâm mất chỗ nương, lần lần sẽ phai nhạt.

4. Dùng sám tụng đối trị: - Ngoài ba cách trên từ tế đến thô, còn có phương pháp thứ tư là dùng sám hối trì tụng để đối trị. Sự sám hối, niệm Phật, trì chú hoặc tụng kinh, mà giữ cho đều đều, có năng lực diệt tội nghiệp sanh phước huệ. Vì thế thuở xưa có nhiều vị trước khi thọ giới hay sắp làm Phật sự lớn, thường phát nguyện tụng mấy muôn biến chú Đại Bi, hoặc một tạng Kinh Kim Cang Bát Nhã. Bên Trung Hoa, các cư sĩ khi hợp lại Niệm Phật Đường để kiết thất, nếu ai nghiệp nặng niệm Phật không thanh tịnh, hay quán Phật không được rõ ràng, vị pháp sư chủ thất thường bảo phải lạy hương sám. Đây là cách đốt một cây hương dài, rồi thành kính đánh lễ hồng danh Phật sám hối, cho đến khi nào cây hương tàn mới thôi. Có vị suốt trong thời kỳ kiết thất bảy ngày hoặc hai mươi một ngày, toàn là lạy hương sám.

Bốn cách trên, hành giả tùy trường hợp mà đối trị tổng quát ba nghiệp tham sân si. Nếu bền bỉ chí tâm, thì không việc chi chẳng thành tựu.

Chương VII

Đệ Thất Yếu

Niệm Phật

Phải Khắc Kỳ

Câu Chứng Nghiệm

Khải Đề:

Thân như bọt
Bể thương tang
Chìm nổi kiếp mệnh mang!
Dưới trăng suy cạn khoảng đêm tàn
Chỉ nường Vô Lượng Quang.
Trời niệm tâm
Núi kiên quyết
Vọng tình xin cách tuyệt
Dần dà khó thể nhập Liên Bang
Khi nào thật được nhàn?

Mục A.

Nên Định Kỳ Kiết Thất

Tiết 43: Sự Sống Chết Lớn Lao

Đạo lý "Cơn vô thường mau chóng, sự sống chết lớn lao" duy có Phật Giáo đề cập và giải quyết một cách

rất ráo. Thế gian chỉ nói đến vấn đề sinh hoạt sau khi sanh, trước khi chết; đến như vấn đề sanh tử trước khi chưa sanh, sau khi đã chết thì không nghiên cứu tận cùng. Đạo Nho tuy có luận bàn việc sau khi chết, nhưng với mục đích hoàn thành hiếu đạo, trọn vẹn lễ nghi. "Thờ chết như thờ sống, thờ mất như thờ còn" mà thôi. Khi xưa có một lúc thầy Tử Lộ hỏi về việc chết, đức Khổng Tử đáp: "Sống còn chưa biết, đâu đã biết chết!" Đạo Tiên giải quyết cái chết bằng cách kéo dài sự sống, gọi là trường sanh. Nhưng trường sanh tuy có, mà bất tử thì không, vì mọi pháp tạo tác hữu vi đều ở trong vòng sanh diệt. Trong đạo lý Thập Nhị Nhân Duyên, đức Phật đã truy nguyên cho thấy rõ "sự sanh già bệnh chết, lo thương sầu khổ", đều do một niệm mê mờ đầu tiên, gọi là vô minh. Phá vô minh trở về bản tánh, mới đoạn hẳn nguồn sanh tử. Nhưng đó chỉ dứt phân đoạn sanh tử thuộc như ngã chấp mà thôi; còn phải trừ biến dịch sanh tử thuộc pháp ngã chấp, mới đi đến chỗ toàn giác. Tuy nhiên, dứt được phân đoạn sanh tử, trụ nơi Vô Dư Niết Bàn, thoát khỏi sự khổ luân hồi trong ba cõi, đã quý hóa hy hữu lắm rồi. Và đó cũng là giai đoạn đầu tiên, mà người tu Phật cần phải giải quyết.

Như lời Phật huyền ký, thời mạt pháp bậc ngộ đạo còn ít có, hướng chỉ là chứng đạo, và chưa chứng đạo tất còn phải chịu luân hồi. Cho nên muốn giải quyết vấn đề sanh tử ngay đời hiện tại giữa thời mạt pháp này, chỉ có phương tiện duy nhất là cầu đối nghiệp vãng sanh về Cực Lạc. Tại sao phải như thế? Vì nếu không

chứng đạo mà lại không được vãng sanh, tất phải đọa luân hồi. Khi luân hồi trong cõi ngũ trước, lại ở sâu vào thời mạt pháp đạo đức lần lần suy tàn này, nghiệp dữ dễ tạo, duyên lành khó tu, kết cuộc vẫn phải đọa trong ba đường ác. Cho nên sống chết là vấn đề lớn lao, mà những vị tu hành quyết cầu giải thoát đều phải thao thức. Ngài Bát Chỉ Đầu Đà, một bậc cao tăng cận đại bên Trung Hoa, khi còn trẻ chưa xuất gia, thấy những đóa hoa héo rụng trước nhà, liền suy tư rơi lệ. Đó là vì ngài có trí huệ, biết ý thức sâu đến sự sống chết của kiếp người.

Một mảnh phương tâm không chỗ gởi.
Giàn hoa chậm chậm ánh trăng soi.

Có thể mượn hai câu này, để diễn tả tâm trạng người tu với mỗi tư lương thao thức ấy.

Tiết 44: Ý Nghĩa Kiết Thất

Như trên đã nói, nếu không chứng đạo, phải niệm Phật cầu vãng sanh. Muốn chắc chắn được vãng sanh, phải niệm đến trình độ nhứt tâm bất loạn. Và muốn luyện cho đến mức một lòng không loạn, lại cần phải kiết thất. Kiết thất là ở trong ngôi nhà nhỏ hay một gian phòng, tuyệt hết ngoại duyên, chỉ chuyên lo niệm Phật trong khoảng bảy ngày. Nhưng tại sao phải bảy ngày, không sáu ngày hoặc tám ngày? Kinh dạy: "Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn nào, nghe nói đến Phật A Di Đà, giữ niệm danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai

ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không loạn." Trong kinh không nói chỉ sáu ngày, hay quá đến tám ngày, cho nên người tu Tịnh Độ xưa nay căn cứ theo kinh qui định thời gian để kiết kỳ niệm Phật trong bảy ngày.

Theo Mật Giáo, số bảy là số cùng cực của sự sanh hóa, nên thân Trung Âm bảy ngày phải biến thể một lần, tụng chú ít nhất cũng bảy lượt mới sanh hiệu lực. Đạo Phật gọi điều này bằng bốn chữ "pháp nhĩ như thị", nghĩa là theo phép của lẽ tự nhiên nó phải như thế, không thể giải thích được; cũng như không thể cắt nghĩa tại sao lửa thì nóng, băng tuyết lại lạnh. Từ số bảy làm trung tâm điểm, diễn lên ba lần thành hăm một, bảy lần thành bốn mươi chín; nên để hoàn thành công hiệu, Mật Giáo dạy tụng chú bảy lần, nếu tâm lực yếu chưa thể thành tựu thì tụng hăm một lần, hoặc bốn mươi chín lần. Vì thế người nhập thất y theo lệ đó, có khi kiết kỳ bảy ngày, hăm một ngày hay bốn mươi chín ngày.

Sao gọi là "nhứt tâm bất loạn?" "Nhứt tâm" là duy có một tâm niệm Phật, không xen tạp niệm chi khác. "Bất loạn" là lòng không rối loạn duyên tưởng cảnh nào ngoài cảnh niệm Phật. Bậc thượng căn niệm một ngày có thể được nhứt tâm, bậc trung căn hoặc ba bốn ngày mới được nhứt tâm, còn bậc hạ căn phải đến bảy ngày. Cũng có ý nghĩa khác, bậc thượng căn trong bảy ngày hoàn toàn nhứt tâm, bậc trung căn chỉ nhứt tâm

được ba bốn ngày, bậc hạ căn duy nhứt tâm được trong vòng một ngày. Nhưng tại sao đức Thế Tôn ước hạn trong bảy ngày có thể được nhứt tâm, mà chúng ta nhiều kẻ niệm hai ba năm hoặc nhiều năm vẫn chưa được nhứt tâm? - Điều này có ba nguyên nhân:

1. Về sự tướng, ta không y theo lời Phật dạy kiết kỳ tu hành, khi kiết thất lại tạp tu. Phải biết trong kỳ thất, muốn được nhứt tâm, nên chuyên giữ một câu niệm Phật, không được xen trì chú, tụng kinh hay tham thiền chi khác.

2. Trong bảy ngày chưa tránh được tạp duyên, dứt được tạp niệm, chuyên chú tu hành. Bởi có vị kiết thất, vì thiếu sự ngoại hộ, phải tự lo việc cơm nước, chưa yên lòng về các chuyện lặt vặt bên ngoài, cho đến chưa có tâm cầu sự tất chứng.

3. Ba căn như đã nói, chỉ là ước lược. Chẳng hạn như trong thượng căn có thượng thượng căn, thượng trung căn, thượng hạ căn; trung và hạ căn cũng thế, thành ra chín căn. Trong chín căn nếu chia chẻ ra, còn rất nhiều căn nữa.

Lại nên biết lời Phật nói chỉ là khái lược. Lệ như bậc thượng căn chỉ nói bảy ngày không loạn, mà chẳng nói tám chín ngày. Thật ra bậc ấy, chẳng những tám chín ngày không loạn, mà cho đến suốt đời cũng có thể không loạn. Và ngược lại, kẻ độn căn nghiệp chướng nặng nhiều, chẳng những bảy ngày không được nhứt

tâm, mà có thể niệm suốt đời cũng chưa được nhứt tâm. Cho nên đối với tất cả kinh nghĩa phải khéo hiểu, không nên chấp văn hại lời, và chấp lời hại ý.

Tiết 45: Cách Đả Thất

Kiết thất hay đả thất, ý nghĩa cũng không xa. Đả thất là dụng công trong bảy ngày. Chữ "đả" rút từ nguyên ngữ "đả thành nhứt phiến", nghĩa là: đánh cho thành một khối tịnh niệm. Đả thất niệm Phật, có khi nhiều người đồng tu, hoặc chỉ một người cho dễ được thanh tịnh. Người đả thất chuyên tu, phải có ba bậc thiện tri thức.

1. Giáo Thọ Thiện Tri Thức: - Đây là một vị thông hiểu Phật pháp và có kinh nghiệm về đường tu để thường chỉ dạy mình; hay mình đến thỉnh giáo trước và sau khi kiết thất. Trong trường hợp nhiều người đồng đả thất, nên thỉnh vị giáo thọ này làm chủ thất, mỗi ngày đều khai thị nửa giờ hoặc mười lăm phút.

2. Ngoại Hộ Thiện Tri Thức: - Đây là một hay nhiều vị ủng hộ bên ngoài, lo việc cơm nước quét dọn, cho hành giả được yên tu. Theo thông từ, vị này thường được gọi là "người hộ thất."

3. Đồng Tu Thiện Tri Thức: - Đây là những người đồng tu một môn với mình, để nhìn ngó sách tấn lẫn nhau. Vị đồng tu này có thể là người đồng kiết thất chung tu, hoặc có một ngôi tịnh am tu ở gần bên mình. Ngoài sự

trông nhìn sách tấn, vị đồng tu còn trao đổi ý kiến hoặc kinh nghiệm, để cùng tiến bước nhau trên đường đạo. Lời tục thường nói: "Ăn cơm có canh, tu hành có bạn" là ý nghĩa này.

* Ngài Sơn Kỳ, một bậc thạc đức bên Thiền Tông đã dạy: "Bản sắc người tu, là phải lấy mười phương làm đạo tràng viên giác, không cuộc hạn sự kiết kỳ dài ngắn. Nếu một năm không tỏ ngộ thì tham đến mười năm; mười năm không tỏ ngộ, tham cứu hai hoặc ba mươi năm, cho đến trọn đời, trước sau không dời đổi." Người niệm Phật cũng thế. Đa thất là phương tiện để cho mau được nhứt tâm; nếu một kỳ chưa nhứt tâm, nên kiết thất nhiều kỳ, chí tiến tu không hề thoái chuyển.

* Có kẻ hỏi: "Muốn được vãng sanh, phải niệm Phật cho được nhứt tâm bất loạn. Nhưng các hành giả đời nay mấy ai đi đến trình độ ấy, thế thì công tu chẳng thành luống uổng hay sao?" - Đáp: "Lời này trước đã có đề cập qua, nay xin nhắc lại để gây thêm sự chú ý. - Niệm Phật cần được nhứt tâm hoặc chứng Tam Muội, là sự khuyến tấn hay mức kỳ vọng, mà các hành giả phải đi đến. Song, môn Tịnh Độ có điểm đặc biệt là: "Trên đến một lòng không loạn, dưới chỉ mười niệm thành công." Bậc thượng căn hiện tiền niệm đến nhứt tâm bất loạn, quyết được vãng sanh. Kẻ hạ căn khi lâm chung mười niệm không loạn cũng được về Cực Lạc. Cho nên vấn đề "nhứt tâm bất loạn được vãng sanh" là nói khi lâm chung, không phải chỉ cho lúc

hiện tiền. Bởi bình thời dù được nhứt tâm bất loạn, song nếu đổi ý tu qua môn khác, khi lâm chung cũng không được vãng sanh.

Được mười niệm không loạn lúc sắp mãn phần, thật ra không phải chuyện dễ. Vì khi ấy có một sức nghiệp do đời này hoặc từ kiếp trước phát hiện, gọi là Cận Tử Nghiệp. Nếu lúc bình thời không cố gắng niệm Phật cho thuần thực, khi sắp chết bị sức Cận Tử Nghiệp lấn át, chánh niệm không hiện, tâm thức tùy nghiệp rối loạn, làm sao mà được vãng sanh? Có một vị cư sĩ tên là Hoàng Hậu Giác cũng tu Tịnh Độ, ưa làm Phật sự nhưng bình thời công khóa lơ là, nay có mai không. Lúc sắp chết ông ghét nghe tiếng niệm Phật, không chịu theo lời khuyến tấn của các bạn cư sĩ đồng tu. Ấn Quang pháp sư đã phán định: "Đó là do những nghiệp ác từ nhiều kiếp trước tập hợp nhứt là nghiệp bòn sẻn lời nói, thấy người đi đến chỗ chết mà làm lơ không khuyên ngăn. Khi tướng ấy hiện ra, tất phải đọa vào loài ngạ quỷ."

Thuở xưa, đức Phật nói với A Nan: "Có người suốt đời làm lành mà khi chết lại đọa địa ngục, có kẻ suốt đời làm ác, lúc chết được sanh lên cõi trời; người có biết tại sao chẳng?" Ngài A Nan thưa: "Dạ, kính xin nhờ Thế Tôn chỉ dạy." Phật bảo: "Kẻ làm lành bị đọa địa ngục, là do nghiệp lành đời nay chưa thuần thực, mà nghiệp ác đời trước đã tới lúc chín mùi. Người làm ác được sanh thiên cung, là bởi nghiệp ác đời nay chưa chín mùi, mà nghiệp lành kiếp trước tới thời kỳ thuần

thực. Nghiệp quả lành dữ nhiều đời xen nhau mà phát hiện, như mối nợ nào mạnh nó kéo đi trước. Vậy người tu lúc bình thời phải tinh tấn chớ nên lơ là biếng trễ."

Xem đây suy gẫm, người tu Tịnh Độ muốn được vắng sanh, lúc bình thời phải siêng năng chuyên cần niệm Phật, để khi lâm chung dễ phát hiện cảnh nhứt tâm bất loạn. Vì thế, nếu tịnh niệm chưa thuần, nên ước hạn nhiều kỳ đả thất.

Mục B.

Quyết Định Cầu Nghiệm

Tiết 46: Sự Và Lý

"Lý" là lẽ phải, là điều suy luận, là cảnh giải ngộ, thuộc về phần tánh. "Sự" là phương tiện, là công hạnh, là hình thức, thuộc về phần tướng. Tuy nhiên, đi đến chỗ cùng, Sự tức là Lý, tánh tức là tướng, đồng một thể như thật tròn sáng dung thông. Trên đường tu, Lý và Sự làm trong ngoài cho nhau, phối hợp nhau, giúp đỡ lẫn nhau để thành tựu. Có Lý, việc làm mới có căn cứ, có cương lĩnh, có mục tiêu để khởi sanh tác dụng. Có Sự, mới thật hiện được điều suy luận, chứng minh được chỗ lý giải, đi đến mục tiêu, và cuối cùng đoạt lấy kết quả. Lý như đôi mắt để nhìn đường. Sự như đôi chân để tiến bước. Không có mắt, hoặc mắt lơ lạc, tất dễ làm đường. Không có chân, dù mắt sáng tỏ bao nhiêu, cũng chẳng làm sao đi đến nơi đến chốn.

Lại, có Lý không Sự, như người có họa đồ, biết đường lối mà chẳng chịu đi. Có Sự không Lý, như kẻ tuy đi nhưng thiếu người hướng đạo, lộ tuyến mê mờ. Có Lý có Sự, như đã thông suốt đường lối, lại vừa cất bước hành trình, tất sẽ về nơi bảo sở.

* Sự và Lý đã nương nhau như thế, nếu thiếu một tất chẳng có hy vọng thành công. Nhưng người tu tuy thiếu phần giải ngộ, song nếu chịu y theo lộ trình của bậc tiên đức đã chỉ dạy mà thật hành, cũng đi đến mục tiêu và sẽ thành công, đồng với cổ nhơn không khác. Kinh luận, sự tích cùng các pho trữ tác của người xưa, hay lời chỉ dạy của bậc thiện tri thức đời nay, chính là lộ trình đích xác, nếu y theo mà thật hành, tất sẽ đạt thành kết quả. Cho nên có Sự mà thiếu phần lý giải chẳng đủ lo ngại. Đáng lo là những kẻ hiểu lý nhưng không thật hành, chỉ ngồi nói suông, dù có đàm huyền luận diệu thao thao, suốt đời vẫn chẳng tiến được nửa bước. Cứ thật mà nói, người thiếu Sự cũng quyết định không có Lý. Tại sao thế? Ví như kẻ đã biết nhà cháy, mà không chịu chạy thoát vẫn mãi ngồi yên, nào khác chi người không biết? Vì thế, Phật pháp có thể độ hạng ngu dốt chẳng thông một chữ, nhưng không phương độ kẻ thế trí thông biện, thiếu sự hành trì.

* Thuở xưa, ngài Châu Lợi Bàn Đà ngu tối, đức Phật chỉ đem hai chữ "chối" và "quét" bảo cố gắng tham chiếu. Ông tối tăm đến nỗi hễ nhớ chữ này lại quên chữ kia, nhưng nhờ sức kiên trì không giây phút nào

xao lãng, nên kết cuộc chứng được quả A La Hán. Còn Đề Bà Đạt Ma tuy thông minh đỉnh ngộ, thuộc sáu môn pháp tạng, luyện thành năm phép thần thông, nhưng bởi tham danh lợi chẳng thiết thật tu hành, nên kết quả bị đọa địa ngục. Xem đây thì biết dù kẻ suốt thông tam tạng, song chẳng thật hành, tất nghiệp hoặc từ vô thi vẫn còn nguyên không giảm được tơ hào, sự tri giải trở thành vô dụng. Sao bằng một bà lão dốt nát nơi nhà bếp, mặt mày lem lọ, nhưng thường chuyên niệm Phật, ngày kia tâm yên không loạn, ngồi ngự đài sen! Cho nên kẻ suốt đời chỉ cầu sự thông hiểu trên danh tướng lý luận, để mong thành một vị bác học về Phật pháp, không thiết thật tu hành; tất phải lâm cảnh kẻ thức ăn ngon mà mình chịu đói, đếm tiền kẻ khác mình vẫn nghèo nàn, kết cuộc hoàn toàn vô bổ. Nhà Phật đã ví những vị ấy như người điếc khảy đàn cho đại chúng nghe; kẻ quảy gánh đi khắp nơi rao bán đủ thứ thuốc hay, song quên hẳn chính mình đang mang nhiều chứng bệnh.

Bậc có chí học Phật, nên lưu ý đến điểm này.

Tiết 47: Sự Trì, Lý Trì

Niệm Phật có sự Sự trì và Lý trì. Theo Ngẫu Ích đại sư: "Sự trì là tin có cõi Cực Lạc và Phật A Di Đà, mà chưa đạt lý tâm này làm Phật, tâm này là Phật, chỉ quyết định cầu sanh, tha thiết thì niệm như con nhớ mẹ không lúc nào tạm quên. Lý trì là tin hiểu Phật A Di Đà ở Tây Phương, do tâm ta sẵn đủ, tâm ta tạo nên;

đem câu hồng danh sẵn đủ và tạo nên của tâm mình làm cảnh buộc niệm, chẳng giây phút nào xao lãng."

Nói giản lược, Sự trì là cách trì niệm của kẻ không biết chi về nghĩa lý, chỉ tin có cõi Cực Lạc và Phật A Di Đà, rồi chí thành tha thiết niệm Phật để cầu tiếp dẫn vãng sanh. Lý trì là lối trì niệm của người cũng thật hành đồng như cách Sự trì ở trên, nhưng giải ngộ cảnh Tịnh Độ cùng Phật A Di Đà đều ở trong chân tâm, do công đức thanh tịnh của chân tâm hiện thành.

Như thế, Sự trì với Lý trì có gì sai biệt? - Tất nhiên là có. Bởi kẻ tu theo Sự trì thấy Phật ở ngoài tâm, thành ra có tướng năng sở đối đãi, chưa được dung thông. Người thật hành theo Lý trì, do giải ngộ chân tâm, nên tuyệt được tướng năng sở, tức niệm là Phật, tức niệm là tâm, dung hòa cùng tâm cảnh. Xin thuật một câu chuyện:

Ông bạn xuất gia đồng tu của bút giả một đêm nằm mơ, thấy vị sư áo vàng đến hỏi: "Người niệm Phật, mà Phật là chi?" - Đáp: "Phật là tâm". Vị sư hỏi tiếp: "Người thử giải thích thế nào Phật là tâm cho ta nghe?" Trong giấc mơ ông bạn bèn ứng khẩu đọc:

Mỗi câu tràng hạt Phật là tâm
Phật rõ là tâm, uổng chạy tìm!
Bể Phật dung hòa tâm với cảnh
Trời tâm bình đẳng Phật cùng sanh
Bỏ tâm theo Phật còn mơ mộng

Chấp Phật là tâm chẳng trọn lành.
Tâm, Phật nguyên lai đều giả huyễn
Phật, tâm đồng diệt đến viên thành.

Ông bạn trên đây đã hiểu cách Lý trì, dung hòa được câu niệm Phật vào tâm cảnh.

* Có một lối nhận định sai lầm, mà những kẻ thiên về huyền luận tự cho là hành trì theo lý, cũng cần nên biện minh. Nhiều người trọng lý khinh sự, thường chấp nê theo lý luận: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ," rồi phủ nhận cõi Cực Lạc và sự tiếp dẫn vãng sanh. Những người này lý thuyết hóa các kinh nói về Tịnh Độ và bảo: "Di Đà tức là bản tánh Phật của mình; cõi Tịnh Độ là cảnh tịnh ở trong tâm, sao lại tìm bên ngoài?" Đây là điểm sai lầm rất lớn của thiên lý luận. Họ chấp lý bỏ sự, chuộng tánh quên tướng, đem chân đế mà bác hiện tượng của tục đế, chẳng biết rằng song phương không thể rời nhau.

Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, chân tâm có hai phần: tánh và tướng. Phần tánh gọi là Chân Như môn, phần tướng là Sanh Diệt môn; Chân Như không rời sanh diệt, sanh diệt tức là Chân Như. Bởi thế Mã Minh Bồ Tát gọi phần Chân Như là Tạng Như Thật Không, phần sanh diệt là Tạng Như Thật Bất Không; cả hai đồng chung một thể tánh như thật. Ví như mặt biển to rộng, không thể chỉ chấp nhận phần nước mà bỏ phần sóng bọt; vì chấp như thế tức đã sai lạc với hiện tượng của biển, mà cũng chẳng biết biển là gì? Cho nên, bỏ

sự tức lý không thành, bác tướng thì tánh không đứng vững. Rất nhiều kẻ có chút học thức thế gian, khi nghiên cứu các kinh Đại Thừa nói về lý Bát Nhã, bởi không hiểu thấu đáo, nên thường mang chứng bệnh chấp "lý không" này. Do đó, họ đem các kinh nói về sự tướng, như các kinh Tịnh Độ hoặc Kinh Địa Tạng, mà lý thuyết hóa tất cả. Họ cho những kinh thuyết về sự tướng này là phương tiện để dẫn dắt hạng ngu thấp, những người tin có Tịnh Độ hoặc địa ngục, đều mê tín; nhưng thật ra, chính họ mới là kẻ lạc lầm! Nhân tiện, xin dẫn vài đoạn kinh ra biện minh, để phá lỗi chấp không ấy.

Như Bát Nhã Tâm Kinh nói: "... Không trí cũng không đắc, vì không sở đắc, nên Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không quái ngại. Chư Phật ba đời y Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên đắc quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề." Trước y theo chân đế nói "không đắc", tiếp đó y theo tục đế lại nói "đắc". Thấy "đắc" là chấp có, thấy "không đắc" lạc vào chấp không, nên người học Phật phải khéo hiểu ý kinh để đi vào trung đạo.

Trong Kinh Kim Cang, đức Phật bảo: "Kẻ nào dùng sắc tướng âm thanh thấy và tìm cầu ta, là hành theo tà đạo." Nhưng tiếp đó Ngài lại bảo: "Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng Như Lai không dùng tướng Cụ Túc đắc quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tu Bồ Đề! Nếu ông suy nghĩ: phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là nói các pháp đoạn diệt. Đừng nghĩ như

thế! Tại sao? Vì phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt." Trước tiên, Phật dạy đừng theo âm thanh sắc tướng mà tìm đạo; nhưng kế tiếp Ngài lại nhắc nhở; cũng như đừng rời bỏ âm thanh sắc tướng hoặc diệt hết các pháp để phát tâm cầu đạo. Như thế, ta thấy "đạo" chẳng phải thuộc về "sắc", cũng chẳng phải thuộc về "không"; tìm chấp một bên đều sai lầm. Ngài Thanh Nguyên Duy Tín thiền sư nói: "Ba mươi năm trước, khi lão tăng chưa vào đạo, thì thấy sông là sông, núi là núi. Đến khi gặp thiện tri thức chỉ dạy cho đường lối tu hành, thấy sông không phải là sông, núi không phải là núi. Ngày nay ngộ đạo, vào nơi tịch tĩnh, thấy sông vẫn là sông, núi vẫn là núi." Một vị thiền sư khác cũng diễn tả:

Tiếng gà tức tiếng quảng trường thiệt.
Sắc núi nguyên là tịnh pháp thân!

Đây là ý chỉ: sắc tướng âm thanh vốn thật đại đạo, ta nên đem tâm vô phân biệt mà thể nhận, đừng chấp lấy cũng đừng bác bỏ rồi tìm đạo nơi chỗ không không. Cho nên câu "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ," không phải phủ nhận cõi Tịnh Độ và đức A Di Đà, mà chính là lối nói: nhiếp tướng về tánh, đem dụng về thể, để hiển bày lý Đệ Nhất Nghĩa Không. Trong Đệ Nhất Nghĩa Không, Phật còn chẳng lập, huống chi là các pháp khác.

Tiên đức bảo: "Lý tuy đốn ngộ, Sự phải lần lượt tu hành." Cho nên Thiền Tông tuy nói là môn tu trực chỉ, nhưng khi còn ngồi thiền, còn nhiếp tâm, còn tham thoại đầu, còn nhập định xuất định, đều còn ở trong vòng phương tiện. Và thật ra cảnh nội chứng còn bước những nấc thang từ thấp đến cao. Chứng nào đến bậc vô tu, mới không còn dùng phương tiện, mới có thể nói các pháp đều không. Nếu chưa được như thế, thì một pháp nhỏ như mảy bụi cũng đều có thật; vì gần lửa còn thấy nóng, ở giữa sương tuyết còn thấy lạnh, một mũi gai nhỏ đâm vào thịt còn biết đau, đâu có cái gì là không? Cho nên những kẻ thích đề xướng cao diệu "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ," rồi bác bỏ hình thức niệm Phật cầu vãng sanh thuộc về "Sự tu", sẽ lâm vào cảnh: "Chưa bước lên bờ đã vội phá bỏ chiếc bè," tất không khỏi bị chết chìm dưới nước. Xưa nay những bậc hiểu sâu về Lý lại còn chú trọng đến Sự, vì Sự tiêu biểu cho Lý.

Cổ đức đã bảo: "Với môn Tịnh Độ, duy bậc trí huệ mới dung thông tánh tướng hiểu đến chỗ tận cùng. Bằng không, thà chấp tướng tu hành, càng chấp lại càng mê nhiệm!" Bởi càng chấp tướng, chí nguyện cầu sanh lại càng thiết tha, khi đã sanh về Tây Phương lo gì không chứng ngộ được thật tướng? Vấn đề sự lý tánh tướng, nói ra vẫn không cùng, nhưng nếu hiểu được một sẽ hiểu tất cả. Mong các đồng nhơn khéo suy nghĩ, để tránh khỏi sự sai lạc trên bước đường tu.

Viết đến đây, có một Phật tử nhân khi lại thăm chơi, hỏi: - "Thưa thầy, con nghe vài vị tu thiền khá cao, bảo: Cõi Cực Lạc là quyền thuyết, là một ảo tượng của Phật phương tiện nói ra, để cho những kẻ thấp kém nường vào đó tin tưởng hâm mộ, phát lòng chuyên nhứt niệm Phật đặng để đi đến cảnh giới nhứt tâm. Ví như người cha có hai đứa con, một đứa thông minh biết lo học không cần phải nhắc nhở; một đứa tối tăm biếng trễ, nên cha phải dẫn dụ, bảo nếu cố gắng siêng học khi thi đỗ sẽ cho một chiếc xe đẹp. Chiếc xe đẹp là một ảo tượng hay phương tiện, sự học giỏi thi đỗ mới là chân mục đích hay cứu cánh. Bởi thế cho nên Tịnh Độ là lối tu của hạng thường dân tối dốt, còn hạng trí thức đều ưa thích về môn Thiền. Nếu hiểu được lẽ này thì người sáng suốt chỉ nên nhiếp tâm tịnh niệm, không cần phải theo ảo tượng niệm Phật làm chi cho lao hơi nhọc sức. Hãy để chiếc xe trống không chạy đi mới nhẹ nhàng, không nên chuyên chở thêm cho nặng! Con nghe như thế song chưa biết trả lời làm sao, mong nhờ Thầy giải thích."

Bút giả đáp: - Trong lối điều trần trên, có ba chủ điểm:

1. Cho Cực Lạc là ảo tượng, quyền thuyết.
2. Bảo Tịnh Độ là lối tu thuộc hạng thấp kém thường dân.
3. Đưa ra mục đích trừ vọng nhứt tâm, cho rằng phương tiện niệm Phật làm tổn hơi nhọc sức như

chiếc xe chở nặng, không được nhẹ nhàng thanh thoát như lối tu Thiền.

Về điểm thứ nhất, Cực Lạc không phải là cảnh ảo tượng hay quyền thuyết, mà là thế giới có thật như cõi Ta Bà này; vì Phật không khi nào nói dối, và có rất nhiều người niệm Phật được vãng sanh, hiện tiền hoặc lúc lâm chung đã mục kích cảnh giới ấy, như trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đã có chép. Trong tập này nơi đoạn trước đã dẫn minh về ba lượng để giải thích, xem qua sẽ tự rõ, không cần phải biện luận thêm nhiều.

Về điểm thứ hai, nếu cho rằng Tịnh Độ không phải lối tu của hàng trí thức, chỉ sợ e trí "trí thức" của những vị ấy chưa đủ sức thấu hiểu Tịnh Độ mà thôi. Như khi xưa Phật nói Kinh Pháp Hoa, có đến năm ngàn bậc Đại Đức Thanh Văn chứng từ Sơ Quả đến Tứ Quả, vì chưa tin hiểu nổi nên lui ra khỏi pháp hội. Những vị ấy đã vào hàng Thánh, đâu phải tầm thường, nhưng trước diệu lý quá cao, họ đành thối bại. Nếu bảo rằng hàng trí thức sáng suốt đều phải tu Thiền, niệm Phật để cho hạng dốt nát tầm thường, tại sao vị Tổ thứ mười bốn bên Thiền Tông là Long Thọ Bồ Tát sau khi chứng ngôi Sơ Hoan Hỷ Địa rồi, lại niệm Phật "cầu sanh Cực Lạc?" Và tại sao có rất nhiều bậc thạc đức bên Thiền Tông, như các ngài Vĩnh Minh, Triệt Ngộ, Liên Trì, sau khi tham thiền ngộ đạo, lại chuyển hướng cầu về Tịnh Độ? Phải biết Niệm Phật là pháp môn cao siêu mầu nhiệm, gồm nhiếp ba căn, từ đức

Thích Tôn cho đến các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều tuyên dương. Cho nên khi đức Thích Ca nói Kinh A Di Đà, hằng hà sa chư Phật ở sáu phương đều hiện tướng lưới rộng dài mà khen ngợi. Và trong Kinh Hoa Nghiêm, sau khi đức Phổ Hiền nói mười đại nguyện vương rồi, liền khuyến tấn các bậc Bồ Tát ở những ngôi Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hưởng, Thập Địa, Đẳng Giác, đều nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc? Nếu cảnh Cực Lạc là ảo tượng không phải thật có, và môn Tịnh Độ là tầm thường, tại sao các vị ấy lại cầu sanh? Cho nên Ấn Quang đại sư đã bảo: "Sự cao siêu mầu nhiệm của pháp môn Niệm Phật, chư Tổ bảo là chỉ có Phật với Phật mới hiểu biết hết được. Những kẻ khinh chê Niệm Phật, không phải chỉ khinh chê hạng ông già bà cả tu Tịnh Độ đâu, mà chính là khinh chê luôn cả chư Phật và các bậc Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đó!"

Về điểm thứ ba, xin giải thích rõ hơn. Chỗ cứu cánh của Thiên là Chân Như Tam Muội. Điểm cứu cánh của Tịnh Độ là Niệm Phật Tam Muội. Chân Như Tam Muội như vàng khối, Niệm Phật Tam Muội như vòng, xuyên và các món trang điểm chạm trổ xinh đẹp, mà trong vòng xuyên nguyên đã có vàng. Cho nên khi chứng Niệm Phật Tam Muội, tức đã bao gồm cả Chân Như Tam Muội. Chân Như Tam Muội chỉ thuần về mặt trí huệ, Niệm Phật Tam Muội đã có trí huệ còn gồm thêm phần phước đức; bởi người tu Tịnh Độ cũng lấy nhứt tâm thanh tịnh làm căn bản, trên chỗ nhứt

tâm ấy lại có thêm công đức niệm Phật. Nhưng Chân Như Tam Muội với Niệm Phật Tam Muội không phải tu một đời mà chứng được, cần phải liên tục tu trong nhiều kiếp; nhứt là chúng sanh thời mạt pháp này khó mà hy vọng. Vì thế Niệm Phật Tam Muội tuy là chỗ cứu cánh của môn Niệm Phật, nhưng chỉ đứng về hàng thứ yếu, mà sự cầu vãng sanh Tịnh Độ trong một đời để được Bất Thối Chuyển, mới là tông chỉ chánh yếu cần thiết của tông này. Do đó pháp môn Niệm Phật mới có tên là tông Tịnh Độ. Cho nên sở dĩ các bậc tu Thiền sau khi ngộ đạo, tự biết con đường chứng đạo còn xa, sợ e kiếp người ngắn ngủi, khi luân hồi sang đời khác phải bị mê lạc, nên mới chuyển hướng Niệm Phật cầu vãng sanh là thế. Niệm Phật, lễ Phật dù rằng nhọc, nhưng được thêm công đức phước báo do công năng tu trì của hai nghiệp thân và khẩu. Như chiếc xe từ Đà Lạt về Saigon, chạy xe không tất nhiên nhẹ nhàng, nhưng nếu chuyên chở thêm bông hoa rau cải, thì đã về đến Thủ Đô mà còn được có thêm phần hàng hóa. Đem công năng siêng nhọc niệm Phật để được thêm nhiều phước báo, đó chính là phần công và thưởng đương nhiên theo luật nhân quả, đâu có chi phải thiệt thòi? Song mỗi nhọc nếu có, chỉ là lúc mới tu. Khi niệm Phật thuần thục đến chỗ vô tâm, nào có chi là mỗi nhọc!

Nghi vấn trên thấy cũng cần thiết, nên dù không phải đoạn quyết nghi, cũng xin ghi tiếp vào đây. Những điểm hiểu lầm chưa thấu triệt về Tịnh Độ hãy còn

nhiều, vì e tâm niệm phạm lỗi đấu tranh, nên đối với các sự biện minh tạm xin ngừng bút.

Tiết 48: Sự Nhứt Tâm, Lý Nhứt Tâm

Người niệm Phật phải thiết thật dụng công, trong tuyệt cả tướng thị phi như ngã không thấy thân tâm, ngoài dứt hết tướng không sắc dục trần chẳng còn cảnh giới, duy có một câu Phật hiệu rành rạnh hiện tiền. Sự dụng công chí cực này, như người xưa đã nêu lên câu hỏi: "Trước mặt có cọp dữ, sau lưng có bầy chó sói, bên trái là vách núi cao, bên mặt là vực sâu thẳm; trong hoàn cảnh ấy hành nhưn phải vượt đi ngã nào?" Bên Tịnh Tông cũng bảo: "Ao sen bảy báu trước mặt, vạc dầu lò lửa phía sau, người niệm Phật phải nhứt hướng đi tới." Khi tu hành chưa thấy có điểm tiến bộ nào, là bởi chính mình còn yếu hèn biếng trễ. Cũng trong tình trạng ấy, khi xưa ngài Đồng Sơn đã nghiêm trách trong chúng:

Người nay học đạo nghĩ mà than
Ngoài cửa phân vân biết mấy ngàn!
Tưởng đến ngọc kinh triều thánh chúa
Giữa đường dừng bước ải Đồng Quan!

Nếu dụng công đến mức cùng cực, lâu ngày không gián đoạn, hành giả sẽ đi đến cảnh giới nhứt tâm. Cảnh nhứt tâm bất loạn này có hai mức cạn sâu, gọi là Sự nhứt tâm và Lý nhứt tâm.

* Sự nhứt tâm là thế nào? - Khi hành giả chuyên tâm chú ý trên sáu chữ hồng danh, lâu ngày tất cả tạp niệm đều dứt bật, lúc nằm ngồi đi đứng duy có một câu Phật hiệu hiện tiền, gọi là cảnh giới Sự nhứt tâm. Đây là định cảnh của người tu Tịnh Độ, cũng ngang hàng với sự nhập định của bậc tu Thiền.

* Lý nhứt tâm là thế nào? - Trên Sự nhứt tâm nếu tiến thêm một bước, dụng công đến chỗ chí cực, ngày kia tâm địa rỗng suốt, thoát hẳn căn trần ngũ vào thật tướng. Khi ấy hiện tại tức là Tây Phương mà chẳng ngại gì riêng có cõi Cực Lạc, tánh mình chính là Di Đà cũng chẳng ngại gì riêng có đức A Di Đà. Đây là cảnh giới Lý nhứt tâm. Địa vị này là cảnh “định huệ nhứt như” của người niệm Phật, ngang hàng với trình độ khai ngộ bên Thiền Tông.

* Với thuyết Sự, Lý nhứt tâm, Ngẫu Ích đại sư đã giản biệt tường tận. Ngài bảo: "Không luận sự trì hay lý trì; niệm đến hàng phục phiền não, kiến hoặc tư hoặc không khởi hiện, là cảnh giới Sự nhứt tâm. Không luận sự trì hay lý trì, niệm đến tâm khai, thấy rõ bản tánh Phật, là cảnh giới Lý nhứt tâm. Sự nhứt tâm không bị kiến, tư hoặc làm loạn. Lý nhứt tâm không bị nhị biên làm loạn" (Nhị biên: có, không - đoạn, thường v.v...)

Như thế chẳng nói chi Lý nhứt tâm, với Sự nhứt tâm người đời nay cũng chẳng dễ gì đi đến. Tuy nhiên, với công đức của câu niệm Phật cộng thêm sự chí thiết

hành trì, trong mỗi niệm sẽ diệt được một phần vô minh thêm một phần phước huệ, lần lần tất sẽ đi đến cảnh giới tốt. Và hành trì lâu ngày như thế, lo gì không tiến đến chỗ mỗi niệm khai ngộ, được hảo cảnh gọi là "Nhứt phiên đề khởi nhứt phiên tâm" (Một phen đề khởi niệm, một phen lộ bày cảnh mới).

Cho nên, dù là căn tánh thời mạt, nếu thiết thật dụng công, trình độ Sự, Lý nhứt tâm đối với chúng ta chẳng phải tuyệt phần hy vọng...

Mục C.

Cảnh Giới Phát Hiện

Tiết 49: Nội Cảnh Giới

Trên đường tu không tinh tấn dụng công thì thôi, nếu tinh tấn dụng công, nhứt định có cảnh giới. Cảnh giới này có trong và ngoài khác nhau. Trước tiên xin nói về phần trong tức là Nội cảnh giới.

Nội cảnh giới cũng gọi là "tự tâm cảnh giới", vì cảnh giới này không phải từ bên ngoài vào, mà chính do nơi công dụng trong tâm phát hiện. Những người không hiểu rõ lý "muôn pháp do tâm" cho rằng tất cả cảnh giới đều từ bên ngoài đến, là lối nhận định sai lầm. Bởi khi hành giả dụng công đến mức tương ứng, dứt tuyệt ngoại duyên, thì chủng tử của các pháp tiềm tàng trong tạng thức liền phát sanh ra hiện **hạnh**. Với người niệm Phật trì chú, thì công năng của Phật hiệu

và mật chú đi sâu vào nội tâm, tất gặp sự phản ứng của hạt giống thiện ác trong tạng thức, cảnh giới phát hiện rất là phức tạp. Các cảnh ấy thường hiện ra trong giấc mơ, hoặc ngay khi tỉnh thức đang dụng công niệm Phật. Nhà Phật gọi trạng thái này là "A lại da biến tướng."

* Trong giấc mơ, nếu do chủng tử ác phát hiện, hành giả hoặc thấy các loài sâu trong mình bò ra, hoặc thấy nơi thân có loại nhiều chân giống như bò cạp, rết, mỗi đêm mình gở ra năm bảy con; hoặc thấy các loài thú ma quái, cảnh tượng rất nhiều không tả xiết được! Đại khái người nhiều nghiệp tham nhiễm, bòn sên, hiểm độc, thường thấy tướng nam nữ, rắn rết, hoặc dị loại sắc trắng. Người nhiều nghiệp sân hận, thường thấy cọp beo, hoặc dị loại sắc đỏ. Người nhiều nghiệp si mê, thường thấy loài súc vật, sò ốc, hoặc dị loại sắc đen. Tuy nhiên, đây chỉ nói với tánh cách ước lược, không phải tất cả đều như thế.

Nếu do chủng tử lành phát hiện, hành giả thấy cây cao hoa lạ, thắng cảnh tươi tốt trang nghiêm, mảnh lười châu ngọc; hoặc thấy mình ăn các thứ thơm ngon, mặc đồ trân phục, ở cung điện báu, hay nhẹ nhàng bay vượt lên hư không. Tóm lại, trong tâm của chúng sanh có đủ chủng tử mười pháp giới; chủng tử lành hiện thì thấy cảnh Phật, Bồ Tát, Nhơn, Thiên; chủng tử ác hiện, thấy cảnh tam đồ tội khổ. Như người kiếp trước có tu theo ngoại đạo, thường thấy mình phóng ra luồng điện, hoặc xuất hồn đi dạo chơi, tiếp xúc với các

phân âm nói về chuyện thanh suy, quốc sự. Hoặc có khi tâm thanh tịnh, trong giấc mơ thấy rõ việc xảy ra đôi ba ngày sau, hay năm bảy tháng sẽ đến. Đại khái người đời trước có tu, khi niệm Phật liền thấy cảnh giới lành. Còn kẻ nghiệp nhiều kém phước đức, khi mới niệm Phật thường thấy cảnh giới dữ; trì niệm lâu ngày ác tướng mới tiêu tan, lần lượt sẽ thấy điềm lành tốt.

* Về cảnh trong khi thức, nếu hành giả dụng công đến mức thuần thực, có lúc vọng tình thoát nhiên tạm ngưng, thân ý tự tại. Có lúc niệm Phật đến bốn năm giờ, nhưng tự thấy thời gian rất ngắn chừng đôi ba phút. Có lúc đang trì niệm, các tướng tốt lạ hiện ra. Có lúc trong vô ý, tinh thần bỗng nhiên được đại khoái lạc. Có lúc trong một động, một tịnh, thấy tất cả tâm và cảnh đều không. Có lúc trong một phen thấy nghe, liền cảm ngộ lý khổ, không vô thường, vô ngã, dứt tuyệt tướng ta và người. Những tướng trạng như thế nhiều không thể tả xiết!

Có một Phật tử đang khi thức ngồi trong đêm tối niệm Phật, thoát thấy dưới đất khắp nền nhà mọc lên hai loại hoa đỏ trắng cao tới thành giường, trên hư không hoa rơi xuống như mưa. Có vị đang khi quỳ niệm Phật, bỗng thấy trước bàn Phật hiện ra đóa hoa sen đỏ, từ búp lần lần nở tròn, độ mười lăm phút sau liền tan biến. Có một Phật tử đang khi niệm Phật, cảnh giới xung quanh bỗng ẩn mất, trước mắt hiện ra biển nước mênh mang, êm tịnh không sóng gió, trên mặt biển

mọc lên vô số hoa sen nhiều màu đóa nào cũng to lớn; kế đó tướng biển ẩn mất, hiện ra cảnh núi non cỏ hoa tươi tốt, cỏ thụ sum sê, có một ngôi chùa nguy nga tráng lệ; tiếp theo tướng chùa núi lại ẩn mất, hiện ra cảnh lưới châu, kết lại rồi đứt, đứt rồi lại kết. Đại loại có rất nhiều cảnh tướng như thế, do bút giả đã từng nghe những vị đồng tu trần thuật, nay chỉ kể ra đây ít chuyện để hiển minh.

* Những cảnh tướng như thế, gọi là Nội cảnh giới hay tự tâm cảnh giới, do một niệm khinh an hiện ra, hoặc do chủng tử lành của công đức niệm Phật trì chú biến hiện. Những cảnh này thoát hiện liền mất, hành giả không nên chấp cho là thật có mà để tâm lưu luyến. Nếu sanh niệm luyến tiếc, nghĩ rằng cảnh giới ấy sao mà nhẹ nhàng an vui, sao mà trang nghiêm tốt đẹp, rồi mơ tưởng khó quên, mong cho lần sau lại được thấy nữa, đó là điểm sai lầm rất lớn. Cổ nhơn đã chỉ trích tâm niệm này là "gãi trước chờ ngứa." Bởi những cảnh tướng ấy do sự dụng công đặc lực tạm hiện mà thôi, chỗ không có thật. Nên biết khi người tu dụng công đến trình độ nào, tự nhiên cảnh giới ấy sẽ hiện ra. Ví như người lữ hành mỗi khi đi qua một đoạn đường, tất lại có một đoạn cảnh vật sai khác hiển lộ. Nếu như kẻ lữ hành chưa đến nhà, mà tham luyến cảnh bên đường không chịu rời bước, tất có ngại đến cuộc hành trình, và bị bơ vơ giữa đường chẳng biết chừng nào mới về đến nhà an nghỉ. Người tu cũng thế, nếu tham luyến cảnh giới tạm, thì không làm sao chứng được cảnh giới thật. Thảng như mơ tưởng đến

độ cuồng vọng, tất sẽ bị ma phá, làm hư hại cả một đời tu.

Kinh Kim Cang nói: "Phàm có những tướng đều là hư vọng; nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai" (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng; nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai). "Có những tướng" không phải "những tướng có" thuộc về pháp hữu vi sanh diệt, bởi các tướng ấy chẳng tự bảo rằng mình có hay không, thật hay giả, chỉ do kẻ chưa ngộ đạo lý động niệm phân biệt, chấp cho là có, không, thật, giả, nên mới thành ra hư vọng. Đến như bậc tham thiền khi nhập định thấy định cảnh mênh mang rỗng không trong suốt, tự tại an nhàn, rồi sanh niệm ưa thích; hay khi tỏ ngộ được một đạo lý cao siêu, rồi vui mừng chấp giữ lấy, cũng đều thuộc về "có tướng." Và đã "có tướng" tức là có hư vọng. "Thấy các tướng" là thấy những tướng: lành, dữ, đẹp, xấu, dơ, sạch, có, không, Phật, chúng sanh, cho đến cảnh năm ấm, sáu trần v.v... "Chẳng phải tướng", nghĩa là thấy mà đừng chấp trước cũng đừng phủ nhận, cứ để cho nó tự nhiên. Tại sao không nên phủ nhận? - Bởi các tướng tuy hư huyền, nhưng cũng chẳng phải là không; ví như bóng trăng đáy nước tuy không phải thật có, nhưng chẳng phải không có tướng hư huyền của bóng trăng. Cho nên trong khi tu, nếu thấy các tướng hiện, đừng lưu ý cứ tiếp tục dụng công; ví như người lữ hành tuy thấy cảnh bên đường, nhưng vẫn tiến bước để mau về đến nhà. "Tức thấy Như Lai" là thấy bản tánh Phật, thấy được đạo vậy.

* Kết yếu lại, từ các tướng đã kể trên cho đến Sự nhứt tâm, Lý nhứt tâm, đều là Nội cảnh giới. Cảnh giới này có hai phương diện là: tương tợ và phần chứng. Cảnh tương tợ là tạm thấy rồi biến mất. Cảnh phần chứng là một khi được tất được vĩnh viễn, vì đã chứng ngộ được một phần Chân Như. Không luận Nội cảnh hay Ngoại cảnh, phàm tương tợ đều không phải Chân cảnh giới, mà gọi Thấu Tiêu Tức, nghĩa là thông thấu được một phần tin tức của chân tâm. Người thật phát lòng cầu giải thoát, chớ nên đem tướng Thấu Tiêu Tức nhận làm Chân cảnh giới. "Thấu Tiêu Tức" ví như cảnh trời âm u râm tối, hốt nhiên có trận gió thổi làm mây đen tạm phân khai, hé ra một chút ánh thái dương, kế đó mây đen lại che khuất. Lại như người xưa cọ cây lấy lửa, trước khi lửa bật lên, tất có tướng khói phát hiện. "Chân cảnh giới" ví như ánh thái dương sáng suốt giữa trời trong tạnh và như cọ cây đã lấy được lửa. Tuy nhiên, cũng đừng xem thường Thấu Tiêu Tức, vì được tướng này, mới chứng minh xác thật có Chân cảnh giới. Nên từ mức đó gia công tinh tấn, thì Chân cảnh giới cũng không xa.

Tiết 50: Ngoại Cảnh Giới

Ngoại cảnh giới là cảnh không phải do nội tâm hiện ra, mà từ bên ngoài đến. Hoặc có hành giả thấy Phật, Bồ Tát hiện thân thuyết pháp, khuyến tấn khen ngợi. Hoặc có hành giả đang khi niệm Phật, thoát nhiên tâm khai, thấy ngay cõi Cực Lạc. Hoặc có hành giả

đang tịnh niệm thấy chư thần tiên đến, chấp tay vì nhiều xung quanh tỏ ý kính trọng, hoặc mời đi dạo chơi. Hoặc có hành giả thấy các vong đến cầu xin quy y. Hoặc có hành giả khi mức tu cao, bị ngoại ma đến thử thách khuấy nhiễu...

* Như khi xưa có một Phật tử căn tánh ngu tối, song thường kính niệm đức Quán Thế Âm. Một đêm nằm mơ thấy Bồ Tát đến bảo nên thường tham cứu bài kệ sau đây, lâu ngày sẽ được khai ngộ:

Đại trí phát nơi tâm
Nơi tâm chỗ nào tìm?
Thành tựu tất cả nghĩa
Không cổ cũng không kim!

* Như thời Trung Hoa Dân Quốc gần đây, có cư sĩ Giang Am Nam, vào tháng ba năm Nhâm Thân (1932), nhân khi bị bệnh được thấy cảnh Cực Lạc. Ông gượng đau viết thư cho anh là cư sĩ Giang Diệt Viên, đại khái như sau: "Em đau nặng. Vào khoảng ba giờ sáng ngày hai mươi lăm tháng ba, sau một cơn sấm sét mưa to, trời lại trong tạnh tỏ suốt như ban ngày. Nơi phương Tây, bỗng hiện ra chân cảnh thế giới Cực Lạc sáng minh mang không ngăn mé. Em thấy bảy báu trang nghiêm, bảo thọ, bảo tháp, và vô số tướng trân kỳ. Phật ngồi giữa hư không, bảo em lên bái kiến. Nhưng khi em đến được trước Phật, kim tướng đức Di Đà Thế Tôn lần lần xa, tiếng nói vọng lại rất nhỏ, kể cảnh giới đều tan biến. Chắc là do định lực của em còn

kém, nhưng từ đây em tin chắc cảnh Tây Phương Cực Lạc là xác thật..."

* Cũng trong thời Dân Quốc, có cư sĩ Lưu Khai Nan, biệt hiệu là Tây Tiều tiên sinh. Trước khi ông vãng sanh, chư thần mời đến cảnh U Minh xin nhậm quan chức; kế lại thấy chư thiên thỉnh lên cõi trời, cư sĩ đều nghiêm sắc khước từ, bảo: "Làm quan dễ tạo nghiệp, phước trời có lúc hết. Tôi chỉ nguyện sanh về Cực Lạc." Ít ngày sau cư sĩ vãng sanh.

* Một sư cô quen với bút giả tu ở gần vùng Đà Lạt. Sau thời trì chú, cô đang ngồi tịnh, bỗng thấy có hai sứ giả phong thái và cách trang phục như thần tiên, đến cung kính mời lên non viếng cảnh. Trong cơn định, sư cô hỏi: "Non cao, sức yếu, làm sao đi được" Một sứ giả đáp: "Không ngại, tôi đã có cách." Liền lấy cành cây tợ nhánh dương liễu, đập nhẹ vào mình sư cô và bảo đi theo. Cô bỗng thấy thân thể mình lâng lâng bay lướt trên đầu ngọn cỏ, giây phút sau cùng tiến lên non. Đến đây thấy cảnh tòng bá thanh u, công xoe, hạc múa, xa xa có một cung điện lầu các. Vừa khi ấy, cô thị giả ở nhà sau làm rớt đồ vật có tiếng động mạnh. Sư cô liền chợt giác tỉnh, cảnh giới tan mất, cảm thấy hai bắp đùi còn mỗi đau.

Những tướng trạng lược kể như trên, đều gọi là Ngoại cảnh giới. Có người hỏi: "Thấy Phật thấy hoa sen, có phải là cảnh ma chăng?" Xin đáp: "Nếu nhân quả phù hợp, không phải là cảnh ma. Bởi tông Tịnh Độ thuộc

về "hữu môn", người niệm Phật khi mới phát tâm từ nơi tướng có mà đi vào, cầu được thấy thánh cảnh ở Tây Phương. Đến khi thấy hảo tướng đó là quả đến đáp nhân, nhân và quả hợp nhau, đâu phải cảnh ma? Trái lại, như Thiền Tông từ nơi "không môn" đi vào, khi phát tâm tu liền quét sạch tất cả tướng, cho đến tướng Phật tướng Pháp cũng đều bị phá trừ. Bậc Thiền Sĩ không cầu thấy Phật hoặc hoa sen, mà tướng Phật và hoa sen hiện ra, đó là nhân quả không phù hợp. Quả không có nhân mà phát hiện, đó mới chính thật là cảnh ma. Cho nên người tu thiền luôn luôn đưa cao gươm huệ, "ma đến giết ma, Phật đến giết Phật", đi vào cảnh chân không, chẳng dung nạp một tướng nào cả.

Tuy nhiên, đó là chỉ nói những hành giả mới tu, riêng bậc tu thiền cao, có khi thấy các tướng song không phải là ma cảnh. Bởi những vị đã tu thiền nhiều kiếp, khi tâm địa khai thông, có thể thấy được cảnh ác đạo cùng thiên đường cho đến mười phương Tịnh Độ và Uế Độ; vì mười phương thế giới đều ở trong ánh sáng của chân tâm. Và người tu Tịnh Độ có khi thấy các tướng, nhưng lại là cảnh ma, mà đoạn Biện Ma Cảnh sau đây sẽ nói rõ.

Kết lại, Nội cảnh giới và Ngoại cảnh giới, là nói ước theo trình độ người còn đi trên bước đường tu tập. Đến như bậc đã chứng đạo quả, thì tâm tức cảnh, cảnh tức tâm, vạn vật cùng ta đồng một thể không có trong ngoài chi cả.

Tiết 51: Biện Ma Cảnh

Như trên đã nói, người niệm Phật có khi thấy các tướng song lại là ma cảnh; điều này chỉ cho trường hợp nhân quả không tương ứng. Chẳng hạn như người đang quán tướng Phật, hốt nhiên thấy tướng mỹ nữ. Kẻ tinh tấn niệm Phật mong thấy thắng cảnh ở Tây Phương, song chợt thấy một vùng nhà cửa ô tạp, nam nữ cùng loài súc vật đi qua chạy lại lảng xảng. Người mong thấy hoa sen báu, nhưng bỗng thấy một cỗ xe nhỏ. Do nhân quả không hợp nhau như thế, nên biết là cảnh ma. Có năm trường hợp để phân biệt là cảnh ma hay cảnh thật như sau:

1. Các cảnh nhân quả không phù hợp, quán tướng này song thấy tướng khác, cầu cảnh nọ mà lại hiện cảnh kia, như trên đã vừa nói. Và lại, cảnh hiện ra không giống như trong kinh điển tả, đều là cảnh ma.
2. Chư Phật, Bồ Tát tâm từ bi trong sạch, cho nên dù hiện tướng quý thần đến thử thách, ta vẫn cảm thấy an nhiên thanh tịnh. Trái lại, bản nghiệp các loài ma là phiền não hiểm ác, nên dù hiện tướng Phật đến khuyên dạy, ta tự cảm thấy xao động nóng nảy không yên.
3. Ánh sáng của Phật làm cho ta cảm thấy êm dịu mát mẻ, lại không có bóng, không chói mắt. Ánh sáng của ma làm cho ta chói xốt đôi mắt, bứt rứt không yên, và có bóng. Cho nên Kinh Lăng Già nói:

Phật địa là tối thắng
Trong sạch mầu trang nghiêm
Chiếu **hiệu** như lửa hừng
Ánh sáng đến khắp nơi
Rực rỡ không tổn mất
Xoay vần độ ba cõi.

4. Lời thuyết pháp của Phật, Bồ Tát hợp với kinh điển, thuận theo chân lý. Lời của ma trái lẽ phải, không đúng với kinh Phật đã chỉ dạy.

5. Khi thắng tướng hiện ra, muốn khảo nghiệm, hành giả chỉ chánh ý tụng Bát Nhã Tâm Kinh, hoặc nhiếp tâm trì chú, niệm Phật. Nếu là thánh cảnh, càng niệm lại càng rõ ràng, vì vàng thật không sợ lửa. Nếu là ma cảnh, trì niệm một hồi nó liền ẩn mất, bởi tà không thể lẫn chánh.

* Phải lấy cả năm điều như trên để xét nghiệm, chớ không thể chỉ một hai điều. Vì có những thiên ma hoặc thần tiên theo ngoại phái, muốn dắt dẫn ta hướng về đường lối của họ, nên giả hiện tướng Phật, Bồ Tát để thuyết pháp. Tuy môn tu của họ không phải là con đường cứu cánh giải thoát, song họ có nghiệp lành, hoặc sức Thiên Định khá cao, nên hào quang phát ra cũng làm cho ta được mát mẻ êm dịu. Lại lối thuyết pháp của họ đôi khi cũng khuyên làm lành giữ giới, ăn chay niệm Phật, song có một vài điểm sai khác không hợp với kinh Phật, phải nhận định kỹ và

phải hiểu giáo lý mới biết được. Chẳng hạn như họ cũng khuyên ăn chay niệm Phật, nhưng lại dạy phải vận hành câu niệm Phật khắp châu thân gọi là "chuyển pháp luân" để khai thông mạch Nhâm, Đốc, và mở Nê Hoàn Cung. Đây là lối thuyết pháp của hàng ma ngoại đạo. Hoặc có loài ma hiện ra tướng cao tăng bảo: "Phật đồng, Phật xi măng không độ được nước, vì xuống nước phải chìm; Phật gỗ không độ được lửa, vì gặp lửa phải bị cháy; chỉ có Phật tâm mới không bị vật chi làm hoại. Tu được Phật tâm thanh tịnh thì không cần tu thân và khẩu; cho nên dù ăn thịt uống rượu, có vợ con cũng vô hại. Lối tu thân và khẩu như giữ giới, ăn chay, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, là những cách khổ hạnh bó buộc vô ích." Đây là lối thuyết pháp của hạng tinh mị lâu năm, hoặc loài ma ái dục. Có những hạng ma ngoại đạo công năng tu khá cao, có thể dùng sức Thiên Định gia bị, khiến cho hành giả thân tâm được an định trong vòng bảy ngày, hoặc hai mươi một ngày. Nhưng lối thuyết pháp của họ không siêu thoát, kết cuộc chỉ trong vòng ngã chấp.

* Cổ đức đã bảo: "Thấy ma không ma, ma liền tự hoại; thấy quái không quái, quái liền tự bại." Câu này có nghĩa: nếu thấy ma quái mà lòng không xao động sợ hãi, giữ chánh niệm được vững vàng, hoặc chí tâm niệm Phật, loài ma quái ấy không làm chi được, sẽ tự bỏ đi. Chẳng những khi thấy ma quái phải như thế, mà dù cho lúc tu hành được một phần kết quả, hay thấy thắng tướng, cũng đừng nên quá bi cảm, kinh ngạc hoặc vui mừng. Ví như ta có hạt châu làm rớt

dưới đáy hồ, vì nước đục nên dò kiếm mãi vẫn mất tích. Nay nước lắng trong lại tìm thấy được, hạt châu ấy nguyên là của đã có, việc chi đến đổi phải kinh ngạc, vui mừng? Người tu nếu tâm không bình tĩnh, quá bi thương, tất bị loài bi ma ám nhập làm cho thương khóc mãi chẳng thôi. Như quá vui mừng, cũng bị loài ma hoan hỷ ám nhập, làm cho cười mãi như điên cuồng. Lại, hành giả niệm Phật tuy cũng mong được thấy thánh cảnh, nhưng đừng quá mơ tưởng ước ao, bởi niệm tức là đã cầu rồi. Nên giữ tâm trạng điềm tĩnh, "cầu mà không cầu, không cầu mà cầu", mới không bị sự cầu mong làm xao động. Cứ chí tâm niệm Phật, lâu ngày niệm lực thanh tịnh đạo cảm ứng giao thông, tất thấy được thánh cảnh. Nếu mãi để lòng mong ước, đó tức là vọng tưởng, ma sẽ thừa cơ len lỏi vào để phá hoại.

* Vào khoảng Thanh mạt bước sang thời Dân Quốc, ở Trung Hoa có ông Ngụy Tịch Phủ vốn là thiện hữu của cư sĩ Dương Nhân Sơn, Ngụy Tịch Phủ tu tập Thiên Định gần ba mươi năm, một hôm bỗng được Thiên Nhãn Thông. Ban sơ, ông thấy những vật ngoài tường vách, kế lại thấy rõ những việc xung quanh vài ngoài mươi dặm như ở trước mắt. Biết mình đã đắc Thiên Nhãn, ông rất kinh ngạc vui mừng! Ban đầu chỉ thấy thôi, sau lại nghe rõ cả tiếng người và cầm thú ở ngoài xa. Đó là Thiên Nhĩ Thông tùy theo phát hiện. Lần hỏi những sự vật ngoài mấy ngàn dặm, cũng đều thấy nghe được. Sau đó những việc chưa phát hiện, ông vẫn thấy nghe và hiểu biết rõ ràng. Đây là cảnh chứng

của Túc Mạng Thông. Bảy giờ phe đảng của Hồng Tú Toàn thuộc nhóm Thái Bình Thiên Quốc chưa khởi sự đánh Thanh triều, nhưng Ngụy Tịch Phủ đã thấy trước chiến cuộc xảy ra ở Quảng Tây lần hồi đến Tô Châu, nhơn dân chết vô số. Bởi mục kích nhiều trạng thái chết chóc rất thê thảm, ông quá xúc động, gặp ai cũng thương khóc bảo: "Đại loạn sắp đến nơi rồi, dân chúng sẽ bị tàn lức khổ sở đáng thương xót, biết làm sao?" Lúc đó mọi người nghe ông nói thế, ai cũng cho là điên. Cư sĩ Dương Nhân Sơn bấy giờ ở kinh sư thường gần gũi ông, nên biết rõ việc ấy. Kế đó giặc xảy ra thật. Đến khi loạn bình rồi, Dương Nhân Sơn cư sĩ gặp Ngụy Tịch Phủ ở Dương Châu mấy lần, thấy ông vẫn còn khóc lóc. Sau Nhân Sơn gặp cư sĩ Đinh Phước Bảo, trần thuật lại sự việc và nói: "Đó là cảnh bi ma ám nhập. Phàm người tu đến lúc đắc lực, Thiên Nhãn Thông ngẫu nhiên phát hiện, nên soi về tự tánh, đừng để cho sắc trần làm lay chuyển. Nên biết các thần thông ta vẫn sẵn có, không nên quá mừng rỡ kinh ngạc cho là sự lạ kỳ."

* Trong Trúc Song Tùy Bút Lục, Liên Trì đại sư có thuật lại câu chuyện:

- Một thiên sư cất am tu gần khe suối. Đêm nọ đang lúc tĩnh tọa, sư nghe thấy hai con quỷ ngồi bên bờ suối nói với nhau rằng: "Ngày mai vào lúc xế chiều, có người đội mào sắt đi qua cầu suối này, tôi sẽ dìm cho chết đấm để thay thế." Con quỷ kia bảo: "Mừng giùm anh sẽ được thoát ly, tôi còn phải chịu lạnh lẽo chờ

đến hai năm sau mới có người thế mạng." Thiền sư nghe xong lưu ý. Trưa hôm sau, một trận mưa to đổ xuống, nước dâng ngập cả suối cầu. Xế lại mưa còn lâm râm, quả nhiên có người đầu đội cái chảo gang, lần dò muốn vượt qua cầu suối về nhà. Sư liền đón lại thuật rõ sự việc nghe thấy. Người này cả kinh quay trở lại. Tối hôm đó, thiền giả nghe con quỷ nói: "Sắp được thoát ly mà bị ông thầy tu này phá hoại, đêm nay tôi phải báo thù mới được!" Sư nghe xong, liền nhiếp tâm nhập chánh định, thấy quỷ ra vào và đi xung quanh am mấy lượt như có ý tìm kiếm. Do sức chánh định, quỷ tìm mãi không thấy được thiền sư, sau cùng chán nản bỏ đi.

Trên đây là hai câu chuyện "bi ma" và "khước ma". Xin ghi lại cho chư liên hữu thêm phần ý thức trên đường tu niệm.

Tiết 52: Các Loại Ma

Ba tiết Nội Cảnh Giới, Ngoại Cảnh Giới, Biện Ma Cảnh vừa viết xong, có một liên hữu đến thăm thấy bút giả đang duyệt xem lại, liền xin đọc cho nghe. Sau khi nghe qua, vị này yêu cầu nói rõ thêm về các loại ma để những bạn đồng tu biết mà phòng ngừa. Thật ra, trong ba tiết trên đã nói khái quát về các cảnh giới, trong ấy có ma cảnh; nếu hành giả nắm được cương yếu, tự có thể giữ vững tâm và đối trị với mọi cảnh duyên phá hoại. Nhưng thể theo lời yêu cầu đó, nhân

tiện cũng xin trình bày tổng quát về các loại ma như sau:

"Ma" tiếng Phạn gọi Ma La, Trung Hoa dịch là Sát, bởi nó hay cướp của công đức, giết hại mạng sống trí huệ của người tu. "Ma" cũng chỉ cho những duyên phá hoại làm hành giả thoái đạo tâm, cuồng loạn mất chánh niệm, hoặc sanh tà kiến làm điều ác rồi kết cuộc bị sa đọa. Những việc phát sanh công đức trí huệ, đưa loài hữu tình đến Niết Bàn, gọi là Phật sự. Các điều phá hoại căn lành, khiến cho chúng sanh chịu khổ đọa trong vòng sống chết luân hồi, là Ma sự. Người tu càng lâu, đạo càng cao, mới thấy rõ việc ma càng hung hiểm cường thịnh. Ma tuy nhiều, nhưng kết yếu chỉ có ba loại là: Phiền Não Ma, Ngoại Ma và Thiên Ma.

* Phiền Não Ma chỉ cho các phiền não tham nhiễm, hờn giận, si, mê, khinh mạn, nghi ngờ, ác kiến; cho đến các thứ ma: năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới. Loại ma này cũng gọi là Nội ma, do lòng mê muội điên đảo sanh ra, nên phải dùng tâm chân chánh sáng suốt giác ngộ mà giải trừ. Phạm phu tự mình đã có những nghiệp riêng, lại do công nghiệp sống chung trong khung cảnh, mà người xung quanh phần nhiều tánh tình hiểm ác, nghiệp chướng lũy lũng, nên dễ động sanh phiền não. Có kẻ không chịu đựng nổi sự lôi cuốn của ngũ trần, nên bị sa ngã. Có người vì nghịch cảnh, khiến cho bị thương sâu não, chí tiến thủ tiêu tan. Những sự việc này xui khiến người tu nhẹ thì ưu sầu, uất ức sanh đau bệnh; nặng thì chán

nản bỏ đạo, hoặc phần chí tự tận; nguy hại hơn nữa, tất đến chỗ đối với hàng xuất gia, tại gia đều mất hết mỹ cảm, tránh xa chán ghét, sanh việc khinh rẻ, chê bai, không tin nhân quả, làm điều ác rồi phải đọa tam đồ.

Muốn đối trị thứ ma này, hành giả phải quán xét phiền não là hư huyền, xao động, nóng bức, trối buộc, tối tăm, chỉ làm khổ cho người và mình. Dứt phiền não, ta sẽ trở về chân tâm tự tại giải thoát, mát lạnh sáng trong, an vui mầu nhiệm. Đối với sự mê chấp từ năm ấm cho đến mười tám giới cũng nên quán như thế. Trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật bảo: "Các người chớ nên tham đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thô tế. Nếu mê đắm tham trước, tất bị nó thiêu đốt." Khi xưa đức Văn Thù hỏi một vị thiên nữ: "Người xem mười tám giới như thế nào?" Thiên nữ đáp: "Như thấy kiếp lửa đốt thế gian!" Đây là những lời cảnh giác để phá trừ loại ma phiền não.

Phiền Não Ma hay Nội Ma, nếu không chế phục được, tất sẽ chiêu cảm đến Ngoại Ma ở ngoài đến phá. Lời xưa nói: "Trong cửa có tiểu nhơn, ngoài cửa tiểu nhơn đến. Trong cửa có quân tử, ngoài cửa quân tử đến." Lại như khi ăn trộm đào ngạch muốn vào nhà, gia chủ hay được tỏ ra bình tĩnh răn trách, tất nó phải sợ hãi bỏ đi. Nếu chủ nhà kinh sợ, rồi rít nắn nỉ, đó chính là thái độ khuyên rước trộm vào nhà vậy.

* Ngoại Ma là những loài quỷ thần, yêu mị bên ngoài. Người tu khi có đôi chút công phu, liền bị nó đến thử thách phá khuấy. Loài này có thể chia thành ba hạng là: Bố Ma, Ái Ma và Nảo Ma.

1. Bố Ma là loài ma ưa khủng bố làm cho người kinh sợ. Thứ ma này thường hóa hình cọp, sói, rắn, rít, hoặc các loài thú hung dữ kỳ lạ, hay hình ác quỷ ghê rợn để dọa nhát người tu. Những hình tướng này biến huyền vô cùng, hoặc không đầu, nhiều đầu, nhiều tay, nhiều mắt; hoặc mình người đầu thú, mình thú đầu người, hoặc cầm khí giới, hoặc phun lửa đỏ. Nếu hành giả kinh hãi, liền bị nó phá làm mất chánh niệm, lắm khi sanh điên cuồng. Gặp cảnh này, nên nghĩ các tướng đều giả dối, ma chỉ có thể hủy diệt huyền thân chứ không thể phá hoại được chân tâm. Suy xét như thế rồi liền bình tĩnh không sợ chết, an nhiên chuyên tâm niệm Phật hoặc trì chú, nó sẽ tự rút lui.

2. Ái Ma là loài ma khích động lòng ái dục cho đến tâm tham nhiễm cảnh ngũ trần. Chúng hóa hình nam, nữ lỏa lồ xinh đẹp; hoặc hình cha mẹ, anh em, kẻ thân mến; cho đến thân Phật, Bồ Tát tướng tốt trang nghiêm để khuyến dụ. Nếu người thích ăn ngon, chúng hóa sơn hào, hải vị hương thơm ngào ngạt đem dâng; người ưa bảo vật, chúng hiện hình thú lạ ngậm châu ngọc đến hiến tặng. Tùy tâm niệm hành giả ưa thích điều chi, nó liền hiện ra thứ ấy. Chúng có thể dùng ma lực khiến cho người tu được tà định, tà trí, tài biện thuyết, phép thần thông biết quá khứ, vị lai.

Những kẻ không hiểu cho là đã chứng đạo quả, thầy đều tin phục; song kỳ thật người kia trong tâm điên đảo, chuyên làm phép quỷ mê hoặc thế gian.

Có một nhà sư Việt Nam tu tại chùa Bàn Long bên Lào, trong khi Thiền Định thấy một nhóm mỹ nữ lửa lò, nắm tay nhau nhảy múa. Sư trấn định tâm không nổi, liền thành khẩn niệm Phật, tướng ấy mới tan.

Khi xưa, ở chùa núi Chung Nam tại Trung Hoa, có một vị sư đang tham thiền, nhân khi trời lạnh bụng đói, động niệm tưởng ăn; bỗng thấy một thiếu phụ bưng thức ăn đến cúng dường. Thiếu phụ quì sốt đồ ăn vào bát, thỉnh sư nên dùng liền kéo nguội lạnh, mất ngon. Sư vì đói muốn thọ dụng ngay, nhưng nghĩ chưa đến giờ thọ trai, nên nhẫn nại bảo hãy tạm để một bên, chờ đúng giờ rồi sẽ ăn. Thiếu phụ nghe nói, có vẻ hờn giận bỏ đi. Giây lâu sau đúng Ngọ, sư giở bát ra thấy trong ấy toàn là giò bò lúc nhúc. Chứng ấy ông mới tỉnh ngộ, biết vừa động sanh vọng niệm, liền rước lấy cảnh ma; may nhờ có chút định lực mới khỏi ăn đồ dơ và phạm giới sát.

Lại một vị sư cũng tu Thiền trong non, thấy mình lẻ loi cô quạnh, nên sanh vọng tưởng muốn được một ít người cùng ở cho vui. Vừa đâu có bà lão dẫn hai cô gái trẻ đẹp, bảo nhà ở dưới làng chân núi, tìm đến am tranh cầu xin dạy đạo. Vị tăng ban sơ không nghi ngờ, liền thuyết pháp khai thị. Tối lui như thế lâu ngày, một hôm bà lão thưa bạch xin cho hai cô gái làm thị

giả lo việc giặt giũ, cơm nước để sư đỡ nhọc. Sư nghe nói thoáng sanh lòng ngờ lạ, liền nghiêm trách từ chối. Ba người đó có vẻ hờn then bỏ đi. Sư lén theo dõi, qua một khúc quanh bỗng chợt mất bóng, đến xem thì đã cùng đường, lại không có nhà cửa chi cả, chỉ thấy ba gốc cổ thụ, một to, hai nhỏ. Ông suy nghĩ biết đây là yêu tinh cổ thụ làm quái; muốn đem búa chặt đốn hoặc nổi lửa thiêu đốt để dứt trừ hậu hoạn. Vừa nghĩ đến đó bỗng thấy ba người hiện ra cầu sám hối và xin tha mạng.

Thế nên biết, tâm yên cảnh lặng, vọng khởi ma sanh, người tu phải ghi nhớ điều này.

3. Nảo Ma là loại ma chuyên phá rối, làm nhiễu loạn người tu. Có giống tinh mị mỗi loài đến theo giờ của nó, đại khái mỗi giờ có ba loài, mười hai giờ thành ba mươi sáu loại tinh thú. Như giờ Dần đến, tất là loài cọp, beo, gấu; giờ Mão đến là loài mèo, thỏ, cáo; giờ Thìn đến là loài rồng, cá, thường luồng... Theo trong Tọa Thiền Chỉ Quán có thứ quỷ Du Lạp Kiết Chi, Trung Hoa gọi là Đôi Dịch, đầu mặt như cây đàn tỳ bà, bốn mắt, hai miệng, thường ưa khuấy động phá rối người tu. Chúng chờ khi người đang tụng niệm, hóa ra loài sâu trùng, hoặc bò lên khắp đầu mặt; hoặc **chui** vào miệng, lỗ mũi, mắt, lỗ tai; hoặc chui vào nách, bụng của hành giả mà cắn, chích. Đôi khi chúng kêu vang vào lỗ tai, làm thành tiếng ồn náo, nhức óc; hoặc chợt ôm giữ người, quờ tìm thì không đụng thấy. Chúng còn hóa ra cảnh ngũ trần hoặc thuận, hoặc

ngịch, hoặc không thuận nghịch, biến huyễn khôn lường, làm cho hành giả loạn động chẳng biết đâu mà nhận thức, dễ mất định tâm. Muốn đối trị với ba mươi sáu loài tinh thú, cứ theo giờ kêu tên của nó mà quở trách; với ma Đôi Dịch, nên tụng Tam Quy, Ngũ Giới hoặc giới bốn, bởi chúng là thứ quý phạm tội phá giới. Làm như thế chúng liền ẩn mất. Hoặc cách đối trị tổng quát là nên nhiếp tâm vào chánh định, hay chuyên chí trì chú, niệm Phật, chúng sẽ biến tan.

Gặp cảnh ma chướng quá nhiều, người xưa còn có phương pháp là sắm hai mặt gương soi, rồi nhập thất bốn mươi chín ngày, chuyên tụng chú Đại Bi hoặc chú Chuẩn Đề gia trì vào trong gương. Xong, treo hai tấm gương trên cao chiếu nghiêng xuống nơi chỗ thường ngồi trì niệm, một để trước mặt, một ở sau lưng. Nếu loài ma đến liền bị thấu bắt hiện hình vào gương, chừng ấy hành giả muốn đuổi đi hay hành phạt gì tùy ý. Gương phép này lâu lâu phải dùng vải sạch lau chùi và gia trì thần chú một lần. Làm như thế nó chẳng những nhắc nhở cho sự trong sáng của tâm linh, mà còn tăng thêm phần ứng nghiệm. Đây là cách dùng gương để đối trị nội ma và ngoại ma theo kinh nghiệm của tiền nhơn.

Để nói rộng thêm, Ngoại Ma còn là những ma về bàng môn ngoại đạo. Theo chỗ nhận thấy của bút giả cùng nhiều đồng bạn, những vị kiếp trước hoặc kiếp này đã tu theo ngoại đạo, sau trở lại quy đầu Phật pháp; hoặc những vị tuy chỉ nương về Tam Bảo, nhưng xưa kia

ông bà cha mẹ đều theo bàng môn, thường hay bị ngoại ma phá rối. Bởi lối tu của ngoại đạo đều không rời phiền não hữu lậu, còn trong vòng tự cao chấp ngã, tham đắm quyền danh, nên hàng ngoại đạo hay quy tụ bè phái, không muốn cho người có ít nhiều liên hệ với phe mình tu theo đạo khác. Bút giả có người bạn xuất gia, tánh nhu hòa hiền hậu, nhưng khi tu hành bị ngoại ma theo phá mãi. Tiếc vì ông bạn này còn vương hạt giống ngoại đạo, không chí tâm dùng Phật pháp đối trị với tà pháp. Trong lúc cùng quẫn vì ma phá, thầy đi nhiều nơi tìm sự cứu độ với các người tu theo ngoại phái. Kết cuộc thầy lạc hẳn về ngoại đạo, bề ngoài là hình thức tăng già, nhưng bên trong lại chuyên tu về luyện điển, bác phá sự lễ Phật tụng kinh, cho là chấp tướng.

Lại có một nữ Phật tử, tánh tình rất tốt, song thường lâm cảnh ngoại ma quấy nhiễu. Một độ nọ, trong lúc đang tu, cô bị ma ngoại đạo vây khốn, và nghe tiếng nói: "Ông cha mi đều là người tu theo phái Ngũ Hành của chúng ta, sao mi không trở về gốc cũ, lại đi theo đạo Phật?" Cô kinh hãi chí tâm niệm Phật, mỗi câu niệm Phật thấy có một làn ánh sáng phát ra che phủ thân mình, bọn ma không làm chi được. Chúng tức giận bảo: "Mi đừng cậy có phép Phật mà tự đắc tự kiêu, sẽ có người trưởng thượng của chúng ta đến đây cho mi biết thủ đoạn!" Nói xong, chúng liền rút lui. Khi ấy cô bỗng nghe tiếng một vị thiện thần bảo: "Bọn chúng ganh hờn vì cô quy y Tam Bảo, không theo đạo ông cha mà thờ cúng chúng nó. Ngay bây giờ cả hai tay

cô nên kiết ấn Kim Cang quyền, bấm ngón tay cái vào lóng gốc ngón áp út và nắm chặt lại. Cứ giữ y như thế rồi thành tâm trì chú hoặc niệm Phật mãi, vì giây lát sẽ có người lớn của bọn chúng đến đây, dùng phép ngũ lôi đánh và bắt hồn cô. Vây cánh chúng rất đông, tôi chỉ giúp đỡ phần nào thôi, bởi cô thể không làm sao xua đuổi bọn nó nổi. Sức của cô cũng chỉ có hạn, sợ e lâu ngày chẳng kham chống trả, tốt hơn nên vào chùa tu mới tránh khỏi nạn." Cô liền y theo lời dặn, nắm tay lại kiết ấn và trì chú Đại Bi. Giây lát bỗng nghe tiếng ồn ào đông đảo, rồi có một làn chớp từ trên đánh xuống nặng nề như búa bổ, nóng rát, rêm nhức cả đầu. Cô liền buông bỏ tất cả ý niệm, liều mạng chí tâm trì chú, không còn biết cảnh giới bên ngoài ra sao, giây lâu nghe xung quanh lặng lẽ, thân tâm trở lại trong trạng thái yên ổn bình thường.

Sau đó, cô nương vào chùa, nhưng vì còn bà thân già hay đau yếu không ai săn sóc, nên bắt buộc phải về nhà lo phần sanh kế để phụng dưỡng. Một khoảng thời gian cách xa không gặp lại, bút giả nghe tin cô hay nói chuyện hư huyền, và xướng ra làm bịnh, biết cô chống không nổi nên đã bị ma ám nhập, chỉ riêng thâm thương xót thở than! Cho nên những vị trước kia có liên hệ với ngoại phái sau trở về tu Phật, nên nhìn gương trên mà lưu tâm cẩn thận.

* Thiên Ma là loại ma ở cõi Tha Hóa Tự Tại, thuộc tầng thứ sáu của trời Lục Dục. Loại ma này có phước báo, hưởng sự vui mầu nhiệm cao tột của ngũ trần,

cho đó là cảnh khoái lạc tuyệt đối, nắm quyền hạn về dục nhiễm, không muốn ai thoát khỏi phạm vi ấy. Khi hành giả đạt đến mức tu khá cao, tâm quang phát lộ, ánh sáng chiếu thấu lên cõi trời Tha Hóa làm cho cung điện ma rung động, chúng liền phát giác và vì sợ e cho có người giải thoát, quyền thuộc mình sẽ bị giảm bớt đi, nên tìm cách phá hoại. Chúng hiện ra nhiều cảnh, hoặc hăm dọa, hoặc khuyến dụ, hoặc giúp cho sức tà định, tà trí cùng thần thông cốt để gặt gẫm; lại thay phiên nhau rình rập không giây phút nào xa rời để chờ cơ hội thuận tiện. Nếu hành giả có một niệm sơ hở, liền bị chúng ám nhập, xúi giục làm những điều trái đạo đức, đời tu kể như đã hư tàn. Trong Luận Khởi Tín, Mã Minh Đại Sĩ từng khuyên dạy:

"Trong khi hành giả tịnh tu, thường bị các thiên ma, ngoại đạo, hoặc quỷ thần làm não loạn. Chúng hiện các hình tướng ghê rợn để khủng bố, hoặc tướng nam nữ xinh đẹp mong quyến rũ. Có khi chúng hiện thân Phật, Bồ Tát hay chư Thiên đủ các tướng tốt trang nghiêm; hoặc nói các môn Đà Ra Ni; hoặc nói pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ; hoặc nói các pháp bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, khen ngợi cảnh không oán không thân, không nhân không quả, cứu cánh rỗng không vắng lặng, bảo đó là chân Niết Bàn... Hoặc chúng làm cho hành giả biết đời trước của mình, suốt việc quá khứ vị lai (tức mạng thông), thấu rõ tâm niệm mọi người (tha tâm thông), cho đến được biện tài vô ngại. Chúng khiến người tu tham luyến danh lợi thế gian, tánh tình thất

thường, hay giận, hay cười, ưa ngủ, nhiều bệnh, dễ xót thương xúc cảm, có khi rất tinh tấn, lắm lúc lại trở **nãi** biếng lười. Hoặc chúng xui hành giả sanh tâm nghi ngờ không tin, nhiều lo nghĩ, bỏ pháp tu căn bản trở lại tu các tạp hạnh, đắm nhiễm những việc triền phược ở thế gian. Hoặc chúng làm cho hành giả được một ít phần tướng tợ như Tam Muội, có thể ở trong định từ một ngày cho đến bảy ngày, thân tâm an vui không biết đói khát; song đó là do sức tà chứng của ngoại đạo gia bị, không phải thật Tam Muội. Hoặc lại khiến cho hành giả ăn uống không chừng độ, khi nhiều khi ít, sắc mặt biến đổi luôn. Khi gặp những cảnh như trên, người tu phải dùng trí huệ quán sát, gắng giữ chánh niệm, đừng sanh tâm chấp trước mà lạc vào lưới tà. Phải kiên trì như thế mới xa lìa được ma chướng."

* Kết lại, nếu nói ước lược hơn, chỉ có Nội ma và Ngoại ma; Thiên ma cũng nhiếp thuộc về loài Ngoại ma. Nhưng sở dĩ lập Thiên ma thành một loại riêng, là vì muốn cho hành giả lưu ý đến sự phá hoại nguy hiểm tinh vi của nó. Ngoài Phiền não ma, Ngoại ma, Thiên ma như trên, trong kinh còn có nói Bệnh ma và Tử ma. Bởi cơn đau bệnh thường làm cho hành giả tiêu giảm công phu, lại tu chưa đến đâu rồi chết có thể khiến người thối thất đạo quả, nên mới gọi là "ma". Nhưng Bệnh ma và Tử ma, đại ý chỉ cho sự chướng ngại của bệnh và chết thuộc thân tứ đại trên đường tu, không có tính cách phá hoại khuấy rối để giết hại đạo tâm

theo nghĩa "ma" chân thật. Vì thế nên đây lược qua không đề cập đến.

Sức tu của người thời nay, phần nhiều bị Phiền Nảo ma hoặc Ngoại ma phá hoại, chưa đủ để cho Thiên ma phải ra tay. Loại ma này chỉ đến với những vị tu cao. Nếu Thiên ma quyết phá, những vị sức tu tầm thường khó có hy vọng thoát khỏi. Trong Kinh Lăng Nghiêm, vì thương đường tu nhiều hiểm nạn, đức Phật khuyên các hành giả tham thiền nên kiên trì mật chú, để được nhờ thần lực gia hộ, thoát khỏi nạn ma thành tựu chánh định. Ấn Quang đại sư đã bảo: "Mới xem qua, dường như Kinh Lăng Nghiêm khác quan điểm với Tịnh Độ, nhưng xét nghĩ sâu mới thấy kinh này trong vô hình đã khen ngợi tuyên dương Tịnh Độ. Tại sao thế? Bởi bậc đã chứng đệ tam thánh quả A Na Hàm, còn có thể bị ma cảnh làm cho thoái đạo; thì sự niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ càng nổi bật thêm tánh cách trọng yếu, trong ánh sáng nhiếp hộ của đức A Di Đà không còn nạn ma."

Cho nên xét luận trên đường hành đạo, khi chưa được sanh về Cực Lạc, thì tu Tịnh Độ cũng có thể bị ma chướng. Song phần nhiều đó là do hành giả không hiểu giáo lý, chẳng khéo trị tâm, để Nội ma phát khởi khiến chiêu cảm Ngoại ma đến phá hoại. Nếu giữ được tâm bình tĩnh, thì với oai lực công đức của câu hồng danh, ngoại ma không làm chi được, và phiền não cũng lần lần tiêu trừ. Vì thế người tu Tịnh Độ, ma cảnh nếu có cũng là phần ít. Trái lại, người tu thiền

ma cảnh hiện nhiều, bởi chỉ nương vào tự lực. Bậc Thiền Sĩ phải đủ năm điều kiện sau đây, mới mong đường tu được thành tựu: Một, là giới hạnh tinh nghiêm; hai, căn tánh lẽ làng suốt sáng; thứ ba, phải hiểu rõ đạo lý, khéo phân biệt tướng chánh, tà, chân, vọng; bốn, ý chí mạnh mẽ vững bền, và năm, là phải nương bậc thiện tri thức thông kinh điển, đã có kinh nghiệm tu thiền nhiều năm, để nhờ sự hướng dẫn. Nếu thiếu năm điều kiện đó tất dễ bị ma nạn. Tiên đức đã bảo: "Khô mộc đường tiền thác lộ đa!" Câu này ý nói: trong cơ Thiền có rất nhiều duyên lạc lối. Vì thế tu thiền muốn được thành tựu, phải là bậc lợi trí thượng căn. Bậc tôn túc tông Thiền khi xưa, lúc truyền pháp cũng căn dặn: "Phi bậc thượng thượng căn. Đừng dễ dàng hứa nhận" (Phi thượng thượng căn. Thận vật khinh hứa). Lời nói này đủ chứng minh cho điều nhận xét trên.

Trong Luận Khởi Tín, sau khi kết hợp tổng quát về tinh yếu của pháp Đại Thừa, và trình bày xong đường lối tu tập, Mã Minh Bồ Tát lại bảo: "Cỗ Ta Bà phiền não cương cường, chánh tín khó vững, không thường được gặp Phật nghe pháp, đường tu nhiều hiểm nạn chướng duyên. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng, dạy cầu sanh về cõi Tịnh Độ ở tha phương. Như trong Khế kinh nói: Nếu chuyên tâm niệm Phật A Di Đà đem công đức tu hồi hướng cầu sanh Tây Phương, thì sẽ được về thế giới Cực Lạc, thường thấy Phật nghe pháp, không còn thoái chuyển. Nếu hành giả y theo

đường lối này tu tập, quyết định sẽ được vào chánh định tuệ."

Như trên, ta thấy chuyên tâm niệm Phật là phương tiện mầu nhiệm để thoát khỏi nạn ma, mau thành tựu chánh định.

Chương VIII
Đệ Bát Yếu
Niệm Phật
Phải Bền Lâu
Không Gián Đoạn

Khải Đề:

Nắng lại mưa qua
Chìm nổi vui buồn
Phù thế thương lưu lạc!
Nhớ thuở còn thơ
Cổ thụ bên nhà
Cùng trẻ nô đùa hát.
Rồi hỏi Hoàng Mai
Tìm lối Liên Hoa
Tóc xanh vừa điểm bạc.
Một nén tâm hương
Một chí Tây Phương
Chờ lắng bên trời nghe tiếng nhạc!
Thân người dễ mất
Pháp Phật khó nghe
Tỉnh tấn khuyên lên đường giải thoát.
Niệm không phải khó
Khó tại bền lâu
Khẩn nguyện cùng sanh về Cực Lạc.
Bền lâu không khó
Khó ở nhứt tâm
Sẽ thấy hoa sen lâu các!

Mục A.

Yếu Điểm Của Môn Tịnh Độ

Tiết 53: Phải Nhớ Chí Nguyện Để Tinh Tấn

Niệm Phật muốn giữ cho được tinh tấn bền lâu, phải có lập trường vững chắc. Lập trường đó là: nhớ đến mục đích tu hành của mình. Ví như hàng nông phu, vì mục đích có được lúa hay hoa màu nhiều để nuôi sống gia đình, nên chịu cực nhọc dãi nắng dầm mưa, cày sâu cuốc bẫm. Hàng sĩ tử vì mục đích thi đỗ cao, để mẹ cha đẹp mặt, vinh hiển với đời, phải thức khuya dậy sớm siêng năng học hành, dù mỗi mệt cũng không nản chí. Người tu cũng thế, công hạnh ngày nay là để đi đến mục đích giải thoát tự độ độ tha ngày sau. Triệt Ngộ đại sư, một bậc thạc đức suốt thông cả Giáo lẫn Tông, đã đưa ra mười sáu chữ, có thể gọi là cương yếu của môn Tịnh Độ. Mười sáu chữ ấy như sau: "Vì sự sanh tử, phát lòng Bồ Đề, lấy tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật." Chúng ta ở trong nẻo luân hồi bị nhiều nỗi khổ, nên phải kíp cầu thoát vòng sanh tử. Vấn đề khẩn yếu này, trước đã có nói lược qua. Nhưng giải thoát riêng cho mình cũng hãy còn thấp hẹp; cần phải phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, để độ mình và chúng sanh đến nơi giải thoát cứu cánh. Khi xưa đức Thích Ca nói pháp bốn mươi chín năm, đàm kinh hơn ba trăm hội, cũng không ngoài tiêu điểm này. Đã vì sự sanh tử phát lòng Bồ Đề rồi, đường lối dễ dàng không hiểm nạn để đưa chúng ta mau đến mục tiêu ấy,

không chỉ hơn "lấy tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật."

Kẻ chưa biết đạo lý cũng đành thôi. Người đã biết đạo lý này, mà không cố gắng dụng công tu hành, há chẳng phụ ân lớn của Phật, và để uổng mai một tánh linh của mình lắm ư! Cho nên chúng ta phải gia công tinh tấn niệm Phật bền lâu, chớ dần dà gián đoạn. Cổ nhơn đã bảo:

Thân này chẳng tính đời nay độ.
Còn đợi khi nào mới độ thân?

Nếu hẹn kiếp sau sẽ tu, có khác chi người mê nói chuyện mộng? Về phương diện thế gian, như kẻ vì cầu sắc dục, phải chịu tội trong sương gió lạnh, băng đồng lướt bụi không kể hiểm nguy, để tìm đến chỗ hẹn hò. Lại như kẻ đánh cờ đánh bạc, vì say mê cầu thắng, mà bỏ cả ăn ngủ, quên cả nóng bức, rét lạnh, có khi dám ngồi luôn đôi ba ngày đêm. Hạng tầm thường vì chút thị dục nhỏ mà còn như thế; người tu vì mục đích cao cả, há lại không bằng những kẻ ấy hay sao? Cho nên khi tu hành mà còn biếng trễ gián đoạn, còn ngại khó mỏi gian lao, còn tham vui mê ngủ, là bởi chúng ta chưa giữ vững lập trường, tâm độ mình và người chưa chí thiết.

Năm tháng qua mau, vô thường không hẹn, thân người dễ mất, pháp Phật khó nghe; hành giả phải nhớ

điểm này, đem hai chữ "khổ" và "chết" dán ở đôi mày để thường tự sách tấn.

Tiết 54: Pháp Môn Thoát Sanh Tử Trong Một Đời

Khắp mười phương thế giới, đại khái chỉ có hai phân vực: Tịnh Độ và Uế Độ. Tịnh Độ là các cõi trong sạch trang nghiêm của Phật, một khi sanh về tất dứt hẳn phân đoạn sanh tử, sẽ lần chứng lên quả thánh. Uế Độ, là các cõi từ cảnh giới đến thân tâm của chúng sanh đều ô trược, loài hữu tình ở đó còn phải lên xuống trong sáu nẻo, chịu nỗi khổ luân hồi.

Loài người ở cảnh Ta Bà Uế Độ này, nếu chỉ tu ngũ giới thập thiện và các điều lành khác mà không niệm Phật, thì cùng Phật vô duyên. Vì không duyên với Phật, chúng tử vô lậu trong thức thứ tám thiếu cơ năng dẫn phát, nên dù có tu các nghiệp lành, nhiều lắm cũng chỉ sanh lên cõi trời, không được về Tịnh Độ. Thọ số ở các cõi trời tuy lâu, nhưng vẫn có hạn lượng, khi phước báo hết là dứt một đoạn sống chết, rồi tùy nghiệp thọ sanh nơi khác. Nếu như vẫn còn nghiệp lành thuộc thượng phẩm thập thiện, lại tùy sanh ở các cõi trời thấp hoặc cao. Nghiệp trung phẩm thập thiện, sanh về cõi người. Nghiệp hạ phẩm thập thiện, sanh ở cõi A Tu La. Nếu là nghiệp dữ thuộc hạ phẩm thập ác, thì sa xuống loài bàng sanh. Nghiệp trung phẩm thập ác, sanh ở loài ngạ quỷ. Nghiệp thượng phẩm thập ác, đọa vào địa ngục.

Chúng sanh do ngã chấp làm gốc, từ nơi đó khởi tạo các nghiệp lành dữ thuộc sáu đường, nên tùy theo sự thành thực của mỗi loại chủng tử, phải chịu lên xuống luân hồi. Trong kiếp luân hồi, nghiệp nhiễm dễ tạo, duyên lành khó tu, nên thời gian đọa xuống ác đạo rất lâu dài, sanh lên thiên đạo rất ngắn ít. Đức Phật đã than: "Chúng sanh thường lấy ba ác đạo làm quê nhà!" Vì thế chúng ta có thể đoán định: "Tất cả loài hữu tình, nếu không về Tịnh Độ của chư Phật, tất phải ở Uế Độ. Đã ở Uế Độ, với hoàn cảnh xấu ác nhiều chướng duyên, với căn cơ người thời mạt tất sớm muộn cũng phải đọa ác đạo. Và, muốn sanh về Tịnh Độ của Phật, tất phải niệm Phật."

* Có kẻ gạn hỏi: "Đường lối giải thoát có nhiều môn, hà tất phải niệm Phật?" Điểm này nếu suy nghiệm sẽ tự hiểu, tuy nhiên cũng xin phúc đáp cho rõ hơn:

- Khi xưa đức Như Lai tuy diệt độ, nhưng chánh pháp còn thịnh, chúng sanh nghiệp nhẹ tâm thuần, nên dù tu pháp môn nào, cũng đều có thể thành tựu. Giảm xuống đến thời Tượng Pháp thì cách Phật đã xa, hoàn cảnh và nhơn tâm lần lần phức tạp, trăm ngàn người tu hành, hoặc may mới có một hai người đắc đạo. Huống nay lại đi sâu vào thời mạt pháp, đọa đức suy vi, bậc tu hành chân chánh còn có ít người, nói chi đến việc chứng quả? Bởi thời nay chúng sanh chướng nặng tâm tạp, sự sống và lối tổ chức xã hội khó khăn phiền toái hơn xưa. Lại thêm chiến tranh, đói rách, thiên tai

nhơn họa thường thường tiếp diễn, cảnh khiêu dâm bắn giết được cổ xúy, tôn giáo đạo đức bị xem là trò ma túy, chuyện lỗi thời. Với nhiều chướng duyên trong và ngoài ảnh hưởng nhau như thế, nếu tự lực tu hành theo các pháp môn khác, tất nhiên khó bề thành tựu. Và lại muốn thoát luân hồi, phải dứt trừ kiến hoặc và tư hoặc. Nhưng theo lời cổ đức: "Ngăn được kiến hoặc khó như ngăn **chận** dòng nước mạnh từ bốn mươi dặm xa chảy lại," huống chi là diệt trừ, và kể đến dứt cả tư hoặc ư? Cho nên trong thời mạt pháp, muốn được giải thoát, chỉ duy có Niệm Phật pháp môn. Bởi môn này đã dùng hết tự lực, còn nhờ thêm tha lực, dù nghiệp hoặc chưa dứt, cũng nhờ sức Phật tiếp dẫn mà được đỗi nghiệp vãng sanh. Khi đã về Cực Lạc, tất không còn thối chuyển vĩnh viễn thoát luân hồi.

Đức Thế Tôn là bậc bi trí sâu xa, về căn cơ thời mạt pháp và hiệu lực của môn Tịnh Độ, Ngài có huyền ký trước nơi Kinh Đại Tập và Vô Lượng Thọ, như chương thứ nhứt đã nói. Thế thì biết, trong thời mạt pháp, khi hiệu lực hiện chứng của các tông đều yếu kém, để kéo dài pháp vận và cứu độ chúng sanh, chỉ duy có môn Niệm Phật. Các tông khác như Thiên, Giáo, Luật, Mật tuy còn lưu truyền và có nhiều người tu, cũng chỉ ở trong khả năng giảng xuống làm trợ duyên, chớ không thể riêng rẽ sanh hiệu nghiệm trên đường giải thoát. Trong bức thơ gửi cho một vị tăng, Ấn Quang đại sư đã nói: "Ở sâu vào thời mạt pháp này, nếu tu theo các môn khác, nói đến sự gieo căn lành và làm nhân

duyên đặc độ về sau thì có, nói đến sự chứng quả giải thoát trong đời hiện tại thì không."

Do những điều đã dẫn giải trên đây, ta có thể kết luận: "Ở vào thời mạt pháp, duy Niệm Phật mới là môn thoát sanh tử trong một đời."

Tiết 55: Niệm Phật Chớ Sợ Cười, Đừng Chờ Hẹn

Có nhiều vị muốn tu học Phật pháp, nhưng lại sợ bị người chê cười là tiêu cực, hủ bại, mê tín. Do đó khi xem kinh thì lén lút không dám công nhiên cho người thấy; hoặc có ăn chay, niệm Phật cũng không dám cho ai hay. Nên biết đạo Phật chẳng những là một tôn giáo, lại là một môn triết học rất cao thâm, các học giả uyên bác Đông Tây đã có nhiều vị nghiên cứu và thật hành. Phật đạo là con đường sáng suốt đưa người từ hung ác đến thiện lương, từ hàng phàm phu mê mờ đến địa vị thánh nhơn toàn giác. Cho nên người đã có duyên may tu học Phật pháp, nên mừng cho mình được phước lành, và tùy nghi đem ra khuyên nhắc kẻ khác làm theo, chớ không chỉ phải e ngại. Những kẻ chê tu Phật là tiêu cực, hủ bại, mê tín, chỉ vì họ chưa hiểu biết mà thôi.

Lại trong giới tu học Phật pháp, có những người vừa mới xem qua các kinh điển cao, đã vội tự phụ cho mình là bậc Đại Thừa hành giả, thấy ai ăn chay, niệm Phật liền xem là hạng căn cơ thấp kém, chỉ bắt chước

theo các ông già bà cả ngu dốt tối tăm. Nên biết môn Tịnh Độ là pháp Đại Thừa viên đốn. Nói "Đại Thừa", vì pháp này lấy niệm Phật làm nhân, lấy địa vị Toàn Giác làm quả. Nói "viên" vì môn này nhiếp tròn cả năm tông tám giáo, như các bậc cổ đức đã luận phê. Nói "đốn" vì phương tiện này đưa từ hàng cụ phước phàm phu lên ngôi Bất Thối Chuyển, từ bậc sơ học lên quả Vô Thượng Bồ Đề rất thẳng tắt mau lẹ. Cho nên pháp môn này sáu phương chư Phật đều khen ngợi, các vị Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều phát nguyện vãng sanh. Xem thường và khinh chê niệm Phật, chẳng những là không hiểu sâu về Tịnh Độ, mà còn mang lỗi khinh chê chư Phật và các bậc Thánh giả đã nói trên. Cho nên niệm Phật là chính mình đã thật hành theo pháp môn viên đốn Đại Thừa, không nên ngại đến sự cười chê của người chưa hiểu biết.

* Muốn cầu giải thoát, đối với sự niệm Phật phải xem là điều rất khẩn yếu, biết được lúc nào là phải thật hành ngay khi ấy, không nên chờ hẹn. Phật đã từng dạy, mạng sống của con người chỉ ngắn ngủi trong **hơi** thở; vì hơi thở có ra mà không vào, tức đã bước sang kiếp khác. Thế thì năm tháng ngày giờ, cho đến mỗi giây phút, đều có cái chết không chờ hẹn ta ở trong đó; chẳng ai dám quyết đoán mạng sống của mình dài được bao lâu. Cổ thi có câu:

Ngày trước đầu đường còn ruồi ngựa.
Hôm nay trong quách đã nằm yên!

Hoặc câu:
Chớ hện đến già rồi niệm Phật.
Đồng hoang mồ trẻ thấy đông người.

Đây là những điều xác thật. Cho nên muốn phòng ngừa cơn vô thường chợt đến, mỗi thời khắc chúng ta phải gắng chăm niệm Phật. Như thế, gặp giây phút cuối cùng mới không bị bối rối tay chân.

Trên đường tu, để ngăn trách về sự giải đãi, đức Phật đã răn dạy: "Thầy Tỳ Khưu thường hay có tám cách biếng trễ. Chẳng hạn, bữa nào đi khát thực đói, liền nghĩ rằng: "Hôm nay, khát thực đói, trong người tất thiếu sức khỏe, để huẩn tu một đêm." Bữa nào khát thực no, liền nghĩ: "Hôm nay ăn no, trong người nặng nề mệt nhọc, thôi tạm xả tu, mai sẽ tiếp tục." Như thế cho đến những khi: sắp làm việc nhiều - lúc làm việc nặng vừa xong - sắp muốn đau - khi đau bệnh vừa mạnh - sắp đi xa - lúc đi xa mới về; trong các trường hợp ấy, lúc nào cũng nại cố này, cố khác, rồi bỏ tu để ngủ nghỉ. Trái lại, những vị Tỳ Khưu tinh tấn, trong tám trường hợp đó, luôn luôn nghĩ đến sự vô thường, hằng siêng năng tu tập."

Tâm niệm giải đãi của người xuất gia đã như thế, tất tâm lý biếng trễ của hàng tại gia chắc có lẽ nhiều hơn. Hoàng Nhứt đại sư từng khuyên một người thân hữu niệm Phật. Ông này viết thư gởi đến, than mình mắc bận nhiều công việc, xin để tạm xếp đặt cho ổn thỏa

rồi sẽ hay. Đại sư liền biên vào bức thư đó hai câu thi, rồi gửi trả nguyên lại. Hai câu ấy như sau:

Ngay giờ quyết dứt, liền thôi dứt.
Chờ hẹn cho xong, chẳng lúc xong!

Thật thế, chuyện đời đến khi nhắm mắt cũng không rồi công việc.

Khi xưa, có vị Tăng khuyên người bạn là Trương Tổ Lưu niệm Phật. Ông bạn bảo: "Tôi có ba việc làm chưa xong: Một là quan tài ông thân còn để ở nhà mồ chưa chôn, hai là đứa con trai chưa cưới vợ, ba là đứa con gái chưa gả chồng. Chờ ba việc đã xong, tôi sẽ vâng lời." Mấy tháng sau, ông bạn bị bạo bệnh chết. Vị tăng đến tụng kinh cầu siêu, và đọc một bài thi rằng:

Bạn tôi tên là Trương Tổ Lưu
Khuyên ông niệm Phật, hẹn ba điều.
Ba điều chưa vẹn, vô thường bắt
Đáng trách Diêm Vương chẳng nể nhau!

Trong bài thi, ý vị tăng nói: Ông hẹn khi xong ba việc sẽ niệm Phật, nhưng ngặt nỗi vô thường bất ngờ đến, nó có chờ hẹn ông đâu? Xem đấy chúng ta ai dám bảo đảm rằng mình chẳng là ông Trương Tổ Lưu thứ hai? Cho nên người quyết chí tu hành, được hờ giây phút nào liền niệm Phật ngay lúc ấy, đừng nên đập nhăm dẫu xe đồ của người xưa mà để hận ngàn thu.

Mục B.

Làm Thế Nào Niệm Được Bền Lâu?

Tiết 56: Phải Tuần Tự Tiến Tu

Người tu Tịnh Độ, muốn niệm Phật được bền lâu, phải tùy theo tinh thần, sức khỏe, và hoàn cảnh của mình mà đặt thời hạn, rồi lần lần tăng tiến, chớ nên bước đầu đã vội hành trì quá nhiều. Như người đi quá gấp, tất dễ bị vấp ngã. Kẻ chưa lường sức mình, mà vội hành trì quá mức, sau có thể vì mệt mỏi chán nản rồi bỏ trôi luôn.

Đại để người tu môn Niệm Phật, nên phân làm định thời và không định thời. Định thời là mỗi ngày đều phải có thời khóa nhất định, lại nên ghi số là bao nhiêu câu. Không định thời là ngoài các thời khóa, đi đứng nằm ngồi đều niệm thầm, nhưng niệm thà không ghi số. Điểm cốt yếu của sự Niệm Phật là dù niệm chậm hay mau, cũng phải rành rẽ rõ ràng, tâm bắt kịp tiếng niệm, tâm và tiếng dung hòa nhau. Cứ như thế niệm lâu thành thuần thục, sức niệm mau dần, có thể tăng từ một ngàn, hai ba ngàn, một muôn, bốn năm muôn, cho đến mười muôn câu trong mỗi ngày đêm.

Có người bảo: "Tôi đã nhiều lần thí nghiệm qua, dù với cách nào cũng không thể mỗi ngày đêm niệm đến mười muôn câu được. Cho nên lời xưa nói: Mỗi ngày

đem lấy mười muôn câu làm định khóa, đại khái nên hiểu một ước số để khuyến tấn mà thôi."

Lời nói trên, chỉ đề cập đến sự "thí nghiệm" nhưng chưa bàn đến cách "tập luyện". Theo Đạo Nguyên pháp sư, nếu tập luyện cho tinh thuần, mỗi ngày đêm hành giả có thể niệm đến mười muôn câu Phật hiệu, nhưng phải y theo mấy điều kiện như sau:

1. Phải ngồi mà niệm. Tuy đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm Phật, nhưng muốn niệm cho mau mà vẫn nghe được rành rẽ rõ ràng, thì nên ngồi mới thích hợp.

2. Nên dùng chuỗi nhẹ và lấy mười câu làm một đơn vị. Bởi nếu niệm mau mà mỗi câu đều lần một hạt chuỗi, e tay lần không kịp, dù có kịp cũng dễ bị chứng đau gân tay và mỏi nhức chả vai.

3. Chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, không niệm sáu chữ. Bởi niệm sáu chữ một muôn câu, nếu rút ngắn niệm bốn chữ, có thể lên đến một muôn năm ngàn câu.

4. Phải niệm theo lối Kim Cang trì, nghĩa là chỉ sẽ động môi mà thôi. Nếu niệm thầm hoặc ra tiếng, sợ e niệm không được mau, và khi cổ động cho tiếng phát ra khỏi miệng, phải mất một khoảng thời gian. Niệm ra tiếng một muôn câu, đổi lại niệm theo lối Kim Cang trì, có thể lên đến hai ba muôn câu.

Nếu y theo bốn điều kiện trên đây tập luyện cho tinh thuần, lâu ngày lâu tháng sức niệm càng mau chóng, nhưng vẫn không mất sự rành rẽ, rõ ràng. Như thế luyện cho đến khi nào niệm một ngàn câu chỉ mất năm phút làm mục đích. Thế thì trong một giờ niệm một muôn câu cộng lại tốn năm mươi phút, còn mười phút để thay đổi oai nghi cho khỏi mỏi nhọc hoặc đứng lên lễ Phật, hoặc buông chuỗi, chấp tay, vừa đi nhiễu Phật, vừa nhẹ hô hấp để lấy sức. Cách thức vừa niệm vừa nghỉ ngơi như thế, niệm mười muôn câu duy phí có mười giờ. Trong một ngày đêm hai mươi bốn giờ, trừ ngủ nghỉ sáu giờ, ăn uống, đại tiểu tiện ba giờ, mười giờ để khóa niệm mười muôn câu, cộng lại hết mười chín giờ, hãy còn dư ra năm giờ đồng hồ. Năm giờ ấy, hoặc để làm công chuyện vặt, hoặc tĩnh tọa hay xem kinh vẫn còn thư thả.

Tiết 57: Nên Cầu Tinh Thuần, Đừng Tham Nhiều

Có người niệm Phật không thích lần chuỗi, chỉ ước định mỗi thời khóa là bao nhiêu giờ. Niệm như thế được điểm lợi là dễ dưỡng tâm, mỗi câu Phật hiệu đều rành rẽ thâm nhập. Nhưng nếu không phải là người có tâm lực mạnh, chí kiên quyết, thì sẽ lạc vào khuyết điểm; niệm lực trì trệ khó thành tựu, mau sanh chán mỏi, thường nhìn vào đồng hồ để xem coi gần mãn giờ hay chưa? Còn lần chuỗi mà niệm theo định số, thì sức niệm tinh tấn mau thuần thực, ví như người tuy yếu chân nhưng nhờ nương nơi cây gậy, nên dễ tiến lên

núi cao. Song nếu không khéo giữ đúng theo điểm căn bản của sự niệm Phật là: "Câu niệm rành rẽ rõ ràng, tâm cùng tiếng dung hòa nhau", tất lại bị khuyết điểm bởi ham mau, ham nhiều mà thành ra niệm dối! Nên biết lúc hành giả khởi niệm, thì mỗi câu Phật hiệu đều đi sâu vào tạng thức. Khi sức dồn chứa huân tập đã nhiều, tức câu niệm Phật từ nơi tạng thức tự phát hiện ra trong khi thức hoặc lúc ngủ. Đây gọi là cảnh giới "không niệm tự niệm." Nếu bình thường niệm rành rẽ thì nó phát hiện rành rẽ, niệm giả dối không rõ ràng, tức câu Phật hiệu hiện ra không rõ ràng. Điểm thất bại của người niệm Phật là tại chỗ đó, nên phải dè dặt ngay từ lúc đầu. Lời tục thường nói: "Đa hư bất như thiếu thật." Nếu vì ham mau ham nhiều để cầu danh là mình niệm mỗi ngày được mấy muôn câu rồi niệm hư dối không rõ ràng, tâm không bắt kịp tiếng, chẳng thà niệm ít mà chắc còn hơn.

Bút giả có biết một bà Phật tử tu Tịnh Độ. Bà này có lòng tin Tam Bảo, nhưng tánh còn thích rong chơi. Mỗi khi về tối, con cháu mời lại bàn cùng ăn cơm, bà nói: "Thầy dạy tao phát nguyện mỗi ngày niệm Phật mười chuỗi, nếu tao không giữ đúng lời hứa thì có tội với Tam Bảo. **Bây** hãy chờ một chút cho tao 'làm đủ số', rồi sẽ dùng cơm." Nói đoạn, bà vội mặc áo tràng, niệm Phật lia lia gấp như chữa lửa, chỉ mười lăm phút là xong việc. Niệm Phật như thế thì làm sao mà vắng sanh được? Chẳng những một bà này, mà còn nhiều Phật tử khác cũng niệm Phật theo lối "làm cho đủ số" đó. Vậy nên biết niệm Phật quý ở nơi phát tâm chân

thật, câu niệm chắc chắn rõ ràng, gọi là "lão thật niệm Phật" mới mong có kết quả.

Vào khoảng cuối đời nhà Thanh bên Trung Hoa, ở Hàng Châu có một bà Phật tử đến am Hiếu Từ hỏi Đạo Nguyên hòa thượng: "Con niệm Phật đã lâu, nhưng chưa thấy có chi tiến bộ, không biết tại sao?" Hòa thượng bảo: "Niệm Phật không khó, mà khó ở giữ cho được bền lâu. Chắc có lẽ bà niệm không được đều và bền nên mới như thế." Bà thưa: "Quả đúng như vậy. Con vì mắc gia duyên bận buộc, nên niệm Phật thường hay gián đoạn không được bền. Từ đây xin **gác** hết mọi duyên, nguyện giữ đúng như lời thầy dạy." Cách ít lâu sau, bà lại đến hỏi: "Từ khi nghe lời chỉ giáo đến nay, con dẹp hết mọi việc ngoài, mỗi ngày niệm Phật đều đều, sao vẫn chưa thấy có hiệu lực?" Hòa thượng dạy tiếp: "Niệm Phật không khó, khó ở bền lâu. Niệm bền lâu không khó, mà khó ở nơi nhứt tâm. Bên ngoài tuy bà gác hết mọi duyên, nhưng trong tâm còn lo đến việc nhà cửa, ruộng vườn, luyến tưởng đến cháu con quyến thuộc. Ý lo lắng chưa dứt, gốc tình ái vẫn còn, làm sao mà được nhứt tâm thấy Phật?" Bà nghe nói liền than: "Thật quả có như vậy! Con duyên ngoài tuy bỏ, nhưng tâm tưởng vẫn còn vấn vương. Từ đây xin trăm việc không quản đến, để nhứt tâm niệm Phật." Sau khi lãnh giáo về nhà, con cháu hoặc người ngoài có bày tỏ hỏi han điều chi, bà đều bảo: "Tôi muốn yên tâm, trăm việc xin không quản đến." Do duyên cố này, mọi người đều gọi là bà lão Bá Bất Quản. Vài năm sau, bà đến am Hiếu Từ lại

ngài Đạo Nguyên thưa: "Nhờ ơn chỉ dạy, nay con niệm được nhứt tâm và đã thấy Phật. Xin đến lễ tạ già từ hòa thượng, vì con sắp sẽ vãng sanh."

Bà Bá Bất Quản trên đây, do lãnh ngộ hai nguyên tắc: bền lâu và nhứt tâm mà được kết quả giải thoát. Cho nên người niệm Phật muốn đi đến mức tinh thuần, phải xem từ nhà cửa, ruộng vườn đến thân tình quyến thuộc như cảnh duyên giả tạm, hợp rồi lại tan. Nếu có lòng thương quyến thuộc, trước tiên phải làm sao cho mình được vãng sanh giải thoát, rồi sau sẽ độ người thân, mới là tình thương chân thật. Cho nên muốn niệm Phật, suy ra chẳng những trăm việc không quản, mà ngàn việc, muôn việc đều không quản đến mới được.

Tiết 58: Chớ Để Mất Phần Nhập Phẩm

Người tu khi niệm Phật phát nguyện cầu sanh về Tây Phương, nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc liền mọc lên một hoa sen. Nếu cứ tiếp tục niệm không gián đoạn, thì hoa sen ấy lần lần to lớn mãi lên. Trái lại tự nhiên hoa cũng héo tàn. Chứng nào phát tâm tinh tấn trở lại, sẽ có một hoa sen khác hóa hiện. Hoa sen đó do sức tu niệm của hành giả hiện thành, tùy nơi công hạnh cao thấp mà có hơn kém, chia thành chín phẩm, từ Hạ Phẩm Hạ Sanh lên đến Thượng Phẩm Thượng Sanh. Tuy nói khái ước có chín phẩm, nhưng vì công hạnh của người tu rất khác biệt, nên thật ra trong ấy bao hàm đến vô lượng phẩm. Chẳng hạn như trong xã hội

đại khái có ba giai cấp: quyền quý, trung lưu và bần khổ; nhưng thật ra trong mỗi giai cấp đều có nhiều thứ bậc hơn kém khác nhau. Phẩm sen ở Cực Lạc cũng như thế.

Tu Tịnh Độ tùy nơi căn cơ và hoàn cảnh nên công hạnh của mỗi người thành ra sai biệt. Có những vị mỗi ngày niệm tới số trăm, số ngàn, lên đến số nhiều muôn. Nhưng dù bận việc bao nhiêu, ít nhất mỗi ngày hành giả phải có mười niệm, bằng không sẽ mất phần "nhập phẩm", nghĩa là không được dự vào chín phẩm sen ở cõi Tây Phương. "Nhập phẩm" là danh từ riêng của người tu Tịnh Độ, nó gợi ý nhắc nhở hành giả đừng quên phần niệm Phật. Mười niệm cũng gọi là Thập Niệm Pháp. Đây là phương thức của ngài Từ Vân sám chủ, căn cứ theo chương Hạ Phẩm Hạ Sanh của Kinh Quán Vô Lượng Thọ mà chế ra, để dành riêng cho những người quá bận về công việc nước hay nhà có thể niệm Phật và vãng sanh Cực Lạc. Phương pháp này gồm có mười niệm, mỗi niệm là một hơi thở, mật ý đi về chỗ "mượn hơi nhiếp tâm." Người hơi dài có thể mỗi hơi niệm mười mấy câu, kẻ hơi ngắn chỉ bảy, tám câu cũng được. Cứ mỗi hơi niệm Phật gọi là một niệm, mười hơi là mười niệm. Sau khi niệm xong mười hơi, tiếp tục đọc bài kệ hồi hướng:

Nguyện sanh Tây Phương cõi Tịnh Độ.
Mẹ cha là chín phẩm sen lành.
Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh.
Độ khắp tất cả loài hàm thức.

Nguyên xong, lễ Phật ba lạy rồi lui ra. Phương pháp này phát xuất bởi lòng từ bi vô lượng của Phật, Tổ, dù người đa đoan công việc thế mảy, cũng có thể thật hành để bước lên đường giải thoát.

Về chỗ niệm Phật mười hơi, có điểm cần chú ý là cứ để tự nhiên đừng kéo dài hoặc rút ngắn. Nếu chẳng thế tất sẽ mang chứng bệnh "thương khí." Trung Luân pháp sư khi đến Bắc Bình giảng đạo, một hôm có ông lão đến nói: "Tại tôi niệm Phật, nên bây giờ sanh chứng lẳng tai và đôi khi không nghe chi hết." Pháp sư hỏi duyên cớ, ông lão đáp: "Có vị đại đức bí mật truyền cho tôi một phương pháp niệm Phật. Vị ấy bảo: "Phép niệm mười hơi, hiện tại các hòa thượng, thượng tọa không ai biết cả, bởi trong ấy có một khẩu quyết mà bây giờ đã thất truyền." Tôi thành khẩn cầu pháp, vị đó dạy mỗi hơi phải niệm suốt một tràng chuỗi, gồm một trăm lẻ tám câu. Tôi y theo lời, cố gắng thật hành, và lổ tai sanh ra lùng bùng rồi lẳng điếc từ khi ấy. Vậy chẳng biết phương pháp niệm như thế có đúng lời Phật dạy chẳng?" Ngài Trung Luân nghe xong bác bỏ, trách vị đại đức kia đem pháp Phật biến thành pháp ngoại đạo, diễn nên kết quả hại người. Rồi Ngài từ từ đem nguyên lý Thập Niệm Pháp giảng cho ông lão nghe.

Đây là một câu chuyện mà người niệm Phật phải lưu tâm, để rút lấy phần kinh nghiệm.

Mục C.

Tĩnh Độ, Môn Giải Thoát Đặc Biệt

Tiết 59: Niệm Phật, Phương Pháp Dễ Tu

Môn Tĩnh Độ, đặc biệt với pháp Trì Danh, là đường lối dễ tu, điều này ai cũng có thể biết. Nhưng "dễ tu" lại có nhiều nghĩa, việc này vị tất mọi người đã am tường.

Bởi tu các pháp môn khác, nếu từ Giáo mà đi vào, thì kinh điển mênh mang, nghĩa lý vô cùng sâu sắc. Trước tiên người học Phật phải lãnh hội nghĩa căn bản, rồi từ đó lần lượt ngộ giải những nghĩa sai biệt. Sau đó lại phải dung thông các đạo lý, rút lấy chỗ tinh hoa, và chọn lựa vạch mở đường lối tu tập để trọn đời noi theo. Sự kiện này nếu chẳng phí vài mươi năm công phu khổ nhọc, tất không thể hoàn thành. Nếu từ Luật mà đi vào, thì phải xuất gia, mà giới tướng rộng nhiều, hành giả cần phải rành rẽ về danh, chủng, tánh, tướng của các loại giới pháp. Lại phải có trí huệ để thông hiểu thế nào là nghĩa cùng ngữ, để áp dụng các điểm khai giá, trì, phạm tùy theo xứ sở thời cơ. Cho nên học kinh chưa phải là khó, học luật mà biết quyền biến khéo léo để không rời luật cũng không bị luật buộc ràng mới là khó. Hiểu rành xong về luật, lại phải có tinh thần nhẫn nại, có nghị lực chịu kham khổ, mới đi đến chỗ thành công. Nếu từ Thiền mà đi vào, như tức huệ chưa gieo, căn khí chẳng hợp, muốn đem cơ yếu kém để mong cầu pháp cao mâu, tất sự chia ánh sáng truyền đăng cũng tuyệt phần hy vọng. Cho nên ông Tạ

Linh Vận, một danh sĩ học Phật khi xưa đã bảo: "Tu Thiền để thành Phật phải là hàng huệ nghiệp văn nhơn." Lời này vẫn không phải sai lầm hoặc quá đáng.

Riêng về pháp Trì Danh của môn Tịnh Độ, khi đã phát lòng tín nguyện, dù căn cơ nào cũng có thể niệm Phật tu hành. Lại các pháp môn khác duy cậy nhờ tự lực, môn Tịnh Độ đã dùng hết tự lực, còn được thêm phần tha lực. Sức tha lực tức nguyện lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà vô cùng lớn mạnh, dù người chưa sạch nghiệp hoặc, cho đến kẻ tạo nghiệp ác quá nặng biết hồi tâm niệm Phật, cũng được đón rước về Tây Phương. Cổ nhơn đã từng so sánh: "Tu các môn khác khó khăn vất vả như con kiến bò lên non cao. Niệm Phật vãng sanh mau chóng dễ dàng như đi thuyền theo nước xuôi gió thuận." Lời này thật rất xác đáng. Hơn nữa, khi sanh về Cực Lạc rồi, sống trong cảnh đẹp mầu an thuận, thường gần gũi với Phật Bồ Tát, dù tu pháp môn nào cũng đều mau thành tựu, như lặn khúc gỗ tròn từ trên non cao xuống, thế vẫn tiến mãi không tạm dừng.

Tóm lược qua các điều trên, sự dễ tu của môn Tịnh Độ gồm có ba điểm: một là dễ thật hành, hai là dễ vãng sanh, ba là dễ thành Phật. Do sự dễ dàng đó mà kết quả tu chứng xưa nay về môn Tịnh Độ như ngọc chạm, vàng khua tiếng vang thanh thót, sen cười cúc mỉm mấy phẩm tươi thơm. Trong ấy lịch trình từ phàm phu cho đến khi thành Phật cũng có giai cấp mà cũng không giai cấp. Vì khi được vãng sanh tức đã thoát khỏi sống chết luân hồi, và niệm Phật tức là thành

Phật. Như con tầm, nhộng, và bướm vẫn không thể chia phân, nói bướm nguyên là tầm, hay tầm là bướm cũng chẳng xa chi mấy.

Tiết 60: Từ Tán Tâm Sẽ Đi Đến Định Tâm

Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, hoặc trụ nơi câu niệm Phật, gọi là Định Tâm Niệm Phật. Miệng niệm Phật, tâm không nhớ Phật mà suy nghĩ mông lung việc khác, đó là Tán Tâm Niệm Phật. Tán tâm mà niệm, hiệu lực so với định tâm yếu kém rất nhiều. Vì lẽ ấy, từ xưa đến nay các bậc thiện tri thức đều khuyên người cố gắng định tâm trì niệm, đừng để tán tâm. Cho nên tán tâm niệm Phật không đủ làm gương mẫu.

Tuy nhiên, mỗi tác động bên ngoài đều liên quan đến tiềm thức, tức là thức thứ tám ở bên trong. Nếu tán tâm niệm Phật hoàn toàn không công hiệu, thì sáu chữ hồng danh kia từ đâu phát hiện? Đã có sáu chữ hiện thành, tất phải có hai chuyển lực: một là do chủng tử, từ tiềm thức phát hiện ra ngoài. Hai là sức tác động từ ngoài lại huân tập trở vào bên trong. Cho nên chẳng thể nói tán tâm niệm Phật hoàn toàn không công hiệu, bất quá so với định tâm nó yếu kém hơn nhiều mà thôi. Lối niệm tán tâm từ xưa đến nay không được đề xướng, nhưng hàm ý và công dụng của nó cũng không thể phủ nhận. Vì thế cổ nhơn có lưu một bài kệ rằng:

Di Đà sáu chữ pháp trung vương,
Tạo niệm phân vân chốn ngại màng!
Muôn dặm phù vân che ánh nhật.
Nhơn hoàn khắp xứ ửng dương quang.

Bài kệ này suy ra có điều xác đáng. Bởi hạt giống niệm Phật nơi thức thứ tám khi thành thực, tất dẫn phát thức thứ sáu khiến cho sanh khởi tịnh niệm. Rồi từ thức thứ sáu lại cổ động ra năm thức trước để thành hiện hành. Nhưng vì lúc chủng tử niệm Phật trải qua thức thứ sáu, bởi trần nhiễm của chúng sanh sâu dày, nên bị các niệm khác lấn cướp, tuy có lọt khỏi vòng vây song ảnh hưởng còn lại chẳng bao nhiêu. Ví như ánh mặt trời tuy rực rỡ, nhưng vì bị nhiều lớp mây che, nên khi lọt xuống nhân gian, chỉ còn vẻ ửng sáng. Nhưng ánh sáng thừa ấy sở dĩ có, cũng do công năng ảnh hưởng của mặt trời. Biết được lẽ này, người tu Tịnh Độ đừng quá ngại màng đến tạp tưởng phân vân, chỉ liên tiếp niệm hết câu này sang đến câu khác, chánh niệm còn được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Niệm như thế một lúc lâu, tự nhiên ngựa ý sẽ quay về tàu, vượn lòng lần lần vào động. Niệm một lúc lâu nữa, thì chánh niệm hiển lộ rõ ràng, không cần gạn bỏ điều nhiếp, mà tự nhiên thành tự. Hiểu được lẽ này thì chỉ quý niệm nhiều, đừng ngại tán tâm. Như nước tuy bọt đục, lóng mãi tất sẽ thành trong. Người tuy tạp niệm nhiều, niệm Phật lâu tất sẽ thành chánh niệm. Nên biết cổ đức khi đi đứng nằm ngồi và tất cả hành động đều niệm Phật. Nếu các vị ấy hoàn toàn dùng định tâm mà niệm, thì lúc đi đường tất phải vấp chạm, hoặc

khi tả kinh hay làm việc cũng không thể thành công. Cho nên người xưa cũng có lúc phải phân tâm mà niệm, nhưng vẫn không rời câu niệm Phật, bởi dù có tán tâm vẫn không mất phần ảnh hưởng.

Đến đây, xin thuật một câu chuyện. Lúc nọ, có người đến hỏi một thượng tọa: "Thưa thật với thầy, tôi niệm Phật đã hơn mười năm nay mà vọng niệm vẫn còn nhiều, không biết cách chi trừ diệt. Tôi có đi nhiều nơi cầu hỏi phương pháp với những bậc đã tu trước mình. Vị này đưa kinh nghiệm này, vị kia dạy cách khác, có một đại đức lại khuyên tôi nên nín hơi niệm luôn hai mươi một câu rồi nuốt một cái. Tôi đã áp dụng qua đủ mọi phương thức, nhưng chỉ định tâm được lúc đầu, rồi sau có lẽ vì lờn quen nên vọng niệm trở lại như cũ. Không biết thầy có phương pháp nào hữu hiệu để dạy tôi chăng?"

Vị thượng tọa đáp: "Điểm thất bại đó do ông không bền lòng, mà cứ thay đổi đường lối. Nên biết phàm phu chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay gây tạo nghiệp nhiễm vọng quá nhiều đâu thể nhứt thời mà thanh tịnh được! Chỗ cốt yếu là phải dụng tâm cho bền lâu. Tôi xin đưa ra đây hai thí dụ: Ví như một bình nước hôi như dầy dầy, ông đem nước thơm sạch đổ vào. Vì nước dơ đã dầy, nước sạch tất phải dội ra ngoài, song ít nhứt nó cũng lưu lại trong bình một vài giọt. Nếu ông cứ bền tâm đổ vào mãi, ngày kia bình nước hôi sẽ hóa ra nước sạch thơm. Lại ví như ông đau bệnh dạ dày, uống thuốc chi cũng đều ói mửa ra. Ông cứ bền lòng

dùng ngay thuốc trị bệnh dạ dày mà uống, đừng thay đổi thuốc chi khác. Mỗi phen uống tuy có bị ới mửa, nhưng chất thuốc cũng lưu lại ít nhiều, lần lần bệnh của ông sẽ dứt. Bệnh phiền não vọng tưởng của chúng sanh cũng thế, dùng thuốc niệm Phật điều trị tự nhiên là thích đáng, nếu thay đổi mãi làm sao thành công? Như có người dùng phen lỏng nước, nó chưa kịp trong, lại nóng nảy vội quậy lên đổ muối vào, đổ muối chưa kịp trong, lại quậy lên đổ vôi bột vào. Cứ thay đổi mãi như thế, làm sao nước trong cho được? Thế nên vấn đề dứt vọng niệm, không phải do nơi thay đổi nhiều phương pháp, mà ở nơi lựa một phương pháp thích hợp rồi thật hành cho bền lâu là thành tựu." Vị ấy nghe xong gật đầu cho là hữu lý.

Như đã nói, muốn được định tâm, điểm căn bản là phải dụng công cho bền lâu. Tuy nhiên nếu sợ niệm lực tán loạn, cần có phương tiện để tâm dễ yên tĩnh, thì nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số đã trình bày ở trước. Phép này do dùng hết tâm lực ghi nhớ từ một đến mười câu, nên dễ vào tĩnh định. Nếu tâm còn rối loạn và không thể dùng phép Thập Niệm Ký Số, thì trong mỗi câu niệm chỉ cần chú tâm ghi giữ cho chắc một chữ "A". Khi chữ A còn thì mấy chữ khác đều còn, nếu mê mờ để cho nó mất, tất năm chữ kia cũng mất. Lại chữ A cũng chính là chữ căn bản, và là mẹ của tất cả chữ. Chú tâm vừa niệm vừa ghi chắc chữ A, lâu lâu tự nhiên tâm và cảnh đều tiêu tan dung hợp thành một khối, lượng rộng lớn dường hư không, Phật và mình cũng đều mất. Lúc bấy giờ đương nhiên chữ A

cũng không còn. Nhưng lúc trước nó mất là do bởi tâm xao động rối loạn, lúc này nó không còn chính thuộc về trạng thái dung hóa của thường định. Đây là hiện tượng tâm cảnh đều không, điểm sơ khởi để đi vào Niệm Phật Tam Muội.

Tiết 61: Mười Phương Tịnh Độ Và Đâu Suất Tịnh Độ

Trong mười phương quốc độ, có vô số cõi Phật mầu đẹp tinh sạch trang nghiêm, chẳng hạn như thế giới Tịnh Lưu Ly trong Kinh Dược Sư, thế giới Chúng Hương và Diệu Hỷ trong Kinh Duy Ma Cật. Nhưng tại sao ta không niệm danh hiệu chư Phật để cầu sanh về các Tịnh Độ ở mười phương, lại chỉ phát nguyện sanh về Cực Lạc? - Trong ấy có ba nguyên do:

1. Do sự giới thiệu khuyên dạy của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, bảo nên cầu sanh về cõi Cực Lạc. Theo lời cổ đức, thì ngoài sự kiện cõi Cực Lạc có nhiều duyên nhiệm mầu thích hợp cho việc nhiếp hóa căn cơ ở các cõi Uế Độ, đức Bổn Sư không muốn thuyết minh nhiều về những Tịnh Độ khác, sợ e chúng sanh khởi niệm so sánh phân vân, tâm không qui nhứt. Do việc đủ duyên nhiệm mầu để nhiếp hóa, mà không những riêng ở tại cõi Ta Bà, các chúng sanh ở vô số thế giới trong mười phương đều cầu về Cực Lạc.

2. Do đức A Di Đà Thế Tôn có 48 lời thệ rộng lớn trang nghiêm cõi Tịnh Độ, nguyện tiếp dẫn từ bậc Bồ Tát, cho đến hàng phàm phu nhiều tội ác.

3. Do vì chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với Phật A Di Đà và Bồ Tát Quán Thế Âm ở cõi Cực Lạc. Điều minh chứng là khi các Phật tử gặp nhau đều chào mừng bằng câu A Di Đà Phật và lúc bị tai nạn thường niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm.

Bởi những lẽ trên, mà cõi Cực Lạc có những điểm ưu thắng để cầu sanh hơn các Tịnh Độ ở mười phương.

- Về Đâu Suất Tịnh Độ, Phương Luân cư sĩ, một vị uyên bác về Phật học đã trình bày ý kiến của ông như sau:

Tại thế giới này, về phương trên có cung trời Đâu Suất nội viện, do đức Di Lặc Bồ Tát làm chủ. Nơi ấy cũng tốt đẹp trang nghiêm, đức Di Lặc hằng thuyết pháp, chư thượng thiện câu hội tu hành, nên gọi là Đâu Suất Tịnh Độ. Trong Kinh Di Lặc Thượng Sanh và Hạ Sanh, đức Thích Tôn cũng giới thiệu quốc độ ấy rất tinh tường và khuyên nên cầu sanh. Sở dĩ có sự giới thiệu đó, bởi bản ý đức Thích Tôn muốn cho hành giả trước theo Di Lặc Bồ Tát học tập, tương lai lại theo ngài hạ sanh mà được đắc quả trong ba hội Long Hoa. Điều này chính do đức Bốn Sư khuyến tán, nhân đó người tu Phật cũng có nhiều vị cầu về Đâu Suất Tịnh Độ. Hơn nữa, Di Lặc Bồ Tát từng nói luận Du Già Sư Địa,

Ngài là thi tổ của tông Duy Thức. Thế nên người tu về Duy Thức Tông phần nhiều đều có tâm nguyện cầu sanh Đâu Suất, cho chỗ tu hành tiến đến mức cao thâm. Đối với việc này, người cầu sanh Cực Lạc chỉ có tán thán đức Thích Tôn lòng từ bi vô lượng, khéo mở nhiều phương tiện độ sanh. Lại cũng tán dương những vị cầu về Đâu Suất tâm háo học không chán mỏi, ý nguyện trở xuống cõi trước để hóa độ rất tinh thành. Nhưng Đâu Suất nội viện chưa là cảnh tối thắng, và chẳng phải chỗ thành đạt chắc chắn cho những kẻ căn cơ trung, hạ. Bởi trong ấy có ba sự kiện:

1. Đâu Suất nội viện về y báo chẳng trang nghiêm rộng lớn nhiệm mầu bằng Cực Lạc. Về chánh báo lại cũng kém hơn, vì ở Tây Phương hiện có đức Phật A Di Đà đang thuyết pháp, vô lượng bậc Nhứt Sanh Bồ Xứ Bồ Tát giúp thêm phần khuyến tấn dắt dìu. Và lại ở Cực Lạc dân chúng thọ mạng vô biên, là chỗ nương về tốt đẹp an ổn nhứt.

2. Đức Di Lạc không có bản nguyện tiếp dẫn như Phật A Di Đà sanh về Đâu Suất hoàn toàn nhờ tự lực, sợ e khi lâm chung bịnh khổ hôn mê, không nắm vững kết quả.

3. Đâu Suất nội viện rất khó vãng sanh. Như khi xưa Huyền Giác đại sư giới hạnh trang nghiêm, tham thiền ngộ đạo, thông suốt tam tạng đến chỗ sâu mầu. Khi lâm chung Ngài hội hàng đệ tử lại, làm kệ phó chúc xong, bỗng ngửa mặt lên hư không nói: "Lạ này,

ta đã phát nguyện sanh về Đâu Suất nội viện, sao nay lại làm vị thiên chủ ở cung trời Dạ Ma?" Đệ tử thưa hỏi, Ngài bảo: "Chẳng phải việc các người hiểu được." Giây lát lại nói: "Trên trời tân khách thật đông nhiều!" Nói xong liền tịch.

Lại sau khi Phật diệt độ chín trăm năm, ở xứ Thiên Trúc có ba vị Bồ Tát huynh đệ với nhau là Vô Trước, Thế Thân và Sư Tử Giác, tu môn Nhật Quang Định, đồng phát nguyện sanh Đâu Suất nội viện. Ba người cùng ước hẹn, ai sanh lên trước phải xuống báo tin cho hay. Sau Sư Tử Giác mãn phần trước, trải qua ba năm tuyệt vô âm tín. Kế đó ngài Thế Thân viên tịch rồi cũng bất tin luôn. Hai năm sau vào một buổi chiều tối, ngài Vô Trước đang ngồi giảng kinh, bỗng thấy giữa hư không ánh sáng chói lòa, một vị thiên tử áo mào trang nghiêm hiện xuống, tự xưng mình là Thế Thân, bảo đã được sanh lên Đâu Suất nội viện. Ngài Vô Trước hỏi: "Tại sao đến bây giờ mới cho hay?" Thế Thân đáp: "Em vừa sanh lên, được đức Di Lặc xoa đánh thuyết pháp, nghe pháp xong đi nhiều ba vòng rồi xuống đây liền. Bởi thời gian tại Đâu Suất một ngày đêm, ở dưới này đến bốn trăm năm, nên thành ra làm cho anh nhọc lòng chờ đợi." Vô Trước lại hỏi: "Còn Sư Tử Giác ở đâu?" - Đáp: "Trong khi em đi nhiều, nhìn ra thấy Sư Tử Giác lạc vào ngoại viện, đang say mê theo thiên nhạc."

Như ngài Huyền Giác là bậc cao tăng, ngài Sư Tử Giác là hàng Bồ Tát, mà một vị chỉ lên đến cung trời thứ ba,

một vị tuy lên được cung trời thứ tư, nhưng lại lạc vào ngoại viện, bị cảnh ngũ dục thắng diệu làm mê. Những bậc cao minh như thế mà còn không đạt được kết quả sanh về Đâu Suất Tịnh Độ, thì kẻ căn cơ dung thường, tất chưa dễ chiếm phần hy vọng. Nhớ lại khi xưa Bạch Lạc Thiên từng đề thi rằng:

Có người đi biển lại thần châu
Nói thấy cung viên hải đảo mầu
Thật đẹp, tiên đồng tay trở bảo:
Sẽ chờ Bạch Lạc bước lên lầu.
Đã mến Không môn, chẳng học tiên
Chuyện ni e cũng việc hư truyền
Bồng Lai chẳng phải nơi ta ở
Về chỉ về cung Đâu Suất Thiên.

Bạch Lạc Thiên trước học tiên cầu về Bồng Lai, sau lại bỏ tiên học Phật cầu về Đâu Suất. Đến lúc tuổi già, ông lại niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc. Đây có thể gọi là càng suy gẫm lựa chọn, càng đi đến chỗ tinh vi vậy.

Chương IX

Đệ Cửu Yếu

Niệm Phật

Phải An Nhẫn

Các Chương Duyên

Khải Đề:

Cửa rồng tắm cá vượt
Đỉnh nhận bóng chim qua
Khách đi nghìn dặm biệt sơn hà
Đường tu gian khổ
Chướng ngại trái hăng sa
Nghịch thuận duyên ma khảo
Thương ghét nợ oan gia
Khá thương kham nhẫn cõi Ta Bà
Khổ vui bao quản
Vinh nhục tợ sương hoa
Nhẫn nại bền lòng tinh tiến mãi
Ác vàng thỏ bạc
Năm tháng sẽ dần dà...

Mục A.

Nói Lược Về Các Duyên Khảo

Tiết 62: Vài Nguyên Nhân Của Các Chương Duyên

Các bậc tiền bối trong làng tu thường bảo: "Khi phát nguyện làm những công đức rộng lớn, hay tu hành, thường gặp nhiều chương duyên khảo đảo thử thách." Người xuất gia có bốn giai đoạn mà chương duyên thường phát hiện là: khi cạo tóc vào chùa, lúc thọ giới, khi học kinh điển nhất là kinh Đại Thừa, và lúc gác bỏ mọi việc để tịnh tu. Có nhiều vị đã gieo sẵn duyên lành, hoặc do sức cố gắng tinh tấn nên dễ dàng vượt qua ba giai đoạn trước, bước sang mức thứ tư. Nhưng đến khi tu hành tiến lên trình độ khá cao, tất khó tránh khỏi chương duyên phát hiện. Như Hư Vân thượng nhơn, một cao tăng cận đại, trong khi tinh tấn dụng công tham thiền, nghiệp chương bỗng phát hiện làm cho ngài bị đui, điếc và câm trong ba tuần nhật. Duyệt qua truyện cũ, bút giả nhớ một vị họ Tô, cất am riêng ở chỗ thanh vắng tham thiền, đem một người theo giúp việc. Ban sơ ông tập ngồi từ một, hai giờ rồi lần lần tăng tiến có thể ba ngày đêm ở luôn trong định. Một độ nọ, Tô cư sĩ thiền định luôn hai mươi một ngày không ăn uống. Người tùy cận thấy ông ngồi quá lâu, đến gần dò xem thì hơi thở ra vào đã tuyệt, không còn thoi thóp như mấy lần trước. Y không biết đó là trạng thái sâu mầu của thiền định, lầm tưởng cư sĩ đã chết, liền đem ông đi chôn sống luôn.

Lại có một vị tăng tu Tịnh Độ, niệm Phật mỗi ngày đêm đến mười muôn câu. Do công đức niệm Phật, chỗ đất của sư đi đều hóa ra sắc vàng ròng. Một hôm có người nạn dân đến xin tá túc. Sư nhìn người ấy rồi nói riêng với thị giả: "Gã này có tướng đạo tặc, người nên cho y ăn no rồi hãy bảo ra khỏi nơi đây." Ông đạo nhỏ vì lòng thương xót, thấy người kia nài nỉ mãi, lưu luyến chưa nỡ đuổi. Quả nhiên ít hôm sau, người ấy nửa đêm lén vào phòng sư, bẻ gãy chân tay giết ông chết, trộm một ít đồ trong am rồi bỏ đi luôn.

Hai trường hợp trên cổ đức bình luận cho là sức định nghiệp không thể tránh khỏi. Người tu có ba chướng là: phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng, mà sức nghiệp chướng lại nặng nề nguy hiểm hơn hai thứ kia. Nhưng tại sao khi chưa tu thì chẳng có chi, đến lúc tu hành càng cao lại thường gặp nhiều chướng nạn? - Đó cũng bởi chúng ta là phàm phu thời mạt pháp, cố nhiên phần đông chướng duyên đều nặng. Nếu chúng ta nghiệp nhẹ, tất đã sanh vào thời tượng pháp hoặc chánh pháp rồi. Nhưng không phải do tu hành nên phát sanh chướng nạn, mà đó là sức chuyển nghiệp, chuyển quả báo nặng thành quả báo nhẹ, chuyển quả báo đời sau thành quả báo hiện tại. Giả sử ta có mười phần nghiệp chướng, do công đức tu nên tiêu trừ được bảy phần, còn phát hiện ra ba phần. Và đáng lẽ quả báo ấy đến sau mới trả, nhưng nhờ sức tu niệm, nên chỉ chịu quả nhẹ trong kiếp này để mau được giải thoát.

Như Giới Hiền luận sư tiền kiếp là một vị quốc vương đem binh đi đánh dẹp các nơi, tạo nghiệp sát quá nhiều, đáng lẽ đến đời này sau khi hưởng phước thừa rồi chết, sẽ phải bị đọa vào địa ngục. Nhưng nhờ Luận Sư chí tâm tu hành và hoằng dương Phật pháp, nên mỗi ngày ông bị một cơn bệnh trạng như có nhiều lưỡi gươm vô hình đâm chém trong thân. Như thế trải qua hai năm bệnh mới dứt. Do duyên đó mà luận sư tiêu được nghiệp địa ngục, sanh lên cõi Đâu Suất Đà Thiên. Lại như ông Ngô Mao tiền nhân cũng tạo nghiệp sát, đáng lẽ phải đọa làm heo bảy kiếp cho người giết. Nhưng nhờ ông trưởng trai niệm Phật, nên khi thọ số mãn, bị giặc đâm bảy dao trả nghiệp xong một lần, rồi được vãng sanh về Cực Lạc. Nói tóm lại, lời tục gọi đó là trạng thái "dồn nghiệp".

Tuy nhiên, không phải mỗi người tu đều bị trả quả. Có người càng tu càng có điểm tốt, càng được an thuận, không bị trở ngại chi. Đó là do vị ấy những kiếp về trước không tạo nghiệp chi quá nặng, hoặc đã từng tu niệm và có nhiều căn lành. Nhưng luận theo phần đông, đại khái nếu không gặp những chướng ngại lớn, cũng vấp phải những chướng ngại nhỏ. Ngoài những trở ngại của ngoại duyên, lại còn có ba nguyên nhân phát sanh chướng ngại:

1. Cứ theo tông Pháp Tướng, trong tạng thức của ta có chứa lẫn lộn những nghiệp chủng lành dữ. Khi niệm Phật hay tham thiền, ta huân tập hạt giống công đức vô lậu vào, tất các nghiệp chủng kia phải phát hiện. Ví

như một khu rừng rậm nhiều thú, nếu có dân cư đến khai hoang, tất cây cối bị đốn, các loài thú đều chạy ra. Cảnh tượng và phiền não chướng duyên do nghiệp chủng phát hiện cũng thế. Đây gọi là sức phản ứng của chủng tử nghiệp.

2. Có những vị tu hành chẳng am tường giáo lý, không hiểu những tướng của nội tâm và ngoại cảnh đều như huyễn, chưa phát minh thế nào là chân và vọng, nên nhận định sai lầm. Do đó đối với cảnh duyên trong ngoài sanh niệm tham chấp, vui mừng, thương lo, sợ hãi, mà tự gây chướng nạn cho mình.

3. Lại ví như người theo họa đồ đi tìm mỏ vàng, đường sá phải trải qua non cao, vực thẳm, đồng vắng, rừng sâu, bước hành trình tất phải nhiều công phu và gian lao khổ nhọc. Nếu người ấy không vững lòng, không biết tùy sức tùy hoàn cảnh mà nhẫn nại uyển chuyển, tất phải thôi lui. Hoặc có khi bỏ cuộc ghé vào một cảnh tạm nào đó, hay chết giữa đường. Lộ trình tu tập cũng thế, hành giả tuy y theo kinh giáo mà thật hành, song nếu không biết tùy sức tùy hoàn cảnh nhẫn nại uyển chuyển, sự lập chí không bền lâu, tất sẽ thất bại. Chướng nạn đó cũng do chính mình gây ra.

Trên đây là đại lược một ít nguyên nhân của các điều chướng ngại.

Tiết 63: Các Duyên Ma Khảo

Những duyên nghiệp khảo đảo gây chướng ngại cho người tu, có rất nhiều chi tiết sai biệt. Nay chỉ xin tóm tắt đại cương qua sáu điểm:

1. Nội Khảo: - Có người trong lúc tu tập, bỗng khởi lên những tâm niệm tham lam, giận hờn, dục nhiễm, ganh ghét, khinh mạn, nghi ngờ, hoặc si mê dễ hờn trầm buồn ngủ. Những tâm niệm ấy đôi khi phát hiện rất mãnh liệt, gặp duyên sự nhỏ cũng dễ sanh cau có bức mình. Nhiều lúc trong giấc mơ, lại thấy các tướng thiện ác biến chuyển. Trong đây những tình tiết chi ly không thể tả hết được. Gặp cảnh này, hành giả phải ý thức đó là do công năng tu hành nên nghiệp tướng phát hiện. Ngay lúc ấy, nên giác ngộ các nghiệp tướng đều như huyễn, nêu cao chánh niệm, tự nhiên những tướng ấy sẽ lần lượt tiêu tan. Nếu không nhận thức rõ ràng, tất bị nó xoay chuyển làm cho thoái đạo. Tiên đức bảo: "Chẳng sợ nghiệp khởi sớm, chỉ e giác ngộ chậm," chính là điểm này. Có người đang lúc dụng công, bỗng phát sanh tán loạn, mỗi nhọc khó cưỡng nổi. Ngay khi ấy, nên đứng lên lễ Phật đi kinh hành, hoặc tạm xả lui ra ngoài đọc một vài trang sách, sửa năm ba cành hoa, chờ cho thanh tĩnh sẽ trở vào niệm Phật lại. Nếu không ý thức, cứ cưỡng ép cầu cho mau nhứt tâm, thì càng cố gắng lại càng loạn. Đây là sự uyển chuyển trong lúc dụng công, ví như thế giặc quá mạnh tợ nước tràn, người chủ soái phải tùy cơ, nên cố thủ chớ không nên ra đánh. Có vị tu hành, khi niệm Phật bỗng thấy

cô tịch như bản đàn độc điệu dễ sanh buồn chán, thì không ngại gì phụ thêm trì chú, quán tưởng, hoặc tụng kinh.

Nhân tiện, xin thuật ra đây một việc để cho các bạn đồng tu thêm phần nhận thức. Có một nữ Phật tử đến chỗ bút giả buồn khóc, thưa thật rằng: mỗi khi cô niệm Phật tụng kinh độ vài mươi phút là ngủ gục lúc nào không hay, có khi tiểu tiện ngay trước bàn Phật. Do đó cô sợ tội bỏ luôn không dám tụng niệm. Bút giả khuyên cô nên chuyên sám hối trong một thời gian. Quả nhiên ít lâu sau cô dứt hẳn nghiệp tướng ấy, lại nằm mơ thấy nhiều vỏ ốc, đập mỗi vỏ ốc ra thấy một hạt sen. Cô này nghiệp si nặng, vỏ ốc là hiện tướng của nghiệp si, đập vỏ ốc thấy hạt sen là phá si mê mà thành tựu nhân lành giác ngộ vãng sanh về cõi Phật.

Lại có một vị sa di trần thuật lại rằng: Cứ ít đêm chú nằm mơ, thấy ba bốn mươi người cầm dao gậy đến đánh chém. Chú thay đổi trì Đại Bi rồi Chuẩn Đề chân ngôn đều không thành tựu, vì mỗi lần tụng độ ít biến là nhức đầu cả ngày, uống thuốc cũng không khỏi. Biết mình nghiệp nặng, chú phát nguyện lay Tam Thiên Phật để sám hối. Nhưng khi lên chùa lễ Phật thì thấy một người tướng mạo cao lớn hung dữ đến xô té không cho lay. Do đó chú đến buồn khóc bảo: Có tội thì sám hối tu hành, nhưng sám hối tu hành không được, chẳng biết phải làm sao? Bút giả nghe xong suy nghĩ, biết vị này nghiệp sát nặng, mà chú Đại Bi cùng Chuẩn Đề có sức phá nghiệp khá mạnh, và tâm

nguyện lay Tam Thiên Phật là điều nguyện rộng lớn. Đây là lỗi ở chỗ chỉ biết cầu riêng phần mình mà không cầu cho các vong oan trái, và cách dụng công phá nghiệp không khéo uyển chuyển. Ví như người yếu bị bệnh phong nặng, đáng lẽ phải dùng các vị thuốc nhẹ như Phòng Phong, Kinh Giới lần lượt tiêu trừ, mà trái lại vì muốn cho mau lành, dùng đến các vị thuốc mạnh như Mã Tiền, Bã Đậu để khu phong, tất con bệnh bị hành hạ chịu không nổi. Do đó bút giả khuyên chú mỗi đêm nên thử lay Tiểu Sám Hối theo Kinh Pháp Hoa, rồi quì tụng Vãng Sanh hăm một biến, đoạn niệm Phật độ năm trăm câu để cầu tiêu tội, và nguyện cho các mối tiền oan được mau siêu thoát. Cứ hành trì như thế trong một thời gian, nếu thấy yên ổn, có thể lần lượt tăng thêm. Chú sa di y theo lời, quả nhiên trạng thái ấy dứt tuyệt.

Trên đây là những nghiệp tướng khảo đảo bên trong, nếu không biết giác ngộ uyển chuyển phá trừ, tất sẽ thành ra chướng nạn.

2. Ngoại Khảo: - Đây là những chướng cảnh bên ngoài làm duyên khó khăn thối đạo cho hành giả. Chứng cảnh đó là sự nóng bức, ồn ào, uế tạp, hoặc chỗ quá rét lạnh hay nhiều trùng, kiến, muỗi mòng. Gặp cảnh này cũng nên uyển chuyển, đừng chấp theo hình thức, chỉ cầu được an tâm. Chẳng hạn như ở cảnh quá nóng bức, chẳng ngại gì mặc áo tràng mỏng lễ Phật, rồi ra ngồi chỗ mát mà trì niệm, đến khi xong lại trở vào bàn Phật phát nguyện hồi hướng. Hoặc gặp chỗ nhiều

muối, có thể ngồi trong màn thưa mà niệm Phật. Như ở miền Bắc Trung Hoa vì thời tiết quá lạnh, các sư khi lên chánh điện tụng kinh, cũng phải mang giày vớ và đội mũ cẩn thận. Có hàng Phật tử vì nhà nghèo, làm lụng vất vả, đi sớm về khuya, hoặc nợ nần thiếu hụt, rách rưới đói lạnh, vợ yếu con đau, không có chỗ thờ cúng trang nghiêm. Trong hoàn cảnh ấy sự tu tập thật ra rất khó, phải có sự nhẫn nại cố gắng như bà lão ăn xin niệm Phật, mới có thể thành công. Hoặc có người vì nhiều chương nghiệp, lúc không tu thì thôi, khi sắp vào bàn Phật lại nhức đầu, chóng mặt sanh đủ chứng bệnh, hay có khách viếng thăm và nhiều việc bất thường xảy đến. Gặp những cảnh như thế, phải cố gắng và khéo uyển chuyển tìm phương tu hành. Sự cố gắng uyển chuyển tùy trường hợp sai biệt mà ứng dụng không thể nói ra hết được. Nên nhớ gặp hoàn cảnh bất đắc dĩ, phải chú trọng phần tâm đừng câu nệ phần tướng mới có thể dung thông. Cõi Ta Bà ác trước vẫn nhiều khổ lụy, nếu không có sức cố gắng kham nhẫn, tất sự tu hành khó mong thành tựu.

3. Nghịch Khảo: - Trên đường đạo, nhiều khi hành giả bị nghịch cảnh làm cho trở ngại. Có người bị cha mẹ anh em hay vợ chồng con cái ngăn trở hoặc phá hoại không cho tu. Có vị thân mang cố tật đau yếu mãi không lành. Có kẻ bị oan gia luôn theo đuổi tìm cách mưu hại. Có người bị vu oan giá họa, khiến cho ngồi tù chịu tra khảo hoặc lưu đày. Có vị bị sự tranh đua ganh ghét, hoặc bêu rao nhiều tiếng xấu xa, làm cho khó an, khó nhẫn. Điều sau này lại thường xảy ra nhiều

nhứt. Những cảnh ngộ như thế đều do sức nghiệp. Lời xưa từng nói: "Hữu bất ngu chi dự, hữu cầu toàn chi hủy." Câu trên hàm ý nghĩa: Có những tiếng khen, những vinh dự bất ngờ, không đáng khen mà được khen; và có những sự kiện thật ra không đáng khinh chê, lại diễn thành cảnh khinh hủy chê bai trọn vẹn. Để chứng minh điểm này, bút giả xin thuật một vài việc nhỏ:

Trước đây vào thời Pháp thuộc, có một vị hòa thượng được triều đình Huế ban cho bằng Tăng Cang, và phong tặng hiệu chùa là Sắc Tứ. Do đó đi đâu hòa thượng đều có xe ngựa và **bê** son, tích trượng theo hầu, thậm chí lúc lên xuống đò cũng có người vồng. Một tên du đảng thấy thế bất mãn chưởi thề, rồi tuyên ngôn để đến ngày Rằm tháng Bảy sẽ lên chùa xài mắng hòa thượng một trận trước mặt các tín đồ. Đến ngày ấy, tên du đảng sau khi uống rượu xong, ở trần vắt áo lên chùa, gặp dịp một người Phật tử đem con quy nhờ hòa thượng chú nguyện thả nơi ao sen. Thấy quang cảnh ấy, y bỗng cảm động, trở về kêu đồng bọn lên chùa quy y, rồi từ đó đi đâu cũng khen hòa thượng là bậc hiền lành đạo đức. Cho đến việc hầu hạ vồng giá, y cũng nói là do thầy mình có phước.

Lại câu chuyện xảy ra cách đây không lâu, có hai Phật tử ở xa đến viếng thăm một vị thượng tọa đồng hương đã từng quen thân từ trước. Khi đến chùa thì vị thượng tọa vừa đi khỏi cách đó độ mười lăm phút. Hai người gạn hỏi, ông thị giả nói thầy vừa đi khỏi; hỏi mấy vị

khác, họ không biết bảo là mới thấy thầy ở đây. Chỉ một chút đó mà hai Phật tử ấy sanh lòng nghi ngờ vị thượng tọa không muốn tiếp mình, từ biệt luôn không đến chùa, rồi đi đâu cũng chê bai vị thượng tọa nọ gồm những điều không đức hạnh.

Thật ra, cung cách của vị hòa thượng trên không đáng khen mà được khen. Và hành động vô tâm của vị thượng tọa kể sau không có gì đáng chê, lại bị hiểu lầm khinh hủy. Thế gian cho đó là điều may rủi, thuyết nhân quả nhà Phật nhận định là lúc nghiệp duyên tội phước hiện ra. Cổ thi có câu:

Về chi ăn uống sự thường,
Cũng là tiền định khá thương lộ là.

Một việc nhỏ đã như thế, thì tất cả các nghịch cảnh khác đều do túc nghiệp, hoặc hiện nghiệp xui khiến. Khi gặp những cảnh này hành giả chỉ nên ẩn nhẫn sám hối, chớ buồn phiền oán trách mà thôi thất đạo tâm.

4. Thuận Khảo: - Có người không gặp cảnh nghịch mà lại gặp cảnh thuận, như cầu gì được nấy, nhưng sự thành công đều thuộc duyên ràng buộc chớ không phải giải thoát. Có vị khi phát tâm muốn yên tu bỗng cảnh danh lợi sắc thanh chợt đến, hoặc nhiều người thương mến muốn theo phụng sự gần bên. Thí dụ như người xuất gia khi phát tâm tu, bỗng có kẻ đến thỉnh làm tọa chủ một ngôi chùa lớn; hoặc như người tại gia

thì có thơ mời làm tổng, bộ trưởng, hay một cuộc làm ăn mau phát tài. Đây là những cảnh thuận theo duyên đời quyền rũ người tu, rồi dẫn lần đến các sự phiền toái khác làm mất đạo niệm. Người ta chết vì lửa thì ít, mà chết vì nước lại nhiều, nên trên đường tu cảnh thuận thật ra đáng sợ hơn cảnh nghịch. Cảnh nghịch đôi khi làm cho hành giả tỉnh ngộ dễ thoát ly niệm tham nhiễm, hoặc phần chí lo tu hành. Còn cảnh thuận làm cho người âm thầm thối đạo lúc nào không hay, khi bừng tỉnh mới thấy mình đã lặn xa xuống dốc. Người xưa nói: "Việc thuận tốt được ba. Mê lụy người đến già." Lời này đáng gọi là một tiếng chuông cảnh tỉnh. Thế nên duyên thử thách của sự thuận khảo rất vi tế, người tu cần phải lưu ý.

5. Minh Khảo: - Đây là sự thử thách rõ ràng trước mắt mà không tự tỉnh ngộ. Chẳng hạn như một vị tài đức không bao nhiêu, nhưng được người bưng bọ khen là nhiều đức hạnh, tài năng, có phước lớn, rồi sanh ra tự kiêu tự đắc, khinh thường mọi người, làm những điều càn dỡ, kết cuộc bị thảm bại. Hoặc một vị có đủ khả năng tiến cao trên đường đạo, nhưng bị kẻ khác gàn trở, như bảo ăn chay sẽ bị bệnh, niệm Phật, trì chú nhiều sẽ bị đồ nghiệp, gặp nhiều việc không lành, rồi sanh ra e dè lo sợ, thối thất đạo tâm. Hoặc có những cảnh tự mình biết nếu tiến hành dễ rước lấy sự lỗi lầm thất bại, nhưng vì tham vọng hay tự ái, vẫn đeo đuổi theo. Hoặc đối với các duyên bên ngoài, tuy biết đó là giả huyễn nhưng không buông bỏ được, rồi tự chuốc lấy sự buồn khổ vào tâm.

Như có một vị sư đồ ra nhiều công của mướn thợ chẻ đá, thợ mộc, thợ hồ, xây cất một cảnh chùa to trên núi. Khi ngôi tự viện vừa hoàn thành, thì sư cũng vừa kiệt sức mang bệnh nặng. Lúc sắp chết, ông sai đệ tử vồng đi quanh chùa rờ từ viên đá buồn khóc tiếc than!

Lại trước đây có một tăng sĩ địa vị trong đạo khá cao, tánh tình chân thật rộng rãi ưa bố thí, nhưng vấp phải một khuyết điểm là hay tự đắc, tự kiêu. Vài chánh khách thấy được chỗ đó, đem một nhà tướng sĩ đến giả vờ thăm chơi, rồi thuận tiện nhìn qua khen sư nhiều phước tướng, tất được vô số người ủng hộ, danh vọng càng thành đạt tiến cao. Ông ấy lại nói thêm, nếu sư thích hoạt động, sẽ thành một tay lãnh tụ, và như ở ngoài đời có thể làm đến tổng thống. Sư nghe xong tuy khiêm nhường đôi tiếng, nhưng lộ vẻ cực kỳ hoan hỷ. Nhân đó, các chánh khách than vãn thời thế, thương dân chúng khổ não, vận nước suy đồi, rồi dần dà thuyết phục lôi cuốn sư vào một cuộc vận động chánh trị. Và cũng bởi đó, sư bị tai nạn trong một thời gian khá lâu.

Thế nên kẻ dễ dãi nhẹ dạ thường hay bị phỉnh gạt. Khi chưa diệt được tham vọng dễ bị người khác dùng tiền tài, sắc đẹp hoặc danh vị cuốn lôi. Cho đến nếu còn tánh nóng nảy khí khái, tất dễ bị người khích động, gánh vác lấy những việc phiền phức vào thân. Đây là những cạm bẫy của đời mà cũng là của đạo, xin nêu ra để khuyên nhắc cùng nhau, nếu không dè dặt những điểm đó, sẽ vướng vào vòng chướng nghiệp. Đối với

những duyên thử thách như thế, hành giả phải nhận định cho sáng suốt, và sanh lòng quả quyết tiến theo đường lối hợp đạo mới có thể thắng nó được.

6. Âm Khảo: - Điều này chỉ cho sự thử thách trong âm thầm không lộ liễu, hành giả nếu chẳng khéo lưu tâm, tất khó hay biết. Có người ban sơ tinh tấn niệm Phật, rồi bởi gia kế lần sa sút, làm điều chi thất bại việc ấy, sanh lòng lo lắng chán nản, trể bỏ sự tu. Có vị công việc lại âm thầm tiến triển thuận tiện rồi ham mê đeo đuổi theo lợi lộc mà quên lãng đường lối tu hành. Có kẻ trước tiên siêng năng tụng niệm, nhưng vì thiếu sự kiểm điểm, phiền não ở nội tâm mỗi ngày tăng thêm một ít, lần lượt sanh ra biếng trễ, có khi đôi ba tháng hay một vài năm không niệm Phật được một câu. Có người tuy sự sống vẫn điều hòa đầy đủ, nhưng vì thời cuộc bên ngoài biến chuyển, thân thế nhà cửa nay đổi mai dời, tâm mãi hoang mang hướng ngoại, bất giác quên bỏ sự trì niệm hồi nào không hay.

Trên đây đều là ảnh hưởng diễn biến của nghiệp thiện ác, nhưng nó có sức thâm lôi cuốn hành giả làm cho bê trễ sự tu trì, nên gọi là "khảo". Khi mới tu, ai cũng có một điểm hảo tâm, nhưng lần lượt bị những duyên nghiệp trong ngoài, một trăm người đã rớt hết chín mươi chín. Lời xưa nói: "Tu hành nhưt niên Phật tại tiền, nhị niên Phật tại Tây thiên, tam niên vấn Phật yếu tiền." Câu này có ý nghĩa: sự tu hành năm đầu Phật như ở trước mặt, năm thứ hai Phật đã về Tây, sang năm thứ ba ai muốn hỏi đến Phật hay bảo niệm

Phật, phải trả tiền mới chịu nói tới, hoặc niệm quá ít câu. Lời ngụ ngôn này cũng chỉ vào những điểm ở trên, hành giả cần phải lưu tâm chú ý.

Mục B.

Phương Thức Hóa Giải Chương Duyên

Tiết 64: Lời Khuyên Dạy Của Cổ Đức

Khi mới vào chùa, bút giả nghe được một truyền thuyết bao hàm ẩn ý, mà không biết có đúng với nguyên ngữ chẳng, và phát xuất từ đâu? Câu ấy là: "Phật cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng, Phật cao nhứt trượng, ma cao quá trượng đầu, Phật cao siêu quá trượng đầu, ma quy hàng Phật." Ý nghĩa câu này là: "Phật cao một thước, ma cao một trượng. Phật cao một trượng, ma cao khỏi đầu trượng; nếu Phật cao vượt khỏi đầu trượng nữa, ma sẽ quy hàng Phật." Suy gẫm theo câu trên, người tu phải làm sao cho ông Phật của mình cao hơn con ma, nếu chẳng thế tất bị ma chướng đánh đổ. Cho nên trong làng tu, những kẻ bị thối bại không nên đổ cho hoàn cảnh, hoặc phiền trách ai, chỉ trách tại ông Phật của mình thua con ma mà thôi. Nếu cố gắng giữ vững chí nguyện, ma chướng sẽ tiêu trừ. Vì biết trên đường tu có nhiều chướng ngại, khi xưa đức Đạt Ma Tổ Sư đã nói bốn hạnh để làm phương châm tiến đạo cho hàng đệ tử. Bốn hạnh ấy là: Báo Oan Hạnh, Tùy Duyên Hạnh, Xứng Pháp Hạnh và Vô Sở Cầu Hạnh.

1. Sao gọi là Báo Oan Hạnh? - Chúng ta từ trước đến nay luân hồi trong sáu nẻo, mỗi đời đều gây nghiệp trái hoặc ân hoặc oán, từ việc nhỏ đến việc lớn, có thể nói là vô lượng vô biên. Cho nên khi ta hành đạo, tuy nhờ công đức tu tập tiêu trừ một phần nào, nhưng các nghiệp chưa tan, tất phải lần lượt đền trả. Như người thường đau yếu hoặc tàn tật, do kiếp trước đã tạo nghiệp sát sanh. Người bị nhiều tiếng thị phi khen chê, do kiếp trước ỷ thông minh quyền thế xem rẻ người, hoặc đã tạo nghiệp hủy báng. Người bị nghèo khổ thiếu hụt, do kiếp trước không có lòng xót thương tu hạnh bố thí. Người bị gông cùm tra khảo tù đày, do kiếp trước hay trối buộc, đánh đập, giam nhốt chúng sanh. Kẻ bị cô độc lẻ loi thiếu người phụ trợ, do kiếp trước không hoan hỷ kết duyên với mọi người. Những nghiệp như thế vô lượng vô biên, ngày nay tu hành khi bị oan trái đến, phải an lòng nhẫn nại chịu đền trả, không nên oán trách buồn phiền. Nơi kiếp luân hồi, chúng sanh đều có ăn uống cùng gia đình **đôi** bạn, nên trong các nghiệp duy có nghiệp sát và nghiệp ái là nặng nhứt. Cổ đức đã than: "Bể nghiệp mênh mang, khó đoạn không chi hơn ái dục. Cõi trần man mác, dễ phạm duy chỉ có sát sanh!"

- Bút giả từng nghe một Phật tử Bắc Việt thuật lại câu chuyện, vì lâu quá chỉ nhớ phần đại khái, quên mất tên họ địa chỉ của người trong cuộc. Phật tử ấy nói: "Có một vị sư nguyên là thầy giáo, vì tình ngộ cảnh thế phù du, nên lên tịnh tu trên núi. Trải một thời gian, vị sư được chư thần mách bảo rằng: 'Ông có duyên nợ

mười chín năm với một cô tên họ là thế, nay tuy đã tu hành không nên kết duyên chồng vợ, nhưng phải xuống núi dạy dỗ giác ngộ cô kia, trả xong mỗi nợ tiền khiên đúng như thời hạn ấy, rồi trở lên núi tu hành mới có thể thành công'. Vị sư y lời xuống núi, quả nhiên gặp một cô tên họ đúng như chư thần đã bảo, cảm mến đeo đuổi. Sư khuyên nhủ dạy đạo cho cô, trả xong y theo thời hạn rồi lên núi. Lúc lâm biệt, cô ấy vẫn còn quyến luyến khóc lóc." Đây là sự trả nợ nần về nghiệp ái.

Nơi truyện Quần Tiên, nhân tiết Trung Thu, chàng văn sĩ Vân Tiêu lên núi chơi. Trong đêm Rằm, chàng mục kích chư tiên nường mây cỡi hạc giáng xuống một tòa thạch bàn, bày tiệc trái ngon rượu quý, vừa đàn ngâm hát rằng:

Đêm Thu một khắc một chầy
Vầng trăng khéo rọi cảnh này sơn âm!
Nghênh bầu hỏi bạn đồng tâm
Hằng Nga khuất bóng biết tìm nơi đâu?

Bên tiên nữ có một nàng tên là Thái Loan, sắc đẹp dịu dàng, ca ngâm hay nhất, làm cho Vân Tiêu tuy ẩn bóng rình nghe, cũng bàng hoàng xúc động. Giây lát sau, một vị lão tiên uống rượu xong, ca rằng:

Hữu duyên tương hội tại tiên đàn
Ứng đắc Vân Tiêu giá Thái Loan!

Nghe hai câu ấy, Vân Tiêu phải chường mặt ra dự vào đàn tiên. Chư tiên bảo Thái Loan tiên nữ còn trần duyên với Vân Tiêu mười ba năm, truyền đồng tử đem sổ ra xóa bỏ tiên tịch. Và sau mười ba năm sống với Vân Tiêu, trần duyên đã mãn, Thái Loan dùng phép ẩn thân bay về non tu lại. Cho nên chư tiên vẫn còn ở trong vòng nhân duyên kiếp quả.

Về nghiệp sát, như Sư Tử tôn giả bên Ấn Độ và Thần Quang nhị tổ ở Trung Hoa tuy đều đắc đạo, nhưng ngày kết liễu vẫn phải an nhiên chịu chém để đền nợ mạng. Lại như ngài Mục Kiền Liên tuy đắc quả A La Hán, thần thông bậc nhất trong hàng Thanh Văn, nhưng vì muốn trả túc nghiệp, nên để bọn hung đồ dùng đá gậy liệng đánh cho đến chết, thi hài lại bị vùi trong hầm phân. Đức Phật thấy thế thương xót, sai đệ tử đem thân Ngài lên tắm rửa sạch sẽ, xoa ướp dầu thơm, rồi đem đi trà tỳ thiêu lấy xá lợi. Và như thái tử nước An Tức xuất gia tu hành đắc đạo, dùng Túc Mạng Trí thấy mình còn nghiệp trái sát sanh, nên ba phen chuyển kiếp đến xứ Lạc Dương ở Trung Hoa trả nợ mạng ba lần. Kiếp sau rốt, ngài là sa môn An Thế Cao.

Cho nên trên đường tu đâu biết ai là toàn vẹn, ta không nên tự mãn mà khinh thường người. Bởi nghiệp trái của chúng sanh rất nhiều, có khi đền trả hết lớp này lại đến lớp khác. Nhiều vị xem dưỡng rảnh rang không oan trái, nhưng chưa hẳn là không có, chỉ vì chưa đến thời tiết nhân duyên đền trả đó thôi. Muốn dứt oan khiên ta phải an nhẫn sám hối và cố gắng tu

hành để diệt trừ. Thi sĩ Nguyễn Du có lẽ đã tin sâu về thuyết nghiệp báo và sự cải tạo nhân quả của nhà Phật, nên mới có câu:

Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Có trời mà cũng có ta...

Lời này đã được nhiều bậc thức giả công nhận.

2. Thế nào là Tùy Duyên Hạnh? - Đây là nói sự an phận tùy duyên của người tu cảnh nào sống theo cảnh ấy. Như cảnh giàu sang tùy theo giàu sang, cảnh nghèo hèn tùy theo nghèo hèn, cảnh man rợ tùy theo man rợ, cảnh hoạn nạn tùy theo hoạn nạn, cho đến cảnh thanh suy, họa phước, đắc thất, thị phi... cũng đều như thế. An phận tùy duyên đây, là giàu sang mà không tự đắc kiêu căng, nghèo hèn hoạn nạn mà không buồn rầu đổi chí. Tại sao thế? Vì tất cả cảnh thanh suy họa phước đều như huyễn, chỉ tùy nghiệp hiện lên một thời gian rồi diệt, có chi đáng tham luyến nản buồn?

Khi xưa, đức Khổng Tử và đồ đệ bị giặc vây giữa nước Trần, nước Thái, thầy trò tuyệt lương đã bảy ngày, song Ngài vẫn khay đàn tươi cười. Tử Cống hỏi: "Tại sao gặp hoàn cảnh sống chết không định ngày, mà phu tử hãy còn vui cười được?" Ngài đáp: "Việc gì ta đã cố gắng làm hết sức ta mà xảy ra như vậy, là mạng trời, buồn rầu thương khóc nào có ích chi?" Như đức

Không Tử có thể gọi là bậc thánh tri mạng, luôn luôn bình tĩnh sáng suốt, không bị bối rối đổi thay trước mọi hoàn cảnh. Người tu nên như thế, phải xem ruộng vườn, nhà cửa, quyền thuộc, tài sản đều là duyên giả tạm, không vì nó mà quyến luyến bận tâm, mới có thể tiến lên đường giải thoát.

3. Sao gọi là Xứng Pháp Hạnh? - "Pháp" đây là Chân Như pháp, đối với người tu Tịnh Độ là Niệm Phật Tam Muội. Người tu Thiền khi đi đứng nằm ngồi, tâm phải xứng hợp với pháp Chân Như, như nước hòa nước, tợ hư không hợp với hư không. Hành giả tu Tịnh Độ cũng thế, tâm lúc nào cũng trụ nơi câu niệm Phật. Cổ đức bảo: "Nếu tạm thời không trụ nơi chánh định, tức đồng như người đã chết." Bởi không trụ được nơi chánh định, tức là bị trần cảnh đoạt. Bị trần cảnh cướp đoạt lôi cuốn, thì pháp thân huệ mạng không còn. Cho nên người tu Tịnh Độ nếu thường trụ nơi câu niệm Phật, thì tâm địa lần lần lặng yên sáng suốt, cảm thông với Phật, chắc chắn sẽ được vãng sanh.

4. Thế nào là Vô Sở Cầu Hạnh? - Đạo là chỉ cho tâm hạnh trong sạch không mong cầu điều chi. Bởi tất cả pháp đều như huyễn, sanh rồi diệt, diệt lại sanh, có chi chân thật để mong cầu? Và lại pháp thế gian đều tương đối, trong họa có phúc, trong phúc có họa, nên người trí vẫn bình thản, ở cảnh thịnh suy họa phúc đều không động tâm. Thí dụ: một tăng sĩ khi ẩn tu nơi am tranh vắng vẻ, sự sống hẩm hiu, ít người thăm viếng, duyên đời tuy suy nhưng đạo lại thịnh. Ít

lâu sau, nếu có người đạo tâm hay biết tới cúng dường, lần lần lập nên chùa lớn, tăng chúng tập trung về đông đảo, chừng ấy phước duyên tuy thanh nhưng phần giải thoát lại suy, bởi vì ấy mắc bận tâm lo ứng phó công việc bên ngoài. Lễ họa phước ần nường nhau cũng như thế. Cho nên tâm hạnh của người tu là không cầu việc ác, hay cầu làm chúng sanh, cũng không cầu điều thiện, hoặc cầu thành Phật. Có người hỏi: "Nếu niệm Phật không cầu vãng sanh, không cầu phước huệ viên mãn để thành Phật, thì làm sao tu tiến?" Đáp: "Bởi Phật là chơn không, càng cầu lại càng xa càng mất." Vì thế Kinh Pháp Hoa nói: "Giả sử có vô số bậc Thanh Văn, Duyên Giác cho đến hàng Bất Thối Bồ Tát, trong vô lượng kiếp suy nghĩ tìm cầu, cũng không thấy hiểu được thật trí của Phật." Về sự vãng sanh, thì lối cầu của người tu là cầu mà không cầu, không cầu mà cầu. Sự ứng dụng ấy như mặt gương sáng trong, khi hình đến thì chiếu soi, hình đi, lại lặng yên rỗng suốt. Giữ sự thấy biết tìm cầu thì lạc vào vọng tưởng, không thấy biết tìm cầu nào khác gì gỗ đá vô tri!" Nói rộng ra, hạnh Vô Sở Cầu đây gồm cả ba môn: Không, Vô Tướng, Vô Nguyên vậy.

Nếu người tu giữ theo bốn hạnh của đức Đạt Ma Tổ Sư đã dạy, thì có thể bình thản trước mọi chướng duyên.

Tiết 65: Cách Giữ Vững Tâm Không Thối Chuyển

Trong luận Niệm Phật Bảo Vương Tam Muội có thuyết minh về Thập Bát Cầu Hạnh, nghĩa là mười hạnh không cầu, để phá mười điều chướng ngại lớn. Mười điều chướng ngại này gồm nhiếp tất cả chướng ngại. Cho nên nếu nắm vững mười hạnh không cầu đây, thì tất cả chướng ngại đều phải tiêu tan. Mười hạnh ấy là:

1. Thân không cầu không bệnh. Thân không đau bệnh thì tham dục dễ sanh. Tham dục sanh thì phá giới thối đạo.
2. Cuộc đời không cầu không hoạn nạn. Đời không hoạn nạn, thì kiêu xa dễ khởi. Khi lòng kiêu mạn xa hoa khởi lên, sẽ khinh dễ dè lẩn tất cả mọi người.
3. Tu tâm không cầu không chướng ngại, tâm không chướng ngại thì sự học sẽ vượt bậc. Học vượt bậc tất có lỗi chưa được cho là mình đã được, đã thông suốt.
4. Lập hạnh không cầu không bị ma chướng. Hạnh không ma chướng thì sức thệ nguyện không bền chắc. Nguyện không bền chắc sẽ có lỗi chưa chứng cho là mình đã chứng.
5. Mưu sự không cầu dễ thành tựu. Sự dễ thành tựu thì sanh niệm khinh lờn. Niệm khinh lờn sanh, tất mang lỗi tự đắc cho rằng mình đủ đức hạnh tài năng.

6. Giao hảo không cầu mình được lợi ích. Mình được ích lợi thì hư mất đạo nghĩa. Đạo nghĩa hư mất, tất chỉ thấy lỗi của người.

7. Đối với người không cầu được sự thuận thảo. Người thuận thảo thì mình dễ tự kiêu. Và lòng đã kiêu căng, tất chỉ thấy phần phải của mình.

8. Làm ơn không cầu báo đáp. Cầu báo đáp thì lòng có chỗ tính toán. Đã có tính toán tất sẽ ham lợi khoe danh.

9. Thấy lợi không cầu mình được phần. Cầu được phần thì lòng si nổi động. Khi lòng si nổi dậy, tất sẽ bị mối lợi nhớ làm tiêu hủy thanh danh.

10. Bị oan ức không cầu biện minh. Cầu biện minh thì lòng nhờn ngã còn chưa dứt. Tâm nhờn ngã thì phi chưa dứt, tất mối oán hận sẽ từ đó nảy sinh ra nhiều.

Suy qua các điểm trên, ta thấy cuộc đời đầy nổi chướng ngại, mà có thể khái quát lại trong 10 điều:

1. Thân đau bệnh
2. Gặp hoạn nạn
3. Sự tu học bị ngăn trở
4. Khi lập hạnh ma chướng phá
5. Mưu sự thất bại
6. Bạn bè phản phúc lãnh đạm
7. Nhiều kẻ chống đối

8. Làm ơn mắc oán
9. Người mưu chiếm lợi danh
10. Chịu nổi oan ức

Trong mười điều này, luận Bảo Vương Tam Muội đã dùng mười hạnh không cầu để phá trừ. Thế thì trong phước có họa, trong họa có phước, trong thông có ngại, trong ngại có thông. Vì hiểu lẽ này nên các bậc tu hành khi xưa đã dùng "sự chướng ngại làm duyên tiến đạo." Tiên đức có bảo: "Vô nhơn kiến xúc, đạo quả nan thành!" Câu này có nghĩa: "Nếu không bị người làm xúc nã, tất đạo quả của mình khó thành tựu." Bởi sự khinh hủy chưởi mắng, giá họa vu oan, và mọi chướng ngại khác là "cái mức để đo lường đạo lực của người tu." Nếu gặp những chướng duyên đó mà vẫn nhẫn nại an nhiên được, tất chứng tỏ người ấy đã tu tiến đến mức khá cao. Bằng chẳng thế, làm sao đo lường được mức tu tiến của mình? Thật ra không phải người tu mong cầu sự chướng ngại, mà vì đường đạo đầy nổi bất trắc khó khăn, nên cần luôn luôn cảnh giác đặt mình trước mọi nổi chướng duyên, để khi lâm cảnh vẫn an nhiên không rối động. Diệu Hiệp đại sư bảo: "Mười hạnh trên, duy người trí huệ hùng tâm mới áp dụng nổi. Nếu biết xét soi giác ngộ, giữ vững mười điều này, thì tuy vào cảnh giới ma không bị ma làm thoái chuyển. Dù cho ở trong cảnh sắc thanh, danh lợi, thương ghét, thị phi, thanh suy, đắc thất... vẫn được an nhiên."

Cho nên nếu không biết, thì tất cả sự tốt đẹp thuận lợi có thể thành duyên chướng đạo. Như xét thấu tất cả bệnh khổ cùng ma chướng đều giả dối không căn, tất nó cũng không làm chi được. Đối với mười điều trên, lối xử dụng của bậc trí lực là:

1. Lấy bệnh khổ làm thuốc hay.
2. Lấy hoạn nạn làm giải thoát.
3. Lấy chướng ngại làm tiêu dao.
4. Lấy các ma làm bạn pháp.
5. Lấy việc khó làm an vui
6. Lấy bạn xấu làm giúp đỡ.
7. Lấy kẻ nghịch làm vườn hoa.
8. Lấy sự quên việc thi ân như quên bỏ chiếc dép rách.
9. Lấy thanh đạm làm giàu sang.
10. Lấy sự oan ức làm duyên tiến đạo.

Xem đây suy rõ sự hay dở, đặc thất vẫn tùy tâm. Thế nên, người mới tu rất sợ chướng duyên, bậc tu lâu có khi lại muốn thử đương đầu với chướng cảnh. Xin thuật ra đây một đôi chuyện để làm tỷ lệ:

Thuở xưa, ngài Thần Quang sau khi đắc pháp với tổ Đạt Ma, liền khuất thân đi làm mướn, như bửa củi, giã gạo hoặc gác cửa cho người. Có kẻ đến hỏi: "Ngài là bậc kế truyền Tổ vị, sao lại thấp mình đi làm những việc tầm thường như thế?" Ngài đáp: "Ta muốn hàng phục cái tâm của ta, chẳng phải chỗ ông biết!"

Lại một vị tiên là Lưu Trường Sanh sau khi luyện đơn thành, xuất thần bay lên chỗ bà Diêu Trì Kim Mẫu, thấy chư tiên nữ dung sắc cực kỳ xinh đẹp khó tả, khó họa, ông liền động tâm. Kim Mẫu quở rằng: "Người tuy thành đạo, mà niệm sắc ái chưa tiêu, làm sao xứng đáng liệt vào hàng tiên phẩm?" Trường Sanh hổ thẹn, trở xuống cõi nhân gian, dùng phép điểm đá hóa vàng, vào chỗ lâu xanh vườn năm bảy cô dâu nữ đẹp nhất, cùng nhau chung sống. Trong hai năm trời ông nằm gần các cô dâu nữ lửa thể để luyện trừ niệm sắc dục. Khi xét thấy mình tâm đã bất động, ông bảo các cô ấy làm bánh, rồi để bánh trên bụng vận lửa đơn điền nướng chín, đem đãi các cô, nói đạo khai ngộ cho, xong mới cõi mây bay đi.

Để so sánh về các hạnh tu, xin kể tiếp thêm vài chuyện:

- Một sư cô nọ muốn dứt trừ lỗi lầm, nguyện kiết thất và tịnh khẩu trong ba tháng. Buổi chiều kia, cô đang ngồi bên cửa sổ, lần chuỗi niệm Phật. Có ông đạo trông thấy liền nói chuyện với người bạn, bảo cô nhiều nghiệp, nhiều tánh xấu. Cô nghe nóng giận đỏ mặt, nhưng vẫn làm thỉnh tiếp tục niệm Phật. Giây lát ông đạo bảo: "Tôi rình thấy cô này lấy một ông ở bên hàng xóm." Cô giận quá, nhin không được nói lớn tiếng lên: "Huynh nói tôi lấy ai phải xác nhận lại, chớ tôi không chịu bỏ qua vụ này đâu?" Ông đạo cả cười đáp: "Đó là tôi cố ý thử cô mà thôi. Cô đã nguyện tịnh khẩu sao lại còn nói chuyện? Và lại tịnh khẩu là cốt để

tịnh tâm, mà cô tịnh tâm không được, thì tịnh khẩu có ích gì?" Sư cô ấy nghe xong chột tỉnh ngộ, hổ thẹn làm thình.

- Một độ nọ bút giả về Phật Học Viện Huệ Nghiêm, gặp ngài tọa chủ chùa Thuyền Lâm. Trong khi đàm đạo ngài thuật chuyện rằng: "Trước kia ở ngoài Trung có một vị sư tu thiền khá công phu, mỗi lần có thể ngồi lâu đến sáu bảy giờ. Có lẽ muốn dứt trừ nhiễm duyên, sư thường lẩn tránh người nữ, thậm chí cô nào đến viếng chùa rồi về, ông cũng xách nước quét rửa chỗ ngồi của cô ấy. Thời gian sau, sư đến ở trọ chùa Thập Tháp tại Bình Định. Một buổi sáng, đang khi tọa thiền trong liêu, sư bỗng la lên rồi chạy ra ngoài. Hòa thượng Thập Tháp hỏi lý do, sư đáp: "Tôi đang tham thiền bỗng thấy một người nữ xinh đẹp đến ôm cổ." Nói xong, chiều lại sư mệt mỏi nằm bệnh, gọi hòa thượng Thập Tháp vào bảo: "Ngài phải làm sao cưới gấp cho tôi một cô vợ, bằng không bắt đầu từ chiều nay tôi sẽ tuyệt thực cho đến chết?" Cụ Thập Tháp cho gọi một bà Phật tử tín cẩn đến bàn luận, bà ấy bảo: "Để con về gọi đứa tớ gái của con, bảo nó giả vờ chịu đỡ để dẫn dụ sư ăn uống cho mạnh rồi sẽ hay." Sáng hôm sau, hòa thượng đưa cô tớ gái vào và bảo: "Tôi đã bàn định xong, có cô này ưng chịu làm vợ của Ngài đây." Sư nghe nói mở mắt ra nhìn, nắm tay cô tớ gái vuốt ve một hồi rồi tắt hơi."

Trong hai đoạn trên, ta thấy sư cô nọ muốn phá phiền não, song chỉ theo hình thức mà thôi. Còn ngài Thần

Quang biết tất cả phiền não đều không, và cội gốc do nơi tâm chấp ngã, nên mới giả làm kẻ thấp hèn chịu người sai mắng, để xem tâm nhờn ngã thị phi còn động chẳng động dứt trừ. Và Lưu Trường Sanh muốn diệt niệm sắc ái, dám đồng mãnh đi ngay đến chỗ nữ sắc mà quán phá. Vị sư kia bởi chưa hiểu sắc là không, quá kiêng sợ nữ sắc, trong tâm còn chấp ngại hình thức, kết cuộc lại bị loại sắc ma làm hại. Nhớ lại hồi năm 1960 có các Phật tử đem tờ báo Tiếng Chuông đến, chỉ hình nhà sư Nhật Bản bắt tay một kỹ nữ lửa thể, chỉ còn mặc chiếc quần nhỏ, và phê bình là lối tu tân thời trái với đạo lý. Bút giả đã giải thích: "Chớ hiểu lầm, đó là lối nghiệm tâm của các thiền sư Nhật Bản, để xem mình đối với nữ sắc còn động chẳng? Nếu chưa được như như bất động, họ sẽ trở về tu lại. Vị sư này cũng đã thiền định đến mức khá cao rồi, mới dám làm như thế."

Để kết luận, bậc trí lực chẳng những không ngại chướng duyên, mà còn mượn chướng duyên để tu tiến. Các vị ấy không còn chấp nê hình thức, vì hình thức chỉ là phương tiện mà nội tâm mới là cứu cánh

Mục C.

Những Gương Về Sự An Nhẫn

Tiết 66:

Sự An Nhẫn Của Cư Sĩ Tiền Vạn Dật

Tiền Vạn Dật, tự là Dực Sơn, quê ở Thường Thục, trấn Mai Lý, người đời nhà Thanh bên Trung Hoa. Buổi thiếu thời, Vạn Dật theo gia nghiệp, chuyên bán rượu. Sau ông đổi nghề, giới sát tu tịnh nghiệp, hết sức sửa đổi lỗi lầm trước. Vạn Dật chỉ có một trai, chẳng may bị bệnh lao, niệm Phật mà qua đời. Người láng giềng chê cười, bảo tại lo tu hành nên con chết. Ông nghe nói mỉm cười, vẫn an nhiên thờ Phật như cũ.

Một đêm, lửa bén cháy nhà, Vạn Dật chấp tay ngửa mặt trên hư không vái rằng: "Nghệp con nặng, đáng chịu thiêu hủy gia sản, nguyện xin đừng tổn thương đến những nhà gần bên." Sau khi lửa tắt, chỉ có nhà ông tiêu ra tro, các gia cư gần đó đều không sao cả. Cố gắng lo chỗ ở tạm xong, Vạn Dật lại khuyên mẹ là Ngô Thị trường trai niệm Phật, bà mẹ y theo lời. Tiếp theo ông cũng tự ăn chay trường, nhưng vì tập quán cũ hễ còn, thường hay uống rượu. Nhưng nhờ có người thân thích là cư sĩ Tạ Phụng Ngô khuyên can, ông cố gắng lần dứt trừ được.

Mùa Xuân năm Đạo Quang thứ hai mươi hai, vợ đau chết, Vạn Dật vẫn sống trong cảnh lẻ loi. Nhiều người khuyên nên tục huyền, ông cự tuyệt và bảo: "Đã có con mà bị chết sớm, tái thú nữa để làm gì? Và lại chỉ tôi ở nơi xuất tục, có phải khẳng khẳng trong sự nổi dỗi đâu!" Mùa Hạ năm ấy, ông đau bệnh lạc huyết, chí thoát trần càng thiết, vẫn cố gắng gia công niệm Phật. Đến đầu tháng bảy, bệnh ông thêm nặng, ăn vào liền mưa ra. Phụng Ngô sang viếng thăm, nhân an ủi bảo

cho biết: "Cổ đức đã có một vị nhịn ăn để cầu thấy Phật". Vạn Dật nghe nói, mừng rỡ bảo: "Nếu có việc rất tiện lợi như thế, tôi sẽ gắng sức làm theo." Liên hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật niệm hương phát nguyện giữ thanh trai trong bảy ngày, xuất tiền mua vật mạng phóng sanh, để cầu về Tịnh Độ. Kể đó, ngày đêm ông niệm Phật không dứt, lúc khát chỉ ăn trái dưa mà thôi. Có người hỏi: "Suốt đêm không ngủ như thế, có mệt mỏi chẳng?" Vạn Dật đáp: "Nhờ không ngủ mới niệm Phật được nhiều. Khi tôi không bệnh thì chẳng được an nhàn. Nay nhân lúc bệnh được rảnh rang, phải gắng sức, có mệt nhọc gì đâu!"

Bảy ngày vừa mãn, bởi tuyệt cốc nên kiệt sức, thần thức ông hôn loạn. Người nhà cho ăn chút cháo loãng, liền buồn dạ no hơi, hôn loạn càng thêm. Vạn Dật cả sợ, chấp tay để trên gối, bảo đốt ngón tay cúng dường Phật. Phụng Ngộ nói: "Lúc này mà anh phát được tâm nguyện ấy, thì cũng đồng như đã đốt ngón tay rồi. Thôi chi bằng rửa sạch muôn duyên, nhứt tâm cầu về Cực Lạc là hơn!" Ông nghe nói liền nhắm mắt niệm Phật, ban sơ như còn gắng gượng, kể đó nhờ dùng sức dũng mãnh, nên thần chí lần lần an định. Duyên may, lại nhờ mười mấy người bạn đồng đạo hay tin đến trợ niệm, nên ngày đêm trong nhà ông tiếng niệm Phật nối nhau không dứt.

Đến chiều bữa mừng mười, Vạn Dật tự nói thấy một vị đi lại trước đầu giường, bảo cả dưa và trái cây đều chớ

ăn, hỏi thì xưng là sứ giả ở thượng giới. Qua ngày hôm sau, ông bỗng thấy Tây Phương Tam Thánh tướng tốt quang minh hiện đứng giữa hư không trước mặt. Ông muốn vượt lên ngồi vào kim đài, chợt nghe tiếng bảo: "Thân người còn chưa sạch!" Kế đó các tướng đều ẩn mất. Vạn Dật liền bảo nấu nước thơm để mình tắm gội. Tắm xong, Tam Thánh hiện ra như trước. Ông gọi người nhà lại nói: "Tôi đã dạo chơi Tịnh Độ, thấy vô số hoa sen, mình ngồi trên một đài hoa, vui không thể tả!" Lại tự chỉ thân mình nói: "Đây không phải thân tôi."

Sáng sớm ngày mười hai, Vạn Dật từ biệt mẹ và thưa rằng: "Phật cùng chư Thánh chúng đã đến đây nhà." Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà qua đời. Lúc bấy giờ, ông được ba mươi bảy tuổi.

- Như cư sĩ Tiên Vạn Dật: gặp cảnh nghịch mà sơ tâm không thối, bị bệnh khổ nhưng chánh niệm vẫn bền. Kết cuộc duyên trần rũ sạch, cảnh tịnh hiện bày, nhiệm mầu điểm ứng đài vàng, thanh thoát thân chơi cõi ngọc, phẩm vị cao quyết chẳng còn nghi. Ôi! Nhẫn nại mạnh mẽ đến thế ư!

Sự An Nhẫn Của Cư Sĩ Phó Xuân Phố

Phó Xuyên, tự Xuân Phố, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở xã Đông Quách, huyện Thanh Giang, tỉnh Giang Tây. Thuở bé ông mồ côi cha sớm, mẹ là Nhiếp

thái phu nhơn thủ tiết, chịu khổ nuôi dưỡng, khuyến khích học hành cho đến lúc nên người.

Xuân Phổ từng nhậm các chức sự như: huấn khoa viên tại huyện thụ Thanh Giang, cảnh sát trưởng nơi trấn Chu Đàm, và hiệu trưởng Nghĩa Vụ học hiệu ở Chương Thọ. Ông là người thông minh mẫn tiệp, hằng tham dự các công vụ. Mỗi khi có việc chi khó khăn, hàng quan thân thường mời đến nhờ giúp ý kiến giải quyết.

Nhiếp thái phu nhơn từ lâu đã thờ kính Quán Thế Âm Bồ Tát, và niệm Phật trường trai.

Năm Dân Quốc thứ mười bảy, thái phu nhơn nhiễm bệnh, ông phát nguyện triều Phổ Đà lễ Đại Sĩ, nhờ đó không thuốc mà bệnh tự lành. Tháng Chín năm Dân Quốc thứ hai mươi (1931), Xuân Phổ mới đến Phổ Đà để hoàn nguyện. Khi ông chí thành lễ động Phạm Âm, cảm đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân tướng mặc áo trắng, tay cầm tịnh bình và cành dương liễu. Ông lại cầu Bồ Tát gia bị cho biết đời trước, thấy tiền thân mình là một vị tăng tu hạnh đầu đà, y phục thô sơ lam lũ.

Do duyên sự đó, Xuân Phổ tỉnh ngộ, biết việc luân hồi không phải hư huyền, chí xuất trần càng tha thiết. Ông nhờ Nguyệt Tịnh pháp sư giới thiệu cho tham yết ngài Ấn Quang và Đức Sum pháp sư nơi chùa Báo Quốc tại tỉnh Tô Châu, mới nghe được pháp yếu của tông Tịnh Độ. Sau khi ấy, ở Hoằng Hóa Xã xuất bản

kinh sách chi cũng đều có tặng cho. Nhờ đó sự tin hiểu về Phật pháp của ông càng thâm thúy. Lúc bấy giờ Xuân Phổ mới quyết định tiến thẳng lên đường đạo, quy y thọ giới Ưu Bà Tắc với Đức Sum pháp sư, được pháp hiệu là Thiên Xuyên, tự Hàng Tây.

Sau khi vào đạo, cư sĩ tín nguyện sâu thiết, tinh tấn niệm Phật không biếng trễ. Năm Dân Quốc thứ hai mươi hai, ông được mời làm chủ giảng ở Niệm Phật Lâm tại Lộc Giang, dẫn dắt khuyến dụ người tu tiến rất nhiều. Cư sĩ thể chất vốn yếu, thường hay đau bệnh, lại vì tánh tình liêm khiết nên gia đạo vẫn nghèo, lắm lúc bị nợ nần thiếu hụt. Bởi hàn vi nên tình đời thường sơ bạc, gia dĩ nghiệp chướng phát hiện, tiếng thị phi chịu cũng rất nhiều. Ông hằng muốn xuất gia, nhưng vì số vận mãi long đong, nên cơ duyên chưa thuận tiện. Tuy quanh mình gia lụy buộc ràng, nhưng bởi chí nguyện chán cõi trước cầu vãng sanh tha thiết, sớm hôm cư sĩ vẫn tinh tấn lễ niệm, dù đau bệnh cũng gắng gượng, không khi nào sơ sót.

Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ hai mươi bảy (1938), cư sĩ mộng thấy đức Quán Thế Âm hiện thân, bảo cho biết quy kỳ vào hạ tuần tháng Bảy. Đến rằm Trung Ngươn, sau hội Vu Lan Bồn, cư sĩ ngã bệnh, song vẫn nhứt tâm niệm Phật, hầu như quên bệnh khổ, uống ăn. Ngày hai mươi sáu bệnh trở nặng, người nhà thương khóc, cư sĩ cười bảo: "Tôi sẽ vãng sanh vào ngày vía đức Địa Tạng, hãy nên vui mừng, đừng bi lụy." Đến ngày ấy, cư sĩ lại ghé ngồi kiết dà, kiết ấn Di Đà định,

nhìn chăm chú tượng Phật, rồi an nhiên qua đời. Lúc đó, gương mặt ông bỗng sáng rạng rỡ hơn lúc sanh bình, thân thể lần lần lạnh, chỉ có đỉnh đầu còn nóng.

Sau khi cư sĩ vãng sanh, vị tọa chủ chùa Thông Tuệ và Đại Nhân pháp sư đồng đến lo liệu cho việc nhập khám, nhục thân của cư sĩ vẫn ngồi thẳng như lúc bình thời. Trước ngày ấy gió mưa rất lớn, nhưng vào nửa đêm đến khi đốt lửa làm lễ trà tỳ, trời bỗng sáng tạnh, hương lạ bay ngào ngạt, không phải mùi trầm đàn cũng không phải mùi hoa lan. Từ nóc khám, một đạo bạch quang phóng lên hư không, rồi bay thẳng về Tây. Lúc ấy vào tiết sơ Thu, khí hậu viêm nhiệt, cư sĩ chết đã ba ngày mà thân không hôi, lại phóng mùi thơm và ánh quang minh, nên ai nấy đều khen lạ. Bấy giờ cư sĩ đã bốn mươi tám tuổi.

- Thời mạt pháp người niệm Phật nhiều, mà thành công ít, bởi vì không nguyện thiết tin sâu. Luận về tư cách bậc trượng phu, thầy Mạnh Tử bảo: "Giàu sang không làm cho kiêu dâm, nghèo hèn không làm cho đổi chí, uy vũ không làm cho khuất phục." Pháp thế gian còn như thế, huống là người theo Phật pháp tu Tịnh Độ cầu siêu phàm nhập thánh ư? Như cư sĩ Phó Xuân Phố: nhà nghèo, thân bệnh, gia lụy, mà vẫn nhẫn nại lướt qua, chuyên tâm niệm Phật, ngàn tiếng khen chê chẳng quản, trăm điều mài bẻ không sờn. Nhờ đó đến khi lâm chung biết ngày giờ trước, điềm lạ hiện bày. Như thế đủ thấy môn Tịnh Độ là bi nguyện triệt để của Như Lai, nếu chịu quyết tâm, không ai chẳng

lên thuyền giải thoát. Xem gương cư sĩ xong, bỗng cảm khái tự hỏi: tánh linh nguyên cũng vẫn đồng, siêu đọa bởi sao sai khác, khúc điệu Cao Sơn vang lại đó, lắng nghe Lưu Thủy mấy ai đây? Nên viết ra khuyên người mà cũng để nhắc mình vậy.

Chương X

Đệ Thập Yếu

Niệm Phật Phải Dự Bị Lúc Lâm Chung

Khải Đề:

Bên đường xe tang buồn đi qua
Chiều hôm mờ hoang sương trắng tà
Vô thường đời trần thương ôi mau!
Người đi rồi lần sang phiên ta.
Nghìn xưa xa vời trong mộng lung
Tài hoa tan về nơi vô cùng!
Luân hồi không cầu đường siêu thắng
Dù cho hiển minh sao anh hùng?
Hoàng hôn mây hồng in non xa
Dung hoa thâm khô theo suy già
Di Đà chuyên tu phòng lâm chung
Tương tư mơ về trời Liên Hoa.

Mục A.

Những Dự Bị Cần Thiết Cho Lúc Lâm Chung

Tiết 67: Dự Bị Về Ngoại Duyên

Cổ thi nói: "Ta thấy người khác chết. Trong lòng nóng xót xa! Chẳng phải xót kẻ mất. Vì sẽ đến phiên ta!" Giữa đời, việc buồn thảm lớn lao không chỉ hơn tử biệt. Nhưng sự chết, người đời lại chẳng ai tránh khỏi. Cho nên những kẻ có lòng muốn lợi mình lợi người, không thể không sớm dự bị lo toan. Thật ra, chữ chết nguyên là giả danh, vì đó chẳng qua là sự kết liễu của một thời quả báo, do nghiệp cảm liên chuyển giữa mỗi đời, khi xả thân này, lại thọ thân khác mà thôi. Kẻ không biết Phật pháp vẫn đành để cho tùy nghiệp xoay vần. Người đã nghe pháp môn Tịnh Độ của Như Lai, phải tín nguyện niệm Phật dự bị tư lương, để khi lâm chung được vãng sanh an thuận. Như thế mới mong sớm thoát nỗi huyễn khổ của sống chết luân hồi, chứng vào cảnh chân lạc của Niết Bàn thường trú. Lại người đã tu Tịnh Độ, chẳng những chỉ lo riêng vì mình, mà đối với cha mẹ quyến thuộc cùng những thân bằng quen biết, nên phát lòng hiếu thuận từ bi, khuyên cho đồng niệm Phật, và trợ niệm cho khi bệnh nặng, lúc lâm chung. Đó là công hạnh lợi tha, cũng là việc gây phước báo duyên lành cho mình đời sau vậy.

* Nhưng dự bị cho lúc lâm chung có nhiều chi tiết, nay trước tiên xin nói về ngoại duyên. Người tu Tịnh Độ khi còn khoẻ mạnh, phải dự trước tìm kết những đồng bạn, nhất là kẻ ở gần mình, để trợ niệm cho nhau khi bệnh nặng và lúc lâm chung. Bởi chúng ta phần nhiều nghiệp nặng, tuy đã gắng hết sức mình, song những lúc ấy e khi tức chướng phát hiện, thân lực yếu kém, tâm thức hôn mê, khó giữ vững được chánh niệm. Nếu

không nhờ người hộ trợ, tất dễ bị tùy nghiệp lưu chuyển, công tu một đời chẳng cũng uổng lắm ư? Đây là điểm cần yếu thứ nhất.

* Điểm thứ hai là người niệm Phật khi thấy mình suy yếu, nên đem hậu sự sắp đặt dạn dò trước, để khi lâm chung khỏi bận tâm. Nếu là người xuất gia thì phải đem việc chùa chiền phó chúc đệ tử, chỉ định kẻ thay thế mình điều hành Phật sự. Như người tại gia thì đem tài sản ruộng vườn **tương** phân cho con cháu, sắp đặt trước mọi duyên. Lại phải dạn trước người quyến thuộc, khi mình đau nặng hoặc lâm chung, không được khóc lóc hoặc lộ nét bi sầu. Nếu có thương thì nên bình tĩnh, vì mình niệm Phật cầu nguyện, hoặc hộ trợ cho sự vãng sanh, đó mới là tình thương chân thật.

Tiết 68: Dự Bị Về Tinh Thần

Về ngoại duyên như trên đã nói, người niệm Phật lại còn phải dự bị về tinh thần cho chính mình. Cách dự bị ấy như thế nào? - Trên đường tu, hành giả phải có tinh thần giải thoát, xem từ tiền của ruộng vườn cho đến thân tình quyến thuộc đều là duyên giả tạm, sống tùy cảnh duyên, chết rũ sạch không. Nếu chẳng hiểu lẽ này, tất nó sẽ ngăn trở sự giải thoát, có khi phải đọa làm loài bàng sanh như chó hoặc rắn để giữ nhà giữ cửa. Đã có nhiều người vì nắm níu tiền của hoặc thân nhơn, mà khi sắp chết phải khó khăn, không yên tâm nhắm mắt được.

Hồi bút giả còn làm đạo hầu, trong lúc dâng trà khuya, có nghe một vị Giáo thọ thuật lại câu chuyện, bao hàm ý nghĩa giác tỉnh. Cốt truyện đại khái như sau:

Khi xưa có hai bạn đồng tu, một ông thích ở cảnh non cao, một vị cất am dựa khu rừng bên bờ suối. Thời gian sau, tăng sĩ ở cạnh suối tịch trước, vị sư trên núi hay được xuống viếng thăm. Sau khi tụng kinh cầu nguyện, sư liền ngồi yên nhập định coi bạn mình sanh về cõi nào? Nhưng tìm kiếm quan sát khắp các nơi, từ cõi trời đến địa ngục, ông không thấy người bạn ở đâu cả. Xuất định ra, sư hỏi thị giả của ông bạn: "Hằng ngày thầy mi làm những việc chi?" Đạo đồng đáp: "Bạch, mấy lúc sau này vì thấy bụi mía trước am mập tốt, thầy con thường ra vun phân, tỉa lá, sấm soi mãi, ra chiều thích thú lắm!" Vị sư nghe nói nhập định lại, quán thấy ông bạn hóa ra làm con sâu trong thân cây mía. Sư liền đốn cây mía ấy, chẻ bắt lấy con sâu ra, thuyết pháp chú nguyện cho nó siêu thoát.

Câu chuyện trên chỉ là truyền khẩu, bút giả chưa tìm thấy trong kinh sách. Nhưng cứ theo lý mà đoán, thì sự kiện ấy vẫn chẳng phải hư huyền. Nơi điển tích nhà Phật cũng có mấy việc tương tự. Chẳng hạn như: - Chuyện ông sa di vì tham ăn sữa tồ lạc, nên khi chết đọa làm con giòi trong bình sữa. - Chuyện vị ưu bà tắc tuy có công giữ giới tu hành, nhưng bởi quá quyến luyến vợ, nên khi chết thần thức hóa sanh làm con giòi trong mũi vợ. Lúc cô vợ thương khóc, sùi mũi, con giòi văng ra, cô cả thẹn, đưa chân muốn chà đạp, may

nhờ một vị A La Hán can ngăn, nói rõ nguyên do, thuyết pháp siêu độ cho con giòi ấy. - Chuyện vợ một khách thương đường biển, bởi luyến tiếc nhan sắc xinh đẹp của mình, nên lúc chết liền hóa thành con giòi từ trong mũi bò ra đi quanh trên mặt, như Kinh Hiền Ngu đã nói. Cho nên người tu Tịnh Độ hằng ngày phải tỉnh tâm quán xét, dứt trừ lòng tham gốc ái, quyết chí hướng về cõi Phật, để khi lâm chung không bị sức nghiệp ngăn trở cuốn lôi.

* Từ Chiếu đại sư nói: "Người tu Tịnh Độ khi lâm chung thường có ba điều nghi, bốn cửa ái, hay làm chướng ngại cho sự vãng sanh, phải dự bị suy nghĩ trước để phá trừ ba điều nghi là:

- 1- Nghi mình túc nghiệp sâu nặng, thời gian công phu tu hành ít, e không được vãng sanh.
- 2- Nghi mình bản nguyện chưa trả xong, tham sân si chưa dứt, e không được vãng sanh.
- 3- Nghi mình niệm Phật, Phật không đến rước, e không được vãng sanh.

Bốn cửa ái là:

- 1- Hoặc nhân bị bệnh khổ mà trở lại hủy báng Phật không linh.
- 2- Hoặc nhân tham sống mà giết vật mạng cúng tế.
- 3- Hoặc nhân uống thuốc mà dùng rượu cùng chất máu tanh hôi.
- 4- Hoặc nhân ái luyến mà tự ràng buộc với gia đình."

Đại sư nêu ra thuyết Tam Nghi Tứ Quan ở trên, bậc trí huệ có thể suy nghĩ tìm phương pháp giải quyết. Nay bút giả xin mạn phép nói lược qua cách phá trừ để góp ý, và các bạn đồng tu với sự hiểu biết của mình, có thể suy diễn hiểu rộng thêm ra.

1. Phá mối nghi túc nghiệp nặng, công tu ít: - Phật A Di Đà từng có lời thệ nguyện: "Chúng sanh nào chí tâm muốn về Cực Lạc, niệm danh hiệu Ngài cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh, Ngài sẽ không thành Phật." Phật không khi nào nói dối, vậy hành giả phải tin nơi đức Từ Tôn. Mười niệm là thời gian công phu tu hành rất ít mà còn được vãng sanh, huống chi ta niệm nhiều hơn số đó. Lại dù kẻ nghiệp nặng đến đâu, như phạm trai phá giới, tạo đủ nghiệp ác, nếu chí tâm sám hối nương về Phật A Di Đà, Ngài đều tiếp dẫn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ đã chẳng nói kẻ tạo tội nặng ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung chí tâm niệm mười niệm đều được vãng sanh đó ư? Trong truyện Vãng Sanh, như Trương Thiện Hòa, Hùng Tuấn, Duy Cung, trọn đời giết trâu bò, phá giới, làm ác, khi lâm chung tướng địa ngục hiện, sợ hãi niệm Phật, liền thấy Phật đến rước. Cho đến loài chim sáo, kết niệm Phật, còn được vãng sanh, huống chi ta chưa phải là tệ đến mức đó?

2. Phá mối nghi bản nguyện chưa trả, tham sân si chưa dứt: - Bản nguyện của hành giả đại khái có hai: đạo và đời. Về đạo, có người nguyện cắt chùa bố thí hay nguyện tụng số kinh chú bao nhiêu, làm chưa tròn

đã đến giờ chết. Phải nghĩ rằng: chỉ tín tâm niệm Phật, khi được vãng sanh sẽ làm vô lượng vô biên công đức, còn bản nguyện chỉ là việc nhỏ, làm xong hay chưa không mấy quan hệ, và chẳng có hại chi cả. Về đời, hoặc có người vì nhiệm vụ gia đình chưa tròn, như cha mẹ suy già không ai săn sóc, vợ con thơ dại thiếu chỗ tựa nương, hoặc có kẻ thiếu nợ người chưa kịp trả, tâm nguyện chưa vẹn nên lòng chẳng yên. Phải nghĩ rằng: lúc ta sắp chết, dù có lo hay không cũng chẳng làm sao được. Chỉ bằng chuyên tâm niệm Phật, khi đã được vãng sanh Tây Phương chứng đạo quả, thì tất cả bản nguyện trái duyên đều có thể trả xong, tất cả kẻ oán người thân đều có thể cứu độ.

Lại Kinh Na Tiên nói: "Ví như hột cát nhẹ, bỏ xuống nước liền chìm. Trái lại tảng đá dù nặng to, nếu được thuyền chở, có thể đem từ chỗ này sang chỗ khác. Người niệm Phật cũng thế, nghiệp tuy nhẹ nếu không được Phật cứu độ, tất bị luân hồi, tội chướng dù nặng bao nhiêu, được Phật tiếp dẫn sẽ sanh về Cực Lạc." Theo đoạn kinh đây, ta thấy môn Niệm Phật là pháp có thể đối nghiệp vãng sanh, vì nhờ tha lực. Tảng đá lớn ví cho sức nghiệp nặng to, thuyền chở ví cho nguyện lực của Phật. Vậy người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si, e không được vãng sanh. Thí dụ trên có thể phá luôn điểm nghi về nghiệp nặng ở điều thứ nhất.

3. Phá mối nghi niệm Phật, e Phật không đến rước: - Người niệm Phật tùy theo công đức mình, khi lâm

chung thấy Phật, hoặc Bồ Tát, hay Thánh chúng đến rước. Có khi không thấy chi, mà nhờ sức nguyện của mình và Phật lực thâm nhiếp thọ, thần thức tự bay về Tây Phương. Đây là bởi công hạnh của mình có cao thấp, sâu cạn. Chỉ cần yếu lúc ấy ta phải chí tâm niệm Phật, đừng nghĩ chi sai khác. Nếu nghi ngờ sẽ tự sanh ra chướng ngại. Tóm lại, khi lâm chung dù thấy tướng tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ hết lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng mà thôi.

* Phá chung bốn cửa ải: - nhân bệnh khổ hủy báng Phật - tham sống sát sanh cúng tế - cầu lành bệnh uống rượu, hoặc dùng thuốc có chất huyết tanh - vì ải luyến nên tâm niệm ràng buộc với gia đình.

Người niệm Phật mà bị tai nạn bệnh khổ, đó là do nhờ công đức tu hành, nên chuyển quả nặng thành quả nhẹ, chuyển hậu báo thành hiện báo, trả cho hết để được sanh về Tây Phương. Nếu trở lại nghi ngờ hủy báng, là người kém tin hiểu, phụ ơn Phật, tự gây tội chướng cho mình. Trong sự tích Tịnh Độ có thuật chuyện ông Ngô Mao cùng rất nhiều Phật tử khác, nhờ đôn nghiệp mà sớm được vãng sanh. Vậy khi gặp cảnh này, người niệm Phật nên ý thức để hiểu rõ.

Lại thân này giả tạm, tùy theo tội nghiệp mà kiếp sống có vui khổ lâu mau. Nếu giết sanh mạng để nuôi dưỡng sanh mạng, hoặc cúng tế, thì tội khổ càng thêm nặng, phải triệt để nương theo Phật và tin chắc lý nhân quả.

Khi đau yếu chỉ cầu Phật, không nên cầu phù phép tà sư, hoặc nghe lời kẻ chưa hiểu đạo, trở lại ăn mặn, uống rượu, hay dùng thuốc bằng chất máu huyết tanh hôi. Thân này nhơ nhớp, được về cõi Phật sớm chừng nào hay chừng ấy, như bỏ chiếc áo hôi rách mặc sắc phục đẹp thơm, đáng chi phải bận lòng?

Đến như mối hại về ái luyện khi lâm chung, thì như đoạn trên đã nói. Phải nghĩ: trong gia đình từ cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, đều do đời trước có nợ nần ân oán, nên mới tạm hội ngộ nhau. Khi nhân duyên đã hết thì mỗi người đi mỗi ngả. Nếu có lòng thương, tốt hơn ta nên **gát** bỏ tình trần cầu sanh Tây Phương, để độ tất cả kẻ oan thân. Khi cái chết sắp đến, dù có quyến luyện cũng không thể đem theo, không làm chi được, bởi chính sắc thân của ta còn phải tan về cát bụi. Nếu ái luyện thì đã không được vãng sanh, lại bị khổ luân hồi vô cùng vô tận.

Những điểm về Tam Nghi Tứ Quan trên đây, hành giả phải suy nghiệm ghi nhớ kỹ, để dự bị trước cho tinh thần được yên ổn trong lúc lâm chung.

Mục B.

Sự Khẩn Yếu Lúc Lâm Chung

Tiết 69: Thịnh Bậc Tri Thức Khai Thị

Người tu Tịnh Độ, khi bệnh chưa nặng cũng nên uống thuốc, nhưng vẫn tinh tấn niệm Phật, chớ tưởng nghĩ rằng: uống thuốc rồi sẽ lành bệnh. Lúc bệnh đã nặng, có thể không cần dùng thuốc. Hoàng Nhứt đại sư khi đau nặng, có kẻ thưa để xin rước thầy hốt thuốc. Ngài liền từ tạ và nói kệ rằng:

Đức Phật A Di Đà
Là vô thượng y vương
Nếu bỏ đây không cầu
Ấy là kẻ si cuồng!
Một câu hồng danh Phật
Là thuốc diệu Đà Đà
Nếu bỏ đây không uống
Thật lắm to lắm mà!

Rồi Ngài chỉ chuyên tâm niệm Phật. Quả nhiên bệnh cũng lần lần thuyên giảm.

Nên nhớ khi bệnh đã nặng, hành giả phải buông bỏ tất cả mọi việc xung quanh, cho đến chính thân tâm của mình, chỉ chuyên nhứt niệm Phật, một lòng mong cầu vãng sanh Tây Phương. Làm như thế, nếu thọ mạng đã hết, quyết được vãng sanh. Như thọ mạng chưa dứt, tuy cầu vãng sanh mà trở lại mau lành bệnh, do vì lòng mình chuyên thành, nên có thể diệt trừ nghiệp ác đời trước. Trái lại, nếu chẳng buông bỏ mọi duyên nhứt tâm niệm Phật, như thọ mạng đã hết quyết không được vãng sanh, vì mình chỉ chuyên cầu lành bệnh chớ không cầu vãng sanh, nên không do đâu

được về Cực Lạc. Nếu thọ mạng chưa dứt, chẳng những không được mau thuyền giảm, mà bệnh lại tăng thêm, vì mình nhân cầu lành bệnh, vọng sanh lòng buồn lo sợ hãi.

Có nhiều người tu Tịnh Độ, trong lúc đau nặng, thân nhờn vì kém hiểu đạo, chẳng lo khuyến tấn sự niệm Phật, trở lại không tiếc tiền rước nhiều đông, tây y hoặc thầy phù thủy, đến cầu điều trị hoặc cúng tế cho mau lành bệnh. Làm như thế, khiến cho người bệnh đã không được sự trợ niệm, lại bị rộn ràng phân tâm, nên không được vắng sanh. Đó là lấy tiền mua hiểu hoặc mua danh, để cho người ngoài thấy mình là kẻ ân hậu, tận tâm lo lắng. Họ đâu hiểu rằng, có lòng hay không Phật Thánh đều chứng biết, chớ nào phải hình thức bên ngoài! Hành động ấy khiến cho người sáng suốt chỉ mỉm cười thương xót!

Lúc bệnh nhờn đau nhiều, như thần thức còn thanh tỉnh, người nhà nên thỉnh bậc tri thức đến thuyết pháp khai ngộ cho. Nếu không có bậc tri thức, nên mời một vị đồng tu đến an ủi khai thị. Vị này nên khuyên nhắc thân nhờn kẻ bệnh, dùng lòng từ bi cố chủ trương điều hành cho mọi việc hợp với đạo, để cho người sắp mãn phần được sự lợi ích vắng sanh. Đại khái vị khai thị nên y theo mấy chi tiết sau đây:

1. Nói cảnh khổ Ta Bà, cảnh vui Cực Lạc, nhắc cho bệnh nhờn phát lòng hâm mộ. Lại nên đem việc lành, công tu của bệnh nhờn kể rõ ra và khen ngợi, khiến

cho người bệnh sanh lòng vui mừng không còn nghi ngại, tự biết khi mình chết sẽ nương nơi nghiệp lành ấy sanh về Tây Phương.

2. Nếu bệnh nhơn có điều nghi ngờ gì, nên tùy cơ giải thích như thuyết Tam Nghi Tứ Quan ở đoạn trên đã nói. Trong đây điểm cần yếu là khuyên phải dứt trừ tâm tham tiếc tài sản và niệm ái luyến gia đình.

3. Nếu người sắp chết có di chúc trước thì thôi, bằng không, vị khai đạo phải can ngăn, khuyên thân nhơn không nên hỏi han về di chúc. Lại cũng khuyên đừng nói chuyện tạp vô ích khiến cho bệnh nhơn động tâm niệm tình ái, quyến luyến thế gian, có ngại cho sự vắng sanh.

4. Khi có bà con hay thân hữu của kẻ bệnh đến thăm nên ngăn không cho đến trước bệnh nhơn tỏ vẻ buồn thảm hỏi han. Nếu đã vì cảm tình đến viếng thăm, chỉ nên đứng gần bên chấp tay niệm Phật ra tiếng một hồi, đó mới thật là có lòng thương mến. Như kém hiểu biết chỉ dùng theo tục tình, đó chính là xô người xuống biển khổ, tình tuy đáng cảm, mà sự lại di hại đáng thương.

5. Nên khuyên bệnh nhơn đem những y phục vật dụng của mình thí cho kẻ khác. Hoặc y theo phẩm Như Lai Tán Thán trong Kinh Địa Tạng, đem vật liệu ấy cúng dường kinh tượng lại càng hay. Điều này cũng giúp

cho người bệnh thêm phước tiêu tội, được dễ dàng trong sự vãng sanh.

Những điều đại khái như trên, vị khai thị phải lưu ý. Ngoài ra có thể tùy cơ ứng biến, ở đây không thể nói hết được.

Tiết 70: Cách Thức Trợ Niệm

Người bệnh từ khi đau nặng cho đến lúc sắp tắt hơi, thân nhờn quỵến thuộc phải bình tĩnh đừng khóc lóc. Có kẻ tuy không khóc nhưng lại lộ nét bi thương sâu thẳm, đó cũng là điều không nên. Bởi lúc bấy giờ, bệnh nhờn đã đi đến ngã rẽ phân chia giữa quý, người, phàm, Thánh, sự khẩn yếu nguy **hiểm** khác thường, như ngàn cân treo dưới sợi tóc. Khi ấy duy nhứt tâm trợ niệm Phật hiệu là điều thiết yếu. Người dù có chí nguyện vãng sanh, mà bị quỵến thuộc thương khóc làm cho khởi động niệm tình ái, tất phải bị đọa lạc luân hồi, công tu cũng đành luống uổng!

Lại khi bệnh nhờn gần qua đời, tự họ muốn tắm gội, thay y phục hay đổi chỗ nằm, thì có thể thuận theo, song phải nhẹ nhàng cẩn thận mà làm. Như họ không chịu, hoặc á khẩu không nói được, rất không nên miễn cưỡng mà làm. Bởi người sắp chết thân thể thường đau nhức, nếu ép di động, đổi chỗ nằm hoặc tắm rửa, thay y phục, thì bệnh nhờn càng đau đớn thêm. Nhiều người tu hành phát nguyện cầu về Cực Lạc, nhưng khi lâm chung vì bị quỵến thuộc di động nhiều loạn, phá

hoại chánh niệm, nên không được vãng sanh, việc này xảy ra rất thường. Hoặc kẻ mạng chung có thể sanh về cõi lành, nhưng bị người khác không biết, xúc chạm thân thể, sửa đổi tay chân làm cho đau đớn, nên sanh lòng giận tức. Do một niệm đó, liền đọa vào đường ác, làm rồng, rắn, cạp, beo, hoặc các loài độc khác. Như vua [A Xà Thế](#) tu nhiều phước lành, khi lâm chung bị người hầu cận ngủ gục làm rớt cây quạt trên mặt, nên giận chết đọa làm rắn mãng xà. Gương này không nên răn sợ ư!

Người bệnh khi lâm chung hoặc ngồi, hoặc nằm, đều tùy tiện, chớ nên găng gượng. Nếu cảm thấy suy nhược chỉ có thể nằm, mà muốn xem cho ra vẻ, găng gượng ngồi dậy, là điều nguy hại không nên. Hoặc theo lẽ, phải nằm nghiêng bên mặt hướng về Tây, nhưng vì thân thể đau nhức phải nằm ngửa, hay nằm nghiêng bên trái hướng về Đông, cũng cứ để tự nhiên chớ nên găng gượng. Đây là chính bệnh nhơn phải hiểu như thế mà tự xử sự. Còn người thân thuộc cũng phải hiểu lẽ này, chảng nên cầu danh, bắt người bệnh nằm nghiêng bên mặt hướng về Tây, hay đỡ dậy, mặc áo tràng, sửa ngồi kiết dà. Đâu biết rằng chỉ vì cầu chút hư danh, mà khiến cho người chết phải đọa tam đồ, chịu vô lượng sự khổ!

* Lúc bệnh nhơn sắp mãn phần, sự trợ niệm là điều rất cần thiết. Bởi khi ấy, người bệnh từ tinh thần đến thể chất đều yếu kém mê mờ, khó bề tự chủ. Đừng nói kẻ bình nhứt chưa tu không giữ nổi câu niệm Phật được

lâu bền; mà người bình nhứt lấy câu niệm Phật làm thường khóa, nếu không nhờ sức trợ niệm cũng khó mong đắc lực. Cách thức trợ niệm phải y theo những điều kiện như ở dưới đây:

1. Thịnh tượng Phật Di Đà tiếp dẫn để trước bình nhơn khiến cho họ trông thấy. Cắm một bình hoa tươi và đốt lò hương nhẹ, khói thơm vừa thoảng để dẫn khởi chánh niệm cho bình nhơn. Nên nhớ khói chỉ nhẹ thôi, đừng để nhiều vì e ngọt ngạt khó thở.

2. Người trợ niệm tùy theo nhiều ít nên luân phiên mà niệm. Ít thì mỗi lần một hoặc hai người, chia thành ba phiên. Nhiều thì mỗi phiên có thể độ sáu hay tám người. Nên nhớ lúc ấy bình nhơn sức yếu rất cần thanh khí, nếu để cho người ta vào đông, hoặc kẻ trợ niệm quá nhiều, tất làm cho người bình ngọt ngạt xao động, có hại hơn là có lợi. Lại, các phiên phải canh theo đồng hồ mà im lặng luân chuyển nhau, để cho câu niệm Phật tiếp tục không gián đoạn, đừng kêu gọi. Mỗi phiên niệm lâu ước độ một giờ.

3. Theo ngài Ấn Quang, nên niệm bốn chữ để cho bình nhơn dễ thân nhận trong khi tinh thần thể chất quá suy yếu. Nhưng ý kiến của Hoàng Nhứt đại sư, thì muốn niệm bốn chữ hay sáu chữ, tốt hơn nên hỏi bình nhơn, để thuận với tập quán ưa thích thuở bình nhứt của người bình, khiến cho họ có thể niệm thâm theo. Nếu trái với tập quán ưa thích, tức là phá hoại chánh niệm của người bình, tất mình cũng có tội. Lại cách trợ

niệm, không nên niệm to tiếng quá, vì mình sẽ tổn hơi khó bền; không nên niệm nhỏ quá, vì e người bệnh tinh thần lơ lạc, khó thấu nhận. Cũng chẳng nên niệm quá mau, bởi làm cho bệnh nhơn đã không nghe nhận được rõ ràng, lại không thể theo kịp; chẳng nên niệm quá chậm, bởi có lỗi tiếng niệm rời rạc khiến người bệnh khó liên tục nhiếp tâm. Đại khái tiếng niệm phải không cao không thấp, chẳng chậm chẳng mau, mỗi chữ mỗi câu đều rành rẽ rõ ràng, khiến cho câu niệm trải qua tai đi sâu vào tâm thức của người bệnh, như thế mới đắc lực. Lại có điều nên chú ý, khi bệnh nhơn tâm thức quá hôn trầm, niệm ở ngoài tất họ nghe không rõ. Trong trường hợp ấy, phải **kề** miệng sát vào tai họ mà niệm, mới có thể khiến cho người bệnh được minh tâm.

4. Về pháp khí để dùng trong khi trợ niệm, thông thường nên đánh khánh. Bởi tiếng mõ âm thanh đục, không bằng tiếng khánh trong trẻo, dễ khiến cho bệnh nhơn tâm thần thanh tỉnh. Nhưng vấn đề đó cũng tùy, vì theo kinh nghiệm riêng, Hoàng Nhứt đại sư đã dạy: "Những kẻ suy yếu thần kinh, rất sợ nghe tiếng khánh và mõ nhỏ. Bởi âm thanh của mấy thứ này chát chúa đình tai, kích thích thần kinh khiến cho người bệnh tâm thần không an. Theo thiện ý, chỉ nên niệm suông là thỏa đáng hơn hết. Hoặc nếu có, thì chỉ nên đánh thứ chuông mõ lớn. Những món này âm thanh hùng tráng, khiến cho người bệnh sanh niệm nghiêm kính, thật hơn đánh khánh và mõ nhỏ nhiều. Thứ mõ âm thanh đục cũng không nên đánh, vì làm cho bệnh nhơn

tâm thần hôn trước. Tuy nhiên, sở thích của mỗi người không đồng, tốt hơn là nên hỏi trước bình nhơn. Nếu có chỗ nào không hợp, phải tùy cơ cải biến, chớ nên cố chấp."

Trên đây là mấy điểm nên lưu ý về cách thức trợ niệm.

Mục C.

Điều Khẩn Yếu Sau Khi Mãn Phần

Tiết 71: Khi Tắt Hơi Cho Đến Lúc Truy Tiến

Người mới tắt hơi, điều thiết yếu là không nên vội di động. Hoặc kẻ chết thân mình dính chất dơ cũng không nên gấp lau rửa, phải đợi qua tám tiếng đồng hồ, hay ít nhất cũng ba giờ, mới được tắm rửa thay đổi y phục. Trước và sau khi chết, người thân không được khóc lóc. Bởi khóc là vô ích mà lại có hại, vì làm cho kẻ mạng chung sanh niệm quyến luyến, không được giải thoát. Chỉ nên gắng sức niệm Phật mới thật có ích cho vong nhơn. Nếu muốn khóc lóc, phải đợi tám giờ sau. Tại sao thế? Vì bình nhơn tuy tắt hơi nhưng thức A Lại Da còn chưa đi. Nếu khi ấy lay động, tắm rửa thay y phục, hoặc kêu khóc, họ vẫn còn cảm giác đau đớn hoặc sanh buồn giận bi thương mà phải sa đọa. Điều này rất quan hệ, rất cần yếu, nên để ý ghi nhớ kỹ.

Thuyết thăm dò hơi nóng để nghiệm xem sanh về đâu, tuy có chứng cứ, song cũng không nên câu chấp.

Nếu bình nhơn bình thời tín nguyện chân thiết, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, có thể chứng nghiệm là vãng sanh. Nhiều người không kỹ, cứ mãi thăm dò, rờ chỗ này chỗ kia, làm động niệm kẻ mạng chung, cũng có hại rất lớn.

Sau khi bình nhơn tắt hơi, người trợ niệm vẫn phải tiếp tục niệm Phật cho đến ba giờ đồng hồ sau, để cho sự vãng sanh được bảo đảm. Trợ niệm xong, liền đóng cửa phòng lại canh chừng cho kỹ, kéo loài mèo chó hoặc kẻ không am hiểu đồ xô vào xúc chạm, đợi mãn tám giờ sẽ tắm rửa thay đổi y phục. Nếu luôn trong tám giờ, có người ở gần bên niệm Phật, là điều rất tốt. Ngoài ra cấm tuyệt không nên làm điều chi khác. Xin nhắc lại trong khoảng thời gian này, người chết vẫn còn cảm giác.

Sau tám giờ nếu tay chân người chết đã cứng không thể chuyển động, nên dùng vải thấm nước nóng đắp bao quanh khớp xương. Làm như thế giây lâu, có thể sửa tay chân co duỗi như thường.

Trong đám tang của người quá cố, thân nhơn nên làm đơn giản, đừng quá rườm rà mà tốn vô ích. Điều cần thiết là phải nên dùng đồ chay, chớ có sát sanh để đãi đằng cúng tế. Bất đắc dĩ cần có chút ít đồ mặn, thì nên mua thịt cá chết, hoặc người ta đã làm sẵn bán ngoài chợ. Nếu sát sanh để cúng tế đãi đằng, tất người mãn phần bị oan đối không được giải thoát. Dù kẻ mạng

chung đã được vãng sanh, phẩm sen cũng vì đó mà bị giảm thấp.

Trong thời gian trước, bút giả cùng chư tăng có đi tụng kinh siêu độ cho bà kế mẫu người bạn là thượng tọa Bảo Huệ ở xã Tân Hội tỉnh Long An. Nơi đám tang, bút giả thấy dùng toàn đồ chay, có khen ngợi và hỏi thăm, thì thượng tọa đáp: "Sự cúng đãi đồ chay thật ra có do tôi khuyến hóa, nhưng phần lớn cũng nhờ động lực bởi một chuyện đã xảy ra ở xóm trên. Nguyên trên ấy có một nhà khá giàu, gia chủ mẫn phần, người con cho giết nhiều bò heo gà vịt để tiếp đãi họ hàng thân thuộc và kẻ quen biết gần xa, suốt cả mấy ngày. Lúc sanh tiền gia chủ là người hiền lành phúc hậu thường ăn chay tụng niệm, lại có giao du rộng. Sau đám tang ấy, vào buổi chiều hồn ông nhập vào đứa cháu nội, mặt đỏ rần, nhảy lên ván ngồi, vỗ bàn, kêu gọi ngay tên đứa con lại, và quát bảo: "Một đời tao tu hành làm phước, không tội lỗi chi nặng, đáng lẽ được sanh đến chỗ giàu sang. Nay bị mày sát sanh quá nhiều để cúng đãi, nên tao bị oan đối không được giải thoát. Hiện thời tao bị quản thúc phạt vạ, phải chặn giữ một bầy bò heo gà vịt, chạy trong bùn lầy gai góc, thật khổ sở vô cùng!" Thuật xong câu chuyện, Thượng Tọa cười bảo: "Chính nhờ việc đó đồn vang ai cũng đều biết, lại mới xảy ra cách đây ít tháng, người nhà đã tin tưởng kinh sợ, nên tôi mới vừa đề nghị là được chấp thuận liền." Việc sát sanh đãi đằng cúng tế trong đám tang, Kinh Địa Tạng cũng đã có nói rõ sự nguy hại, vậy hàng Phật tử nên để tâm ghi nhớ.

Khi làm Phật sự truy **tiến** cho người quá vãng, thân nhơn nên đem công đức ấy hồi hướng khắp chúng sanh trong pháp giới. Như thế, công đức sẽ càng thêm lớn, mà sự phước lợi của vong nhơn cũng nhân đó được tăng thêm nhiều.

Những điểm dự bị về lúc lâm chung trên đây, phần lớn bút giả rút lấy ý kiến của các bậc danh đức như ngài Ấn Quang và Hoằng Nhứt đại sư mà dung hội lại. Bởi buổi lâm chung chính là lúc quan yếu nhất trong cuộc đời người. Nếu trước chưa dự bị tư lương vãng sanh cho đầy đủ, đến chừng ấy khó khỏi kinh hoàng bối rối, kêu cầu không kịp, nghiệp ác trong nhiều kiếp đồng thời hiện ra, làm sao giải thoát?

Cho nên khi lâm chung tuy nhờ người y theo phương pháp mà trợ niệm, nhưng chính mình lúc bình nhật phải cố gắng tu trì chừng ấy mới được tự tại.

Xin các bạn tu tịnh nghiệp sớm lưu tâm dự bị, để đồng được dự phẩm sen nơi hải hội Liên Trì.

Tiết 72: Những Gương Đắc Thất Về Sự Trợ Niệm

1. Sự tích cư sĩ Lưu Cảnh Liệt

Cư sĩ Lưu Cảnh Liệt, người tỉnh Giang Tây ở Trung Hoa, buổi thiếu thời có sang lưu học Nhựt Bản. Sau

khi quang phục, ông từng làm nghị viên ở quốc hội và ty trưởng nhiệm chức phương ty. Anh của cư sĩ là Cảnh Hy, vốn hàng quan thân, từ lâu đã mến chuộng Phật học, nên đối với cửa đạo, cư sĩ cũng khẳng khái hộ trì. Ông đã làm nhiều điều công đức, như việc trùng tu ngôi Thọ Lượng cổ sát, xuất tư sản mua chuộc ruộng hương hỏa cho chùa, lại thỉnh Đại Xuân hòa thượng về trụ trì. Khi Đức Sum pháp sư đề xướng việc đúc pho tượng Quán Âm Đại Sĩ bằng đồng, cao hai mươi tám thước, cư sĩ cũng bỏn tấu góp quyền cho đến khi hoàn thành Phật sự.

Năm Dân Quốc 22, Cảnh Liệt nhân ty nạn chiến tranh đến Tô Châu, quy y với Ấn Quang đại sư, được pháp danh là Đức Thành. Từ đó ông giữ lục trai và chuyên tu tịnh nghiệp. Khi chưa vào đạo, Cảnh Liệt thích đánh cá, lưới chim, tạo nghiệp sát cũng nhiều. Do nhân ác đó về sau cư sĩ mang chứng ghê Đối Khẩu Sang rất nguy kịch, ngày đêm đau nhức rên la. Trong cảnh khổ, ông phát nguyện dứt trừ nghiệp ác, chuyên niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm bỗng nghe mùi hương lạ bay ngào ngạt, bệnh lần lần thuyên giảm.

Đến năm Dân Quốc 25, cư sĩ mới trở lại quê hương. Tuy lòng tin đã phát, nhưng vì việc đời việc đạo bận rộn quá nhiều, nên về phần thật hành, ông chưa được chuyên thuần, mỗi ngày chỉ tùy duyên niệm Phật chút ít mà thôi. Sang năm Dân Quốc 27, do nghiệp sát đời này và đời trước, cư sĩ lại phát sanh bệnh nặng. Lâu ngày triền miên trong cơn bệnh khổ, ông khó kham

nhẫn, liền bảo con là Lưu Phát Trang xuất tiền gọi Đức Sum pháp sư nhờ cúng dường ngài Ấn Quang và làm các việc công đức để cầu mau tiêu tội. Pháp sư viết thơ trả lời khuyên cư sĩ nên trường trai, nhưng dây dưa mãi đến cuối năm ông mới thật hành được.

Qua năm Dân Quốc 28 bệnh thế của cư sĩ càng thêm nặng. Vợ con ông đều là đệ tử quy y của ngài Ấn Quang, đã biết sự khẩn yếu lúc lâm chung, vội thỉnh chư tăng ở chùa Thọ Lượng đến trợ niệm. Ngày mười chín tháng Giêng năm ấy, cư sĩ biết mình sẽ từ trần, bảo người nhà đem ghế đỡ ra trước sân ngồi để thay đổi thanh khí. Sau khi gọi anh em dặn dò hậu sự và bảo con là Phát Trang quì nghe di chúc xong, thần sắc ông bỗng đổi khác. Vợ con thấy thế liền đỡ vào nhà, đem tượng Di Đà tiếp dẫn đến để trước mặt cư sĩ, rồi cùng chư tăng lớn tiếng trợ niệm danh hiệu Phật. Đã vài tháng cư sĩ bị bệnh xụi hết một cánh tay trái, nhưng khi thấy tượng Phật, ông bỗng hoạt động được như thường, hai tay chấp lại, miệng niệm Phật, mặt lộ vẻ hớn hở vui mừng. Lúc đó, dường như ông không còn cảm thấy thống khổ, tùy theo mọi người niệm Phật giây lâu, rồi an lành thoát hóa.

Cư sĩ vãng sanh vào lúc được sáu mươi một tuổi. Mấy tháng ông bị bệnh khổ là do nghiệp sát sanh chuyển thành khinh báo trong hiện tại. Đến khi lâm chung nhờ sức trợ niệm nên hiện ra điềm tốt, có thể gọi là: các căn vui đẹp, chánh niệm phân minh, xả báo an lành, như vào thiên đình. Như thế sự vãng sanh Tây

Phương đã chắc không còn nghi ngờ nữa. Lúc tang tế đãi khách, cả nhà tuân theo lời ngài Ấn Quang, dùng toàn đồ chay, ai nấy đều khen ngợi.

Sự việc cư sĩ được vãng sanh, tuy do căn lành đã thành thực, mà cũng nhờ sức trợ niệm lúc lâm chung. Vậy đối với điểm khẩn yếu rốt sau, chư liên hữu cần để tâm chú ý.

2. Sự tích nữ cư sĩ Đức Hoằng

Nữ cư sĩ Đức Hoằng, là vợ của một người họ Lý ở Dương Châu. Nhân vì chồng có vợ bé mà mình lại không sanh dục, cô khó nổi yên thân nơi nhà, nên đến nương ngụ với kế mẫu là nữ cư sĩ Đinh Đức Nguyên. Bà Đức Nguyên cũng thương cô như con đẻ, đôi bên nương nhau tình thân thiết hai mươi năm như một ngày.

Đức Hoằng cư sĩ trưởng trai tu tịnh nghiệp, hôm sớm rất chuyên cần. Cô và kế mẫu vì nghĩ duyên đời phước bạc, quyến thuộc điều linh, nên nương tựa nhau cùng làm bạn pháp trên đường đạo. Luận về sự tín hướng và công hạnh tu trì lúc bình nhật, thì mỗi mỗi cô đều vượt xa hơn Lưu Cảnh Liệt cư sĩ. Chỉ tiếc vì túc nghiệp cuốn lôi, nhân duyên khiếm khuyết, nên cô hằng gặp cảnh chướng nạn không mấy lúc được yên thân.

Năm Dân Quốc 27, nhân thấy miền Vũ Hán sắp chìm trong cuộc chiến, hai mẹ con liền từ Hương Cảng đến

thị xã Hộ tạm lánh nạn. Bấy giờ vì vật giá lên cao, mượn nhà rất khó, mà ở lâu nơi khách sạn tốn phí nhiều lại càng bất tiện. Duyên may nhờ Diệu Chân hòa thượng xót thương, mở một gian tịnh thất nơi chùa Thái Bình để cho mẹ con cô và ba người Phật tử tản cư nữa cùng ở.

Năm Dân Quốc 28, vào khoảng tháng ba, Đức Hoằng cư sĩ bỗng cảm chứng thương hàn. Dây dưa qua đến tháng Tư, thuốc thang đều vô hiệu. Bệnh thế mỗi ngày càng thêm nặng. Lúc ấy trong chùa Phật sự nhiều, phòng xá lại ít, nếu để chết tại đó thấy có điều bất tiện, nên bất đắc dĩ bà kế mẫu phải đưa cô vào y viện. Chương trình nơi đây đều theo cách thức Tây phương, muốn được tự do trợ niệm trong lúc lâm chung, thật khó toàn vẹn. Đức Hoằng cư sĩ vào y viện được hai ba ngày, người biết Phật pháp không thể tới lui hộ trợ, nên buổi sáng ngày mười tám tháng Tư, cô mãn phần một cách hồ đồ trong y viện. Lúc ấy nữ cư sĩ được năm mươi một tuổi.

Như Đức Hoằng cư sĩ xác thực là người có tín tâm tu trì. Nếu khi lâm chung được sự trợ niệm đúng pháp, tất điềm lành tướng tốt vãng sanh không ở sau Lưu cư sĩ. Cũng bởi cơ duyên trở ngại, nên đời này cô không thọ dụng được công hạnh tu niệm lúc bình thời, chỉ gây nhân đắc độ về sau mà thôi. Việc xảy ra thật đáng tiếc cho cô, song cũng cho ta thấy sự trợ niệm lúc lâm chung quả là trọng yếu.

3. Sự tích cư sĩ Dương Liên Hàng

Cư sĩ Dương Liên Hàng, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở huyện Dư Diêu tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo từ nhỏ theo nghề buôn bán, tánh lịch thiệp quán xuyến hơn người.

Năm Dân Quốc thứ mười một, Liên Hàng được biết người bạn cùng xóm là Đồng Giác Hàng tu tịnh nghiệp, trong lòng ưa thích hằng qua lại để nghe lời chỉ giáo. Sau đó, ông thọ quy giới làm hàng Phật tử tu tại gia. Phần văn học tuy cư sĩ còn yếu kém, song về nghĩa lý kinh Phật, sự giải ngộ lại hơn người. Tháng chín năm Quý Hợi, các bạn ở Liên Xã ước hẹn cùng nhau thệ nguyện phát lòng Bồ Đề, Liên Hàng cũng có dự trong cuộc lễ ấy.

Cuối mùa Xuân năm Giáp Tý, vì đau bệnh, cư sĩ lén phá giới sát sanh, nhân đó lần lần xa cách với các liên hữu. Đến tháng bảy, bệnh ông càng thêm nặng, bạn đồng tu đến thăm, ai cũng bảo rằng tất sẽ chết. Liên Hàng cũng xét biết mình khó sống, tự cảnh giác ăn năn việc đã làm. Đầu tháng tám, ông gượng đau đến trước bàn Phật, hết lòng phát lộ chí thành sám hối, nguyện giữ lại năm giới, thề không tái phạm. Từ đó cư sĩ buông bỏ muôn duyên, dứt trừ ái dục, một lòng thâm niệm hồng danh Phật, chờ đến lúc mạng chung. Các liên hữu biết công phu trì niệm của cư sĩ còn cạn, nên trước khi ông lâm chung sáu ngày, thỉnh người

đến trợ niệm. Mấy hôm rớt sau, những bạn đồng tu cũng tự mình đến niệm Phật giúp duyên.

Cuộc trợ niệm khởi đầu từ ngày mười hai tháng tám. Qua ngày rằm, Liên Hàng bỗng tự cảm thấy thần khí thanh nhẹ tươi tỉnh. Đến ngày mười bảy, cư sĩ bảo trong giấc mơ thấy một vầng ánh sáng như năm sáu ngọn đèn điện chói lòa. Vào chiều tối, xem thần sắc ông cũng như thường, các liên hữu cho là chưa đến giờ, tiếp tục niệm Phật tới sang canh hai, rồi sắp sửa muốn ra về. Các vị ấy không ngờ rằng, lúc đó sự trợ niệm đã đến hồi tinh thuần đặc lực.

Liên Hàng nghe tiếng niệm Phật bỗng ngưng bật, liền nói: "Tôi hãy còn chưa đến Tây Phương, mong nhờ chư liên hữu trợ niệm cho suốt đêm nay." Chúng nghe lời nói có vẻ khác lạ, lại cao tiếng niệm Phật. Không đầy nửa giờ sau, cư sĩ bỗng cười bảo: "Tôi đã đến Tây Phương. Ôi! Ao thất bảo to rộng quá! Kìa! Hoa sen thật là đẹp! Ánh quang minh cũng sáng đẹp vô cùng!" Rồi ông lại dặn đại chúng cao tiếng trợ niệm đừng nghỉ. Từ trước Liên Hàng vẫn lặng lẽ nằm yên. Đến lúc bấy giờ tay và đầu ông đều hoạt động, miệng liên tiếp nói to: "Ôi! Hoa sen thật tươi xinh! Ao báu thật sáng đẹp!" Lúc ấy mặt của cư sĩ tươi cười hớn hờ, trông như người bất chợt có việc vui mừng vượt quá hy vọng. Như thế qua một giờ sau, ông trở lại lặng yên không nói, tay chân cũng không động, chỉ nằm ngửa mắt chăm chú nhìn tượng Phật trước giường. Kế tiếp

đôi tròn lần lần lơ lạc, hơi thở cũng lần yếu mòn. Đến năm giờ sáng ngày mười tám, cư sĩ mới tắt hơi.

Đêm ấy liên hữu chỉ có bốn người, mà vừa thay phiên nhau lớn tiếng trợ niệm suốt đêm, vừa thỉnh thoảng lại xen đôi lời sách tấn. Như thế cứ tiếp tục niệm cho đến sau khi cư sĩ tắt hơi một giờ rưỡi, mới đổi phiên cho những vị khác vừa đến. Sự trợ niệm vẫn tiếp tục cho tới lúc thân thể kẻ mãn phần lạnh hẳn, người nhà đều bị ngăn không được khóc thương. Đến mười giờ trưa, một liên hữu thăm dò thử, thì các nơi khác đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng như nước sôi.

Trong kinh, có bài kệ nói:

Đánh Thánh, mắt sanh trời.
Người tim, ngạ quỷ bụng.
Bàng sanh ra đầu gối.
Địa ngục lòng bàn chân.

Khi người chết các nơi khác đều lạnh, duy đánh đầu nóng sau rớt, là kẻ ấy đã sanh về cõi Thánh, cõi Phật; mắt nóng sau rớt là sanh lên cõi trời; chỗ tim ngực nóng sau rớt là sanh lại cõi người. Còn nếu ở bụng thì kẻ đó sanh về cõi ngạ quỷ, ở đầu gối đầu thai vào loài bàng sanh; ở lòng bàn chân, tất đọa xuống địa ngục. Thân thức thoát ly từ nơi nào, thì chỗ đó nóng sau cùng. Cư sĩ đánh đầu nóng sau rớt, chứng tỏ ông đã vãng sanh về Cực Lạc vậy.

Như Liên Hàng cư sĩ, giới phẩm không tròn, công hạnh tu trì lại còn non kém. Nhưng **ông** được vãng sanh, xét ra toàn nhờ sức trợ niệm của các bạn đồng tu. Xem đây, ta thấy sự trợ niệm rất thiết yếu cho hành giả lúc lâm chung. Bấy giờ nhằm ngày 18 tháng bảy, năm Dân Quốc thứ 13 (1924), cư sĩ được ba mươi tuổi.

Lời Sau Cùng

Người xưa bảo: "Trứ thơ nghi tại **văn** niên." Đây là ý nói: Viết sách nên đợi lúc tuổi già, vì tuổi càng lớn càng đầy đủ hiểu biết kinh nghiệm, quyển sách viết ra giá trị mới có thể được thành toàn. Bút giả chưa phải tuổi già muộn, chỗ kinh nghiệm cùng sự hiểu biết tất còn nhiều thiếu sót, song vì cấp thiết trong sự lợi tha, lại chẳng biết vô thường sẽ đến ngày nào, nên gắng gượng xin đem chút ngu thành hiến dâng hàng thức giả. Đây tuy nói là trứ tác song hầu hết phần lớn đều rút lời trong kinh Phật, ý kiến của chư cổ đức cùng các bậc thiện tri thức mà góp thành. Nên thiết tưởng cũng có thể đem lại lợi ích phần nào cho bạn đọc.

Khi xưa Sở Thạch đại sư có hai câu **thi**:

Nhơn sanh bá tuế thất tuần hy.
Vãng sự hồi quan tận giác phi!

Lời này thốt ra trong lúc Ngài đã thất tuần, ý than: kiếp người tuy nói trăm năm, nhưng sống được bảy mươi tuổi cũng rất ít có, và tuổi đã bảy mươi như Ngài khi quay nhìn việc cũ, thấy mình đều lỗi lầm. Một bậc cao tăng mà còn tự phê kiểm dưỡng ấy, thì hạng người phạm thường sự lầm lỗi biết là bao nhiêu? Cho nên khi bút giả nghĩ mình tội chướng còn đầy đầy, tự độ chưa xong mà mạo muội nói đến chuyện khuyên nhắc người, đôi lúc cũng hổ thẹn bàng hoàng ngập ngừng không muốn viết. Nhưng nghĩ lại danh từ khuyến hóa

thật ra mình chẳng dám đương, nhưng lấy tánh cách người trong biển khổ gắng kêu nhắc đồng bạn cùng vượt qua biển khổ, để mong cho mình nhờ chút ảnh hưởng đó tiêu bớt phần nào tội chướng nên mới không ngần ngại.

Nhớ lại thuở đời nhà Minh bên Trung Hoa, ông La Điện có soạn bài thi "Tĩnh thế" như sau:

Vội vội vàng vàng khổ nhọc cầu,
Mưa mưa nắng nắng trải xuân thu.
Hôm hôm sớm sớm lo sinh kế,
Lãng lãng quên quên thấy bạch đầu.
Thị thị phi phi không kết liễu,
Phiền phiền não não những bi ưu.
Rành rành rõ rõ một đường đạo,
Vạn vạn ngàn ngàn chẳng chịu tu!

Lời văn trên tuy thô sơ, dường như không có đạo lý chi sâu sắc, nhưng đã đem tất cả hành vi và chướng nghiệp trong đời sống của kiếp người mô tả ra rất rõ ràng. Ai có thể tránh khỏi khuôn khổ của bài thi trên đây, và cố gắng tu hành, mới gọi là người đi trên đường giải thoát.

Ông La Điện sở dĩ có lời than trên đây, bởi thấy biển tục dễ chìm, đường tu khó bước. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, đức Phật dạy:

Nhơn sanh có hai mươi việc khó:

- Nghèo khổ, bố thí là khó
- Giàu sang, học đạo là khó
- Xả thân, quyết chết là khó
- Xem được kinh Phật là khó
- Nhịn sắc lìa dục là khó
- Sanh gặp đời Phật là khó
- Thấy tốt không cầu là khó
- Bị nhục chẳng giận là khó
- Có thể không ý là khó
- Gặp việc vô tâm là khó
- Học rộng nghiên tầm nhiều là khó
- Trừ bỏ ngã mạn là khó
- Không khinh kẻ chưa học là khó
- Tâm hành bình đẳng là khó
- Chẳng nói việc thị phi là khó
- Được gặp thiện tri thức là khó
- Thấy tánh học đạo là khó
- Tùy duyên độ người là khó
- Thấy cảnh không động là khó
- Khéo biết dùng phương tiện là khó.

Trong hai mươi điều trên, nơi đây chỉ xin nói lược qua ít chi tiết. Như nghèo khổ bố thí là khó, bởi nghèo khổ dù muốn bố thí, nhưng ngặt vì có lòng mà thiếu sức, nếu gắng gượng bố thí tất ảnh hưởng đến sự sống của mình, nên mới thành khó. Hoặc như giàu sang học đạo khó, bởi giàu sang tuy có sức bố thí, song lại bị cảnh dục lạc lôi cuốn, khó buông bỏ thân tâm để tu hành. Sanh gặp đời Phật là khó, như Luận Trí Độ nói:

Ở thành Xá Vệ gồm chín ức dân mà chỉ có ba ức người được gặp thấy Phật, ba ức người tuy nghe danh tin tưởng nhưng không thấy gặp, và ba ức người hoàn toàn không được nghe biết cũng không được thấy. Đức Phật ở tại xứ này giáo hóa trước sau hai mươi lăm năm, mà còn có ba ức người không thấy gặp nghe biết, thì những kẻ sanh nhằm đời Phật nhưng ở cách xa, hoặc sanh trước hay sau khi Phật ra đời, tất cơ duyên gặp Phật hoặc nghe Phật pháp là điều không phải dễ. Nhưng tuy không gặp Phật mà y theo Phật pháp tu hành, thì cũng như gặp Phật. Nếu không theo lời Phật dạy, dù ở gần Phật, vẫn là cách xa. Như khi xưa Đề Bà Đạt Đa là em họ của Phật, Tỳ Khưu Thiện Tinh làm thị giả cho Phật hai mươi năm, vì không giữ đúng theo đường đạo, nên kết cuộc đều bị đọa địa ngục. Và bà lão ở phía Đông thành Xá Vệ, sanh đồng năm tháng ngày giờ với Phật, nhưng vì vô duyên nên không muốn thấy gặp Phật. Cho nên được thấy Phật nghe pháp, y theo lời dạy phụng hành, phải là người có nhiều căn lành phước đức nhân duyên. Nay Như Lai đã nhập diệt, các bậc thiện tri thức thay thế Phật ra hoằng dương đạo pháp, nếu thân cận nghe theo lời khuyên dạy tu hành, tất cũng được giải thoát. Nhưng kẻ căn lành sơ bạc, gặp thiện tri thức cũng khó. Dù có duyên được thấy mặt nghe pháp, song nếu không hiểu nghĩa lý, hoặc chấp hình thức bên ngoài mà chẳng chịu tin theo, thì cũng đều vô ích. Theo Kinh Phạm Võng và Hoa Nghiêm, muốn tìm cầu thiện tri thức, đừng câu nệ theo hình thức bên ngoài; như chớ chấp kẻ đó trẻ tuổi, nghèo nàn, địa vị thấp, hoặc dòng dõi hạ tiện,

tướng mạo xấu xa, các căn chẳng đủ, mà chỉ cầu người thông hiểu Phật pháp, có thể làm lợi ích cho mình. Lại đối với bậc thiện tri thức chớ nên tìm cầu sự lỗi lầm, bởi vì đó có khi vì mật hạnh tu hành, vì phương tiện hóa độ, hoặc đạo lực tuy cao song tập khí còn chưa dứt, nên mới có hành động như vậy. Nếu chấp nê hình thức, tìm cầu lỗi lầm, tất không được lợi ích trên đường đạo. Khi Phật còn tại thế, ngài Ca Lâu Đà Di có thói quen miệng nhời qua, nhời lại như trâu; Tỳ Khưu Ni Liên Hoa Sắc tánh ưa soi gương trang điểm; một vị Tỳ Khưu thích leo lên cây nhảy chuyền; một vị Tỳ Khưu khác nói với ai, ưa lên giọng xưng mi tao lớn lối. Nhưng sự thật bốn vị này đều đã chứng quả A La Hán cả. Bởi kiếp trước một vị làm thân trâu, một vị là kỹ nữ, một vị làm thân khỉ, một vị là dòng quý tộc Bà La Môn, nhiều đời ở trong hoàn cảnh đó, đến nay tuy đắc quả, song tập quán dư thừa hãy còn. Lại như đức Lục Tổ vì thấy người học Phật thời ấy ưa chấp nói theo kinh văn, không nhận ngay Phật tánh, nên mới thị hiện làm kẻ dốt, không biết chữ. Ngọc Lam thiền sư vì muốn tránh duyên để tu hành, nên mới giả làm người điên cuồng, quần áo lôi thôi, ăn nói không chừng độ. Hư Vân hòa thượng vì thấy người thời mật pháp, phần nhiều thân xuất gia, mà tâm không xuất gia nên tuy đã ngộ đạo mà thường để râu tóc, mật ý chỉ cho "đạo" không phải ở nơi đầu tròn áo vuông. Nhưng đương thời của các vị ấy, cũng có nhiều kẻ chê bai chỉ trích đức Lục Tổ là dốt nát, ngài Ngọc Lam là điên khùng, Hư Vân thượng nhơn là người phạm quy luật Thiền môn. Cho nên nhìn tìm bậc thiện tri thức khó là như

thế. Mấy điều này người học Phật cũng nên hiểu, để bớt sự cố chấp và tránh lỗi khinh báng Tăng, Ni. Còn các việc khó kia, có thể suy ra dễ hiểu.

Tuy nhiên, khó và dễ là pháp đối đãi, trong khó có dễ, trong dễ có khó. Nếu nhận hiểu và quyết tâm thì các việc khó chẳng phải không thể làm được. Như thuở đời Phật Tỳ Bà Thi, có hai vợ chồng ông Kế La Di, nghèo đến nỗi mặc chung một chiếc khố, khi chồng đi làm vợ phải lửa thể đóng cửa ở nhà, vợ thay phiên đi làm thì chồng cũng y như vậy. Nhưng khi nghe chư tăng đi khuyến hóa, bảo bố thí sẽ có phước tránh cảnh nghèo khổ, hai vợ chồng bàn luận nhau đem chiếc khố duy nhất ấy trao qua cửa sổ bố thí, đành cam cùng chịu lửa thể đóng cửa nằm chết trong nhà. Do sự quyết tâm làm lành đó, khiến cho vị quốc vương hay được, đem y phục tiền của giúp đỡ. Từ đó về sau, mỗi đời sanh ra, hai vợ chồng đều có y phục tùy thân, và sau cùng đều chứng đạo quả. Cho nên tuy nghèo khổ, bố thí là khó, nhưng nếu hiểu cái nhân nghèo nàn do bởi không bố thí, rồi quyết tâm cam chịu thiếu kém khổ cực đem của riêng để tu phước, tất việc bố thí cũng có thể làm. Lại như vua Thuận Trị nhà Thanh, lên ngôi hồi sáu tuổi, hai mươi bốn tuổi từ bỏ vương vị, theo Ngọc Lâm quốc sư đầu Phật xuất gia. Làm một vị hoàng đế giàu sang tột bậc, ở lầu rồng, gác phượng ăn hải vị, sơn hào, phi tần có cả hàng ngàn trang tuyệt sắc giai nhơn, quyền lực nắm cả thân dân trong một nước, sự phú quý còn chi hơn? Nhưng nếu nhận rõ sự phước lạc thế gian vô thường như mộng huyễn, cảnh

chân như thường tịch mới thật là vui, thì tuy nói giàu sang học đạo là khó, song đã quyết tâm tất cũng có thể thật hành. Ngoài ra, nghèo khổ quá tu hành vẫn thật khó, nhưng nếu có chí cũng chẳng phải không làm được. Như thuở Phật Thích Ca còn ở đời, có một bà lão rất nghèo khổ, ở mượn cho người từ hồi mười ba tuổi, đến tám mươi tuổi cũng còn vất vả, ban ngày làm việc không ngơi nghỉ, đêm nào cũng phải giã gạo đến canh hai, gà gáy sáng đã thức dậy quây quần bên cối xay bột. Hoàn cảnh cực nhọc không rảnh rỗi như thế, muốn tu hành là một sự vạn nan. Nhưng nhờ tôn giả Ca Chiên Diên khuyến hóa, nên mỗi buổi tối sau khi giã gạo xong, bà tắm rửa thay đổi y phục, ngồi tu niệm đến quá nửa đêm mới đi nghỉ. Nhờ sự quyết tâm cố gắng đó, mà sau khi chết bà được sanh lên làm vị thiên tử ở cung trời Dạ Ma.

Kính thưa quý vị! Thân người khó được, pháp Phật khó nghe. Nay quý vị đã được thân người, và có duyên xem đến quyển này, tức là đã gặp được pháp môn thành Phật mau nhiệm. Dù gặp phải hoàn cảnh khó khăn, xin quý vị nhận rõ duyên đời khổ mộng, quyết chí tu hành, để hoa sen báu bên trời tây được nở thêm những hàng thượng thiện.

Ngày Phật Đản 2515 (DL1971)

*THÍCH THIỀN TÂM
kính phụng*

SƠ LƯỢC VỀ TIỂU SỬ của Cố Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM (Thân thế và đạo nghiệp)

Hòa Thượng pháp danh là Thích Thiền Tâm, pháp hiệu Liên Du, pháp tự Vô Nhất, quý danh Nguyễn Nhựt Thăng, xuất gia vào năm Ất Dậu (1945) với Đại lão Hòa thượng Thích Thành Đạo tại chùa Sắc Tứ Linh Thú (Xoài Hột, Mỹ Tho), thuộc dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ 43.

Hòa Thượng sanh vào năm Ất Sửu (1925) tại xã Bình Xuân, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công (hiện nay là tỉnh Tiền Giang). Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Hương, thân mẫu là cụ bà Giác Ân Trần Thị Dung. Ngài là người con trai thứ ba trong số bốn con trai của gia đình.

I. THỜI GIAN HỌC ĐẠO:

Năm 1945: Xuất gia tại Sắc Tứ Linh Thú Tự

Năm 1948: Thọ Sa di giới

Năm 1950: Thọ “Cụ túc đại giới” tại giới đàn Ấn Quang (Sài gòn)

Năm 1951: Hoàn tất chương trình Trung đẳng Phật học tại Phật học đường Liên Hải và Ấn Quang.

Năm 1954: Hoàn tất chương trình Cao Đẳng Phật học tại Phật học đường Nam Việt với hạng “tối ưu”.

Năm 1955-1964: Nhập thất tịnh tu qua các trụ xứ tại Cái Bè, Vang Quới (Mỹ Tho và Bến Tre).

Năm 1964: Tuân lệnh triệu hồi của giáo hội, ngài trở về Sài Gòn đảm nhận việc thành lập và giữ chức vụ Giám đốc viện “Cao đẳng chuyên biệt Phật học” tại An Dưỡng Địa Phú Lâm (tức là chùa Huệ Nghiêm hiện nay).

– Phụ trách phân khoa Phật học tại Viện Đại học Vạn hạnh. (Giáo sư dạy về Duy thức học).

– Giáo thọ sư tại các ni trường Dược sư, Từ Nghiêm.

Năm 1967: Hòa Thượng về Đại Ninh kiến lập Hương Quang tịnh thất, chuẩn bị ẩn-tu.

Năm 1968: Chánh thức hoàn trả chức vụ lại cho Viện Hoá Đạo, về hẩn tại ấp Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, bế quan tịnh tu.

Năm 1970-1974: Qua sự tha thiết thỉnh cầu của tứ chúng, ngài tạm thời ra thất, kiến lập Hương Nghiêm Tịnh Viện (cho chư tăng) và Phương Liên Tịnh Xứ (cho chư ni). Mở khóa tu học “Tịnh Độ chuyên biệt” tại 2 đạo tràng này trong 3 năm liên tiếp.

Năm 1975-1992: Hòa Thượng hoàn-toàn viễn ly với bên ngoài, bế quan tịnh tu “vô thời hạn.” Ngài dự biết trước ngày giờ vãng sanh hơn 6 tháng.

... Đến 4 giờ sáng ngày 21/11 Âm lịch năm Nhâm Thân (1992), Hòa Thượng cho gọi thị giả và cũng là trưởng tử của Ngài là ni sư Thích Nữ Thanh Nguyệt, triệu tập các môn đồ, pháp quyến vào trong tịnh thất hộ niệm. Đúng 6 giờ 15 phút sáng Ngài lưu lại kệ sau cùng và an nhiên thị tịch ngay trên bản tọa.

Đại sư hưởng thọ tuổi đời 68, tăng lạp 48.

Ngài là một bậc cao tăng đặc đạo và được vãng sanh về cõi Cực Lạc tại nước ta trong thời buổi cận đại này. Ngoài các công nghiệp Tịnh Độ ra, Hòa Thượng còn có lưu lại một hạt “Ngũ sắc Kim Cang nha xỉ Xá lợi”. (Một răng cấm 5 màu còn nguyên vẹn cứng như kim cương, được bảo toàn kỹ lưỡng).

II. ĐẠO NGHIỆP:

Hòa Thượng đã lưu lại cho đời một số kinh sách (đại lược như sau):

A. Phiên dịch :

*Đại bi tâm Đà ra ni kinh
Quán vô lượng thọ kinh
Đại nhật kinh
Hương quê Cực Lạc
Tịnh Độ thập nghi luận
Thiện ác nhân quả báo ứng kinh
Nhân quả luân hồi tạp lục ký
Tam bảo cảm ứng yếu lược lục
Lá thơ Tịnh Độ*

Niệm Phật Ba La Mật Kinh
V.v...

B. Soạn thuật:

Duy thức học cương yếu
Phật học tinh yếu (1,2,3)
Tịnh học tân lương (1,2,3)
Niệm Phật thập yếu
Mấy điều sen thanh (1,2,3,4,5,6,7)
Tây Phương nhật khóa
Tịnh Độ pháp nghi
V.v...

(Riêng quyển “Niệm Phật thập yếu” được xem như là một quyển sách “gối đầu”, hoằng dương Tịnh Độ có giá trị bậc nhất hiện thời).

C. Trứ tác :

Thiền tâm thi tập (gồm hơn ngàn bài thơ đạo đủ các thể loại).

Ẩn tu ngẫu vịnh, bá bát thi (108 bài “Vịnh Ẩn-tu”).

Hòa Thượng là một đại tôn sư hoằng dương cả 2 pháp môn Tịnh Độ cùng Mật Tông lưng lấy nhất của Phật giáo Việt Nam.